



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện (Introduction to Multimedia Communication)**
- Mã học phần: MMC301
- Số tín chỉ: 02
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02, Số giờ: 90, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 60 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Kiều Vân
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ, GVC
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903909699
- Email: vanltk@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về truyền thông đa phương tiện, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, lịch sử phát triển, các mô hình truyền thông, hệ sinh thái truyền thông số và các xu hướng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực truyền thông hiện đại. Học phần giúp người học nhận diện các loại hình sản phẩm truyền thông đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, đồ họa, giao diện số và nội dung trên các nền tảng số.

Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, thảo luận nhóm, phân tích tình huống và tìm hiểu sản phẩm truyền thông thực tế, người học bước đầu hình thành năng lực phân tích vấn đề truyền thông, nhận biết quy trình thiết kế – sản xuất – quản trị sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đồng thời phát triển tư duy sáng tạo, ý thức đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức nhập môn về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, giúp người học hiểu được bản chất, vai trò, đặc trưng và xu hướng phát triển của truyền thông đa phương tiện trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghiệp sáng tạo và truyền thông hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng nhận diện và phân tích các yếu tố cơ bản của hệ sinh thái truyền thông đa phương tiện; bước đầu vận dụng kiến thức nền tảng để đánh giá, diễn giải và đề xuất ý tưởng cho các sản phẩm truyền thông phù hợp với mục tiêu, đối tượng công chúng và nền tảng truyền thông cụ thể.

Học phần đồng thời hướng đến việc phát triển ở người học tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học có hướng dẫn, ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông đa phương tiện; tạo nền tảng cho việc học tập các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và các dự án thực hành ở các học kỳ tiếp theo.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Xác định được các khái niệm cơ bản, thành phần và loại hình sản phẩm trong truyền thông đa phương tiện	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Giải thích được vai trò, đặc trưng và xu hướng phát triển của truyền thông đa phương tiện trong môi trường truyền thông hiện đại	Mức 2 (Hiểu)
CLO3	Phân tích bước đầu các yếu tố cơ bản của một sản phẩm truyền thông đa phương tiện dựa trên mục tiêu truyền thông, đối tượng công chúng và nền tảng triển khai	Mức 4 (Phân tích)
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, ý thức học tập suốt đời, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động học tập, thảo luận và tìm hiểu sản phẩm truyền thông đa phương tiện	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về báo chí - truyền thông và truyền thông đa phương tiện
1.1.	Khái niệm, đối tượng, chức năng của truyền thông
1.2.	Sự hình thành và phát triển của truyền thông hiện đại trên thế giới và ở Việt Nam
1.3.	Khái niệm truyền thông đa phương tiện và hệ sinh thái truyền thông số
1.4	Vai trò của truyền thông đa phương tiện trong tổ chức và xã hội
Chương 2	Các loại hình truyền thông hiện đại
2.1.	Báo in, phát thanh, truyền hình: đặc trưng và ngôn ngữ thể hiện
2.2.	Internet, mạng xã hội, podcast, nền tảng số và thiết bị di động
2.3.	So sánh ưu thế, hạn chế và xu hướng hội tụ giữa các loại hình
Chương 3	Nội dung đa phương tiện và công nghệ truyền thông số
3.1.	Văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, đồ họa và tương tác và Nguyên tắc tích hợp các thành tố nội dung đa phương tiện
3.2.	Công nghệ số, nền tảng quản trị nội dung và công cụ hỗ trợ sáng tạo cơ bản
Chương 4	Quy trình sản xuất và tổ chức sản phẩm truyền thông đa phương tiện cơ bản
4.1.	Từ ý tưởng, thông điệp đến phác thảo nội dung

Chương	Nội dung
4.2.	Tìm kiếm, chọn lọc, kiểm chứng thông tin và tư liệu
4.3.	Phối hợp nhóm trong sản xuất nội dung và trình bày sản phẩm
4.4	Phân tích tình huống/case study truyền thông của tổ chức
4.5.	Các tiến trình sản xuất sản phẩm truyền thông
Chương 5	Đạo đức, pháp luật và xu hướng nghề nghiệp trong truyền thông đa phương tiện
5.1.	Đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bản quyền và quyền riêng tư
5.2.	Một số quy định pháp luật cơ bản liên quan đến hoạt động truyền thông
5.3.	Năng lực nghề nghiệp, học tập suốt đời và xu hướng phát triển ngành nghề

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân/nhóm và câu hỏi chuẩn bị trước
	- Người học nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu trả lời cho các câu hỏi định hướng theo từng chương
	- Thực hiện bài tập ngắn: nhận diện loại hình truyền thông, phân tích đặc điểm cơ bản của sản phẩm truyền thông đa phương tiện
	- Tham gia thảo luận, biện luận và phản hồi ý kiến trong lớp
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề
	- Người học lựa chọn/chia nhóm theo chủ đề truyền thông (mạng xã hội, video, quảng cáo, báo chí số, v.v.)
	- Chuẩn bị nội dung thuyết trình: mục tiêu truyền thông, đối tượng công chúng, nền tảng triển khai, đặc điểm sản phẩm
	- Các nhóm trình bày kết quả tại lớp (thuyết trình + minh họa sản phẩm)
	- Thực hiện phản biện, đặt câu hỏi và nhận xét chéo giữa các nhóm
6.2.3	Phân tích tình huống (case study)

TT	Nội dung
	- Phân tích một sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể (video, chiến dịch mạng xã hội, website, v.v.)
	- Xác định thông điệp, đối tượng công chúng, nền tảng và hiệu quả truyền thông
	- Trình bày kết quả phân tích dưới dạng báo cáo ngắn hoặc trình bày tại lớp
6.2.4	Hoạt động trải nghiệm và định hướng nghề nghiệp
	- Tìm hiểu vai trò các vị trí công việc trong lĩnh vực TTĐPT
	- Thảo luận về yêu cầu kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và xu hướng ngành
	- Viết phản hồi cá nhân (reflection) về định hướng học tập và nghề nghiệp

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ tự học	Tổng
1	Tổng quan về báo chí – truyền thông và TTĐPT	4	1	0	10	15
2	Các loại hình truyền thông hiện đại	4	1	0	10	15
3	Nội dung đa phương tiện và công nghệ số	4	1	0	10	15
4	Quy trình sản xuất sản phẩm TTĐPT	5	3	0	15	23
5	Đạo đức, pháp luật và định hướng nghề nghiệp	3	4	0	15	22
Tổng		20	10	0	60	90

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Vai trò của truyền thông trong đời sống hiện đại (Phân tích vai trò của truyền thông trong xã hội, doanh nghiệp, cá nhân)
2. So sánh các loại hình truyền thông (Báo in – truyền hình – mạng xã hội: ưu/nhược điểm, đối tượng công chúng)
3. Ảnh hưởng của mạng xã hội đến hành vi người dùng (Tác động tích cực/tiêu cực, xu hướng tiêu thụ nội dung số)
4. Các yếu tố cấu thành sản phẩm TTĐPT (Văn bản, hình ảnh, âm thanh, video – vai trò từng yếu tố)
5. Quy trình sản xuất nội dung truyền thông (Thảo luận các bước và vai trò trong ekip)
6. Đạo đức và trách nhiệm trong truyền thông (Fake news, bản quyền, trách nhiệm xã hội)
7. Phân tích một sản phẩm truyền thông đa phương tiện (Xác định mục tiêu, đối tượng, nền tảng, thông điệp)
8. So sánh chiến lược truyền thông trên các nền tảng số (Facebook, TikTok, YouTube...)
9. Giới thiệu một xu hướng truyền thông hiện đại (AI, short video, influencer marketing. .)
10. Phân tích một case study truyền thông của doanh nghiệp (Thành công/thất bại và bài học)
11. Định hướng nghề nghiệp trong TTDPT (Vai trò nghề, kỹ năng cần thiết, kế hoạch cá nhân)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tổng quan về báo chí – truyền thông và TTDPT	X			
Chương 2: Các loại hình truyền thông hiện đại	X	X		
Chương 3: Nội dung đa phương tiện và công nghệ truyền thông số		X	X	
Chương 4: Quy trình sản xuất và phân tích sản phẩm TTDPT			X	X
Chương 5: Đạo đức, pháp luật và định hướng nghề nghiệp		X		X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết giảng

- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp (Lecture, Explicit Teaching)	X	X		
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)		X	X	
Thảo luận sáng tạo (Creative Discussion)		X	X	X
Phân tích tình huống (Case Study)		X	X	
Phản biện sản phẩm (Critique-based Learning)			X	X
Học theo nhóm (Collaborative Learning)			X	X
Thuyết trình và phản biện (Presentation & Peer Review)			X	X
Tự học có hướng dẫn (Guided Self-learning)	X	X		X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học; đọc trước tài liệu, ôn tập nội dung bài học và chuẩn bị câu hỏi/thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia đầy đủ các giờ học, giờ thảo luận, hoạt động nhóm và thuyết trình; sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần.
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu, ví dụ thực tiễn, sản phẩm truyền thông đa phương tiện do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nhiệm vụ thảo luận, thuyết trình – phản biện nhóm và các hoạt động học tập trên lớp.
- Tích cực tham gia phân tích, nhận xét các sản phẩm truyền thông đa phương tiện cơ bản và liên hệ với thực tiễn truyền thông số.
- Hoàn thành tiểu luận kết thúc học phần theo đúng yêu cầu về nội dung, hình thức, tiến độ và chuẩn mực học thuật
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần hợp tác, ý thức tự học, trách nhiệm cá nhân và tác phong phù hợp với lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

12.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần & Tinh thần tham gia xây dựng bài trên lớp (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm.

- Điểm chuyên cần, trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi, chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

Tiêu chí đánh giá	Mức F 0-3.9	Mức D 4.0-5.4	Mức C 5.5-6.9	Mức B 7.0-8.4	Mức A 8.5-10	Trọng số
Nội dung chủ đề và mức độ hiểu vấn đề CLO2	Nội dung không đúng chủ đề, thiếu ý chính,	Nội dung còn sơ sài, thiếu	Nội dung cơ bản phù hợp, nêu được một số	Nội dung rõ, đúng trọng tâm, có ví dụ phù	Nội dung đầy đủ, logic, có ví dụ thực tiễn rõ ràng, thể	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5– 10	Trọng số
	không thể hiện hiệu biết về truyền thông đa phương tiện.	trọng tâm, trình bày được rất ít khái niệm hoặc ví dụ liên quan.	khái niệm, đặc điểm hoặc ví dụ về truyền thông đa phương tiện.	hợp, thể hiện hiệu biết khá về chủ đề được giao.	hiện khả năng biểu và liên hệ tốt với lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.	
Khả năng phân tích/liên hệ thực tiễn truyền thông đa phương tiện CLO2, CLO3	Không phân tích hoặc liên hệ thực tiễn; nhận xét rời rạc, thiếu căn cứ.	Có liên hệ nhưng còn chung chung, thiếu ví dụ hoặc minh chứng phù hợp.	Có phân tích ở mức cơ bản, liên hệ được với một số hiện tượng/sản phẩm truyền thông quen thuộc.	Phân tích khá rõ, biết liên hệ với sản phẩm, nền tảng hoặc tình huống truyền thông cụ thể.	Phân tích thuyết phục, liên hệ thực tiễn tốt, có nhận xét phù hợp về xu hướng, vai trò hoặc đặc điểm của sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	25%
Kỹ năng trình bày và sử dụng phương tiện hỗ trợ CLO3	Trình bày rời rạc, thiếu chuẩn bị; slide/sản phẩm minh họa không phù hợp hoặc không có.	Trình bày còn phụ thuộc nhiều vào văn bản, phương tiện hỗ trợ còn sơ sài, thiếu tính trực quan.	Trình bày được nội dung chính; slide/hình ảnh/video minh họa ở mức cơ bản.	Trình bày rõ, có bố cục, sử dụng phương tiện hỗ trợ khá phù hợp.	Trình bày mạch lạc, tự tìn, sử dụng slide/hình ảnh/video minh họa hiệu quả, phù hợp đặc thù học phần.	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5– 10	Trọng số
Phân biệt, trả lời câu hỏi và tương tác CLO3	Không trả lời được câu hỏi hoặc không tham gia phân biệt.	Trả lời còn lúng túng, thiếu trọng tâm, tương tác hạn chế.	Trả lời được một số câu hỏi đơn giản, có tham gia trao đổi ở mức cơ bản.	Trả lời khá rõ, biết bảo vệ ý kiến và phản hồi phù hợp	Trả lời thuyết phục, phân biệt có căn cứ, tương tác tốt với giảng viên và lớp học.	15%
Làm việc nhóm, thái độ và trách nhiệm CLO4	Không phối hợp nhóm, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.	Phối hợp nhóm yếu, tham gia chưa đều, còn phụ thuộc vào thành viên khác.	Có tham gia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ ở mức cơ bản	Phối hợp khá tốt, có trách nhiệm với phần việc được giao.	Phối hợp hiệu quả, phân công hợp lý, thể hiện tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và chuyên nghiệp.	10%
Tổng						100%

12.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Bao	CLO2, CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 6	Tiểu luận (12.3 c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề/chủ đề truyền thông đa phương	CLO2: điểm các tiêu chí liên quan đến mức độ hiểu, trình bày và giải thích khái

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
cáo tiêu luận)						tiện được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến truyền thông đa phương tiện. 3. Phân tích đặc điểm, vai trò, nền tảng/kênh truyền thông hoặc sản phẩm truyền thông đa phương tiện 4. Nhận xét, đánh giá mức độ phù hợp/hiệu quả của sản phẩm hoặc hiện tượng truyền thông. 5. Đề xuất định hướng cải thiện hoặc ý tưởng ứng dụng trong bối cảnh thực tiễn. 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	niệm, đặc điểm, vai trò của truyền thông đa phương tiện. CLO3: điểm các tiêu chí liên quan đến năng lực phân tích, nhận xét, đánh giá sản phẩm/hiện tượng truyền thông và đề xuất ý tưởng ứng dụng. → <i>Rubric chấm Tiểu luận</i> (12.3c)
Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 3-5	Thuyết trình – phân biện nhóm (12.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: 1. Giới thiệu chủ đề/đối tượng truyền thông đa	CLO2: điểm phần trình bày kiến thức nền tảng, khả năng giải thích khái niệm và đặc

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						phương tiện được lựa chọn. 2 Trình bày khái niệm, đặc điểm hoặc nền tảng truyền thông có liên quan. 3. Phân tích ví dụ/sản phẩm/chiến dịch truyền thông cụ thể. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và tính phù hợp với đối tượng công chúng. 5. Trả lời câu hỏi phân biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	điểm của truyền thông đa phương tiện. CLO3: điểm phân phân tích ví dụ thực tiễn, lập luận, phân biện và bảo vệ quan điểm → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phân biện (12.3b)</i>
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-6	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp.	CLO4: điểm chuyên cần, điểm tham gia hoạt động học tập, điểm tinh thần hợp tác nhóm, thái độ học tập và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn.

Dánh gia người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

12.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luân, chuẩn bị bài	CLO4	Apply	Bảng kiểm chuyên cần, quan sát lớp	Sổ điểm danh, ghi nhận GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích sản phẩm/trường hợp TTĐPT	CLO2, CLO3, CLO4	Understand – Apply	Rubric thuyết trình & phân biện	Slide, video, phiếu đánh giá
Tiểu luận (60%)	Phân tích sản phẩm truyền thông đa phương tiện	CLO2, CLO3, CLO4	Understand – Apply	Rubric tiểu luận	Bài viết, file nộp LMS

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Nhận diện kiến thức TTĐPT	Không nhận diện được khái niệm cơ bản	Nhận diện một phần	Nhận diện đúng phần lớn	Nhận diện đầy đủ, chính xác
CLO2: Giải thích nội dung TTĐPT	Hiểu sai, trình bày rời rạc	Hiểu cơ bản	Hiểu khá, trình bày rõ	Hiểu rõ, giải thích logic
CLO3: Phân tích sản phẩm TTĐPT	Không phân tích được	Phân tích đơn giản	Phân tích hợp lý	Phân tích rõ, có dẫn chứng
CLO4: Thái độ & hợp tác	Không tham gia	Tham gia hạn chế	Tham gia khá	Tích cực, hợp tác tốt

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy, phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lung túng; lập luận chưa thực chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp "cơ chế" nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phân biên	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Hiểu và xác định vấn đề	20%	CLO2 (Mức 2)	Xác định rõ ràng, chính xác nội dung, mục tiêu truyền thông; hiểu đầy đủ bối cảnh	Xác định đúng nội dung chính, còn thiếu một số chi tiết	Xác định được nhưng còn mơ hồ, chưa rõ trọng tâm	Xác định sai hoặc không rõ vấn đề
2	Năng lực phân tích	30%	CLO3 (Mức 3)	Phân tích logic, có chiều sâu; lập luận	Phân tích tương đối rõ, có lập	Phân tích còn đơn	Không phân tích hoặc lập

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				rõ ràng, có dẫn chứng phù hợp	luận nhưng chưa sâu	giản, thiếu liên kết	luận rời rạc
3	Liên hệ thực tiễn	20%	CLO3 (Mức 3)	Ví dụ phù hợp, cập nhật, gắn chặt với nội dung phân tích	Có ví dụ minh họa nhưng chưa thật sự rõ	Ví dụ đơn giản, chưa thuyết phục	Không có hoặc không phù hợp
4	Kỹ năng trình bày học thuật	15%	CLO2 (Mức 2)	Bố cục rõ ràng, logic; ngôn ngữ chuẩn mực, trình bày chuyên nghiệp	Bố cục hợp lý, còn lỗi nhỏ	Trình bày còn thiếu logic, nhiều lỗi	Trình bày kém, khó theo dõi
5	Ý thức học thuật và tự học	15%	CLO4 (Mức 3)	Trích dẫn đầy đủ, đúng quy chuẩn; thể hiện sự chủ động và đầu tư	Có trích dẫn, tương đối đầy đủ	Trích dẫn chưa đầy đủ, còn sai sót	Thiếu trích dẫn hoặc sao chép

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

~ Đỗ Thị Thu Hằng (2022), *Giáo trình Nhập môn truyền thông đa phương tiện*, NXB Thông tin & Truyền thông

- Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên), Đỗ Thị Thu Hằng (2018), *Truyền thông: Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông

13.2. Tài liệu tham khảo

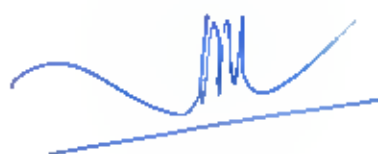
- Flew, T., & Smith, R. (2021). *New Media: An Introduction* (4th ed.). Oxford University Press.

- Siapera, E. (2022). *Understanding New Media*. Sage Publications

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

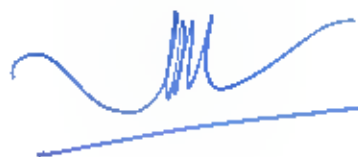
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu, thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Trương Đại học Văn Hiến



Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm
1	Hiểu và xác định vấn đề	20%	CLO2 (Mức 2)	Xác định rõ ràng, chính xác nội dung, mục tiêu truyền thông; hiểu đầy đủ bối cảnh	Xác định đúng nội dung chính, còn thiếu một số chi tiết	Xác định được nhưng còn mơ hồ, chưa rõ trọng tâm	Xác định sai hoặc không rõ vấn đề	
2	Năng lực phân tích	30%	CLO3 (Mức 3)	Phân tích logic, có chiều sâu; lập luận rõ ràng, có dẫn chứng phù hợp	Phân tích tương đối rõ, có lập luận nhưng chưa sâu	Phân tích còn đơn giản, thiếu liên kết	Không phân tích hoặc lập luận rời rạc	
3	Liên hệ thực tiễn	20%	CLO3 (Mức 3)	Ví dụ phù hợp, cập nhật, gắn chặt với nội dung phân tích	Có ví dụ minh họa nhưng chưa thật sự rõ	Ví dụ đơn giản, chưa thuyết phục	Không có hoặc không phù hợp	
4	Kỹ năng trình bày học thuật	15%	CLO2 (Mức 2)	Bố cục rõ ràng, logic; ngôn ngữ chuẩn mực, trình bày chuyên nghiệp	Bố cục hợp lý, còn lỗi nhỏ	Trình bày còn thiếu logic, nhiều lỗi	Trình bày kém, khó theo dõi	
	Ý thức học thuật và tự học	15%	CLO4 (Mức 3)	Trích dẫn đầy đủ, đáng quy chuẩn; thể	Có trích dẫn, tương đối đầy đủ	Trích dẫn chưa đầy đủ, còn sai sót	Thiếu trích dẫn hoặc sao chép	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (85-100-%) hiện sự chủ động và đầu tư	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Trải nghiệm ngành, nghề
- Mã học phần: MMC302
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC301
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Số tín chỉ: 1 ; Số giờ: 50 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy 50 Giờ
 - + Giờ giảng: 5 giờ
 - + Thực tế : 10 giờ
 - + Phân tích viết báo cáo : 35 giờ
 - + Tự học : 50 giờ

2. Thông tin về giảng viên giảng dạy môn học

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy

- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: ThuyNTH@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 0918058901

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về ngành Truyền thông đa phương tiện. Giúp cho người học bước đầu thực hiện nguyên lý giáo dục gắn lý thuyết với thực hành, lý luận và thực tế trong quá trình đào tạo; sinh viên bước đầu quan sát và tìm hiểu hoạt động công việc tại các cơ sở theo những định hướng chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện. Ngoài ra, học phần còn mở rộng phạm vi tìm hiểu để sinh viên có định hướng nghề nghiệp đúng đắn hơn và thực hiện lựa chọn các học phần chuyên ngành phù hợp hơn.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành Truyền thông đa phương tiện, đặc điểm tổ chức và môi trường hoạt động của các doanh nghiệp, đơn vị truyền thông; tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp thông qua khảo sát thực địa, tham quan doanh nghiệp, giao lưu với chuyên gia và nhà tuyển dụng. Qua đó, sinh viên phát triển kỹ năng quan sát, giao tiếp, làm việc nhóm, tương tác trong môi trường nghề nghiệp; bước đầu nhận diện yêu cầu nghề nghiệp, định hướng chuyên ngành phù hợp với năng lực cá nhân và nhu cầu thị trường lao động. Học phần đồng thời hình thành tinh thần chủ động, tác phong chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong học tập, trải nghiệm nghề nghiệp, giúp sinh viên nâng cao nhận thức về định hướng nghề nghiệp cá nhân và lựa chọn học phần chuyên ngành phù hợp với mục tiêu phát triển bản thân trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Trình bày tổng quan về mô hình tổ chức, quy trình vận hành và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp truyền thông.	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Vận dụng vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận chuyên môn, phòng ban và đơn vị chức năng liên quan.	Mức 3 (Vận dụng)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Áp dụng việc tìm hiểu và báo cáo trải nghiệm về hoạt động truyền thông đa phương tiện tại một tổ chức cụ thể.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO4	Thực hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý và tinh thần hợp tác trong hoạt động truyền thông đa phương tiện.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3							X	
CLO4								X

6. Cấu trúc môn học

Nội dung (Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)	Hình thức tổ chức giảng dạy môn học						SV tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn
	Giờ lên lớp						
	Hướng dẫn trải nghiệm	Bài tập	Thảo luận	Trải nghiệm ở cơ sở	Viết báo cáo	Tổng số giờ thực tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. Tổng quan về công ty truyền thông tham quan trải nghiệm	1	-	2	-	10	13	20
1.1. Lịch sử hình thành							
1.2. Cơ cấu tổ chức.							

Nội dung <i>(Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)</i>	Hình thức tổ chức giảng dạy môn học						
	Giờ lên lớp						SV tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn
	<i>Hướng dẫn trải nghiệm</i>	<i>Bài tập</i>	<i>Thảo luận</i>	<i>Trải nghiệm ở cơ sở</i>	<i>Viết báo cáo</i>	<i>Tổng số giờ thực tế</i>	
Chương 2. Trải nghiệm tại các bộ phận dịch vụ, phòng ban và các đơn vị chức năng.	3	-	4	5	10	22	20
2.1. Trải nghiệm hoạt động chụp, quay							
2.2. Trải nghiệm hoạt động edit hình ảnh, dựng phim, hậu kỳ							
2.3. Trải nghiệm hoạt động lên ý tưởng truyền thông							
2.4. Trải nghiệm hoạt động quản trị dự án truyền thông							
2.5. Trải nghiệm bộ phận nhân sự, điều phối							
2.6. Trải nghiệm các bộ phận cung ứng thiết bị, bối cảnh							
Chương 3: Giao lưu với CB-CNV							

Nội dung <i>(Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)</i>	Hình thức tổ chức giảng dạy môn học						
	Giờ lên lớp						SV tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn
	<i>Hướng dẫn trải nghiệm</i>	<i>Bài tập</i>	<i>Thảo luận</i>	<i>Trải nghiệm ở cơ sở</i>	<i>Viết báo cáo</i>	<i>Tổng số giờ thực tế</i>	
3.1. Giao lưu kinh nghiệm lên ý tưởng sản xuất chương trình đa phương tiện	1	-	4	5	5	15	10
3.2. Giao lưu kinh nghiệm tiến hành sản xuất chương trình đa phương tiện				1			
3.3. Giao lưu kinh nghiệm quản trị dự án truyền thông đa phương tiện				2			
3.4 Kiểm tra, đánh giá quá trình & Báo cáo môn học				2			
TỔNG CỘNG		-					
Chương 1. Tổng quan về công ty truyền thông tham quan trải nghiệm	5	0	10	10	25	50	50

8. Phương pháp dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình, chia sẻ về công ty, doanh nghiệp, tổ chức
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu giới thiệu về công ty, doanh nghiệp, tổ chức
- Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi giao lưu.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 10% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân.
- Tham gia thực hành đầy đủ

10. Yêu cầu đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Sinh viên tham gia học phần Trải nghiệm ngành nghề Truyền thông đa phương tiện cần tuân thủ nghiêm túc các quy định về học thuật, kỷ luật doanh nghiệp và tác phong chuyên nghiệp nhằm đạt được kết quả học tập tốt nhất

Chuyên cần và tham gia: Sinh viên phải đảm bảo tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn tại trường và các chuyến tham quan trực tiếp tại doanh nghiệp. Vì đây là môn học trải nghiệm thực địa, việc vắng mặt tại buổi tham quan doanh nghiệp sẽ không có điểm đánh giá kết thúc môn.

Tác phong và kỷ luật: Khi đến doanh nghiệp, sinh viên phải mặc trang phục lịch sự (đồng phục trường hoặc sơ mi), đeo thẻ sinh viên. Phải tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn bảo mật, phòng cháy chữa cháy và không được tự ý chụp ảnh tại các khu vực cấm (như phòng Server, khu vực dữ liệu bảo mật).

Chuẩn bị bài học: Sinh viên cần tìm hiểu trước thông tin về doanh nghiệp (lĩnh vực hoạt động, sản phẩm chính) và chuẩn bị sẵn các câu hỏi phỏng vấn chuyên gia. Giảng

viên yêu cầu sinh viên phải có sổ tay ghi chép để thu thập dữ liệu về hạ tầng mạng và quy trình sản xuất trong quá trình tham quan.

Hoàn thành bài tập và báo cáo: Sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo thu hoạch (Tiểu luận) đúng thời hạn. Bài viết phải thể hiện được sự quan sát thực tế, phân tích được lộ trình sự nghiệp và các bài học kinh nghiệm rút ra từ chuyến đi.

Thái độ và đạo đức học thuật: Sinh viên cần thể hiện thái độ cầu tiến, tôn trọng các chuyên gia và giảng viên hướng dẫn. Tuyệt đối không sao chép báo cáo của sinh viên khác hoặc sử dụng hình ảnh giả mạo. Mọi hành vi thiếu văn hóa tại doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến uy tín nhà trường sẽ bị xử lý kỷ luật nghiêm khắc.

Kỹ năng tương tác: Khuyến khích sinh viên tích cực đặt câu hỏi cho bộ phận nhân sự và kỹ thuật để làm rõ các yêu cầu về kỹ năng mềm, kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cần thiết cho vị trí việc làm tương lai.

Việc tuân thủ các yêu cầu trên không chỉ giúp sinh viên hoàn thành học phần mà còn là bước tập dượt quan trọng để hình thành tác phong chuyên nghiệp trước khi chính thức bước chân vào thị trường lao động của ngành Truyền thông đa phương tiện.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Tham gia thực hành (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Báo cáo	60%

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần, trọng số 10%
- Điểm tham gia đầy đủ thực tập: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên bảng điểm danh, đánh giá hoạt động tham gia.

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5- 6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%- 70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trợ ng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo cuối kỳ	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Báo cáo – Rubric đánh giá báo cáo (11.3.c)	Sinh viên thực hiện báo cáo trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp/tổ chức TTĐPT; trình bày cơ cấu tổ chức, chức năng các bộ phận và phân tích hoạt động truyền thông thực tế.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Suốt học phần	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-3	Bài tập tình huống , thảo luận; thuyết trình –	Đánh giá khả năng quan sát, tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, phân tích vai trò các bộ phận và	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	doanh nghiệp truyền thông				
Báo cáo cuối kỳ (60%)	Báo cáo trải nghiệm nghề nghiệp; phân tích hoạt động TTĐPT tại doanh nghiệp; đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng các bộ phận và bài học nghề nghiệp rút ra từ trải nghiệm thực tế	CLO2, CLO3,	Level 3 Apply	Rubric tiểu luận cuối kỳ	Bài tiểu luận;

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Trình bày hoạt động truyền thông và cấu trúc các bộ phận chức năng trong tổ chức.	Không trình bày được hoặc trình bày sai các hoạt động cơ bản của ngành TTĐPT và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.	Trình bày được một phần hoạt động TTĐPT và các bộ phận chức năng nhưng nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng.	Trình bày khá đầy đủ các hoạt động TTĐPT, mô tả được chức năng của các bộ phận trong tổ chức tương đối logic.	Trình bày đầy đủ, chính xác và có khả năng liên hệ thực tiễn về hoạt động TTĐPT, cơ cấu tổ chức và chức năng các bộ phận trong doanh nghiệp truyền thông

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO2: Vận dụng phân tích vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận trong hoạt động truyền thông.	Không phân tích được vai trò và mối quan hệ giữa các bộ phận trong hoạt động TTĐPT	Phân tích được một số vai trò và chức năng cơ bản nhưng còn hạn chế trong liên hệ thực tiễn.	Phân tích khá đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động TTĐPT.	Phân tích logic, có khả năng đánh giá và vận dụng hiệu quả mối quan hệ giữa các bộ phận trong hoạt động TTĐPT thực tiễn tại doanh nghiệp.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 3	Diễn đạt trôi chảy, có điểm nhấn; phối hợp hiệu quả lời nói, ánh mắt, cử chỉ và phương tiện trình chiếu; xử lý mạch tư duy linh hoạt khi	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; sử dụng ngôn ngữ cơ thể tương đối phù hợp, thao tác tư	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide/tài liệu; diễn đạt chưa thật liền mạch; thao tác tư	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói, mạch tư duy rời

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				trình bày nội dung/công cụ truyền thông TTĐPT.	duy logic, truyền tải được trọng tâm vấn đề TTĐPT.	duy và ví dụ TTĐPT còn đơn giản.	rạc hoặc trình bày sai lệch nội dung TTĐPT.
2	Năng lực phản biên trực tiếp	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 3	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; trả lời đúng trọng tâm, biện l luận sắc sảo, có căn cứ; sử dụng ví dụ TTĐPT phù hợp và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục; có thể điều chỉnh câu trả lời khi được hỏi sâu hoặc phản biện thêm.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng, lập luận chưa chặt chẽ; ví dụ minh họa chưa thật phù hợp với bối cảnh TTĐPT.	Không phản biện được, né tránh câu hỏi hoặc trả lời sai lệch, không bảo vệ được quan điểm khi bị chất vấn trực tiếp.
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 3	Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; phân vai rõ ràng; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày và phản biện; tương tác tích cực với giảng viên và người học.	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt trong phản trình bày và trả lời câu hỏi.	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế trong tương tác và phản biên.	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm trong trình bày và phản biện

e) Rubric đánh giá báo cáo:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Xác định đề tài và mục tiêu học tập/nghiên cứu	20%	CLO2	Xác định rõ đề tài, mục tiêu phù hợp và có ý nghĩa	Xác định đúng đề tài nhưng mục tiêu chưa thật rõ	Đề tài còn chung chung	Đề tài còn chung chung
2	Tìm kiếm và sử dụng tài liệu tham khảo	20%	CLO2	Tìm được tài liệu phù hợp, biết trích dẫn cơ bản	Có tài liệu tham khảo nhưng chưa đa dạng	Tài liệu còn ít hoặc chưa phù hợp	Tài liệu còn ít hoặc chưa phù hợp
3	Xây dựng nội dung đề cương nghiên cứu	30%	CLO2, CLO3	Đề cương đầy đủ, trình bày logic, có tính khả thi	Đề cương tương đối đầy đủ	Đề cương còn sơ sài	Đề cương còn sơ sài
4	Kỹ năng trình bày học thuật	15%	CLO2	Trình bày rõ ràng, đúng quy định, ít lỗi	Trình bày tương đối tốt	Còn nhiều lỗi trình bày	Còn nhiều lỗi trình bày
5	Tinh thần học tập và trách nhiệm	15%	CLO4	Chủ động, nộp bài đúng hạn, có đầu tư	Tham gia khá đầy đủ	Tham gia còn hạn chế	Tham gia còn hạn chế

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ “Hiệu”.
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu học phần

12.1. Tài liệu chính

- Bài giảng của giảng viên phụ trách học phần.
- Tài liệu bài giảng PowerPoint của giảng viên biên soạn.

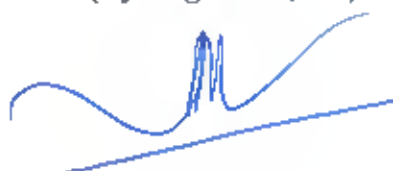
12.2. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2018), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.
2. PGS.TS. Dương Xuân Sơn, (2016), *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB Thông tin và Truyền thông
3. PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang, (2016), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông (Foundations of Journalism and Communication)**
- Mã học phần: LIT426
- Số tín chỉ: 02
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn

- Số điện thoại. 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email. LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về truyền thông, truyền thông đại chúng, báo chí, nhà báo, công chúng và các hiện tượng báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại. Nội dung học phần tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò của báo chí – truyền thông, các mô hình và lý thuyết truyền thông cơ bản; mối quan hệ giữa báo chí, nhà báo, công chúng và dư luận xã hội; những thay đổi của báo chí – truyền thông trong môi trường số. Học phần giúp người học bước đầu vận dụng lý thuyết và khái niệm nền tảng để quan sát, phân tích, lý giải và đánh giá các hiện tượng báo chí – truyền thông cụ thể trên cơ sở khoa học, khách quan và có trách nhiệm đạo đức.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm giúp người học hình thành kiến thức nền tảng về truyền thông, truyền thông đại chúng, báo chí, nhà báo, công chúng, các mô hình và lý thuyết truyền thông cơ bản; phân tích được vai trò, chức năng và tác động của báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại; đánh giá được mối quan hệ giữa báo chí, nhà báo, công chúng và các hiện tượng truyền thông trong bối cảnh truyền thông số. Học phần rèn luyện cho người học khả năng vận dụng lý thuyết báo chí – truyền thông để quan sát, phân tích, lý giải và phân biên các hiện tượng truyền thông cụ thể; đồng thời hình thành thái độ học tập nghiêm túc, khách quan, có trách nhiệm, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực học thuật trong tiếp cận, phân tích các vấn đề báo chí – truyền thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được những khái niệm, đặc điểm, chức năng và vai trò của truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí trong đời sống xã hội hiện đại.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được mối quan hệ giữa báo chí, nhà báo, công chúng và các hiện tượng truyền thông trong bối cảnh truyền thông đương đại.	Mức 5 (Đánh giá)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Vận dụng được các lý thuyết và khái niệm nền tảng của báo chí – truyền thông để phân tích, lý giải một cách khoa học và khách quan các hiện tượng báo chí và truyền thông cụ thể.	Mức 4 (Vận dụng)
CLO4	Thể hiện tinh thần chủ động học tập, tư duy phản biện và trách nhiệm đạo đức trong tiếp cận, phân tích và đánh giá các vấn đề báo chí – truyền thông.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3							X	
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về truyền thông và báo chí
1.1	Khái niệm truyền thông và truyền thông đại chúng
1.2	Đặc điểm, chức năng và vai trò của truyền thông
1.3	Báo chí với tư cách là một loại hình truyền thông đại chúng
1.4	Các loại hình báo chí và truyền thông hiện nay
Chương 2.	Các lý thuyết cơ bản về báo chí và truyền thông
2.1	Khái niệm lý luận báo chí và truyền thông
2.2	Các mô hình truyền thông cơ bản
2.3	Một số lý thuyết truyền thông tiêu biểu
2.4	Vai trò của truyền thông trong định hướng dư luận xã hội
Chương 3.	Nhà báo và hoạt động báo chí

Chương/Mục	Nội dung
3.1	Khái niệm và đặc điểm nghề báo
3.2	Vai trò xã hội của nhà báo
3.3	Quyền và nghĩa vụ của nhà báo
3.4	Đạo đức nghề nghiệp báo chí
Chương 4.	Công chúng báo chí và truyền thông
4.1	Khái niệm công chúng báo chí
4.2	Đặc điểm tâm lý và nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng
4.3	Mối quan hệ giữa báo chí và công chúng
4.4	Công chúng truyền thông trong môi trường số
Chương 5.	Báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại
5.1	Vai trò của báo chí – truyền thông trong đời sống xã hội
5.2	Báo chí – truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số
5.3	Một số hiện tượng truyền thông nổi bật hiện nay
5.4	Trách nhiệm xã hội và đạo đức truyền thông
Chương 6.	Phân tích hiện tượng báo chí – truyền thông
6.1	Khái quát về nghiên cứu báo chí – truyền thông
6.2	Phương pháp tiếp cận hiện tượng truyền thông
6.3	Kỹ năng quan sát, phân tích và lý giải hiện tượng truyền thông
6.4	Thảo luận tình huống báo chí – truyền thông thực tiễn

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học vận dụng các khái niệm và lý thuyết cơ bản của báo chí – truyền thông để phân tích một hiện tượng truyền thông, một sản phẩm báo chí hoặc một vấn đề liên quan đến công chúng và hoạt động truyền thông trong xã hội hiện đại.

6.2.2	Bài tập nhóm
	Người học thảo luận nhóm theo các chủ đề hoặc tình huống báo chí – truyền thông do giảng viên giao. Các nhóm trình bày kết quả phân tích, thảo luận và phân biên các hiện tượng báo chí – truyền thông cụ thể; đồng thời đề xuất góc nhìn, cách tiếp cận và lý giải vấn đề trên cơ sở lý luận báo chí – truyền thông.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về truyền thông và báo chí	3	1		10	14
2	Các lý thuyết cơ bản về báo chí và truyền thông	4	2		12	18
3	Nhà báo và hoạt động báo chí	3	2		12	17
4	Công chúng báo chí và truyền thông	3	2		12	17
5	Báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại	4	2		12	18
6	Phân tích hiện tượng báo chí – truyền thông	3	1		12	16
Tổng		20	10		70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

Vai trò của báo chí và truyền thông trong xã hội hiện đại

Ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đối với công chúng

Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường số

Công chúng truyền thông trong thời đại mạng xã hội

Phân tích một hiện tượng báo chí – truyền thông nổi bật hiện nay

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tổng quan về truyền thông và báo chí	X			
Các lý thuyết cơ bản về báo chí và truyền thông	X	X		

Nhà báo và hoạt động báo chí	X	X	X	X
Công chúng báo chí và truyền thông	X	X	X	
Báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại	X	X	X	X
Phân tích hiện tượng báo chí – truyền thông		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X		
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5- 6.9)	Mức B (7.0- 8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Đánh giá mức độ phân tích các khái niệm, chức năng và vai trò của truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí; đánh giá vai trò,	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					(11.3.c)	ảnh hưởng của báo chí, nhà báo và công chúng trong các hiện tượng truyền thông hiện đại; vận dụng lý thuyết báo chí – truyền thông để phân tích và lý giải các hiện tượng báo chí – truyền thông cụ thể.	
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá quá trình phân tích các tình huống báo chí – truyền thông; vận dụng lý thuyết truyền thông để lý giải hiện tượng truyền thông; thảo luận, trình bày và phản biện các vấn đề liên quan đến báo chí, công chúng, nhà báo và tác động truyền thông trong xã hội hiện đại.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1–5)	Bảng kiểm soát chuyên cần; quan sát học tập	Đánh giá tinh thần tự học, hợp tác, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan và tuân thủ đạo đức học thuật trong quá trình học	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			học tập		(11.3.a)	tập, thảo luận và thực hiện bài tập/tiểu luận về các vấn đề báo chí – truyền thông.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, phát vấn, phản biện và thể hiện tinh thần tư học, hợp tác, trách nhiệm đạo đức trong các tình huống phân tích báo chí – truyền thông trên lớp.	CLO4	Thái độ Level 5 Evaluate	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; ghi nhận mức độ tham gia.	Số điểm danh; ghi của GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích các hiện tượng báo chí – truyền thông; trình bày và thảo luận về vai trò của báo chí, nhà báo, công chúng và tác động của truyền thông trong xã hội hiện đại; phản biện các vấn đề liên quan đến đạo đức, trách nhiệm xã hội và truyền thông số.	CLO2 ; CLO3	Level 4– 5 Analyze – Evaluate,	Rubric thuyết trình & phản biện nhóm; phiếu đánh giá nhóm/cá nhân.	Slide thuyết trình; đề cương nghiên cứu nhóm; phiếu đánh giá; nhận xét phản biện.
Tiểu luận cuối kỳ (60%)	Phân tích và lý giải một hiện tượng báo chí – truyền thông cụ thể trên cơ sở các lý thuyết truyền thông và báo chí; đánh giá	CLO1 ; CLO2	Level 4– 5 Analyze –	Rubric tiểu luận cuối kỳ.	Bài tiểu luận

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
	vai trò, ảnh hưởng của báo chí, công chúng và nhà báo trong bối cảnh xã hội hiện đại; vận dụng kiến thức lý luận để đề xuất góc nhìn hoặc giải pháp truyền thông phù hợp.		Evaluate;		

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0- 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
CLO1: Phân tích được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và vai trò của truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí trong xã hội hiện đại.	Không phân tích được các khái niệm và vai trò cơ bản của truyền thông và báo chí; trình bày rời rạc, sai lệch hoặc nhầm lẫn giữa các khái niệm; không liên hệ được với bối cảnh truyền thông hiện đại	Phân tích được một phần khái niệm và chức năng cơ bản của báo chí – truyền thông nhưng còn chung chung; giải thích mối quan hệ giữa báo chí, truyền thông và xã hội chưa rõ ràng.	Phân tích tương đối đầy đủ các khái niệm, đặc điểm và vai trò của báo chí – truyền thông, liên hệ được với một số hiện tượng truyền thông trong thực tiễn xã hội hiện đại.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống các khái niệm, chức năng và vai trò của báo chí – truyền thông, đánh giá được ảnh hưởng của truyền thông trong bối cảnh xã hội số; liên hệ thực tiễn sâu sắc và có tư duy phản biện.
CLO2: Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng và mối quan hệ giữa báo chí, nhà báo, công chúng và	Không đánh giá được vai trò và ảnh hưởng của báo chí – truyền thông; chưa nhận diện được các vấn đề liên quan	Đánh giá được một số vấn đề cơ bản của báo chí – truyền thông nhưng còn sơ lược; nhận diện các	Đánh giá tương đối đầy đủ vai trò và ảnh hưởng của báo chí, công chúng và nhà báo; phân tích được	Đánh giá sâu sắc, có lập luận và tiêu chí rõ ràng về vai trò của báo chí, nhà báo và công chúng, phân tích được

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0– 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
các hiện tượng truyền thông trong xã hội đương đại.	đến công chúng, nhà báo hoặc hiện tượng truyền thông xã hội	tác động xã hội còn chung chung và thiếu căn cứ.	một số hiện tượng truyền thông tiêu biểu trong xã hội hiện đại.	tác động xã hội, đạo đức và trách nhiệm truyền thông; đề xuất được góc nhìn hoặc giải pháp phù hợp với thực tiễn truyền thông hiện nay.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ và phân biệt thực tiễn báo chí – truyền thông.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ và có liên hệ thực tiễn.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9). Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong phân tích và liên hệ thực tiễn

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trình bày thiếu chính xác hoặc rời rạc.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Diễn đạt trôi chảy, có điểm nhấn, phối hợp hiệu quả lời nói, ánh mắt, cử chỉ và phương tiện trình chiếu; xử lý mạch tư duy linh hoạt khi	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; sử dụng ngôn ngữ cơ thể tương đối phù hợp; thao tác tư duy logic	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide/tài liệu; diễn đạt chưa liền mạch; giải thích	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide, không kiểm soát được bài nói; mạch tư duy rời rạc; trình bày sai lệch

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				trình bày các vấn đề báo chí – truyền thông và hiện tượng truyền thông xã hội.	khí giải thích các hiện tượng báo chí – truyền thông.	vấn đề truyền thông còn đơn giản hoặc chưa đầy đủ	nội dung báo chí – truyền thông.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; trả lời đúng trọng tâm; biện luận sắc sảo và có căn cứ về các hiện tượng báo chí – truyền thông; bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận khá logic và thuyết phục; giải thích được cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề truyền thông được phân tích.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; ví dụ minh họa chưa thật phù hợp với bối cảnh truyền thông hiện đại.	Không phản biện được hoặc trả lời sai lệch; không giải thích được các hiện tượng báo chí – truyền thông, không bảo vệ được quan điểm khi bị chất vấn.
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; phân vai rõ ràng; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày và phản biện; tương tác tích cực với giảng viên và người học.	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc giữa các nội dung; các thành viên hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày và trả lời câu hỏi.	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều, chuyển tiếp còn rời rạc; một số thành viên tham gia hạn chế trong tương tác và phản biện.	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; không thể hiện được vai trò làm việc nhóm trong trình bày và phản biện.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các khái niệm cơ bản về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí; không phân tích được chức năng, vai trò của báo chí – truyền thông trong xã hội hiện đại; nội dung rời rạc, thiếu logic.	Nêu được một số nội dung cơ bản về truyền thông và báo chí nhưng còn khái quát; giải thích đặc điểm, chức năng và vai trò của báo chí – truyền thông chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng các khái niệm, đặc điểm, chức năng và vai trò của báo chí – truyền thông; có liên hệ với một số hiện tượng truyền thông trong xã hội hiện đại.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các khái niệm, chức năng và vai trò của truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí; liên hệ thực tiễn sâu sắc và có tư duy phản biện.
2	Kiến thức về vai trò của báo chí, nhà báo, công chúng và hiện tượng truyền thông	30%	CLO2	Không nhận diện được vai trò và ảnh hưởng của báo chí, nhà báo và công chúng; phân tích sai hoặc thiếu căn cứ về các hiện tượng truyền thông xã hội.	Nhân diện được một số vấn đề cơ bản về báo chí, nhà báo và công chúng nhưng phân tích còn sơ lược; việc đánh giá tác động xã hội và truyền thông còn chung chung	Đánh giá tương đối đúng vai trò và ảnh hưởng của báo chí, nhà báo và công chúng; phân tích được một số hiện tượng truyền thông tiêu biểu trong xã hội hiện đại.	Đánh giá đầy đủ, sâu sắc vai trò của báo chí, nhà báo và công chúng; lập luận rõ ràng về tác động xã hội, đạo đức và trách nhiệm truyền thông; phân tích hiện tượng truyền thông có chiều sâu và

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
							căn cứ khoa học.
3	Vận dụng lý thuyết báo chí – truyền thông để phân tích hiện tượng thực tiễn	30%	CLO3	Không vận dụng được lý thuyết báo chí – truyền thông vào phân tích hiện tượng thực tiễn; nội dung thiếu liên kết, nhận định cảm tính hoặc không có căn cứ	Vận dụng được một số khái niệm lý thuyết cơ bản nhưng còn rời rạc; phân tích hiện tượng truyền thông còn đơn giản; lập luận chưa thật logic.	Vận dụng tương đối phù hợp các lý thuyết và khái niệm báo chí – truyền thông để phân tích hiện tượng thực tiễn; lập luận tương đối rõ ràng và có liên hệ thực tiễn.	Vận dụng hiệu quả, logic và có chiều sâu các lý thuyết báo chí – truyền thông để phân tích, lý giải hiện tượng thực tiễn; lập luận chặt chẽ, có phân biện và đề xuất góc nhìn phù hợp.
4	Tính học thuật, tinh thần tự học, hợp tác và trách nhiệm trong tiểu luận	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; sao chép, trích dẫn sai; ít thể hiện tinh thần tự học và trách nhiệm học thuật.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; trình bày hoặc trích dẫn chưa đúng quy chuẩn; mức độ tự học và trách nhiệm học thuật còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần tự học và trách nhiệm tương đối tốt, bài viết trình bày rõ ràng, trích dẫn cơ bản đúng; hoàn thành đúng tiến độ và tuân thủ yêu cầu học thuật	Thể hiện nhất quán tinh thần tự học và trách nhiệm học thuật; bài viết có tính học thuật, trình bày chuyên nghiệp, trích dẫn phù hợp, đúng hạn và có tư duy phân biện rõ ràng.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5 0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương, Trần Quang NXB, *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, NXB. Đại học quốc gia, 2011.

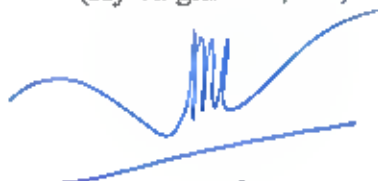
12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hà, *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2015.
- Nguyễn Thế Kỳ, *Báo chí truyền thông Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB. Thông tin & Truyền thông, 2020.
- E.P. Prokhorop, *Cơ sở lý luận của báo chí*, tập 1 và 2, NXB Thông Tấn, Hà Nội, 2004
- Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, NXB Chính Trị Quốc Gia, 2001.
- Phạm Thị Thanh Tịnh, *Công chúng báo chí*, NXB Chính Trị Hành Chính, 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông

Lớp/Nhóm:

Chủ đề

Giảng viên chấm.

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tư tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trong tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ nhau hoan hào trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Xuất sắc (8.5-10)	Điểm
1	Kiến thức về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các khái niệm cơ bản về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí; không phân tích được chức năng, vai trò của báo chí - truyền thông trong xã hội hiện đại; nội dung rời rạc, thiếu logic.	Nêu được một số nội dung cơ bản về truyền thông và báo chí nhưng còn khái quát, giải thích đặc điểm, chức năng và vai trò của báo chí - truyền thông chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng các khái niệm, đặc điểm, chức năng và vai trò của báo chí - truyền thông; có liên hệ với một số hiện tượng truyền thông trong xã hội hiện đại.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các khái niệm, chức năng và vai trò của truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí; liên hệ thực tiễn sâu sắc và có tư duy phản biện.	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Xuất sắc (8.5–10)	Điểm
2	Kiến thức về vai trò của báo chí, nhà báo, công chúng và hiện tượng truyền thông	30%	CLO2	Không nhận diện được vai trò và ảnh hưởng của báo chí, nhà báo và công chúng; phân tích sai hoặc thiếu căn cứ về các hiện tượng truyền thông xã hội.	Nhận diện được một số vấn đề cơ bản về báo chí, nhà báo và công chúng nhưng phân tích còn sơ lược, việc đánh giá tác động xã hội và truyền thông còn chung chung.	Đánh giá tương đối đúng vai trò và ảnh hưởng của báo chí, nhà báo và công chúng; phân tích được một số hiện tượng truyền thông tiêu biểu trong xã hội hiện đại.	Đánh giá đầy đủ, sâu sắc vai trò của báo chí, nhà báo và công chúng; lập luận rõ ràng về tác động xã hội, đạo đức và trách nhiệm truyền thông; phân tích hiện tượng truyền thông có chiều sâu và căn cứ khoa học.	
3	Vận dụng lý thuyết báo chí – truyền thông để phân tích hiện tượng thực tiễn	30%	CLO3	Không vận dụng được lý thuyết báo chí – truyền thông vào phân tích hiện tượng thực tiễn; nội dung thiếu liên kết, nhận định cảm tính hoặc không có căn cứ.	Vận dụng được một số khái niệm hoặc lý thuyết cơ bản nhưng còn rời rạc; phân tích hiện tượng truyền thông còn đơn giản; lập luận chưa thật logic.	Vận dụng tương đối phù hợp các lý thuyết và khái niệm báo chí – truyền thông để phân tích hiện tượng thực tiễn; lập luận tương đối rõ ràng và có liên hệ thực tiễn.	Vận dụng hiệu quả, logic và có chiều sâu các lý thuyết báo chí – truyền thông để phân tích, lý giải hiện tượng thực tiễn; lập luận chặt chẽ, có phản biện và đề xuất góc nhìn phù hợp.	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Xuất sắc (8.5-10)	Điểm
4	Tính học thuật, tính thần tự học, hợp tác và trách nhiệm trong tiểu luận	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; sao chép, trích dẫn sai; ít thể hiện tính thần tự học và trách nhiệm học thuật	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; trình bày hoặc trích dẫn chưa đúng quy chuẩn; mức độ tự học và trách nhiệm học thuật còn hạn chế.	Thể hiện tính thần tự học và trách nhiệm tương đối tốt; bài viết trình bày rõ ràng, trích dẫn cơ bản đúng; hoàn thành đúng tiến độ và tuân thủ yêu cầu học thuật.	Thể hiện nhất quán tính thần tự học và trách nhiệm học thuật; bài viết có tính học thuật, trình bày chuyên nghiệp, trích dẫn phù hợp, đúng hạn và có tư duy phản biện rõ ràng.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
..			

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Báo cáo chuyên đề thực tiễn Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communication Seminar Report)**
- Mã học phần: MMC303
- Số tín chỉ: 1
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC301; MMC405; MMC406; MMC407; MMC410
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 01 ; Số giờ: 50 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 15 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 0 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 35 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến



- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về công nghệ truyền thông, xu hướng truyền thông đa phương tiện và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông trong môi trường số hiện nay. Học phần giúp người học hiểu được vai trò của sáng tạo nội dung, tổ chức thông tin và ứng dụng công nghệ trong quá trình xây dựng các sản phẩm truyền thông đa phương tiện phục vụ hoạt động báo chí, truyền thông, quảng bá và truyền thông số.

Bên cạnh đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng lên ý tưởng, xây dựng concept, viết kịch bản truyền thông, tổ chức nội dung và triển khai sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng chủ đề cụ thể. Người học được hướng dẫn nhận biết xu hướng truyền thông hiện đại, phân tích nhu cầu công chúng, lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp và vận dụng các công cụ công nghệ trong quá trình thiết kế sản phẩm truyền thông.

Ngoài ra, học phần giúp người học thực hiện một ấn phẩm hoặc sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh, đồng thời rèn luyện kỹ năng trình bày, báo cáo, phản biện và đánh giá hiệu quả sản phẩm truyền thông. Học phần cũng góp phần hình thành tinh thần sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông đa nền tảng hiện nay.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công nghệ truyền thông, xu hướng truyền thông đa phương tiện, quy trình xây dựng và tổ chức sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Qua đó, sinh viên vận dụng kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế, thực hiện, trình bày và báo cáo sản phẩm truyền thông theo yêu cầu học phần. Học phần đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng hợp tác nhóm và thái độ chủ động trong học tập, nghiên cứu và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được đặc điểm, xu hướng và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong môi trường truyền thông hiện đại.	Mức 4 (Phân tích)
CLO 2	Đánh giá được hiệu quả nội dung, hình thức thể hiện và khả năng tiếp cận công chúng của sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO 3	Vận dụng được kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện cơ bản.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO 4	Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ý thức trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong suốt quá trình thực hiện công việc.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

CLOs/PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X	X		
CLO4							X	X

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes). Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes) Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Thực hành (Viết báo cáo)

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về truyền thông đa phương tiện
1.1	Khái niệm và đặc điểm của truyền thông đa phương tiện
1.2	Công nghệ truyền thông trong môi trường số
1.3	Xu hướng truyền thông đa phương tiện hiện nay

Chương/Mục	Nội dung
Chương 2.	Xây dựng và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện
2.1	Quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông
2.2	Kỹ năng lên ý tưởng và xây dựng concept
2.3	Viết kịch bản truyền thông đa phương tiện
2.4	Tổ chức nội dung và lựa chọn hình thức thể hiện
Chương 3.	Báo cáo và đánh giá sản phẩm truyền thông
3.2	Hoàn thiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện
3.3	Kỹ năng trình bày và báo cáo sản phẩm
3.4	Đánh giá hiệu quả sản phẩm truyền thông
3.4.	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm truyền thông

6.2. Thực tập

Bài tập cá nhân

Người học thực hiện các bài tập lên ý tưởng, viết kịch bản, xây dựng nội dung và thiết kế sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo chủ đề được giao; thực hành trình bày và báo cáo ý tưởng sản phẩm truyền thông.

Bài tập nhóm

Người học thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo nhóm; phối hợp trong các công đoạn xây dựng ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế nội dung, triển khai sản phẩm và báo cáo chuyên đề truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Tổng quan về truyền thông đa phương tiện	3		2	10	15	

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
2	Xây dựng và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện	2		3	15	20	
3	Báo cáo và đánh giá sản phẩm truyền thông	2		3	10	15	
Tổng		7		8	35	50	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

Xu hướng truyền thông đa phương tiện trong môi trường số

Vai trò của công nghệ trong sáng tạo sản phẩm truyền thông

Kỹ năng xây dựng concept truyền thông hiệu quả

Nghệ thuật kể chuyện trong truyền thông đa phương tiện

Phân tích một sản phẩm truyền thông đa phương tiện tiêu biểu

Ảnh hưởng của mạng xã hội đến sản xuất nội dung truyền thông

Vai trò của công chúng trong truyền thông đa nền tảng

Kỹ năng viết kịch bản truyền thông sáng tạo

Đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất nội dung đa phương tiện

Thách thức và cơ hội của truyền thông đa phương tiện hiện nay

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tổng quan về truyền thông đa phương tiện	X			X
Xây dựng và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện		X	X	
Báo cáo và đánh giá sản phẩm truyền thông			X	X

8. Phương pháp giảng dạy- học tập

8.1. Phương pháp giảng dạy:

- Hướng dẫn
- Giao nhiệm vụ

8.2. Phương pháp học tập:

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Nghe giảng, ghi chép.
- Thực hiện nhiệm vụ.
- Viết báo cáo

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn	X	X	X	
Giao nhiệm vụ	X	X	X	X
Nghe giảng, ghi chép	X	X	X	
Thực hiện nhiệm vụ	X	X	X	X
Viết báo cáo	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 30% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Hoàn thành và nộp bài báo cáo chuyên đề (Thay cho thi kết thúc học phần).

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1 Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

- a. Điểm chuyên cần: 10 điểm, trọng số 20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

b. Điểm bài tập nhóm, phát biểu: 10 điểm, trọng số 20%

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi: Nộp bài báo cáo (Tiểu luận)

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tiểu luận (final)	X	X	X	X
Thuyết trình			X	X
Bài tập nhóm		X	X	X
Chuyên cần				X

11.2. Kế hoạch đo CLO:

Dánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian	Công cụ	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ (Báo cáo chuyên đề)	CLO2, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ	Tuần cuối	Tiểu luận	Phân tích thực tiễn + viết báo cáo + làm việc nhóm	Lấy dữ liệu đo CLO2; CLO3, CLO4

Đánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian	Công cụ	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần II: Quá trình	CLO1 CLO2, CLO3	20%	Kiến thức, Kỹ năng	Giữa kỳ	Bài tập + thuyết trình	Phân tích tình huống và chuẩn bị báo cáo	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
	CLO4	20%	Thái độ	Suốt kỳ	Chuyên cần + tham gia nhóm	Trách nhiệm và phối hợp	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, phát vấn, phản biện và thể hiện tinh thần tự học, sáng tạo, trách nhiệm trong các hoạt động xây dựng ý tưởng và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên lớp.	CLO4	Mức độ 3 (Apply)	- Bảng kiểm chuyên cần - Phiếu quan sát lớp học và ghi nhận phát vấn	- DS điểm danh - Nhật ký đánh giá mức độ tương tác của GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích xu hướng truyền thông, xây dựng concept, viết kịch bản và trình bày kế hoạch thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện; thảo luận về nội dung, hình thức thể hiện và	CLO2 CLO3	Mức độ 2-3 (Understand - Apply)	- Rubric đánh giá bài thuyết trình nhóm - Tiêu chí chấm điểm và biên bản	Slide thuyết trình; kịch bản; proposal sản phẩm;

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	khả năng tiếp cận công chúng.			phân biện nhóm	phiếu đánh giá
Báo cáo chuyên đề/Sản phẩm cuối kỳ (60%)	Thiết kế và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh gồm ý tưởng, kịch bản, nội dung, hình thức thể hiện, ứng dụng công nghệ truyền thông và báo cáo hiệu quả sản phẩm.	CLO1 CLO2 CLO3	Mức độ 3 (Apply)	Rubric báo cáo chuyên đề/sản phẩm cuối kỳ	Báo cáo chuyên đề; sản phẩm truyền thông đa phương tiện; file thiết kế/media

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 – CLO4

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Phân tích được đặc điểm, xu hướng và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong môi trường truyền thông hiện đại.	Không phân tích được đặc điểm và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; trình bày rời rạc hoặc sai lệch các khái niệm và xu hướng truyền thông hiện đại.	Phân tích được một số nội dung cơ bản về truyền thông đa phương tiện nhưng còn khái quát; giải thích quy trình xây dựng sản phẩm và xu hướng truyền thông chưa rõ ràng.	Phân tích tương đối đúng đặc điểm, xu hướng và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; có liên hệ với thực tiễn truyền thông hiện nay.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống đặc điểm, xu hướng và quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; đánh giá được khả năng ứng dụng trong môi trường truyền thông số hiện đại.

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO2: Đánh giá được hiệu quả nội dung, hình thức thể hiện và khả năng tiếp cận công chúng của sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	Không đánh giá được hiệu quả nội dung và hình thức thể hiện của sản phẩm truyền thông; nhận định cảm tính, thiếu căn cứ chuyên môn.	Đánh giá được một số yếu tố cơ bản của sản phẩm truyền thông nhưng còn sơ lược; chưa làm rõ hiệu quả tiếp cận công chúng và giá trị truyền thông.	Đánh giá tương đối đầy đủ nội dung, hình thức thể hiện và khả năng tiếp cận công chúng của sản phẩm truyền thông đa phương tiện; có liên hệ với mục tiêu truyền thông.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về nội dung, hình thức thể hiện và hiệu quả truyền thông của sản phẩm; đề xuất được giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận công chúng trong môi trường đa nền tảng.
CLO3: Vận dụng được kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện cơ bản.	Không vận dụng được kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản hoặc thiết kế sản phẩm truyền thông; sản phẩm thiếu cấu trúc và không đáp ứng yêu cầu cơ bản.	Vận dụng được một số kỹ năng cơ bản trong xây dựng và thực hiện sản phẩm truyền thông nhưng còn hạn chế về nội dung, hình thức và tính sáng tạo.	Vận dụng tương đối tốt kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện; sản phẩm có tính liên kết và phù hợp mục tiêu truyền thông	Vận dụng linh hoạt và sáng tạo kỹ năng xây dựng ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế và triển khai sản phẩm truyền thông đa phương tiện; sản phẩm có tính thẩm mỹ, hiệu quả truyền thông và khả năng ứng dụng thực tiễn cao.

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO4: Thể hiện tinh thần sáng tạo, hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ học tập tích cực trong quá trình thực hiện chuyên đề truyền thông đa phương tiện.	Thiếu tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; ít tham gia hoạt động nhóm; chưa thể hiện thái độ học tập nghiêm túc.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; tinh thần trách nhiệm và chủ động học tập còn hạn chế.	Thể hiện tương đối tốt tinh thần hợp tác, trách nhiệm và thái độ học tập tích cực; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ và có đóng góp cho hoạt động nhóm.	Thể hiện nhất quán tinh thần sáng tạo, hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong học tập và thực hiện chuyên đề; có đóng góp nổi bật trong quá trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu sâu kiến thức về truyền thông đa phương tiện; vận dụng hiệu quả kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế và triển khai sản phẩm truyền thông; có khả năng sáng tạo, phân biện và liên hệ thực tiễn nghề nghiệp rõ ràng.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản về truyền thông đa phương tiện; vận dụng tương đối tốt kỹ năng xây dựng và thực hiện sản phẩm truyền thông; có khả năng phân tích và trình bày tương đối đầy đủ.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9): Hiểu kiến thức ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế trong phân tích, sáng tạo nội dung và thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức và kỹ năng cốt lõi về truyền thông đa phương tiện; vận dụng thiếu chính xác hoặc chưa hoàn thành yêu cầu cơ bản của học phần.

b. BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT (BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ)

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Nội dung	25%	CLO1	Nội dung thiếu chính	Trình bày được một	Phân tích tương đối	Phân tích đầy đủ, logic

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
	kiến thức và cơ sở lý luận truyền thông			xác, rời rạc; chưa thể hiện được kiến thức cơ bản về truyền thông đa phương tiện và xu hướng truyền thông hiện đại.	số kiến thức cơ bản nhưng còn khái quát; phân tích xu hướng và cơ sở lý luận còn hạn chế.	đúng các kiến thức và xu hướng truyền thông đa phương tiện; có liên hệ với thực tiễn truyền thông hiện nay.	và có hệ thống kiến thức về truyền thông đa phương tiện; vận dụng tốt cơ sở lý luận và liên hệ thực tiễn thuyết phục.
2	Khả năng phân tích và đánh giá sản phẩm truyền thông	25%	CLO2	Không đánh giá được nội dung, hình thức hoặc hiệu quả truyền thông của sản phẩm; nhận định cảm tính, thiếu căn cứ.	Đánh giá được một số yếu tố cơ bản của sản phẩm truyền thông nhưng còn sơ lược; lập luận chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đầy đủ nội dung, hình thức thể hiện và khả năng tiếp cận công chúng của sản phẩm truyền thông.	Đánh giá sâu sắc, có căn cứ chuyên môn về hiệu quả nội dung, hình thức thể hiện và giá trị truyền thông của sản phẩm; đề xuất được giải pháp cải thiện phù hợp.
3	Xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung báo cáo chuyên đề	30%	CLO3	Báo cáo thiếu cấu trúc; ý tưởng mơ hồ; nội dung rời rạc; chưa thể hiện được quy trình xây dựng sản phẩm truyền	Có xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung nhưng còn thiếu liên kết; cách triển khai sản phẩm	Báo cáo có cấu trúc tương đối hợp lý; ý tưởng và nội dung phù hợp; thể hiện được quy trình thực hiện sản	Báo cáo có cấu trúc logic, nội dung chặt chẽ; ý tưởng sáng tạo; trình bày rõ quy trình xây dựng và triển khai

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
				thông đa phương tiện.	truyền thông chưa rõ ràng.	phẩm truyền thông đa phương tiện.	sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4	Hình thức trình bày, tính học thuật và trách nhiệm thực hiện	20%	CLO4	Trình bày câu thả; sai quy cách; sao chép hoặc trích dẫn không phù hợp; nộp trễ; thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện báo cáo chuyên đề.	Trình bày tương đối đầy đủ nhưng còn lỗi hình thức; ý thức trách nhiệm và tính học thuật còn hạn chế.	Trình bày rõ ràng, đúng quy cách; có ý thức trách nhiệm và tuân thủ yêu cầu học thuật cơ bản.	Trình bày chuyên nghiệp, đúng quy chuẩn học thuật; thể hiện tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và nghiêm túc trong quá trình thực hiện báo cáo chuyên đề.

c. BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO 2) qua phản xạ tư duy và đánh giá Mức độ tự chủ và trách nhiệm (CLO 4) qua tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO 4 <i>(Thái độ / Hành vi)</i>	Diễn đạt trôi chảy; sử dụng thuật ngữ kinh tế chính xác ; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể;	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; cấu trúc bài thuyết trình logic ; tự tin trong việc truyền tải nội dung	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc nhiều vào tài liệu hoặc slide , thao tác trình diễn chuyên đề	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide ; không kiểm soát nội dung và

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				làm chủ hoàn toàn tiến trình bài nói.	chuyên đề kinh tế.	chưa chuyên nghiệp.	thời gian báo cáo.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO 2 (Kỹ năng / Phân tích)	Phản xạ cực nhanh; vận dụng lý thuyết kinh tế số/toàn cầu hóa để biện luận sắc sảo, bảo vệ quan điểm vững vàng trước các câu hỏi chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi thực tiễn của tình huống; lập luận phân tích khá logic và có minh chứng thuyết phục.	Trả lời được câu hỏi thực tiễn nhưng còn lúng túng; lập luận dừng lại ở mô tả thô, chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn bản chất vấn đề hoạt động kinh tế được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO 4 (Thái độ / Tự chủ)	Các thành viên thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng theo một "cơ chế" đồng đều; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong cả bài nói và phần phản biện.	Nhóm có sự phân công công việc rõ ràng; các thành viên tương tác tốt và hỗ trợ nhau hiệu quả khi giải trình chất vấn.	Các thành viên có tham gia đóng góp nhưng sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong tương tác nhóm còn yếu.	Hoạt động của các thành viên rời rạc; đùn đẩy trách nhiệm; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2019 trở lại đây)

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Thị Trường Giang. (2016). Giáo trình Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật.

- Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên). (2017). Báo chí truyền thông đa phương tiện. Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội.

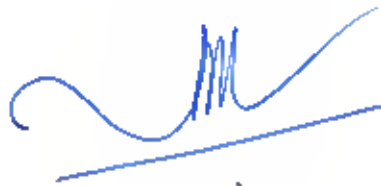
12.2. Tài liệu tham khảo

- Hồ Thị Hồng Hà. (2018). Giáo trình văn học ứng dụng dành cho ngành Quan hệ công chúng. Tp.HCM: Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- Philippe Breton và Serge Proulx. (1996). Bùng nổ truyền thông – sự ra đời một ý thức hệ mới. Hà Nội: Văn hóa.

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Báo cáo chuyên đề thực tiễn

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
------------------	-------------------	-------------------	----------------------

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: **Báo cáo chuyên đề thực tiễn**
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá 7,0-8,4	Xuất sắc 8,5-10	Điểm
1	Nội dung kiến thức và cơ sở lý luận truyền thông	25%	CLO1	Nội dung thiếu chính xác, rời rạc; chưa thể hiện được kiến thức cơ bản về truyền thông đa phương tiện và xu hướng truyền thông hiện đại.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn khái quát; phân tích xu hướng và cơ sở lý luận còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng các kiến thức và xu hướng truyền thông đa phương tiện; có liên hệ với thực tiễn truyền thông hiện nay.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống kiến thức về truyền thông đa phương tiện; vận dụng tốt cơ sở lý luận và liên hệ thực tiễn thuyết phục.	
2	Khả năng phân tích và đánh giá sản phẩm truyền thông	25%	CLO2	Không đánh giá được nội dung, hình thức hoặc hiệu quả truyền thông của sản phẩm; nhận định	Đánh giá được một số yếu tố cơ bản của sản phẩm truyền thông nhưng còn sơ lược; lập	Đánh giá tương đối đầy đủ nội dung, hình thức thể hiện và khả năng tiếp cận công chúng của sản	Đánh giá sâu sắc, có căn cứ chuyên môn về hiệu quả nội dung, hình thức thể hiện và giá trị truyền thông của	

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá 7,0-8,4	Xuất sắc 8,5-10	Điểm
				cảm tính, thiếu căn cứ.	luận chưa rõ ràng.	phẩm truyền thông.	sản phẩm; đề xuất được giải pháp cải thiện phù hợp.	
3	Xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung báo cáo chuyên đề	30%	CLO3	Báo cáo thiếu cấu trúc; ý tưởng mơ hồ; nội dung rời rạc; chưa thể hiện được quy trình xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	Có xây dựng ý tưởng và tổ chức nội dung nhưng còn thiếu liên kết; cách triển khai sản phẩm truyền thông chưa rõ ràng.	Báo cáo có cấu trúc logic, nội dung chặt chẽ; ý tưởng sáng tạo; trình bày rõ quy trình xây dựng và triển khai sản phẩm truyền thông đa phương tiện.		
4	Hình thức trình bày, tính học thuật và trách nhiệm thực hiện	20%	CLO4	Trình bày cấu trúc sai quy cách; sao chép hoặc trích dẫn không phù hợp; nộp trễ; thiếu tính thân trách nhiệm trong thực hiện báo cáo chuyên đề.	Trình bày tương đối đầy đủ nhưng còn lỗi hình thức; ý thức trách nhiệm và tính học thuật còn hạn chế.	Trình bày rõ ràng, đúng quy cách; có ý thức trách nhiệm và tuân thủ yêu cầu học thuật cơ bản.	Trình bày chuyên nghiệp, đúng quy chuẩn học thuật; thể hiện tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và nghiêm túc trong quá trình thực hiện báo cáo chuyên đề.	

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số Điểm chữ Xếp loại Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thực tập cơ sở**
- Mã học phần: MMC306
 - Số tín chỉ: 3
 - Cấp đào tạo: Đại học
 - Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
 - Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC303
 - Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
 - Số tín chỉ: 3 ; Số giờ: 150

Trong đó:

Hướng dẫn thực tập cơ sở: 05 tiết

Thảo luận nhóm: 21 tiết

Thuyết trình: 24

Thực tập ở cơ sở (gồm cả theo dõi, kiểm tra): 70 tiết

Tự học: 20 tiết

Viết báo cáo: 10 tiết

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Quốc Hưng
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0938503461
- Email: HungPQ@vhu.edu.vn

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0984155809
- Email: loitt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông. Áp dụng các kiến thức về pháp luật trong quá trình triển khai, thực hiện và quảng bá các hoạt động về truyền thông; giúp sinh viên vận dụng kiến thức của lĩnh vực báo chí và truyền thông trong việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện, đánh giá được hiệu quả tác động của báo chí đa phương tiện đối với xã hội; cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết về thiết kế một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh, xây dựng dự án và phát triển dự án truyền thông cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc thiết kế để tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực tiễn để vận dụng lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật báo chí – truyền thông và công nghệ hiện đại vào hoạt động thực tế trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Qua đó, sinh viên thực hành thiết kế, xây dựng, phát triển và quảng bá sản phẩm báo chí đa phương tiện hoàn chỉnh; đánh giá hiệu quả, tác động của sản phẩm đối với xã hội và cộng đồng. Học phần đồng thời giúp sinh viên hình thành năng lực thực tiễn cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, cơ quan và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Xây dựng kế hoạch triển khai và quản lý dự án truyền thông đa phương tiện đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường.	Mức 3 (Vận dụng)
CLO2	Sản xuất sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh thông qua việc sử dụng thành thạo các phần mềm hiện đại và kỹ thuật chuyên ngành.	Mức 6 (Sáng tạo)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Giải quyết các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua kỹ năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm hiệu quả	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO4	Đánh giá hiệu quả sản phẩm và quy trình thực tập dựa trên các quy định pháp luật, phản hồi thực tế và yêu cầu chuyên môn.	Mức 5 (Tự nhiên hóa)
CLO5	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh thần tự học để thích ứng với sự thay đổi của môi trường truyền thông số.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X			
CLO4						X		
CLO5							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Những quy định khi đi thực tập
1.1.	Thái độ, nề nếp
1.2.	Kỹ năng cần chuẩn bị
1.3.	Hướng dẫn viết báo cáo
Chương 2	Hội nhập doanh nghiệp
2.1.	Giới thiệu tổng quan lịch sử hình thành doanh nghiệp, công ty
2.2.	Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, công ty
Chương 3	Lý thuyết nghiệp vụ
3.1.	Nghiệp vụ bộ phận sự kiện
3.2.	Nghiệp vụ bộ phận truyền thông

Chương	Nội dung
3.3.	Nghiệp vụ bộ phận thiết kế
3.4.	Nghiệp vụ bộ phận media
3.5.	Nghiệp vụ bộ phận nhân sự
3.6.	Nghiệp vụ bộ phận bối cảnh, hiện trường, đạo cụ
Chương 4	Thực tập nghiệp vụ
4.1.	Nghiệp vụ bộ phận sự kiện
4.2.	Nghiệp vụ bộ phận truyền thông
4.3.	Nghiệp vụ bộ phận thiết kế
4.4.	Nghiệp vụ bộ phận media
4.5.	Nghiệp vụ bộ phận nhân sự
4.6.	Nghiệp vụ bộ phận bối cảnh, hiện trường, đạo cụ

6.2. Thực hành

Số thứ tự	Nội dung
6.2.1	Hướng dẫn Người học lắng nghe, thảo luận về kế hoạch thực tập với giảng viên; nghe những quy định trước khi đến cơ sở thực tập
6.2.2	Thực tập Người học: người học tìm hiểu, nghe giới thiệu sự bình thản phát triển của cơ sở, tìm hiểu cơ cấu tổ chức, các lĩnh vực hoạt động, vị trí thực tập, thực hiện kỹ năng nghiệp vụ theo hướng dẫn
6.2.3	Thảo luận Người học thảo luận với người hướng dẫn/bạn học về lý thuyết các nghiệp vụ, kỹ năng nghiệp vụ
6.2.4	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước - Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình theo yêu cầu của người hướng dẫn về lý thuyết các nghiệp vụ - Các cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc tại cơ sở. Thuyết trình - Phân biện giữa người hướng dẫn, cá nhân/nhóm sinh viên
6.2.5	Tự học Người học lập kế hoạch thực tập, tự tìm hiểu, họp nhóm, chuẩn bị các báo cáo thuyết trình theo yêu cầu về lý thuyết, kỹ năng nghiệp vụ
6.2.6	Viết báo cáo thực tập

Số thứ tự	Nội dung
	Người học viết/trình bày báo cáo những nội dung thực tập được hướng dẫn

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 50 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ						
		Hướng dẫn	Thảo luận	Thực tập	Thuyết trình	Tự học	Viết báo cáo	Tổng
Chương 1	Những quy định khi đi thực tập							
	Thái độ, nề nếp	1						1
	Kỹ năng cần chuẩn bị	1						1
	Hướng dẫn viết báo cáo	1						1
Chương 2	Hội nhập doanh nghiệp							
	Giới thiệu tổng quan lịch sử hình thành doanh nghiệp			3		1	0,5	4.5
	Cơ cấu tổ chức			3		1	0,5	4.5
Chương 3	Lý thuyết nghiệp vụ							
	Nghiệp vụ bộ phận sự kiện		1	6	2	1	0,5	10.5
	Nghiệp vụ bộ phận truyền thông		1	6	2	1	0,5	10.5
	Nghiệp vụ bộ phận thiết kế		1	6	2	1	0,5	10.5
	Nghiệp vụ bộ phận media		1	6	2	1	0,5	10.5

Chương	Tên chương	Số giờ						
		Hướng dẫn	Thảo luận	Thực tập	Thuyết trình	Tự học	Viết báo cáo	Tổng
	Nghiệp vụ bộ phận nhân sự		1	6	2	1	0,5	10 5
	Nghiệp vụ bộ phận bồi cảnh, hiện trường, đạo cụ		1	6	2	1	0,5	10.5
Chương 4	Thực tập nghiệp vụ							
	Nghiệp vụ bộ phận sự kiện		1	9		1	1	12
	Nghiệp vụ bộ phận truyền thông		1	9		1	1	12
	Nghiệp vụ bộ phận thiết kế		1	9		1	1	12
	Nghiệp vụ bộ phận media		1	9		1	1	12
	Nghiệp vụ bộ phận nhân sự		1	9		1	1	12
	Nghiệp vụ bộ phận bồi cảnh, hiện trường, đạo cụ		1	9		1	1	12

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

Tìm hiểu cơ cấu tổ chức và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp truyền thông đa phương tiện.

Khảo sát quy trình xây dựng và triển khai nội dung trên các nền tảng truyền thông số.

Tìm hiểu vai trò của thiết kế, hình ảnh và sản xuất media trong hoạt động truyền thông đa phương tiện

Quan sát hoạt động marketing, truyền thông thương hiệu và phát triển khách hàng tại doanh nghiệp.

Tìm hiểu cơ chế phối hợp giữa các phòng ban trong quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông.

Báo cáo kết quả thực tập cơ sở và nhận diện định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Chương 1: Những quy định khi đi thực tập			X	X	X
Chương 2: Hội nhập doanh nghiệp	X		X	X	X
Chương 3: Lý thuyết nghiệp vụ	X	X	X	X	
Chương 3: Thực tập nghiệp vụ	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Giải quyết vấn đề
- Thảo luận
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm
- Thực hành/thực tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X
Thảo luận	X		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm	X		X	X	X
Thực hành/thực tập	X	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ thực tập tại cơ sở (sinh viên được vắng nhưng phải xin phép và thực tập bù thời gian đã nghỉ).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài làm thuyết trình.

- Viết báo cáo và nộp báo cáo thực tập theo yêu cầu.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

Kết quả môn học được tổng hợp từ hai cột điểm chính: Điểm đánh giá từ phía Doanh nghiệp (trọng số 40%) và Điểm bài báo cáo thực tập/Tiểu luận (trọng số 60%).

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Phần I: Doanh nghiệp	CLO3	40%	Thái độ (A)	Suốt kỳ	Phiếu xác nhận & Nhận xét của DN	Đánh giá kỷ luật, thái độ và khả năng thích nghi. Kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ được giao
	CLO4,CLO5		Kỹ năng nghiệp vụ			
	CLO1,CLO2		Kiến thức			
Phần II: Báo cáo TT	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần cuối	Báo cáo thực tập & Sản phẩm demo	Đánh giá năng lực chuyên môn và kết quả thực hiện.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Suốt kỳ	Báo cáo thực tập	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO3; CLO4	40%	Kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ	Suốt kỳ	Nhận xét, đánh giá của cơ sở	CLO3: Kỹ năng nghiệp vụ. CLO4: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3,4
	CLO5	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ, giao tiếp ứng xử	Lấy dữ liệu đo CLO5

11.3. Công cụ đo CLO

Rubric 1: Đánh giá Kiến thức (CLO1 - Trọng số 30%)

Nội dung: Trình bày tổng quan doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức, vị trí/phòng ban thực tập.

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Tổng quan, sự hình thành phát triển doanh nghiệp (1.0đ)	Không mô tả được sự hình thành phát triển	Mô tả được sơ lược về sự hình thành phát triển	Mô tả được đầy đủ, chi tiết về sự hình thành và phát triển	Nhận xét, đánh giá được về sự hình thành phát triển của doanh nghiệp
Sơ đồ tổ chức (1.0đ)	Không vẽ được sơ đồ tổ chức	Vẽ được sơ lược nhưng không đầy đủ	Vẽ được đầy đủ	Vẽ đầy đủ sơ đồ và chi tiết hơn các bộ phận
Mô tả phòng ban/vị trí thực tập (1.0đ)	Không mô tả được phòng ban	Mô tả được sơ lược nhưng không đầy đủ	Mô tả được đầy đủ phòng/ban thực tập	Mô tả được phòng ban, vị trí thực tập và có nhận xét, cảm nhận ban đầu về phòng ban thực tập

Rubric 2: Đánh giá Kỹ năng chuyên môn (CLO2 - Trọng số 30%)*Nội dung: Thực hiện các sản phẩm/báo cáo*

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Chất lượng báo cáo & Lộ trình (3.0đ)	Báo cáo sơ sài, sai định dạng; không xây dựng được lộ trình cá nhân.	Báo cáo đầy đủ đề mục nhưng phân tích thiếu chiều sâu; lộ trình cá nhân còn chung chung	Trình bày báo cáo đúng quy chuẩn kỹ thuật; lập kế hoạch phát triển sự nghiệp khả thi, bám sát thực tế.	Báo cáo logic, minh chứng thuyết phục; xây dựng lộ trình sự nghiệp mang tính chiến lược và dài hạn.

Rubric 2: Đánh giá Kỹ năng chuyên môn (CLO3, CLO4 - Trọng số 20%)*Nội dung: Thực hiện các nhiệm vụ kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ*

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Giải quyết các nhiệm vụ được giao (2.0đ)	Không hoàn thành các nhiệm vụ được giao; sản phẩm lỗi hoặc không có tính ứng dụng.	Hoàn thành nhiệm vụ ở mức cơ bản, còn phụ thuộc hướng dẫn.	Tự chủ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ	Giải quyết sáng tạo các nhiệm vụ được giao thể hiện tính chuyên nghiệp cao.

Rubric 3: Đánh giá Thái độ và Kỷ luật (CLO5 - Trọng số 20%)*Nội dung: Đánh giá của doanh nghiệp về thái độ.*

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Kỷ luật và Tác phong (1.0đ)	Thường xuyên trễ giờ; vi phạm nội quy an toàn/bảo mật của doanh nghiệp.	Tuân thủ giờ giấc và nội quy nhưng còn thụ động trong việc thích nghi văn hóa công ty.	Tác phong lịch sự, chuyên nghiệp; chấp hành tuyệt đối mọi quy định bảo mật và nội quy cơ sở.	Gương mẫu trong kỷ luật; chủ động hỗ trợ duy trì trật tự và an toàn tại đơn vị thực tập.
Giao tiếp và Làm việc	Thiếu kỹ năng giao tiếp; không phối hợp với đồng nghiệp	Có tham gia giao tiếp và phối hợp nhóm nhưng chưa	Giao tiếp tự tin; phối hợp nhịp nhàng với nhóm dự án; chủ động	Khả năng tương tác xuất sắc; có tư duy lãnh đạo nhóm hoặc đề

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
nhóm (1.0đ)	trong các dự án của DN.	hiệu quả, còn rụt rè.	đặt câu hỏi chuyên môn sâu.	xuất được giải pháp gắn kết tập thể.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1 Tài liệu chính

- Nguyễn Văn Hà, *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2012.
- Nguyễn Thị Trường Giang, *Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo*, NXB Chính trị - Hành chính quốc gia, 2011.

12.2 Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Trường Giang, *Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử*, NXB Chính trị quốc gia, 2016.
- Nguyễn Thị Trường Giang, *Báo chí truyền thông đa phương tiện*, NXB quốc gia Hà Nội, 2017.
- Philippe Breton - Serge Proulx, *Bùng nổ truyền thông, sự ra đời một ý thức hệ mới*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1996
- Tạ Ngọc Tấn, *Truyền thông đại chúng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Tiến



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Báo in và Báo trực tuyến/Print online newspapers**
- Mã học phần: **PUR423**
- Số tín chỉ: **2**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa KHXH&NV**
- Số tín chỉ: **2** ; Số giờ: **100** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **20 giờ**
 - + Thảo luận: **10 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **.. Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Trần Thị Lợi**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV**
- Điện thoại: **0984155809**
- Email: **Loitt@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Phạm Thị Hương**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV**
- Điện thoại: **0934976916**
- Email: **Huongpt@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về báo in, báo trực tuyến; về cơ cấu tổ chức tòa soạn báo in, báo trực tuyến. Học phần giúp sinh viên nắm được các thành phần của tác phẩm báo và quy trình, cách viết bài cho báo in, báo trực tuyến. Hơn nữa, học phần còn giúp sinh viên hiểu được đạo đức của người làm công việc viết bài cho báo in và báo trực tuyến. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nắm được mối quan hệ giữa báo in và báo trực tuyến trong thời đại mới.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về báo in, báo trực tuyến, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội, đặc điểm, hình thức và quy trình sản xuất tác phẩm báo chí trên môi trường truyền thống và số. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng xây dựng, trình bày, biên tập tác phẩm báo chí, phân tích, lập luận, làm việc nhóm và thuyết trình trong hoạt động học tập, thực hành báo chí; đồng thời hình thành ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số trong hoạt động báo chí và truyền thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Giải thích được đặc điểm, quy trình sản xuất và vai trò của báo in, báo trực tuyến trong đời sống xã hội và môi trường truyền thông số.	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Phân tích được cấu trúc, hình thức và nội dung của các tác phẩm báo in, báo trực tuyến trong thực tiễn truyền thông.	Mức 4 (Phân tích)
CLO3	Vận dụng được kỹ năng xây dựng, trình bày và biên tập các tác phẩm báo chí trên báo in và báo trực tuyến.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO4	Vận dụng được trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức báo chí và tinh thần thích ứng với môi trường truyền thông số trong hoạt động báo chí và truyền thông.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về báo in, báo trực tuyến
1.1.	Khái niệm, lịch sử hình thành báo in
1.2.	Khái niệm, lịch sử hình thành báo trực tuyến
1.3.	So sánh đặc điểm báo in và báo trực tuyến
1.4.	Vai trò của báo chí trong đời sống xã hội
Chương 2	Hình thức tờ báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo in
2.1.	Quy trình sáng tạo tác phẩm báo in
2.2.	Các yếu tố cấu thành hình thức của tờ báo in
2.3.	Kỹ năng viết các thành phần tác phẩm báo in
2.4.	Cách trình bày bản thảo báo in
Chương 3	Hình thức trang báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo trực tuyến
3.1.	Hình thức và cấu trúc trang báo trực tuyến
3.2.	Quy trình sản xuất tin, bài báo trực tuyến
3.3.	Kỹ năng xây dựng các thành phần tác phẩm báo trực tuyến
3.4.	Trình bày và sử dụng đa phương tiện trong báo trực tuyến
Chương 4	Báo chí trong môi trường truyền thông số
4.1.	Sự chuyển đổi từ báo in sang báo trực tuyến
4.2.	Hội tụ truyền thông
4.3.	Báo chí và mạng xã hội
4.4.	Vai trò công chúng trong thời đại số
Chương 5	Thực tế ngoài trường
Chương 6	Báo cáo sản phẩm, hướng dẫn ôn tập

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học tìm hiểu đặc điểm, ưu điểm và hạn chế của báo in hoặc báo trực tuyến; nhận xét cách trình bày nội dung và sử dụng đa phương tiện trên báo trực tuyến.
6.2.2	Bài tập nhóm, thuyết trình
	- Người học thảo luận trong nhóm xoay quanh các vấn đề: quy trình sản xuất tác phẩm báo in hoặc báo trực tuyến; phân tích ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hoạt động báo chí; phân tích xu hướng chuyển đổi số và hội tụ truyền thông trong báo chí hiện nay. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp: Thuyết trình – phản biện tại lớp theo nhóm.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về báo in, báo trực tuyến	3	1	0	10	14
2	Hình thức tờ báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo in	5	2	0	13	20
3	Hình thức trang báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo trực tuyến	5	2	0	12	19
4	Báo chí trong môi trường truyền thông số	3	1	0	10	14
5	Thực tế ngoài trường	1	2	0	15	18
6	Báo cáo sản phẩm, hướng dẫn ôn tập	3	2	0	10	15
	Tổng	20	10	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Phân tích quy trình sản xuất tác phẩm báo in và báo trực tuyến.
2. Phân tích các thành phần của một tác phẩm báo chí trên báo in hoặc báo trực tuyến.
3. Phân tích vai trò của báo chí trong môi trường truyền thông số và mạng xã hội.
4. Phân tích ảnh hưởng của hội tụ truyền thông đối với hoạt động báo chí hiện nay.

5 Xây dựng và trình bày một sản phẩm báo chí cho báo in hoặc báo trực tuyến theo chủ đề tự chọn.

6. Phân tích cách sử dụng hình ảnh, video và đa phương tiện trong báo trực tuyến.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về báo in, báo trực tuyến	X	X		X
Chương 2. Hình thức tờ báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo in	X	X	X	X
Chương 3. Hình thức trang báo và kỹ năng xây dựng tác phẩm báo trực tuyến	X	X	X	X
Chương 4 Báo chí trong môi trường truyền thông số	X	X		X
Chương 5. Thực tế ngoài trường		X	X	X
Chương 6. Báo cáo sản phẩm, hướng dẫn ôn tập		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.

- Tham gia bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần, tham gia học tập (10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cuối kỳ	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần, tham gia học tập: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30% Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ	Theo lịch thu bài tiểu luận	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên phân tích hoặc xây dựng sản phẩm	Lấy dữ liệu đo CLO1,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
học phần			năng, thái độ	của Giảng viên/Nhà trường		báo chí trên báo in hoặc báo trực tuyến gắn với môi trường truyền thông số. CLO1: khả năng giải thích đặc điểm và vai trò của báo in, báo trực tuyến. CLO2: khả năng phân tích cấu trúc, nội dung và hình thức tác phẩm báo chí CLO3: khả năng vận dụng kỹ năng xây dựng, trình bày và biên tập sản phẩm báo chí.	CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên phân tích sản phẩm báo chí hoặc thực hành xây dựng tác phẩm báo in/báo trực tuyến theo nhóm. CLO2: khả năng phân tích nội dung và hình thức báo chí, CLO3: khả năng vận dụng	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						kỹ năng viết, trình bày và sử dụng đa phương tiện trong báo trực tuyến.	
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

Vì môn Báo in và báo trực tuyến là tiểu luận, nên phần 11.3. Công cụ đo CLO cần chuyển từ “ma trận đề thi” → “ma trận công cụ đánh giá”, bao gồm:

- Giữa kỳ: Chuyên cần + Thuyết trình
- Cuối kỳ: Tiểu luận
- CLO đo: CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, phân tích sản phẩm báo chí và phân biện các vấn đề truyền thông trên lớp	CLO4	Level 3 Apply	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; câu hỏi phát vấn	Sổ điểm danh; ghi nhận của GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích đặc điểm báo in, báo trực tuyến; xây dựng và trình bày sản phẩm báo chí theo nhóm	CLO2, CLO3	Level 2–3 Understand – Apply	Rubric thuyết trình & phân biện nhóm	Slide thuyết trình; phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Tiểu luận (60%)	Phân tích hoặc xây dựng sản phẩm báo chí trên báo in hoặc báo trực tuyến gắn với môi trường truyền thông số	CLO1, CLO2, CLO3	Level 2-3 Understand – Apply	Rubric tiểu luận cuối kỳ	Bài tiểu luận

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0-6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
CLO1: Giải thích đặc điểm, vai trò và quy trình sản xuất của báo in, báo trực tuyến (Trọng số: 3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không trình bày được kiến thức cơ bản về báo in và báo trực tuyến.	Đạt từ 1.5 – 2.0 điểm. Trình bày được nội dung cơ bản nhưng còn thiếu tính hệ thống.	Đạt từ 2.1 – 2.5 điểm. Giải thích khá đầy đủ đặc điểm, vai trò và quy trình sản xuất báo chí.	Đạt từ 2.6 – 3.0 điểm. Giải thích rõ ràng, logic và có liên hệ với môi trường truyền thông số.
CLO2: Phân tích cấu trúc, nội dung và hình thức của tác phẩm báo chí (Trọng số: 3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không phân tích được đặc điểm của tác phẩm báo chí.	Đạt từ 1.5 – 2.0 điểm. Phân tích được nội dung cơ bản nhưng còn hạn chế về lập luận.	Đạt từ 2.1 – 2.5 điểm. Phân tích khá hợp lý cấu trúc và nội dung tác phẩm báo chí.	Đạt từ 2.6 – 3.0 điểm. Phân tích logic, có dẫn chứng và chỉ ra rõ đặc trưng báo in, báo trực tuyến.
CLO3: Vận dụng kỹ năng xây dựng và trình bày tác phẩm báo chí (Trọng số: 3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Chưa vận dụng được kỹ năng xây dựng tác phẩm báo chí.	Đạt từ 1.5 – 2.0 điểm. Vận dụng được kỹ năng cơ bản nhưng trình bày còn hạn chế.	Đạt từ 2.1 – 2.5 điểm. Vận dụng khá tốt kỹ năng viết và trình bày sản phẩm báo chí.	Đạt từ 2.6 – 3.0 điểm. Vận dụng linh hoạt kỹ năng viết, biên tập và sử dụng đa phương tiện trong báo chí số.
CLO4: Vận dụng trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ học tập trong hoạt động báo chí	Đạt dưới 0.5 điểm. Thiếu trách nhiệm và ít tham gia hoạt động học tập.	Đạt từ 0.5 – 0.6 điểm. Có tham gia nhưng còn hạn chế về tinh thần hợp tác.	Đạt từ 0.7 – 0.8 điểm. Tham gia khá tích cực và có trách nhiệm trong học tập.	Đạt từ 0.9 – 1.0 điểm. Chủ động, tích cực và có tinh thần trách nhiệm cao trong hoạt động nhóm.

(Trọng số= 1.0 điểm)				
----------------------	--	--	--	--

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp &	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp "cơ chế" nhịp nhàng	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ	Các thành viên có tham gia nhưng sự	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	Tương tác nhóm			giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	trợ nhau tốt trong phần phản biện.	gắn kết trong tương tác còn yếu.	vai trò của làm việc nhóm.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

1	Giải thích đặc điểm và vai trò của báo in, báo trực tuyến	20%	CLO1	Giải thích đầy đủ, logic và có liên hệ thực tiễn	Giải thích khá đầy đủ	Trình bày còn đơn giản	Không nắm được kiến thức cơ bản
2	Phân tích cấu trúc và nội dung tác phẩm báo chí	25%	CLO2	Phân tích sâu, có dẫn chứng phù hợp	Phân tích tương đối hợp lý	Phân tích còn hạn chế	Không phân tích được nội dung
3	Xây dựng và trình bày sản phẩm báo chí	30%	CLO3	Sản phẩm logic, sáng tạo và phù hợp loại hình báo chí	Sản phẩm khá phù hợp	Sản phẩm còn sơ sài	Nội dung thiếu logic
4	Kỹ năng lập luận và trình bày	15%	CLO2, CLO3	Trình bày khoa học, lập luận chặt chẽ	Trình bày tương đối rõ ràng	Trình bày còn hạn chế	Trình bày rời rạc
5	Ý thức trách nhiệm và thái độ học tập	10%	CLO4	Chủ động, hợp tác và có trách nhiệm cao	Tham gia khá tích cực	Tham gia còn hạn chế	Thiếu trách nhiệm trong học tập

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiếu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình tác phẩm báo mạng điện tử*, NXB. Thông tin và Truyền thông.

12.2. Tài liệu tham khảo

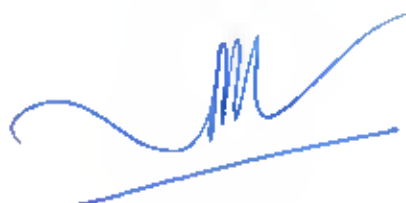
Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, Nxb. Thông tin và truyền thông.

Nguyễn Thành Lợi, *Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại*, H.: Thông tin và Truyền thông, 2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiên Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Lợi



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Báo in và báo trực tuyến

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm, lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
			GIẢNG VIÊN CHĂM (Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Báo in và báo trực tuyến**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Giải thích đặc điểm và vai trò của báo in, báo trực tuyến	20%	CLO1	Giải thích đầy đủ, logic và có liên hệ thực tiễn	Giải thích khá đầy đủ	Trình bày còn đơn giản	Không nắm được kiến thức cơ bản	
2	Phân tích cấu trúc và nội dung tác phẩm báo chí	25%	CLO2	Phân tích sâu, có dẫn chứng phù hợp	Phân tích tương đối hợp lý	Phân tích còn hạn chế	Không phân tích được nội dung	
3	Xây dựng và trình bày sản phẩm báo chí	30%	CLO3	Sản phẩm logic, sáng tạo và phù hợp loại hình báo chí	Sản phẩm khá phù hợp	Sản phẩm còn sơ sài	Nội dung thiếu logic	
4	Kỹ năng lập luận và trình bày	15%	CLO2, CLO3	Trình bày khoa học, lập luận chặt chẽ	Trình bày tương đối rõ ràng	Trình bày còn hạn chế	Trình bày rời rạc	
5	Ý thức trách nhiệm và thái độ học tập	10%	CLO4	Chú đông, hợp tác và có trách nhiệm cao	Tham gia khá tích cực	Tham gia còn hạn chế	Thiếu trách nhiệm trong học tập	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Trưởng Đại học Văn Hiến



Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thiết kế web (Website Design)**
- Mã học phần: **MMC403**
- Số tín chỉ: **2**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không có**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa CNTT**
- Số tín chỉ: **02** ;
- Số giờ: **100** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **30 Giờ**
 - + Giờ thực hành, thí nghiệm: **0 Giờ**
 - + Thảo luận: **0 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thành Đạt**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa CNTT - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0783337041**
- Email: **datpt@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Tấn**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8.00 -16.00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa CNTT - Trường Đại học Văn Hiến**

- Địa điểm làm việc: Khoa CNTT - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903766808
- Email: tannq@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về Internet và quy trình tạo lập một Website đơn giản. Nội dung trọng tâm cung cấp kiến thức nền tảng về thiết kế Website tĩnh sử dụng công nghệ HTML và CSS, tạo tiền đề cho việc phát triển Web động. Sinh viên được hướng dẫn nguyên tắc thiết kế, quản lý cấu trúc Web, sử dụng các công cụ hỗ trợ (như Dreamweaver, VS Code) và cách thức xuất bản website lên môi trường Internet.

4. Mục tiêu của học phần

- Phân tích được cấu trúc, nguyên lý và quy trình thiết kế Website tĩnh theo chuẩn thương mại; giải thích được vai trò của ngôn ngữ đánh dấu, ngôn ngữ định dạng, bố cục, màu sắc, hình ảnh và trải nghiệm người dùng trong xây dựng giao diện Web; đánh giá được yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, đặc điểm người dùng và tiêu chuẩn hiển thị để định hướng giải pháp thiết kế Website có giá trị thực tiễn.

- Thiết kế được giao diện Website tĩnh đáp ứng yêu cầu truyền thông và thương mại; sử dụng thành thạo các ngôn ngữ đánh dấu, định dạng và công cụ quản trị Website để xây dựng, hiệu chỉnh, tối ưu và quản lý nội dung Web; phân tích được yêu cầu hệ thống, xây dựng được cấu trúc trang, trình bày và thuyết trình được giải pháp thiết kế Website theo chuẩn chuyên nghiệp.

Thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo, tư duy thẩm mỹ và trách nhiệm trong quá trình thiết kế Web; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, bản quyền nội dung số, quy định về dữ liệu và tính trung thực trong sản phẩm công nghệ; phát huy tinh thần tự học, hợp tác và ý thức tạo ra sản phẩm Website có tính ứng dụng, phù hợp với sự phát triển của môi trường số.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Chỉ ra được các công nghệ HTML, CSS và các công cụ hỗ trợ để xây dựng Website tĩnh, đảm bảo nguyên tắc hoạt động của hệ thống Web.	Mức 3 (Vận dụng)
CLO2	Sử dụng được giao diện Website tĩnh; tổ chức và quản trị hệ thống Website theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và thương mại.	Mức 3 (Chuẩn hóa)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Đóng góp được khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng sản phẩm CNTT phục vụ cộng đồng.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X	X				
CLO2					X			
CLO3						X		

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Giới thiệu mạng Internet và Website
1.1.	Các khái niệm cơ bản
1.2.	Lịch sử phát triển
1.3.	Các dịch vụ cơ bản của Internet
1.4.	Khai thác tài nguyên trên Internet
Chương 2	Tổng quan về thiết kế website
2.1.	Xác định mục đích, yêu cầu của website
2.2.	Đối tượng phục vụ
2.3.	Chủ đề của website
2.4.	Thiết kế giao diện website
2.5.	Khảo sát các website
Chương 3	HTML cơ bản
3.1.	Giới thiệu HTML
3.2.	Các thẻ HTML cơ bản
3.3.	Frame
3.4.	Form
3.5.	Thiết kế layout

Chương	Nội dung
3.6.	Thiết kế các trang Web theo mẫu
Chương 4	Cascading Style Sheet (CSS)
4.1.	Giới thiệu CSS
4.2.	Cách sử dụng CSS
4.3.	Class và ID
Chương 5	HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT
5.1.	DHTML
5.2.	Tổng quan về JavaScript
5.3.	Các toán tử trong JavaScript
5.4.	Các cấu trúc điều khiển trong JavaScript
5.5.	Hàm JavaScript
5.6.	Cách sử dụng trong website
Chương 6	Thiết kế Web với các công cụ
6.1.	Quản lý sự kiện
6.2.	Giới thiệu các framework
6.3.	Giới thiệu các công cụ thiết kế giao diện website
6.4.	Giới thiệu về Hosting

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Giới thiệu mạng Internet và Website	2	0	0	4	6
2	Tổng quan về thiết kế website	3	0	0	6	9
3	HTML cơ bản	5	0	0	20	25
4	Cascading Style Sheet (CSS)	10	0	0	20	30
5	HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT	5	0	0	10	15
6	Thiết kế Web với các công cụ	5	0	0	10	25
	TỔNG CỘNG HỌC PHẦN	30	0	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Làm quen với cấu trúc HTML cơ bản, Danh sách và Table.
2. Thiết kế giao diện và tương tác làm việc với Form, CSS Layout.
3. Lập trình ngôn ngữ script – Javascript và xử lý HTML DOM.
4. Lập trình và xuất bản website thực tế với các công cụ (VS Code, Dreamweaver) và Hosting.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Giới thiệu mạng Internet và Website	X		X
Chương 2: Tổng quan về thiết kế website	X	X	X
Chương 3: HTML cơ bản		X	X
Chương 4: Cascading Style Sheet (CSS)		X	X
Chương 5: HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT	X		X
Chương 6: Thiết kế Web với các công cụ		X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng trực quan (Interactive Lecturing)
- Dạy học qua dự án giả lập (Project-based Learning)
- Hướng dẫn thực hành
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng trực quan	X	X	
Giải thích cụ thể / Minh họa code	X		
Câu hỏi gợi mở / Động não	X	X	
Dạy học qua tình huống		X	X
Hướng dẫn thực hành Lab	X	X	
Điều phối Đồ án môn học		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Làm tiểu luận và tham gia vấn đáp

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Kiểm tra (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận + Vấn đáp	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Cuối khóa học	Tiểu luận (Hồ sơ kế hoạch dự	CLO1: Mức độ vận dụng quy trình.	Lấy dữ liệu tổng hợp đo

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			và kỹ năng	(Tuần 6)	án)+ Vấn đáp nhóm (11.3.a)	CLO2: Mức độ vận dụng công cụ.	CLO1, CLO2
Quá trình	CLO1; CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 5 - Tuần 6	Thực hành khách quan trên máy (11.3.b)	CLO1: Vận dụng quy trình CLO2: Kỹ năng sử dụng công cụ, lập lịch.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Chuyên cần	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần và thái độ thảo luận (11.3.c)	CLO3: Chăm chỉ tham gia lớp học, năng nổ tương tác phối hợp hoạt động nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả Đề thi kết thúc học phần – Tiểu luận và Vấn đáp nhóm (Trọng số 60%)

- Hình thức:* Sản phẩm hồ sơ kế hoạch dự án nhóm (Tiểu luận) + Vấn đáp bảo vệ.

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1: Cấu trúc thư mục & Mã nguồn hợp chuẩn (Clean Code).	CLO1	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm
Tiêu chí 2: Thiết kế giao diện (UI) & Trải nghiệm người dùng (UX).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 3: Khả năng co giãn giao diện (Responsive Web Design).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4: Triển khai mã nguồn (Deployment).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 5: Năng lực thuyết trình, phản biện trực tiếp và giải trình thuật toán quản trị trước hội đồng.	CLO3	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
TỔNG CỘNG ĐIỂM ĐỒ ÁN VÀ VẤN ĐÁP		1.0 đ	5.0 đ	4.0 đ	10 điểm

b. Ma trận đặc tả Bài kiểm tra quá trình (Trọng số 30%)

- Hình thức: Thực hành trực tiếp trên máy tính (Cá nhân).
- Thời gian làm bài: 60 - 90 phút.
- Nội dung kiểm tra: Kiểm tra trắc nghiệm với nội dung trải dài từ Chương 1 đến Chương 6.

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1 (Chương 1, 2): Tổ chức thư mục & Cấu trúc ngữ nghĩa HTML5.	CLO1, CLO2	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm
Tiêu chí 2 (Chương 3): Định dạng thành phần & Hệ thống lưới Layout.	CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
Tiêu chí 3 (Chương 4): Hiệu ứng tương tác giao diện (CSS Transitions / Hover Effects).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4 (Chương 5, 6): Tính thích ứng giao diện (Responsive Web Design cơ bản).	CLO1, CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
TỔNG ĐIỂM SỐ BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH QUÁ TRÌNH		1.0 đ	4.0 đ	5.0 đ	10 điểm

11.4. Rubrics định nghĩa mức năng lực học phần

a. Rubric 1: Đánh giá Điểm chuyên cần và Thái độ tự chủ (Trọng số 10% - Đo lường CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Ý thức tổ chức kỷ luật	Vắng mặt quá quy định (>20% số tiết); thường xuyên đi trễ hoặc làm việc riêng trong giờ lý thuyết/thực hành.	Đi học khá đầy đủ (vắng trong mức cho phép); có ý thức chấp hành nội quy lớp học nhưng còn thụ động.	Đi học chuyên cần, đúng giờ; nghiêm túc lắng nghe bài giảng và chủ động chuẩn bị tài liệu trước khi đến lớp.	Đi học đầy đủ 100%; luôn gương mẫu, tích cực tham gia xây dựng bài và tuân thủ tuyệt đối quy định.
Trách nhiệm và Phối hợp nhóm	Thụ động, đùn đẩy trách nhiệm; không hoàn thành phần việc nhóm giao; vi phạm đạo đức học thuật (sao chép).	Hoàn thành công việc ở mức cơ bản nhưng chậm tiến độ; cần nhóm trưởng hoặc giảng viên nhắc nhở, thúc ép liên tục.	Chủ động phối hợp với các thành viên; đóng góp ý kiến có chất lượng; hoàn thành tốt công việc được phân công đúng hạn.	Giữ vai trò nòng cốt dẫn dắt nhóm; hỗ trợ kỹ thuật tốt cho thành viên khác; hoàn thành xuất sắc công việc vượt tiến độ.

b. Rubric 2: Đánh giá Bài kiểm tra quá trình (Trọng số 30% - Đo lường CLO1, CLO2)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
1. Ngữ nghĩa HTML5	Không tổ chức thư mục. Sai cú pháp HTML dẫn đến lỗi biên dịch hiển thị. Lỗi hoàn toàn đường dẫn file CSS ngoại vi.	Cấu trúc thư mục lộn xộn (để chung ảnh và code). Thiếu các thẻ ngữ nghĩa HTML5 (chỉ dùng <div> và). Sai lệch 1-2 liên kết cục bộ.	Thư mục rõ ràng nhưng đặt tên file/ảnh chưa tối ưu. Sử dụng được thẻ ngữ nghĩa HTML5 nhưng đôi chỗ vẫn lạm dụng thẻ <div> vô tội vạ. Website hiển thị đúng.	Thư mục tổ chức chuẩn hóa (/css, /images, index.html). Sử dụng hoàn hảo các thẻ ngữ nghĩa (<header>, <nav>, <main>, <footer>). Không sai sót cú pháp, liên kết file ngoại vi chính xác.

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
2. Bố cục Layout & Định dạng CSS	Không chia được layout (các khối bị đổ dọc hoặc đề lên nhau). Sai lệch nghiêm trọng thuộc tính Box Model khiến giao diện vỡ hoàn toàn.	Layout hiển thị ở mức cơ bản, sử dụng các thuộc tính cũ (float, position) một cách gượng ép. Giao diện bị lệch so với yêu cầu thiết kế ban đầu.	Chia được layout bằng Flexbox/Grid nhưng còn vài lỗi khoảng cách nhỏ. Cấu trúc CSS rõ ràng nhưng đôi chỗ bị lặp mã (chưa tối ưu hóa Class).	Sử dụng thành thạo Flexbox/Grid để chia bố cục đa cột phức tạp. Quản lý Box Model (Margin/Padding) chuẩn xác đến từng pixel so với đề bài. Phân cấp Typography rõ ràng.
3. Hiệu ứng tương tác UI/UX	Không có bất kỳ hiệu ứng tương tác nào khi người dùng thao tác trên giao diện.	Chỉ có hiệu ứng đổi màu cơ bản khi di chuột (Hover {color:...}), chưa có chuyển động Transition mượt mà.	Có cài đặt hiệu ứng Hover và Transition nhưng chuyển động còn thô, giật lác hoặc chọn sai thời gian delay (quá nhANH/quá chậm).	Tích hợp các hiệu ứng Transition, Transform mượt mà khi Hover vào Button, Card sản phẩm hoặc Menu. Tạo cảm giác trực quan, chuyên nghiệp cho người dùng.
4. Tính thích ứng giao diện (Responsive)	Không viết Responsive. Website hiển thị trên Mobile bị vỡ khung hoàn toàn, xuất hiện thanh cuộn ngang gây ức chế trải nghiệm.	Có viết Media Queries nhưng tính toán tỷ lệ (%) hoặc đơn vị (rem/em) sai, dẫn đến việc font chữ bị quá to/nhỏ hoặc bị tràn khối nhẹ trên màn hình di động.	Giao diện thích ứng tốt trên Mobile, tuy nhiên các phần tử phức tạp như Menu hoặc Bảng (Table) dữ liệu nhỏ vẫn hơi bị dồn ép, chưa thực sự thẩm mỹ.	Viết Media Queries chuẩn, xử lý mượt mà sự co giãn bố cục tại các điểm gãy (Breakpoints). Giao diện hiển thị hoàn hảo trên cả Desktop và Mobile mà không bị cuộn ngang.

c. Rubric 3: Đánh giá Thi cuối kỳ Tiểu luận & Vấn đáp nhóm (Trọng số 60% - Đo lường CLO1, CLO2, CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Chất lượng sản phẩm Hồ sơ dự án	Hồ sơ lộn xộn, thiếu các thành phần cốt lõi; kế hoạch không mang tính khả thi; nội dung có dấu hiệu sao chép.	Hồ sơ đầy đủ các chương mục theo yêu cầu; nội dung dừng lại ở mức mô phỏng lý thuyết sơ cấp, chưa sát với thực tế.	Kế hoạch dự án có cấu trúc chặt chẽ, chuyên nghiệp; các biểu đồ và danh mục rủi ro được thiết kế logic, khả thi cao.	Sản phẩm đạt chuẩn doanh nghiệp thực tế; giải pháp quản trị toàn diện, tối ưu và ứng dụng công nghệ mới sáng tạo.
Năng lực thuyết trình & Phản biện	Trình bày lúng túng, không hiểu rõ sản phẩm của nhóm; không trả lời được các câu hỏi vấn đáp từ hội đồng.	Trình bày đủ nội dung nhưng chưa lôi cuốn; trả lời được các câu hỏi lý thuyết cơ bản, còn lúng túng trước câu hỏi tình huống.	Diễn đạt tự tin, rõ ràng; phối hợp thuyết trình nhóm tốt; trả lời chính xác, đúng trọng tâm câu hỏi của giảng viên.	Phong cách diễn thuyết chuyên nghiệp; dẫn dắt vấn đề xuất sắc; phản biện sắc bén và bảo vệ lập luận quản trị thuyết phục.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc (Giáo trình, bài giảng và tài liệu chính)

- Tập bài giảng Lập trình web cơ bản, lưu hành nội bộ.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Thực hành Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- Phạm Thị Nhung, Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Tập bài giảng Lập trình web cơ bản, lưu hành nội bộ.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Thực hành Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- Phạm Thị Nhung, Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.

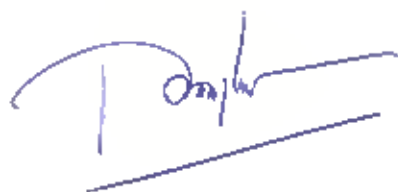
12.3. Công cụ và Hệ thống hỗ trợ thực hành (Bổ sung để đồng bộ với phần thực hành)

- Visual Studio Code

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Lực

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thành Đạt



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Thiết kế Web**
Lớp/Nhóm/Cá nhân:
Chủ đề:
Giảng viên chấm:
Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Đạt (5.5 - 6.9)	Cần cố gắng (< 5.5)	Điểm
1	Nội dung và Lập luận	30%	Luận điểm sắc bén, có chiều sâu. Phân tích bám sát vấn đề, lập luận chặt chẽ, đưa ra được góc nhìn mới mẻ và có tính thuyết phục cao.	Luận điểm rõ ràng, giải quyết được trọng tâm đề bài. Lập luận logic nhưng đôi chỗ chưa khai thác hết chiều sâu của vấn đề.	Luận điểm cơ bản, đôi lúc còn chung chung. Phân tích chủ yếu dừng ở mức độ mô tả, thiếu sự kết nối sâu sắc.	Lạc đề hoặc không có luận điểm rõ ràng. Lập luận lỏng lẻo, thiếu cơ sở thực tiễn hoặc lý luận.	
2	Cấu trúc và Tổ chức	20%	Bổ cục logic, mạch lạc. Trình bày đúng quy chuẩn của VHƯ (font, lề, giãn dòng). Phần mở đầu thu hút, thân bài chuyển ý mượt mà, kết luận tóm lược xuất sắc và mở ra hướng suy nghĩ mới.	Bổ cục đầy đủ các phần. Trình bày khá chín chu theo chuẩn VHƯ. Sự liên kết giữa các đoạn văn khá tốt, người đọc dễ dàng theo dõi mạch bài viết.	Có cấu trúc cơ bản nhưng đôi chỗ sắp xếp ý chưa hợp lý. Trình bày thiếu căn thận, không đáp ứng chuẩn của VHƯ. Thiếu sự chuyển tiếp mượt mà giữa các đoạn.	Cấu trúc rời rạc, lộn xộn. Trình bày cách hoàn thả, sai quy cách hoàn toàn so với chuẩn VHƯ. Các phần mở bài, thân bài, kết bài không rõ ràng hoặc không liên kết với nhau.	
3	Tư duy sáng tạo, phản biện	20%	Thể hiện rõ văn phong và tiếng nói cá nhân. Có tư duy phản biện độc lập, không rập khuôn theo	Có nỗ lực đưa góc nhìn cá nhân vào bài viết, văn phong tương đối tự nhiên	Bài viết chủ yếu tổng hợp lại ý kiến của người khác, ít thấy hoặc không có sự	Lệ thuộc hoàn toàn vào tài liệu tham khảo, diễn đạt khô khan,	



STT	Tiêu chí đánh giá và yếu tố độc bản	Trọng số	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Đạt (5.5 - 6.9)	Cần cố gắng (< 5.5)	Điểm
4	Yếu tố học thuật và Nguồn tài liệu	20%	Trích dẫn hoàn toàn chuẩn xác theo chuẩn của VHU. Nguồn tài liệu phong phú, uy tín, có tính cập nhật và được tổng hợp một cách khéo léo.	Trích dẫn đầy đủ, trình bày thoáng mắt lỗi nhỏ về format so với chuẩn của VHU. Nguồn tài liệu đáng tin cậy và có liên quan trực tiếp đến bài viết.	Có trích dẫn nhưng thiếu sót nhiều thông tin hoặc format sai so với chuẩn của VHU. Tài liệu tham khảo thiếu đa dạng.	Vi phạm đạo đức khoa học (đạo văn, không trích dẫn). Sử dụng nguồn tài liệu không đáng tin cậy.	
5	Ngôn ngữ trình bày	10%	Hoàn toàn không có lỗi chính tả hay ngữ pháp. Từ vựng học thuật phong phú.	Có một vài lỗi chính tả/ngữ pháp nhỏ nhưng không làm ảnh hưởng đến việc đọc hiểu.	Mắc nhiều lỗi chính tả/ngữ pháp, diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng.	Lỗi ngôn ngữ nghiêm trọng gây khó hiểu cho người đọc.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thực hành Thiết kế web (Website Design Practice)**
- Mã học phần: **MMC404**
- Số tín chỉ: **2**
- Cấp độ đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **MMC403**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa CNTT**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **60** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **60 Giờ**
 - + Giờ giảng: **0 Giờ**
 - + Giờ thực hành, thí nghiệm: **60 Giờ**
 - + Thảo luận: **0 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **40 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thành Đạt**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa CNTT - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0783337041**
- Email: **datpt@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Tấn**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa CNTT - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0903766808**
- Email: **tannq@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Internet, nguyên tắc thiết kế, quản lý và xuất bản website tĩnh. Sinh viên được hướng dẫn thiết kế website đơn giản bằng HTML, CSS và các công cụ hỗ trợ như Dreamweaver; qua đó hình thành nền tảng cần thiết để biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về Internet, nguyên tắc hoạt động của hệ thống Web, cấu trúc website tĩnh, vai trò của HTML, CSS và các công cụ hỗ trợ trong thiết kế, định dạng, quản trị website. Qua đó, sinh viên thiết kế được giao diện website tĩnh theo chuẩn kỹ thuật, thẩm mỹ và thương mại; sử dụng các ngôn ngữ đánh dấu, ngôn ngữ định dạng và công cụ hỗ trợ để xây dựng, tổ chức, quản lý website có cấu trúc đơn giản; đồng thời trình bày được giải pháp thiết kế Web phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Học phần góp phần hình thành tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hành thiết kế Web; ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, bản quyền tài nguyên số, đạo đức công nghệ và định hướng tạo ra sản phẩm website có giá trị phục vụ người dùng, cộng đồng.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Chỉ ra được các công nghệ HTML, CSS và các công cụ hỗ trợ để xây dựng Website tĩnh, đảm bảo nguyên tắc hoạt động của hệ thống Web.	Mức 3 (Vận dụng)
CLO2	Sử dụng được được giao diện Website tĩnh; tổ chức và quản trị hệ thống Website theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và thương mại.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO3	Đóng góp được khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng sản phẩm CNTT phục vụ cộng đồng.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1				X				
CLO2					X			
CLO3						X		

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Giới thiệu mạng Internet và Website
1.1.	Các khái niệm cơ bản
1.2.	Lịch sử phát triển
1.3.	Các dịch vụ cơ bản của Internet
1.4.	Khai thác tài nguyên trên Internet
Chương 2	Tổng quan về thiết kế website
2.1.	Xác định mục đích, yêu cầu của website
2.2.	Đối tượng phục vụ
2.3.	Chủ đề của website
2.4.	Thiết kế giao diện website
2.5.	Khảo sát các website
Chương 3	HTML cơ bản
3.1.	Giới thiệu HTML
3.2.	Các thẻ HTML cơ bản
3.3.	Frame
3.4.	Form
3.5.	Thiết kế layout
3.6.	Thiết kế các trang Web theo mẫu
Chương 4	Cascading Style Sheet (CSS)
4.1.	Giới thiệu CSS
4.2.	Cách sử dụng CSS
4.3.	Class và ID
Chương 5	HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT
5.1.	DHTML
5.2.	Tổng quan về JavaScript
5.3.	Các toán tử trong JavaScript

Chương	Nội dung
5.4.	Các cấu trúc điều khiển trong JavaScript
5.5.	Hàm JavaScript
5.6.	Cách sử dụng trong website
Chương 6	Thiết kế Web với các công cụ
6.1.	Quản lý sự kiện
6.2.	Giới thiệu các framework
6.3.	Giới thiệu các công cụ thiết kế giao diện website
6.4.	Giới thiệu về Hosting

6.2. Thực hành

Modul	Nội dung triển khai thực tế khi giảng dạy học phần
6.2.1	Bài tập cá nhân (Thực hành kỹ năng định lượng & cú pháp code): – Sinh viên thực hiện các bài Lab viết mã độc lập hàng tuần trên công cụ VS Code. – Hoàn thành viết mã cấu trúc tài liệu HTML đúng chuẩn, áp dụng các thuộc tính CSS định dạng Box Model, Flexbox, phối màu giao diện và xử lý kiểm tra biểu mẫu (Form Validation) bằng JavaScript.
6.2.2	Đồ án thực hành nhóm (Tích hợp Dự án xây dựng Website tĩnh): – Sinh viên làm việc theo nhóm (3-5 thành viên) để đóng vai trò như một đội ngũ phát triển thực tế, xây dựng một hệ thống website tĩnh hoàn chỉnh theo chủ đề tự chọn (Thương mại điện tử, Tin tức, Giới thiệu sản phẩm...). – Thực hiện từ bước phân tích yêu cầu, thiết kế giao diện phác thảo Wireframe, lập trình mã nguồn Front-end (HTML5/CSS3/JS), kiểm thử khả năng tương thích trình duyệt, cấu hình máy chủ hosting và đẩy dữ liệu xuất bản sản phẩm. – Tiến hành viết báo cáo kỹ thuật và thực hiện thuyết trình, demo vận hành sản phẩm trực tiếp trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Giới thiệu mạng Internet và Website	0	5	0	2	6
2	Tổng quan về thiết kế website	0	5	0	3	9
3	HTML cơ bản	0	10	0	10	25
4	Cascading Style Sheet (CSS)	0	20	0	10	30
5	HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT	0	10	0	10	15
6	Thiết kế Web với các công cụ	0	10	0	5	25
	TỔNG CỘNG HỌC PHẦN	0	60	0	40	100

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Giới thiệu mạng Internet và Website	X		X
Chương 2: Tổng quan về thiết kế website	X	X	X
Chương 3: HTML cơ bản		X	X
Chương 4: Cascading Style Sheet (CSS)		X	X
Chương 5: HTML DOM và ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT	X		X
Chương 6: Thiết kế Web với các công cụ		X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng trực quan (Interactive Lecturing)
- Dạy học qua dự án giả lập (Project-based Learning)
- Hướng dẫn thực hành

Tự học có hướng dẫn

- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng trực quan	X	X	
Giải thích cụ thể / Minh họa code	X		
Câu hỏi gợi mở / Động não	X	X	
Dạy học qua tình huống		X	X
Hướng dẫn thực hành Lab	X	X	
Điều phối Đồ án môn học		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Làm bài thực hành kết thúc môn

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 25%)	25%
2	Kết thúc học phần	Thực hành	75%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 25%, bao gồm:

Điểm chuyên cần: trọng số 25%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi, chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Cuối kỳ	CLO1; CLO2	75%	Kiến thức và kỹ năng	Cuối khóa học (Tuần 6)	Bài kiểm tra quá trình thực hành trên máy (11.3.a)	CLO1: Mức độ vận dụng quy trình. CLO2: Mức độ chuẩn hóa công cụ.	Lấy dữ liệu tổng hợp đo CLO1, CLO2
Chuyên cần	CLO3	25%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần và thái độ thảo luận (11.3.c)	CLO3: Chăm chỉ tham gia lớp học, năng nổ tương tác phối hợp hoạt động nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả Bài kiểm tra quá trình thực hành trên máy (Trọng số 75%)

- Hình thức: Thực hành trực tiếp trên máy tính (Cá nhân).
- Thời gian làm bài: 60 - 90 phút.
- Nội dung kiểm tra: Tổng hợp kỹ năng thực hành và vận dụng công cụ quản trị trải dài từ Chương 1 đến Chương 6.

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra thực hành	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1 (Chương 1, 2): Tổ chức thư mục & Cấu trúc ngữ nghĩa HTML5.	CLO1, CLO2	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm
Tiêu chí 2 (Chương 3): Định dạng thành phần & Hệ thống lưới Layout.	CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
Tiêu chí 3 (Chương 4): Hiệu ứng tương tác giao diện (CSS Transitions / Hover Effects).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4 (Chương 5, 6): Tính thích ứng giao diện (Responsive Web Design cơ bản).	CLO1, CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
TỔNG ĐIỂM SỐ BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH QUÁ TRÌNH		1.0 đ	4.0 đ	5.0 đ	10 điểm

11.4. Rubrics định nghĩa mức năng lực học phần

a. Rubric 1: Đánh giá Điểm chuyên cần và Thái độ tự chủ (Trọng số 25% - Đo lường CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Ý thức tổ chức kỷ luật	Vắng mặt quá quy định (>20% số tiết); thường xuyên đi trễ hoặc làm việc	Đi học khá đầy đủ (vắng trong mức cho phép); có ý thức chấp hành nội quy lớp	Đi học chuyên cần, đúng giờ; nghiêm túc lắng nghe bài giảng và chủ động chuẩn bị tài liệu	Đi học đầy đủ 100%; luôn gương mẫu, tích cực tham gia xây dựng bài và tuân thủ

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	riêng trong giờ lý thuyết/thực hành.	học nhưng còn thụ động.	trước khi đến lớp.	tuyệt đối quy định.
Trách nhiệm và Phối hợp nhóm	Thụ động, đùn đẩy trách nhiệm; không hoàn thành phần việc nhóm giao; vi phạm đạo đức học thuật (sao chép).	Hoàn thành công việc ở mức cơ bản nhưng chậm tiến độ; cần nhóm trưởng hoặc giảng viên nhắc nhở, thúc ép liên tục.	Chủ động phối hợp với các thành viên; đóng góp ý kiến có chất lượng; hoàn thành tốt công việc được phân công đúng hạn.	Giữ vai trò nòng cốt dẫn dắt nhóm; hỗ trợ kỹ thuật tốt cho thành viên khác; hoàn thành xuất sắc công việc vượt tiến độ.

b. Rubric 2: Đánh giá Bài kiểm tra thực hành quá trình trên máy (Trọng số 75% - Đo lường CLO1, CLO2)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
1. Cấu trúc thư mục & Ngữ nghĩa HTML5	Không tổ chức thư mục. Sai cú pháp HTML dẫn đến lỗi biên dịch hiển thị. Lỗi hoàn toàn đường dẫn file CSS ngoại vi.	Cấu trúc thư mục lộn xộn (để chung ảnh và code). Thiếu các thẻ ngữ nghĩa HTML5 (chỉ dùng <div> và). Sai lệch 1-2 liên kết cục bộ.	Thư mục rõ ràng nhưng đặt tên file/ảnh chưa tối ưu. Sử dụng được thẻ ngữ nghĩa HTML5 nhưng đôi chỗ vẫn lạm dụng thẻ <div> vô tội vạ. Website hiển thị đúng.	Thư mục tổ chức chuẩn hóa (/css, /images, index.html). Sử dụng hoàn hảo các thẻ ngữ nghĩa (<header>, <nav>, <main>, <footer>). Không sai sót cú pháp, liên kết file ngoại vi chính xác.
2. Bố cục Layout & Định dạng CSS	Không chia được layout (các khối bị đổ dọc hoặc đè lên nhau). Sai lệch	Layout hiển thị ở mức cơ bản, sử dụng các thuộc tính cũ (float, position) một	Chia được layout bằng Flexbox/Grid nhưng còn vài lỗi khoảng cách nhỏ. Cấu trúc	Sử dụng thành thạo Flexbox/Grid để chia bố cục đa cột phức tạp. Quản lý Box Model (Margin/Padding)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	ngghiêm trọng thuộc tính Box Model khiến giao diện vỡ hoàn toàn.	cách gương ép. Giao diện bị lệch so với yêu cầu thiết kế ban đầu.	CSS rõ ràng nhưng đôi chỗ bị lặp mã (chưa tối ưu hóa Class).	chuẩn xác đến từng pixel so với đề bài. Phân cấp Typography rõ ràng.
3. Hiệu ứng tương tác UI/UX	Không có bất kỳ hiệu ứng tương tác nào khi người dùng thao tác trên giao diện.	Chỉ có hiệu ứng đổi màu cơ bản khi di chuột (Hover {color:...}), chưa có chuyển động Transition mượt mà.	Có cài đặt hiệu ứng Hover và Transition nhưng chuyển động còn thô, giật lắt hoặc chọn sai thời gian delay (quá nhanh/quá chậm).	Tích hợp các hiệu ứng Transition, Transform mượt mà khi Hover vào Button, Card sản phẩm hoặc Menu. Tạo cảm giác trực quan, chuyên nghiệp cho người dùng.
4. Tính thích ứng giao diện (Responsive)	Không viết Responsive. Website hiển thị trên Mobile bị vỡ khung hoàn toàn, xuất hiện thanh cuộn ngang gây ức chế trải nghiệm.	Có viết Media Queries nhưng tính toán tỷ lệ (%) hoặc đơn vị (rem/em) sai, dẫn đến việc font chữ bị quá to/nhỏ hoặc bị tràn khối nhẹ trên màn hình di động.	Giao diện thích ứng tốt trên Mobile, tuy nhiên các phần tử phức tạp như Menu hoặc Bảng (Table) dữ liệu nhỏ vẫn hơi bị dồn ép, chưa thực sự thẩm mỹ.	Viết Media Queries chuẩn, xử lý mượt mà sự co giãn bố cục tại các điểm gãy (Breakpoints). Giao diện hiển thị hoàn hảo trên cả Desktop và Mobile mà không bị cuộn ngang.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc (Giáo trình, bài giảng và tài liệu chính)

- Tập bài giảng Lập trình web cơ bản, lưu hành nội bộ.
- ThS Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.

- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Thực hành Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- Phạm Thị Nhung, Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Tập bài giảng Lập trình web cơ bản, lưu hành nội bộ.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- ThS. Nguyễn Thị Nam, Tập bài giảng Thực hành Lập trình web, lưu hành nội bộ, 2020.
- Phạm Thị Nhung, Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.

12.3. Công cụ và Hệ thống hỗ trợ thực hành (Bổ sung để đồng bộ với phần thực hành)

- Visual Studio Code

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Lực

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thành Đạt



PHIẾU CHẤM THỰC HÀNH VÀ VẤN ĐÁP CUỐI KỲ

(Đánh giá sản phẩm nhóm phối hợp lý thuyết CLO1, thực hành kỹ năng CLO2 và thái độ tự chủ CLO3)

- Tên Sản phẩm:
- Nhóm/cá nhân thực hiện: Lớp học phần:
- Ngày chấm: /...../2026

BẢNG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỒ SƠ & NĂNG LỰC VẤN ĐÁP

STT	Thành phần / Tiêu chí đánh giá chi tiết	Điểm tối đa	Điểm nhóm (Sản phẩm)	Điểm cá nhân (Vấn đáp)	Tổng điểm thành phần	CĐR đo lường
1	Cấu trúc thư mục & Mã nguồn hợp chuẩn (Clean Code): Tổ chức cây thư mục dự án chuẩn hóa, tách bạch rõ ràng các tài nguyên	2.0				CLO1, CLO2
2	Thiết kế giao diện (UI) & Trải nghiệm người dùng (UX): Thiết kế Layout cân đối, hệ thống lưới (Grid/Flexbox) phân bố vùng nội dung trực quan; Phối màu đồng bộ theo bảng màu (Color Palette), Typography phân cấp rõ ràng (Heading, Paragraph) giúp người dùng dễ đọc	2.0				CLO2
3	Khả năng co giãn giao diện (Responsive Web Design): Website hiển thị mượt mà trên cả 3 loại thiết bị: Máy tính (Desktop), Máy tính bảng (Tablet), và Điện thoại di động (Mobile)	1.5				CLO2
4	Triển khai mã nguồn (Deployment): Tối ưu hóa SEO On-page cơ bản; Deploy và cấu hình chạy trực tuyến thành công trên các nền tảng hosting miễn phí	1.5				CLO1, CLO2



STT	Thành phần / Tiêu chí đánh giá chi tiết	Điểm tối đa	Điểm nhóm (Sân phẩm)	Điểm cá nhân (Vấn đáp)	Tổng điểm thành phần	CDR đo lường
5	Thuyết trình & Phản biện trực tiếp: Slide báo cáo chuyên nghiệp; phong cách diễn thuyết tự tin; lập luận biện luận sắc bén và trả lời đúng trọng tâm câu hỏi của Hội đồng.	2.0				CLO1, CLO2
6	Trách nhiệm và Phối hợp nhóm (Thái độ): Mức độ đóng góp nội bộ; tính chủ động tương tác hỗ trợ kỹ thuật; cam kết tiến độ và tính trung thực học thuật của cá nhân.	1.0				CLO3
	TỔNG ĐIỂM ĐỒ ÁN CUỐI KỲ (Thang 10)	10.0				

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Viết và biên tập tin/Write and edit files**
- Mã học phần: **PUR425**
- Số tín chỉ: **02**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **VIE201**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **100** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **20 Giờ**
 - + Thảo luận: **10 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **...Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thị Hương**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học ĐH Văn Hiến**
- Điện thoại: **0934976916**
- Email: **huongpt@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Thị Lợi**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0984155809**
- Email: **loitt@vhu.edu.vn**



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể loại tin trong báo chí, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin phổ biến. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, lựa chọn thông tin, viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược và thực hành biên tập tin bảo đảm tính chính xác, logic và phù hợp với mục đích truyền thông. Bên cạnh lý thuyết, học phần chú trọng thực hành viết và biên tập các loại tin báo chí, giúp người học nâng cao năng lực sản xuất nội dung thông tin trong môi trường truyền thông và báo chí hiện đại. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy nghề nghiệp, tính cẩn trọng và trách nhiệm trong xử lý, biên tập thông tin.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về thể loại tin báo chí, đặc điểm, cấu trúc, các dạng tin phổ biến, nguyên tắc biên tập tin và quy trình viết, biên tập tin trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng thu thập, lựa chọn và xử lý thông tin, vận dụng kỹ thuật viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược, thực hiện biên tập tin bảo đảm tính chính xác, logic, ngắn gọn và phù hợp với đối tượng tiếp nhận; đồng thời hình thành ý thức nghề nghiệp, tính cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm và tinh thần chủ động, nghiêm túc trong hoạt động sản xuất nội dung báo chí – truyền thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin báo chí; nguyên tắc và quy trình viết, biên tập tin trong hoạt động báo chí – truyền thông.	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Phân tích được cấu trúc, nội dung, giá trị thông tin và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của một sản phẩm tin báo chí.	Mức 4 (Phân tích)
CLO3	Vận dụng được các kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, viết và biên tập tin theo cấu trúc chuẩn nhằm tạo ra sản phẩm tin phù hợp với mục đích truyền thông.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO4	Đánh giá được vai trò của tính chính xác, trung thực, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức trong quá trình viết và biên tập tin.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	TỔNG QUAN VỀ THỂ LOẠI TIN
1.1	Khái niệm về tin
1.2	Đặc điểm của tin
1.3	Các dạng tin
	Tin văn
	Tin ngắn
	Tin sâu
	Tin tổng hợp
	Tin tường thuật
	Tin ảnh
	Tin công báo
Chương 2.	KỸ THUẬT VIẾT TIN
2.1	Các kiểu cấu trúc tin
2.2	Các yếu tố và trật tự của các yếu tố trong tin (5W+1H)
2.3	Kỹ thuật viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược
2.4	Thực hành viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược
Chương 3.	KỸ THUẬT BIÊN TẬP TIN
3.1	Nguyên tắc biên tập
3.2	Các bước biên tập
3.3	Những công việc cụ thể trong biên tập tin
3.4	Thực hành biên tập tin

6.2. Thực hành

- Sinh viên thực hành viết tin từ thông cáo báo chí, sự kiện.
- Sinh viên thực hành biên tập tin

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về thể loại tin	3	2		15	20
2	Kỹ thuật viết tin	10	5		30	45
3	Kỹ thuật biên tập tin	7	3		25	35
	Tổng	20	10		70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

- Nêu đặc điểm tin báo chí.
- Xác định các yếu tố 5W+H, viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược.
- Xác định các yếu tố 5W+H, biên tập tin có cấu trúc hình tháp ngược.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về thể loại tin	X	X		X
Chương 2. Kỹ thuật viết tin	X	X	X	X
Chương 3. Kỹ thuật biên tập tin	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn
- Giao bài tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Nghe giảng
- Làm bài tập
- Thực hành

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Hướng dẫn	X	X	X	X

Giao bài tập		X	X	X
Nghe giảng	X	X		X
Làm bài tập		X	X	X
Thực hành		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ bài tập được giao.
- Tham gia và hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Kiểm tra thường xuyên (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Thi tự luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Thi tự luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ; CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Tự luận (11.3.a)	Đánh giá dựa trên khả năng nhận diện thông tin; xác định chủ đề, trọng tâm sự kiện, các yếu tố 5W+H; thu thập thông tin theo đúng chủ đề; viết tin đúng cấu trúc; đúng văn phong báo chí; diễn đạt mạch lạc; hình thức trình bày phù hợp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2; CLO3
Quá trình (Bài tập thực hành viết & biên tập tin)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2-5	Bài tập thực hành; chấm sản phẩm tin; Rubric đánh giá thực hành	Thực hành thu thập thông tin, viết tin theo cấu trúc chuẩn và biên tập tin báo chí bảo đảm tính chính xác, logic và phù hợp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình (Chuyên cần, tham)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp học;	Đánh giá ý thức trách nhiệm, tính chính xác, trung thực và thái độ nghiêm túc trong	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
gia học tập)					mức độ tham gia thực hành	viết và biên tập tin.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (3 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 3

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Tổng quan về thể loại tin	CLO1, CLO2	1			1
Chương 2	Kỹ thuật viết tin	CLO2, CLO3			1	1
Chương 3	Kỹ thuật biên tập tin	CLO2, CLO3		1		1
TỔNG	3 câu (100%)		1 câu	1 câu	1 câu	3 câu

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1, CLO2, CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin báo chí; nguyên tắc và quy trình viết, biên tập tin. (1 câu – L1)	Trả lời đúng dưới 0.5 câu; chưa nhận diện đúng hoặc trình bày sai kiến thức cơ bản về thể loại tin.	Trả lời đúng từ 0.5 đến dưới 0.7 câu; trình bày được kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu hoặc chưa chính xác.	Trả lời đúng từ 0.7 đến dưới 0.85 câu; trình bày đúng phần lớn kiến thức về thể loại tin.	Trả lời đúng từ 0.85 đến 1 câu; trình bày đầy đủ, chính xác khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin.
CLO2: Phân tích được cấu trúc, nội dung, giá trị thông tin và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của một sản phẩm tin báo chí. (1 câu – L2)	Trả lời đúng dưới 0.5 câu; chưa phân tích được cấu trúc, nội dung hoặc xác định sai trọng tâm thông tin.	Trả lời đúng từ 0.5 đến dưới 0.7 câu; phân tích được một phần nội dung nhưng còn thiếu logic hoặc chưa đầy đủ.	Trả lời đúng từ 0.7 đến dưới 0.85 câu; phân tích đúng phần lớn cấu trúc, nội dung và trọng tâm thông tin.	Trả lời đúng từ 0.85 đến 1 câu; phân tích đầy đủ, logic, xác định đúng trọng tâm sự kiện và các yếu tố thông tin.
CLO3: Vận dụng được các kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, viết và biên tập tin theo cấu trúc chuẩn nhằm tạo ra sản phẩm tin phù hợp với mục đích truyền thông. (1 câu – L3, trọng số cao)	Trả lời đúng dưới 0.5 câu; chưa vận dụng được kỹ thuật viết tin hoặc sản phẩm không đúng cấu trúc, thiếu trọng tâm sự kiện.	Trả lời đúng từ 0.5 đến dưới 0.7 câu; viết được tin cơ bản nhưng còn lỗi về cấu trúc, văn phong báo chí hoặc diễn đạt.	Trả lời đúng từ 0.7 đến dưới 0.85 câu; viết tin tương đối đúng cấu trúc, xác định được trọng tâm, diễn đạt khá rõ ràng.	Trả lời đúng từ 0.85 đến 1 câu; vận dụng tốt kỹ thuật viết tin, đúng cấu trúc hình tháp ngược, đúng văn phong báo chí, đầy đủ 5W+1H, diễn đạt mạch lạc và trình bày phù hợp.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8,5 – 10 điểm):** Sinh viên thực hiện tốt các yêu cầu ở cả ba mức độ Nhận biết (L1), Thông hiểu (L2) và Vận dụng (L3); nắm vững khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin báo chí; phân tích đúng nội dung, trọng tâm sự kiện và vận dụng hiệu quả kỹ thuật viết – biên tập tin để tạo ra sản phẩm tin đúng cấu trúc, đúng văn phong báo chí, đầy đủ 5W+1H, diễn đạt mạch lạc và trình bày phù hợp.

- **Mức Khá (7,0 – 8,4 điểm):** Sinh viên nắm vững phần lớn nội dung trọng tâm ở mức Nhận biết (L1) và Thông hiểu (L2), đồng thời vận dụng tương đối tốt kiến thức ở mức Vận dụng (L3); xác định được trọng tâm sự kiện, viết và biên tập tin khá đúng cấu trúc nhưng vẫn còn một số hạn chế nhỏ về diễn đạt, trình bày hoặc mức độ hoàn thiện của sản phẩm tin.

- **Mức Trung bình (5,0 – 6,9 điểm):** Sinh viên chủ yếu đạt được yêu cầu ở mức Nhận biết (L1) và hiểu được các nội dung cơ bản ở mức Thông hiểu (L2); bước đầu biết vận dụng kỹ thuật viết – biên tập tin ở mức Vận dụng (L3) nhưng sản phẩm còn đơn giản, còn lỗi về cấu trúc, văn phong, cách xác định trọng tâm sự kiện hoặc trình bày thông tin.

- **Mức Yếu (Dưới 5,0 điểm):** Sinh viên chưa đạt được các yêu cầu cơ bản ở mức Nhận biết (L1), chưa hiểu rõ nội dung trọng tâm ở mức Thông hiểu (L2) và gặp nhiều khó khăn trong việc vận dụng kỹ thuật viết – biên tập tin ở mức Vận dụng (L3); sản phẩm tin chưa đúng cấu trúc, thiếu tính logic, chưa xác định được trọng tâm sự kiện hoặc các yếu tố 5W+1H.

b. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Thu thập và xác định thông tin sự kiện	20%	CLO2	Thu thập đầy đủ thông tin, xác định chính xác chủ đề, trọng tâm sự kiện và nguồn tin phù hợp.	Thu thập khá đầy đủ thông tin, xác định đúng chủ đề nhưng còn thiếu một vài chi tiết nhỏ.	Thu thập được thông tin cơ bản nhưng còn thiếu dữ kiện hoặc xác định trọng tâm chưa rõ.	Thông tin thiếu nhiều, xác định sai hoặc không rõ chủ đề/trọng tâm sự kiện.
2	Viết tin theo cấu trúc hình	35%	CLO3	Tin viết đúng cấu trúc hình tháp ngược; thông tin sắp	Tin tương đối đúng cấu trúc nhưng trình	Tin có cấu trúc cơ bản nhưng còn lúng túng	Tin không đúng cấu trúc hoặc trình bày

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	thấp ngược			xếp logic, nhấn mạnh đúng trọng tâm.	tự thông tin chưa thật sự tối ưu.	trong sắp xếp thông tin.	rời rạc, thiếu logic.
3	Nội dung và yếu tố 5W+1H	25%	CLO2, CLO3	Đầy đủ, chính xác các yếu tố 5W+1H; nội dung rõ ràng, phù hợp với sự kiện thực tế.	Đủ phần lớn yếu tố 5W+1H nhưng còn thiếu hoặc chưa rõ một vài nội dung nhỏ.	Có các yếu tố cơ bản nhưng còn thiếu nhiều thông tin hoặc chưa rõ ràng.	Thiếu nhiều yếu tố 5W+1H hoặc thông tin sai lệch.
4	Văn phong báo chí và hình thức trình bày	20%	CLO3	Diễn đạt mạch lạc, đúng văn phong báo chí; chính tả, ngữ pháp tốt; độ dài khoảng 200–300 chữ phù hợp.	Văn phong tương đối phù hợp nhưng còn lỗi nhỏ về diễn đạt hoặc trình bày.	Diễn đạt còn đơn giản, mắc nhiều lỗi diễn đạt/chính tả hoặc không đúng yêu cầu dung lượng	Văn phong chưa phù hợp báo chí; nhiều lỗi chính tả, trình bày khó hiểu

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiếu".
- CLO3 (Tâm vận động). Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phân xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Phạm Thị Hương, Tập bài giảng Viết và biên tập tin, Tài liệu lưu hành nội bộ.

12.2. Tài liệu tham khảo

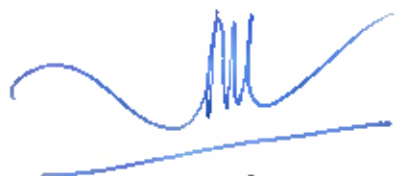
- Vũ Quang Hào (2004), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- Nguyễn Quang Hòa (tái bản 2021), *Biên tập báo chí*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

- Hồ Xuân Mai (2014), *Ngôn ngữ báo chí và biên tập báo*, NXB CTQG-ST.
- Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Pháp luật và đạo đức báo chí*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- Trần Quang (2005), *Kỹ thuật viết tin*, NXB ĐHQG Hà Nội.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hương



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Viết và biên tập tin**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			
GIẢNG VIÊN CHĂM			
(Ký và ghi rõ họ tên)			





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Kỹ thuật quay phim (Cinematography Techniques)**
- Mã học phần: MMC408
- Số tín chỉ: 03
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC407
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 150 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 30 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 105 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về camera và thiết bị ghi hình, cũng như cách sử dụng các thiết bị trên một cách chính xác và nghệ thuật; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công dụng của camera và thiết bị ghi hình, từ đó hiểu các loại máy quay thông dụng được sử dụng cho từng mục đích cụ thể. Người học được cung cấp kiến thức về các phần cơ bản của máy quay và một số chức năng trên máy quay cần lưu ý khi quay như: mức sáng, màn sập điện tử, cân bằng trắng, kính lọc cho máy quay, tỷ lệ tương phân, ống kính máy quay; cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quay phim như các cỡ cảnh, khung hình và bố cục tạo hình, các động tác và chuyển động máy quay, các góc độ máy quay, định hướng trên phim và trực diễn xuất. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức để có được những hình ảnh đẹp và chân thực khi ghi lại hình ảnh những tình huống trong các thể loại như: Phim truyện, tài liệu, ca nhạc... Bên cạnh đó, người học được biết đến những “chìa khóa” trong nghệ thuật kể chuyện qua hình ảnh một cách chân thực, sống động và lôi cuốn.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về camera, thiết bị ghi hình, thông số kỹ thuật, nguyên lý hoạt động của máy quay và các yếu tố tạo hình điện ảnh như cỡ cảnh, bố cục, góc máy, chuyển động máy, ánh sáng trong hoạt động quay phim. Qua đó, sinh viên vận dụng kỹ thuật sử dụng máy quay và thiết bị ghi hình để thực hiện các thao tác quay phim cơ bản, tổ chức hình ảnh phù hợp với nội dung, mục đích truyền thông, yêu cầu thẩm mỹ, cảm xúc và kể chuyện bằng hình ảnh. Học phần đồng thời hình thành thái độ nghiêm túc, sáng tạo, trách nhiệm, tinh thần hợp tác, chủ động học tập và ý thức nghề nghiệp trong hoạt động sản xuất hình ảnh, truyền thông nghe nhìn.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được nguyên lý hoạt động của camera, thiết bị ghi hình và các yếu tố kỹ thuật cơ bản trong quay phim	Mức 4 (Phân tích)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO2	Đánh giá được vai trò của bố cục hình ảnh, ánh sáng, góc máy, chuyển động máy và ngôn ngữ hình ảnh trong hoạt động quay phim và kể chuyện bằng hình ảnh.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Vận dụng được kỹ thuật quay phim và sử dụng thiết bị ghi hình để xây dựng hình ảnh phù hợp với từng thể loại và mục đích truyền thông.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Thể hiện tinh thần sáng tạo, hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình thực hiện các sản phẩm quay phim và bài tập thực hành.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về kỹ thuật quay phim
1.1	Khái niệm và vai trò của quay phim trong truyền thông nghe nhìn
1.2	Các loại camera và thiết bị ghi hình
1.3	Quy trình sản xuất hình ảnh
Chương 2.	Camera và các thông số kỹ thuật cơ bản
2.1	Cấu tạo máy quay
2.2	Ống kính và tiêu cự
2.3	Mức sáng, màn sập điện tử và cân bằng trắng
2.4	Kính lọc và tỷ lệ tương phản

Chương/Mục	Nội dung
Chương 3.	Ngôn ngữ hình ảnh trong quay phim
3.1	Cỡ cảnh và bố cục khung hình
3.2	Góc máy và ý nghĩa biểu đạt
3.3	Chuyển động máy quay
3.4	Định hướng trên phim và trực diện xuất
Chương 4.	Ánh sáng và màu sắc trong quay phim
4.1	Các loại ánh sáng trong quay phim
4.2	Bố trí ánh sáng cơ bản
4.3	Màu sắc và cảm xúc hình ảnh
Chương 5.	Kỹ thuật quay theo thể loại
5.1	Kỹ thuật quay phim truyện
5.2	Kỹ thuật quay phim tài liệu
5.3	Kỹ thuật quay MV ca nhạc
5.4	Kỹ thuật quay sản phẩm truyền thông số
Chương 6.	Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh
6.1	Hình ảnh và nhịp điệu kể chuyện
6.2	Tổ chức hình ảnh và cảm xúc
6.3	Xây dựng ngôn ngữ điện ảnh
6.4	Phân tích các cảnh quay tiêu biểu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập quay cơ bản về bố cục khung hình, cỡ cảnh, chuyển động máy, ánh sáng và góc máy; vận dụng kỹ thuật quay để xây dựng các đoạn video ngắn phù hợp với nội dung truyền thông.
6.2.2	Bài tập nhóm

	Nội dung
	Người học thực hiện bài tập quay phim theo nhóm ở các thể loại như phim ngắn, MV, phóng sự hoặc video truyền thông; phân công vai trò trong ê-kíp quay và phối hợp thực hiện sản phẩm hình ảnh hoàn chỉnh.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về kỹ thuật quay phim	5	2		10	15
2	Camera và các thông số kỹ thuật cơ bản	5	3		20	28
3	Ngôn ngữ hình ảnh trong quay phim	5	3		20	28
4	Ánh sáng và màu sắc trong quay phim	5	3		20	28
5	Kỹ thuật quay theo thể loại	5	2		20	27
6	Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh	5	2		15	22
	Tổng	30	15		105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

- Vai trò của kỹ thuật quay phim trong truyền thông nghe nhìn hiện đại
- Ảnh hưởng của bố cục khung hình và góc máy đối với cảm xúc người xem
- Phân tích chuyển động máy quay trong phim điện ảnh hoặc MV ca nhạc
- Ánh sáng và màu sắc trong xây dựng không khí hình ảnh
- So sánh kỹ thuật quay phim giữa phim truyện, phim tài liệu và video truyền thông số
- Vai trò của ống kính và tiêu cự trong kể chuyện bằng hình ảnh
- Phân tích nghệ thuật kể chuyện qua hình ảnh trong một cảnh phim tiêu biểu
- Các lỗi kỹ thuật thường gặp khi quay phim và giải pháp khắc phục
- Xu hướng quay phim bằng thiết bị số và điện thoại thông minh trong truyền thông hiện nay

- Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của người quay phim trong sản xuất hình ảnh truyền thông hiện đại.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về kỹ thuật quay phim	X			
Chương 2. Camera và các thông số kỹ thuật cơ bản	X	X	X	
Chương 3. Ngôn ngữ hình ảnh trong quay phim	X	X	X	
Chương 4. Ánh sáng và màu sắc trong quay phim	X	X	X	
Chương 5. Kỹ thuật quay theo thể loại		X	X	X
Chương 6. Nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

- Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:
- Thuyết giảng
- Thực hành quay phim
- Phân tích tình huống hình ảnh
- Thị phạm kỹ thuật
- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình – phản biện
- Dự án sản phẩm hình ảnh

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Thị phạm kỹ thuật	X	X	X	
Thực hành quay phim		X	X	X
Phân tích tình huống hình ảnh	X	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X
Dự án sản phẩm hình ảnh		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.

Chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hành kỹ thuật quay phim ngoài giờ học.

Hoàn thành các bài tập quay phim cá nhân và nhóm.

Chuẩn bị thiết bị và tham gia đầy đủ các hoạt động thực hành ghi hình.

Hoàn thành sản phẩm cuối kỳ đúng tiến độ và yêu cầu học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (10%) + Thực hành/thuyết trình nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cuối kỳ/ Dự án video	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Dự án video/tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 10	Tiểu luận/dự án video – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích kỹ thuật quay phim, bố cục hình ảnh, góc máy, ánh sáng, chuyển động máy và nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh trong sản phẩm video.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–9	Bài tập thực hành; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá quá trình sử dụng máy quay, thiết bị ghi hình, bố cục hình ảnh, thao tác quay và khả năng vận dụng kỹ thuật quay phim trong các bài tập thực hành.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–10)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần hợp tác, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm và thái độ học tập trong quá trình thực hành quay phim và sản xuất sản phẩm hình ảnh.	Lấy dữ liệu đo từ CLO

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thực hành quay phim, thảo luận, phản biện và thể hiện tinh thần tự học, hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp trong các hoạt động sản xuất hình ảnh trên lớp.	CLO4	Thái độ Level 5 Evaluate	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; ghi nhận mức độ tham gia thực hành.	Sổ điểm danh; ghi nhận của GV
Thuyết trình/thực hành nhóm (30%)	Phân tích kỹ thuật quay phim; trình bày và thực hành các kỹ thuật về bố cục, cỡ cảnh, góc máy, chuyển động máy, ánh sáng và kể chuyện bằng hình ảnh; thảo luận và phản biện phương án quay phim cho từng thể loại sản phẩm truyền thông.	CLO2 ; CLO3	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric thuyết trình & thực hành nhóm; phiếu đánh giá nhóm/cá nhân.	Video thực hành; slide thuyết trình; storyboard; phiếu đánh giá; nhận xét phản biện.
Dự án video/tiểu luận cuối kỳ (60%)	Thực hiện sản phẩm video hoặc bài phân tích kỹ thuật quay phim cho một tình huống truyền thông cụ thể, vận dụng kỹ thuật quay phim, ngôn ngữ hình ảnh, ánh sáng và bố cục để xây dựng sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và truyền tải nội dung hiệu quả.	CLO1 ; CLO2	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric đánh giá dự án video/tiểu luận cuối kỳ.	Sản phẩm video; bài tiểu luận; file dựng; storyboard; báo cáo nhóm/cá nhân.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Phân tích được nguyên lý hoạt động của camera, thiết bị ghi hình và các yếu tố kỹ thuật cơ bản trong quay phim.	Không phân tích được nguyên lý hoạt động của camera và thiết bị ghi hình; nhầm lẫn các thông số kỹ thuật cơ bản; không hiểu vai trò của ánh sáng, ống kính, cân bằng trắng hoặc chuyển động máy trong quay phim.	Phân tích được một số nội dung cơ bản về camera và thiết bị ghi hình nhưng còn khái quát; nhận diện được một số thông số kỹ thuật nhưng giải thích chưa rõ hoặc chưa liên hệ thực tế quay phim.	Phân tích tương đối đúng nguyên lý hoạt động của camera, ánh sáng, ống kính và các yếu tố kỹ thuật trong quay phim; liên hệ được với các tình huống quay phim thực tế.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống nguyên lý hoạt động của camera và thiết bị ghi hình; đánh giá được vai trò của các yếu tố kỹ thuật trong việc tạo dựng hình ảnh và hiệu quả biểu đạt điện ảnh.
CLO2: Đánh giá được vai trò của bố cục hình ảnh, ánh sáng, góc máy, chuyển động máy và ngôn ngữ hình ảnh trong hoạt động quay phim và kể chuyện bằng hình ảnh.	Không đánh giá được vai trò của bố cục, góc máy, ánh sáng hoặc chuyển động máy; phân tích hình ảnh cảm tính, thiếu căn cứ chuyên môn.	Đánh giá được một số yếu tố tạo hình trong quay phim nhưng còn sơ lược; chưa giải thích rõ tác động của ngôn ngữ hình ảnh đối với cảm xúc và nội dung truyền tải.	Đánh giá tương đối đầy đủ vai trò của bố cục, ánh sáng, góc máy và chuyển động máy; phân tích được hiệu quả kể chuyện bằng hình ảnh trong một số tình huống quay phim.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về vai trò của ngôn ngữ hình ảnh; phân tích được hiệu quả thẩm mỹ, cảm xúc và khả năng kể chuyện của hình ảnh trong các sản phẩm điện ảnh và truyền thông.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu sâu kiến thức kỹ thuật quay phim, vận dụng hiệu quả trong phân tích và thực hành; có khả năng sáng tạo và liên hệ thực tiễn tốt.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản, vận dụng tương đối tốt các kỹ thuật quay phim và phân tích hình ảnh.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9): Hiểu kiến thức ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế trong phân tích và thực hành kỹ thuật quay phim.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức và kỹ thuật cốt lõi; vận dụng thiếu chính xác hoặc chưa thực hiện được yêu cầu cơ bản.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua thao tác thực hành quay phim, phân xạ xử lý hình ảnh và tương tác nhóm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng sử dụng camera và thiết bị ghi hình	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Thao tác thành thạo camera và thiết bị ghi hình; kiểm soát tốt ánh sáng, bố cục, cân bằng trắng, tiêu cự và chuyển động máy; hình ảnh ổn định và có tính thẩm mỹ cao.	Sử dụng tương đối tốt camera và thiết bị; thực hiện được các thao tác kỹ thuật cơ bản; hình ảnh đạt yêu cầu về bố cục và ánh sáng.	Thực hiện được một số thao tác cơ bản nhưng còn lúng túng; hình ảnh chưa ổn định hoặc chưa kiểm soát tốt ánh sáng và bố cục.	Không thực hiện đúng thao tác kỹ thuật; sử dụng thiết bị thiếu chính xác; hình ảnh rung, sai sáng hoặc thiếu bố cục cơ bản.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
2	Năng lực xử lý tình huống và phân biệt chuyên môn	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phản xạ nhanh trước các tình huống quay; giải thích rõ lựa chọn góc máy, ánh sáng, bố cục và chuyển động máy; lập luận sắc sảo và có căn cứ chuyên môn.	Trả lời đúng trọng tâm; giải thích được cơ sở lựa chọn kỹ thuật quay và xử lý hình ảnh; có khả năng điều chỉnh khi được phân	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thật chặt chẽ; giải thích kỹ thuật quay còn đơn giản.	Không giải thích được lựa chọn kỹ thuật; né tránh hoặc trả lời sai các câu hỏi phân biệt; không xử lý được tình huống quay phim cơ bản.
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phối hợp hiệu quả giữa các thành viên trong ê-kíp quay; phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong thực hành và phân biệt; tương tác tích cực với giảng viên và nhóm khác.	Có phân công nhiệm vụ tương đối hợp lý; phối hợp khá tốt trong quá trình quay và trình bày sản phẩm.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều; chuyển tiếp công việc còn rời rạc; một số thành viên tham gia hạn chế.	Hoạt động nhóm thiếu phối hợp; không thể hiện được vai trò cá nhân trong quá trình thực hành quay phim.

c. Rubric đánh giá tiểu luận /dự án video

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức về camera, thiết bị ghi hình và kỹ thuật quay phim	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về camera, thiết bị ghi hình và kỹ thuật quay phim; chưa hiểu các thông số kỹ thuật như ánh sáng, cân bằng trắng, tiêu cự hoặc chuyển động máy.	Nêu được một số nội dung cơ bản về camera và kỹ thuật quay phim nhưng còn khái quát; giải thích các thông số kỹ thuật chưa rõ; liên hệ thực tế còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng nguyên lý hoạt động của camera và các yếu tố kỹ thuật trong quay phim; có liên hệ với các tình huống quay phim thực tế.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các yếu tố kỹ thuật quay phim; đánh giá được vai trò của camera, ánh sáng, ống kính và chuyển động máy trong việc tạo dựng hình ảnh điện ảnh và truyền thông.
2	Kiến thức về ngôn ngữ hình ảnh và kể chuyện bằng hình ảnh	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của bố cục, góc máy, ánh sáng hoặc chuyển động máy; sản phẩm hình ảnh thiếu định hướng nội dung và cảm xúc.	Nhận diện được một số yếu tố ngôn ngữ hình ảnh nhưng phân tích còn sơ lược; hiệu quả kể chuyện bằng hình ảnh chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đúng vai trò của bố cục, góc máy, ánh sáng và chuyển động máy; sản phẩm hình ảnh có khả năng truyền tải nội dung và cảm xúc cơ bản.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ hình ảnh; vận dụng hiệu quả bố cục, ánh sáng, góc máy và chuyển động máy để kể chuyện bằng hình ảnh một cách hấp dẫn, có tính thẩm

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
							mỹ và cảm xúc cao.
3	Thực hiện sản phẩm quay phim/dự án video	30%	CLO3	Sản phẩm thiếu cấu trúc hoặc không hoàn chỉnh; hình ảnh rung, sai sáng, bố cục lộn xộn; chưa vận dụng được kỹ thuật quay phim cơ bản.	Thực hiện được sản phẩm ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế về bố cục, ánh sáng, chuyển động máy hoặc tính liên kết hình ảnh; kỹ thuật quay chưa ổn định.	Thực hiện tương đối tốt sản phẩm quay phim; vận dụng được các kỹ thuật quay cơ bản; hình ảnh tương đối ổn định và phù hợp với nội dung truyền thông.	Thực hiện sản phẩm quay phim hoàn chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật quay, ánh sáng, bố cục và chuyển động máy; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và hiệu quả truyền thông rõ rệt.
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện dự án; thiếu trách nhiệm trong phối hợp nhóm và sản xuất hình ảnh.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện sản phẩm.	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện dự án; sản phẩm được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
							của cá nhân/nhóm.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiếu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc

Trần Bảo Khánh (2000), Quay phim truyền hình, Phân viện Báo chí Tuyên truyền

12.2. Tài liệu tham khảo

Bruno TOUSSAINT (2007), Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch) NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.

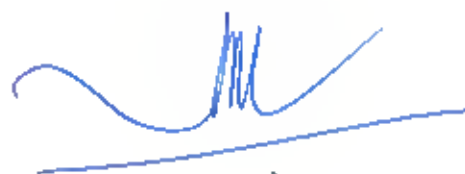
Thomas I.Ford, Kỹ thuật quay video căn bản

Mascelli, Joseph V. (1991), Nghệ thuật quay phim và video (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Kỹ thuật quay phim

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn vỏi.	
3	Kỹ năng hợp phối & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phân trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			
GIẢNG VIÊN CHẤM			
(Ký và ghi rõ họ tên)			



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Kỹ thuật quay phim**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Kiến thức về camera, thiết bị ghi hình và kỹ thuật quay phim	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về camera, thiết bị ghi hình và kỹ thuật quay phim; chưa hiểu các thông số kỹ thuật như ánh sáng, cân bằng trắng, tiêu cự hoặc chuyển động máy.	Nêu được một số nội dung cơ bản về camera và kỹ thuật quay phim nhưng còn khái quát; giải thích các thông số kỹ thuật chưa rõ; liên hệ thực tế còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng nguyên lý hoạt động của camera và các yếu tố kỹ thuật trong quay phim; có liên hệ với các tình huống quay phim thực tế.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các yếu tố kỹ thuật quay phim; đánh giá được vai trò của camera, ánh sáng, ống kính và chuyển động máy trong việc tạo dựng hình ảnh điện ảnh và truyền thông.	
2	Kiến thức về ngôn ngữ hình ảnh và kể chuyện	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của bố cục, góc máy, ánh sáng hoặc chuyển động máy; sản phẩm hình ảnh thiếu	Nhận diện được một số yếu tố ngôn ngữ hình ảnh nhưng phân tích còn sơ lược;	Đánh giá tương đối đúng vai trò của bố cục, góc máy, ánh sáng và chuyển động máy;	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ hình ảnh; vận dụng hiệu quả bố cục, ánh sáng, góc	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khả 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	bằng hình ảnh			định hướng nội dung và cảm xúc.	hiệu quả kể chuyện bằng hình ảnh chưa rõ ràng.	sản phẩm hình ảnh có khả năng truyền tải nội dung và cảm xúc cơ bản.	máy và chuyển động máy để kể chuyện bằng hình ảnh một cách hấp dẫn, có tính thẩm mỹ và cảm xúc cao.	
3	Thực hiện sản phẩm quay phim/dự án video	30%	CLO3	Sản phẩm thiếu cấu trúc hoặc không hoàn chỉnh; hình ảnh rung, sai sáng, bố cục lộn xộn; chưa vận dụng được kỹ thuật quay phim cơ bản.	Thực hiện được sản phẩm ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế về bố cục, ánh sáng, chuyển động máy hoặc tính liên kết hình ảnh; kỹ thuật quay chưa ổn định.	Thực hiện tương đối tốt sản phẩm quay phim; vận dụng được các kỹ thuật quay cơ bản; hình ảnh tương đối ổn định và phù hợp với nội dung truyền thông.	Thực hiện sản phẩm quay phim hoàn chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật quay, ánh sáng, bố cục và chuyển động máy; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và hiệu quả truyền thông rõ rệt.	
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện dự án; thiếu trách nhiệm	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện dự án; sản phẩm được đầu tư	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khả 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
				trong phối hợp nhóm và sản xuất hình ảnh.	nghề nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	nghề nghiệp trong quá trình thực hiện sản phẩm.	ngghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Kỹ thuật dựng phim (Film Editing Techniques)**
- Mã học phần: MMC409
- Số tín chỉ: 03
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC407
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 150 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 30 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: .. Giờ
 - Giờ tự học: 105 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916



Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về dựng phim trong nghệ thuật điện ảnh, truyền hình; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận hiện đại trong công tác dựng phim hiện nay của thế giới, giúp sinh viên hoàn thiện “bản phim trên giấy” hay còn gọi là Dựng phim tiền kỳ (chỉ có trong phim truyện); đồng thời rèn luyện kỹ năng thực hành dựng phim, giúp sinh viên có thể trực tiếp dựng phim cơ bản hoặc phối hợp và chỉ đạo tốt hơn với chuyên viên dựng phim trong giai đoạn sản xuất hậu kỳ - Dựng phim hậu kỳ để hoàn thành tác phẩm điện ảnh - truyền hình; cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về dựng phim cũng như công nghệ và phần mềm. Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề, định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời cho sinh viên trong quá trình học tập làm phim.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý dựng phim, ngôn ngữ dựng phim, quy trình hậu kỳ và phần mềm dựng phim trong sản xuất điện ảnh – truyền hình. Qua đó, sinh viên vận dụng kỹ thuật và phần mềm dựng phim để xây dựng sản phẩm nghe nhìn có cấu trúc, nhịp điệu, cảm xúc và hiệu quả truyền thông phù hợp với từng thể loại. Học phần đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng hợp tác và thái độ học tập nghiêm túc trong quá trình thực hiện sản phẩm dựng phim và hoạt động hậu kỳ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim trong điện ảnh và truyền hình.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh, hình ảnh và ngôn ngữ dựng phim trong việc kể chuyện và biểu đạt cảm xúc.	Mức 5 (Đánh giá)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Vận dụng được phần mềm và kỹ thuật dựng phim để thực hiện sản phẩm hậu kỳ cơ bản phù hợp với nội dung truyền thông.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Thể hiện tinh thần sáng tạo, hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức trong quá trình thực hiện sản phẩm dựng phim.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về dựng phim
1.1	Khái niệm và vai trò của dựng phim
1.2	Quy trình hậu kỳ trong điện ảnh – truyền hình
1.3	Dựng phim tiền kỳ và hậu kỳ
Chương 2.	Ngôn ngữ dựng phim và nhịp dựng
2.1	Các nguyên tắc dựng phim
2.2	Nhịp dựng và cảm xúc hình ảnh
2.3	Chuyển cảnh và liên kết hình ảnh

Chương/Mục	Nội dung
2.4	Âm thanh trong dựng phim
Chương 3.	Kỹ thuật dựng phim cơ bản
3.1	Kỹ thuật cắt dựng
3.2	Đồng bộ hình ảnh và âm thanh
3.3	Dựng continuity và montage
3.4	Dựng trailer và teaser
Chương 4.	Phần mềm và công nghệ dựng phim
4.1	Tổng quan phần mềm dựng phim
4.2	Adobe Premiere, DaVinci Resolve, Final Cut
4.3	Workflow hậu kỳ số
4.4.	Quản lý dữ liệu và xuất file
Chương 5.	Dựng phim theo thể loại
5.1	Dựng phim truyện
5.2	Dựng phim tài liệu
5.3	Dựng MV ca nhạc
5.4	Dựng video truyền thông số
Chương 6.	Thẩm mỹ và đạo đức nghề dựng phim
6.1	Tư duy thẩm mỹ trong dựng phim
6.2	Đạo đức nghề nghiệp trong hậu kỳ
6.3	Tác quyền và sử dụng tư liệu hình ảnh
6.4	Xu hướng dựng phim hiện đại

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập dựng phim cơ bản như cắt dựng continuity, dựng montage, xử lý nhịp dựng, đồng bộ âm thanh – hình ảnh, chuyển cảnh và tổ chức nhịp điệu hình ảnh; vận dụng phần mềm dựng phim để hoàn thiện các đoạn video ngắn theo yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ.
6.2.2	Bài tập nhóm
	Người học thực hiện các dự án dựng phim theo nhóm đối với các thể loại như phim ngắn, MV ca nhạc, video truyền thông hoặc phim tài liệu; phối hợp trong các công đoạn lựa chọn footage, xây dựng cấu trúc dựng, xử lý âm thanh – hình ảnh, hiệu ứng chuyển cảnh và hoàn thiện sản phẩm hậu kỳ phù hợp với mục tiêu truyền thông và nghệ thuật kể chuyện bằng hình ảnh.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về dựng phim	5	2		10	15
2	Ngôn ngữ dựng phim và nhịp dựng	5	3		20	28
3	Kỹ thuật dựng phim cơ bản	5	3		20	28
4	Phần mềm và công nghệ dựng phim	5	3		20	28
5	Dựng phim theo thể loại	5	2		20	27
6	Thẩm mỹ và đạo đức nghề dựng phim	5	2		15	22
	Tổng	30	15		105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

Vai trò của dựng phim trong nghệ thuật kể chuyện điện ảnh

So sánh dựng continuity và montage trong điện ảnh

Ảnh hưởng của nhịp dựng đối với cảm xúc khán giả

Vai trò của âm thanh trong dựng phim

Phân tích kỹ thuật dựng trong một MV ca nhạc nổi bật

Xu hướng dựng phim trên nền tảng số hiện nay

So sánh workflow giữa dựng phim điện ảnh và video truyền thông

Đạo đức nghề nghiệp và bản quyền trong hậu kỳ phim ảnh

Phân tích phong cách dựng phim của một đạo diễn hoặc editor nổi bật

Ứng dụng AI và công nghệ mới trong dựng phim hiện đại

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về dựng phim	X			
Chương 2. Ngôn ngữ dựng phim và nhịp dựng	X	X		
Chương 3. Kỹ thuật dựng phim cơ bản	X	X	X	
Chương 4. Phần mềm và công nghệ dựng phim	X		X	
Chương 5. Dựng phim theo thể loại		X	X	X
Chương 6. Thẩm mỹ và đạo đức nghề dựng phim		X		X

8. Phương pháp giảng dạy - học

- Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng

- Thị phạm kỹ thuật dựng phim

- Thực hành dựng phim

Phân tích tình huống hình ảnh

- Thảo luận nhóm

Thuyết trình – phản biện

- Dự án sản phẩm hậu kỳ

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Thị phạm kỹ thuật dựng phim	X	X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thực hành dựng phim		X	X	X
Phân tích tình huống hình ảnh	X	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X
Dự án sản phẩm hậu kỳ		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành

Hoàn thành bài tập dựng phim cá nhân và nhóm

Chủ động nghiên cứu phần mềm và công nghệ dựng phim

Tham gia thảo luận, phản biện trên lớp

Hoàn thành sản phẩm cuối kỳ đúng tiến độ

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (10%) + Thực hành/thuyết trình nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cuối kỳ/ Dự án video	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham	Vắng quá	Tham gia dưới 50%	Tham gia khoảng 50%-	Tham gia khoảng	Tham gia đầy đủ;	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
gia học tập (CLO4)	30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Dự án video/tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 10	Tiểu luận/dự án video – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích kỹ thuật dựng phim, nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh và ngôn ngữ hình ảnh trong sản phẩm hậu kỳ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-9	Bài tập thực hành; thảo luận; thuyết trình – phản biện	Đánh giá quá trình sử dụng phần mềm dựng phim, kỹ năng cắt dựng, xử lý hình ảnh và âm	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					nhóm (11.3.b)	thanh trong bài tập thực hành.	-
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ học tập trong quá trình thực hiện sản phẩm hậu kỳ.	Lấy dữ liệu do từ CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thực hành dựng phim, thảo luận và phân biện về kỹ thuật dựng phim và ngôn ngữ hình ảnh.	CLO4	Thái độ – Level 5 Evaluate	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp	Sổ điểm danh; ghi nhận GV
Thuyết trình/ thực hành nhóm (30%)	Phân tích kỹ thuật dựng phim, nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh và workflow hậu kỳ; thực hành dựng video ngắn.	CLO2 ; CLO3	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric thuyết trình & thực hành nhóm	Video thực hành; project file; slide
Dự án video/tiểu luận cuối kỳ (60%)	Thực hiện sản phẩm dựng phim hoàn chỉnh hoặc bài phân tích kỹ thuật dựng phim cho tình huống truyền thông cụ thể	CLO1 ; CLO2	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric dự án video/tiểu luận cuối kỳ	Sản phẩm video; báo cáo; file dựng

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Phân tích được các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim trong điện ảnh và truyền hình.	Không phân tích được nguyên lý và quy trình dựng phim; nhầm lẫn các kỹ thuật dựng cơ bản; không hiểu vai trò của dựng phim trong sản xuất điện ảnh – truyền hình.	Phân tích được một số nội dung cơ bản về quy trình và kỹ thuật dựng phim nhưng còn khái quát; giải thích các nguyên lý dựng phim chưa rõ hoặc chưa liên hệ được với thực tiễn sản xuất hậu kỳ.	Phân tích tương đối đúng các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; nhận diện được vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh và tổ chức hình ảnh trong sản phẩm điện ảnh – truyền hình.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; đánh giá được hiệu quả của các phương pháp dựng trong việc tổ chức ngôn ngữ hình ảnh và kể chuyện điện ảnh.
CLO2: Đánh giá được vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh, hình ảnh và ngôn ngữ dựng phim trong việc kể chuyện và biểu đạt cảm xúc.	Không đánh giá được vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh hoặc âm thanh; phân tích hình ảnh cảm tính, thiếu căn cứ chuyên môn; không nhận diện được hiệu quả kể chuyện của dựng phim.	Đánh giá được một số yếu tố của ngôn ngữ dựng phim nhưng còn sơ lược; giải thích tác động của nhịp dựng, âm thanh hoặc chuyển cảnh đối với cảm xúc và nội dung chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đầy đủ vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh và hình ảnh; phân tích được hiệu quả kể chuyện và biểu đạt cảm xúc trong một số sản phẩm điện ảnh – truyền hình.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về vai trò của ngôn ngữ dựng phim; phân tích được hiệu quả thẩm mỹ, cảm xúc và khả năng kể chuyện của nhịp dựng, âm thanh và hình ảnh trong các sản phẩm điện ảnh – truyền hình và truyền thông số.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu sâu kiến thức về dựng phim, vận dụng hiệu quả kỹ thuật và ngôn ngữ dựng phim trong phân tích và thực hành; có khả năng sáng tạo, xử lý hậu kỳ tốt và liên hệ thực tiễn nghề nghiệp rõ ràng.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản về dựng phim, vận dụng tương đối tốt các kỹ thuật dựng và phân tích được hiệu quả của ngôn ngữ dựng phim trong sản phẩm nghe nhìn.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9): Hiểu kiến thức ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế trong phân tích và thực hành kỹ thuật dựng phim; thao tác hậu kỳ và xử lý hình ảnh – âm thanh chưa thật ổn định.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức và kỹ thuật cốt lõi của dựng phim; vận dụng thiếu chính xác hoặc chưa thực hiện được các yêu cầu cơ bản trong hậu kỳ.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua thao tác thực hành quay phim, phản xạ xử lý hình ảnh và tương tác nhóm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng sử dụng phần mềm và thao tác dựng phim	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Thao tác thành thạo phần mềm dựng phim; xử lý tốt cắt dựng, chuyển cảnh, đồng bộ âm thanh – hình ảnh và tổ chức nhịp dựng; sản phẩm có tính thẩm mỹ và logic cao.	Sử dụng tương đối tốt phần mềm dựng phim; thực hiện được các thao tác dựng cơ bản; sản phẩm đạt yêu cầu về cấu trúc và kỹ thuật hậu kỳ.	Thực hiện được một số thao tác dựng cơ bản nhưng còn lúng túng; nhịp dựng, âm thanh hoặc chuyển cảnh chưa ổn định.	Không thực hiện đúng thao tác kỹ thuật; sử dụng phần mềm thiếu chính xác; sản phẩm dựng rời rạc, lỗi kỹ thuật nhiều.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
2	Năng lực phân biện và xử lý tình huống chuyên môn	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; giải thích rõ lựa chọn nhiếp ảnh, âm thanh và cấu trúc dựng phim; lập luận sắc sảo và có căn cứ chuyên môn.	Trả lời đúng trọng tâm; giải thích được cơ sở lựa chọn kỹ thuật dựng phim; có khả năng điều chỉnh khi được phản biện thêm.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; giải thích kỹ thuật dựng còn đơn giản.	Không giải thích được lựa chọn kỹ thuật dựng; né tránh hoặc trả lời sai câu hỏi phản biện; không xử lý được tình huống hậu kỳ cơ bản.
3	Kỹ năng phối hợp và tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phối hợp hiệu quả giữa các thành viên trong nhóm hậu kỳ; phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong quá trình dựng và phản biện; tương tác tích cực với giảng viên và nhóm khác.	Có phân công nhiệm vụ tương đối hợp lý; phối hợp khá tốt trong quá trình thực hiện sản phẩm và trình bày.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều; chuyển tiếp công việc còn rời rạc; một số thành viên tham gia hạn chế.	Hoạt động nhóm thiếu phối hợp; không thể hiện được vai trò cá nhân trong quá trình dựng phim và trình bày sản phẩm.

c. Rubric đánh giá tiểu luận / dự án video

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức về nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim	20%	CLO 1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ thuật dựng phim; chưa hiểu vai trò của dựng phim trong điện ảnh – truyền hình.	Nêu được một số nội dung cơ bản về dựng phim nhưng còn khái quát; giải thích các kỹ thuật dựng chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; có liên hệ với các tình huống hậu kỳ thực tế.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; đánh giá được vai trò của dựng phim trong việc tổ chức ngôn ngữ điện ảnh và truyền thông nghe nhìn.
2	Kiến thức về ngôn ngữ dựng phim và hiệu quả kể chuyện	30%	CLO 2	Không đánh giá được vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh hoặc hình ảnh; sản phẩm thiếu cảm xúc và định hướng nội dung.	Nhận diện được một số yếu tố ngôn ngữ dựng phim nhưng phân tích còn sơ lược; hiệu quả kể chuyện chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đúng vai trò của nhịp dựng, chuyển cảnh, âm thanh và hình ảnh, sản phẩm có khả năng truyền tải nội dung và cảm xúc cơ bản.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ dựng phim; vận dụng hiệu quả nhịp dựng, âm thanh và hình ảnh để kể chuyện một cách hấp dẫn và giàu cảm xúc.
3	Thực hiện sản phẩm dựng	30%	CLO 3	Sản phẩm thiếu cấu trúc hoặc không	Thực hiện được sản phẩm ở	Thực hiện tương đối tốt sản phẩm	Thực hiện sản phẩm dựng phim hoàn

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
	phim/dự án hậu kỳ			hoàn chỉnh; lỗi kỹ thuật nhiều; chưa vận dụng được kỹ thuật dựng phim cơ bản.	mức cơ bản nhưng còn hạn chế về nhịp dựng, chuyển cảnh, xử lý âm thanh hoặc tính liên kết hình ảnh.	dựng phim; vận dụng được các kỹ thuật hậu kỳ cơ bản; sản phẩm tương đối phù hợp với nội dung truyền thông.	chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật dựng, xử lý âm thanh – hình ảnh và tổ chức nhịp điệu hiệu quả; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và truyền thông rõ rệt.
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO 4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện dự án; thiếu trách nhiệm trong phối hợp nhóm và sản xuất hậu kỳ.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện sản phẩm hậu kỳ.	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện dự án; sản phẩm được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".

• CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu bắt buộc

Bài giảng: Kỹ thuật dựng phim

Dave D. Peck (1999), Video Editing with Adobe Premiere 6.5, Thomson xuất bản

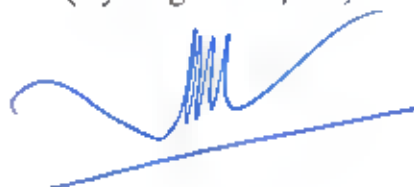
13.2. Tài liệu tham khảo

Bruno TOUSSAINT (2007), Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch) NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Kỹ thuật dựng phim**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			
GIẢNG VIÊN CHĂM (Ký và ghi rõ họ tên)			



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu chuẩn qua CLOs

Học phần: **Kỹ thuật dựng phim**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá 7,0-8,4	Xuất sắc 8,5-10	Điểm
1	Kiến thức về ngôn ngữ dựng phim và kỹ thuật dựng phim	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ thuật dựng phim; chưa hiểu vai trò của dựng phim trong điện ảnh - truyền hình.	Nếu được một số nội dung cơ bản về dựng phim nhưng còn khái quát; giải thích các kỹ thuật dựng chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế	Phân tích tương đối đúng nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; có liên hệ với các tình huống hậu kỳ thực tế.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống các nguyên lý, quy trình và kỹ thuật dựng phim; đánh giá được vai trò của dựng phim trong việc tổ chức ngôn ngữ điện ảnh và truyền thông nghe nhìn.	
2	Kiến thức về ngôn ngữ dựng phim và hiệu quả kể chuyện	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của nhíp dựng, chuyển cảnh, âm thanh hoặc hình ảnh; sản phẩm thiếu cảm xúc và định hướng nội dung.	Nhận diện được một số yếu tố ngôn ngữ dựng phim nhưng phân tích còn sơ lược; hiệu quả kể chuyện chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đúng vai trò của nhíp dựng, chuyển cảnh, âm thanh và hình ảnh; sản phẩm có khả năng truyền tải nội dung và cảm xúc cơ bản.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ dựng phim; vận dụng hiệu quả nhíp dựng, âm thanh và hình ảnh để kể chuyện một cách hấp dẫn và giàu cảm xúc.	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
3	Thực hiện sản phẩm dựng phim/dự án hậu kỳ	30%	CLO3	Sản phẩm thiếu cấu trúc hoặc không chính; lỗi kỹ thuật nhiều; chưa vận dụng được kỹ thuật dựng phim cơ bản.	Thực hiện được sản phẩm ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế về nhịp dựng, chuyển cảnh, xử lý âm thanh hoặc tính liên kết hình ảnh.	Thực hiện tương đối tốt sản phẩm dựng phim; vận dụng được các kỹ thuật hậu kỳ cơ bản; sản phẩm tương đối phù hợp với nội dung truyền thông.	Thực hiện sản phẩm dựng phim hoàn chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật dựng, xử lý âm thanh – hình ảnh và tổ chức nhịp điệu hiệu quả; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và truyền thông rõ rệt.	
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện dự án; thiếu trách nhiệm trong phối hợp nhóm và sản xuất hậu kỳ.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện sản phẩm hậu kỳ.	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện dự án; sản phẩm được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao**
- Mã học phần: **MMC425**
- Số tín chỉ: **3**
- Cấp đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần: **Tự chọn theo chuyên ngành sâu**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **MMC410**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Công Nghệ Thông Tin**
- Số tín chỉ: **03** ; Số giờ: **60** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30** Giờ
 - + Giờ giảng: **30** giờ
 - + Thực hành: **30** giờ
 - Giờ kiểm tra: **5** giờ
 - Giờ tự học: **85** giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Vinh**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Công Nghệ Thông Tin – Trường Đại Học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905731070**
- Email: **vinhnq@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Tôn Thất Hoài**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Công Nghệ Thông Tin – Trường Đại Học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918301349**
- Email: **hoaitt@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 10 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về đồ họa 3D, nhằm giúp người học hiểu biết, sử dụng thành thạo và ứng dụng hiệu quả phần mềm 3DS Max. Sinh viên được giới thiệu các kiến thức cơ bản về hiệu ứng, cách thức dựng hình và các phương thức vận hành hệ thống trong không gian 3 chiều. Bên cạnh đó, học phần còn mở rộng giới thiệu thực tế và định hướng ứng dụng chuyên sâu trong các lĩnh vực thiết kế không gian nội ngoại thất, showroom và thiết kế đồ họa game.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về nền tảng đồ họa 3D và các nguyên lý dựng hình, áp chất liệu, đặt ánh sáng, camera và tạo chuyển động trong không gian 3 chiều. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm 3DS Max để xây dựng mô hình, tạo ra các sản phẩm phối cảnh kiến trúc nội ngoại thất, showroom hay mô hình games chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, học phần phát triển kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, tinh thần tự học và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp gắn liền với việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong Luật Bản quyền và sở hữu trí tuệ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Giải thích được nguyên lý đồ họa 3D, hệ thống lệnh dựng hình khối, các phương pháp điều chỉnh đối tượng thứ cấp, kỹ thuật thiết lập vật liệu, ánh sáng, góc máy camera và quy trình kết xuất đồ họa (Render) trong không gian 3 chiều.	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Sử dụng thành thạo công cụ phần mềm 3DS Max để xây dựng mô hình, áp chất liệu, tổ chức hệ thống ánh sáng và kết xuất xuất bản file hoàn thiện các tác phẩm phối cảnh kiến trúc nội ngoại thất, showroom hay mô hình games đạt quy chuẩn thẩm mỹ chuyên nghiệp.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO3	Xây dựng được tinh thần chủ động tham gia hoạt động làm việc nhóm, phân chia công việc hiệu quả và thể hiện trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp thiết kế thông qua việc nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật trong Luật Bản quyền và sở hữu trí tuệ.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X	X				
CLO2					X	X		
CLO3							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Giới thiệu và các khái niệm cơ bản
1.1.	Cài đặt và giao diện
1.2.	Thao tác trên vùng nhìn
1.3.	Làm việc với đối tượng nguyên sinh
1.4.	Thao tác cho đối tượng
Chương 2	Điều chỉnh đối tượng thứ cấp
2.1.	Khái niệm các cấp độ con (Vertex, segment, Edge...)
2.2.	Ứng dụng cho việc biến đổi
2.3.	Các hiệu ứng điều chỉnh cấp độ thứ cấp
Chương 3	Đối tượng 2D. Chuyển từ 2D sang 3D
3.1.	Các đối tượng 2D
3.2.	Cách chuyển từ 2D sang 3D
Chương 4	Kết hợp đối tượng
4.1.	Giống hàng
4.2.	Hàn, Giao, Xén
4.3.	Phân bố đối tượng
Chương 5	Phép biến đổi đối tượng
5.1.	Phép biến đổi uốn cong
5.2.	Phép biến đổi xoắn, loc, noise...
5.3.	Bevel Profile

Chương	Nội dung
Chương 6	Vật liệu
6.1.	Khái niệm vật liệu
6.2.	Làm việc với vật liệu
6.3.	Các loại vật liệu đặc biệt
Chương 7	Ánh sáng
7.1.	Khái niệm ánh sáng
7.2.	Các loại đèn trong 3DS Max
7.3.	Cách đặt đèn và các thông số thông dụng
Chương 8	Chuyển động trong 3DS Max
8.1.	Khái niệm và làm việc với keyframe
8.2.	Tạo chuyển động
8.3.	Điều chỉnh chuyển động
Chương 9	Camera
9.1.	Phân loại camera
9.2.	Cách đặt camera
9.3.	Chuyển động bằng camera
Chương 10	Render
10.1.	Setup render
10.2.	Xuất file trong 3DS Max

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Bài tập cá nhân: Người học trực tiếp thao tác trên máy tính để thực hiện các bài tập kỹ thuật độc lập do giảng viên giao. Trọng tâm vào kỹ thuật dựng hình, gán tọa độ map và đặt nguồn sáng cơ bản.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	Sinh viên phối hợp thảo luận nhóm để giải quyết các bài toán không gian thực tế: – Nghiên cứu và phân rã cấu trúc lưới mô hình.

	Nội dung
	– Thiết lập chất liệu, ánh sáng phức tạp. – Các nhóm báo cáo, giải trình kết quả trước lớp. Hồ sơ Đồ án hoàn thiện gồm: Bản thuyết minh ý tưởng, trọn bộ ảnh phối cảnh 3D độ phân giải cao hoặc Video Demo quảng cáo.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

• Tổng số tiết tự học: 85 tiết.

Chương	Tên chương / Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành / Thảo luận (tiết)	Kiểm tra (tiết)	Tổng số tiết trên lớp	Giờ tự học (tiết)
Chương 1	Giới thiệu và các khái niệm cơ bản 3DS Max	2	2	0	4	6
Chương 2	Điều chỉnh đối tượng thứ cấp	3	3	0	6	8
Chương 3	Đối tượng 2D và Chuyển từ 2D sang 3D	3	2	0	6	8
Chương 4	Kết hợp đối tượng	2	2	0	4	6
Chương 5	Phép biến đổi đối tượng hình khối	3	3	0	6	8
Chương 6	Vật liệu trong 3DS Max (Material)	4	2	0	8	12
Chương 7	Ánh sáng trong 3DS Max (Lighting)	4	4	0	8	12
Chương 8	Chuyển động trong 3DS Max (Animation)	4	4	0	8	12
Chương 9	Hệ thống Camera trong không gian 3D	2	2	0	4	5

Chương	Tên chương / Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành / Thảo luận (tiết)	Kiểm tra (tiết)	Tổng số tiết trên lớp	Giờ tự học (tiết)
Chương 10	Thiết lập Render và Xuất file hoàn thiện	3	1	5	6	8
TỔNG	Toàn bộ học phần (10 Chương)	30	30	5	65	85

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Nguyên lý dựng hình và Biến đổi khối Thảo luận giải pháp dựng hình bằng đối tượng thứ cấp (Vertex, Edge, Polygon) và các lệnh biến đổi. Sản phẩm: Slide phân tích lưới và file mô hình thô.
2. Phối cảnh Không gian và Mô hình Games Thảo luận giải pháp thiết lập tỷ lệ, bố cục và giải cấu trúc mô hình thực tế. Sản phẩm: Slide ý tưởng thiết kế và file Clay Render.
3. Kỹ thuật Vật liệu, Ánh sáng và Camera Thảo luận phương pháp mô phỏng chất liệu, đặt hệ thống đèn và chọn góc máy Camera tối ưu. Sản phẩm: Bài thuyết trình kèm file Demo áp map và đổ bóng.
4. Bảo vệ Đồ án "Không gian 3D hoàn chỉnh" Tổng kết quy trình tối ưu đa giác, cài đặt Render và xuất file sản phẩm hoàn thiện. Sản phẩm: Bài báo cáo nhóm và trọn bộ ảnh phối cảnh/video quảng cáo 3D.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	Tên chương / Nội dung	CLO1 (Kiến thức)	CLO2 (Kỹ năng)	CLO3 (Thái độ)
Chương 1	Giới thiệu và các khái niệm cơ bản	X	X	
Chương 2	Điều chỉnh đối tượng thứ cấp	X	X	
Chương 3	Đối tượng 2D. Chuyển từ 2D sang 3D	X	X	
Chương 4	Kết hợp đối tượng	X	X	
Chương 5	Phép biến đổi đối tượng	X	X	
Chương 6	Vật liệu	X	X	
Chương 7	Ánh sáng	X	X	

Chương	Tên chương / Nội dung	CLO1 (Kiến thức)	CLO2 (Kỹ năng)	CLO3 (Thái độ)
Chương 8	Chuyển động trong 3DS Max	X	X	X
Chương 9	Camera	X	X	X
Chương 10	Render	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Dạy học qua dự án
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Thảo luận tình huống và giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng trực quan và thị phạm	X	X	
Dạy học qua dự án (Đề án nhóm)	X	X	X
Thảo luận tình huống và xử lý lỗi		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thực hành (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận + Vấn đáp	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học	Bảng kiểm	Đánh giá đi học đầy đủ, ý thức học xướng, tỉnh	Lấy dữ

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
				kỳ (Tuần 1 - 6)	soát chuyên cần và thái độ thảo luận (11.3.c)	thần tượng tác nhóm và tôn trọng luật bản quyền.	liệu đo CLO3
Quá trình	CLO1; CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4 - Tuần 5	Thực hành khách quan trên máy (11.3.b)	Đánh giá năng lực dựng hình thô (Modeling), áp vật liệu và thiết lập ánh sáng cơ bản cá nhân trên phần mềm 3DS Max.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Cuối khóa học (Tuần 6)	Tiểu luận (Hồ sơ đồ án phối cảnh 3D hoàn chỉnh) + Vấn đáp nhóm	Đánh giá trọn bộ sản phẩm thiết kế không gian (Nội ngoại thất/Showroom/Games), kỹ thuật render xuất file và năng lực phản biện cá nhân.	Lấy dữ liệu tổng hợp đo CLO1, CLO2, CLO3

11.3. Công cụ đo CLO

a. Ma trận đặc tả Đề thi kết thúc học phần – Tiểu luận và Vấn đáp nhóm (Trọng số 60%)

Hình thức: Sản phẩm hồ sơ đồ án phối cảnh không gian 3D nhóm (Tiểu luận) + Vấn đáp bảo vệ.

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1: Quyền báo cáo thuyết minh ý tưởng, phân tích giải pháp	CLO1	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
dựng hình, sơ đồ cấu trúc lưới và giải trình kịch bản bố trí ánh sáng/vật liệu.					
Tiêu chí 2: Kỹ thuật dựng hình chi tiết (Modeling), làm chủ nhóm công cụ chỉnh sửa đối tượng thứ cấp phức tạp và phối cảnh vật thể trong 3DS Max.	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 3: Kỹ thuật khởi tạo bảng vật liệu, định nghĩa thông số bề mặt vật thể và gán tọa độ bản đồ vật liệu (UVW Map) chuẩn xác.	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4: Kỹ thuật thiết lập hệ thống ánh sáng không gian, đặt góc Camera thương mại và tối ưu cấu trúc thông số kết xuất đồ họa (Setup Render).	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 5: Năng lực báo cáo thuyết trình, phản biện bảo vệ phương án thiết kế cá nhân và ý thức tôn trọng luật bản quyền sở hữu trí tuệ trước Hội đồng.	CLO3	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
TỔNG CỘNG ĐIỂM ĐỒ ÁN VÀ VẤN ĐÁP		1.0 đ	5.0 đ	4.0 đ	10 điểm

b. Ma trận đặc tả Bài kiểm tra quá trình thực hành trên máy (Trọng số 30%)

- **Hình thức:** Thực hành trực tiếp trên máy tính (Cá nhân).
- **Thời gian làm bài:** 60 - 90 phút.
- **Nội dung kiểm tra:** Tổng hợp kỹ năng thực hành, dựng mô hình khối, thiết lập vật liệu và đặt ánh sáng không gian trải dài từ Chương 1 đến Chương 7.

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra thực hành	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1 (Chương 1 - 3): Khởi tạo môi trường làm việc chuẩn; thực hành	CLO1, CLO2	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra thực hành	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
kỹ thuật tạo mô hình từ biên dạng 2D và quản lý, hiệu chỉnh các cấp độ con thứ cấp (Vertex, Edge, Polygon).					
Tiêu chí 2 (Chương 4 - 5): Thao tác linh hoạt các lệnh biến đổi và kết hợp đối tượng nâng cao (Hàn, Giao, Xén, Loft, Bevel Profile) để tạo lập hình thể vật thể phức tạp.	CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
Tiêu chí 3 (Chương 6): Khởi tạo bảng vật liệu (Material Editor), hiệu chỉnh các tham số phản xạ/khúc xạ và ứng dụng bản đồ áp áp bề mặt không bị lỗi co giãn.	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4 (Chương 7): Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng không gian, kiểm soát các thông số cường độ, màu sắc bóng đổ và xuất ảnh thô thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật.	CLO1, CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
TỔNG ĐIỂM SỐ BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH QUÁ TRÌNH		1.0 đ	4.0 đ	5.0 đ	10 điểm

11.4. Rubrics định nghĩa mức năng lực học phân

a. Rubric 1: Đánh giá Điểm chuyên cần và Thái độ tự chủ (Trọng số 10% - Đo lường CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Ý thức tổ chức kỷ luật học xưởng	Vắng mặt quá quy định (>20% số tiết); thường xuyên đi trễ; không tuân thủ quy định sử dụng phòng máy hoặc làm việc riêng	Đi học khá đầy đủ (vắng trong mức cho phép); chấp hành nội quy xưởng máy nhưng còn thụ	Đi học chuyên cần, đúng giờ; nghiêm túc thực hành các bài tập kỹ thuật số độc lập; chủ động chuẩn bị tài	Đi học đầy đủ 100%; luôn gương mẫu, tích cực tham gia sửa bài thiết kế trên lớp và tuân thủ tuyệt đối

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	trong giờ thực hành.	động, ít tương tác bài học.	nguyên thiết kế trước khi đến lớp.	mọi quy định học xương.
Trách nhiệm bản quyền và Phối hợp nhóm	Thụ động, đùn đẩy công việc; không hoàn thành phần thiết kế được giao; vi phạm nghiêm trọng đạo đức học thuật (sao chép nguyên văn mô hình, dùng thư viện lậu).	Hoàn thành sản phẩm ở mức cơ bản nhưng chậm tiến độ; cần nhóm trưởng nhắc nhở liên tục; chưa chủ động kiểm tra bản quyền nguồn tài nguyên 3D.	Chủ động phối hợp với các thành viên; đóng góp ý kiến thẩm mỹ có chất lượng; hoàn thành tốt phần việc thiết kế (Dựng hình/Vật liệu/Ánh sáng) đúng hạn.	Giữ vai trò nòng cốt dẫn dắt kỹ thuật; hỗ trợ sửa file và tối ưu lưới cho thành viên khác; hoàn thành xuất sắc sản phẩm vượt tiến độ; kiểm soát bản quyền tuyệt đối.

b. Rubric 2: Đánh giá Bài kiểm tra thực hành quá trình trên máy (Trọng số 30% - Đo lường CLO1, CLO2)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Thao tác công cụ và Dựng hình khối (Chương 1 - 5)	Không khởi tạo được môi trường đúng quy chuẩn; cấu trúc lưới lộn xộn, chồng chéo; không biết chuyển đổi đối tượng từ 2D sang 3D.	Khởi tạo được tệp tin và đơn vị đo đúng yêu cầu; xử lý dựng hình thô và áp dụng lệnh biến đổi cơ bản đạt hình thể nhưng đường nét thô, lỗi răng cưa lưới.	Làm chủ công cụ dựng hình; phân rã và điều chỉnh đối tượng thứ cấp khoa học; ứng dụng nhuần nhuyễn các phép uốn uốn cong, xoắn khối phẳng.	Thao tác phần mềm cực kỳ thành thạo và chuẩn xác; dựng hình khối chi tiết đạt thẩm mỹ tinh xảo; tối ưu hóa mật độ đa giác trên lưới mô hình hoàn hảo.
Kỹ thuật thiết lập Vật liệu và Ánh sáng (Chương 6 - 7)	Không biết gán vật liệu cho vật thể; hình ảnh sau kết xuất bị mất liên kết hoặc mờ	Thiết lập được bảng vật liệu và đặt đèn ở mức cơ bản; tuy nhiên gán tọa độ UVW Map còn bị méo lệch,	Làm chủ bảng điều khiển vật liệu; hiệu chỉnh đúng thông số khúc xạ/phản xạ; phân bổ hệ thống đèn Omni/Target	Tạo lập chất liệu đạt độ chân thực cao, tinh tế; kiểm soát hoàn hảo hướng đi của ánh sáng và

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	nhòe; đặt đèn sai quy cách khiến không gian bị chói sáng hoàn toàn.	bóng đổ ánh sáng chưa rõ ràng.	đúng tính chất môi trường xung quanh.	vùng tối; kết xuất file thô thử nghiệm đạt quy chuẩn thương mại.

c. Rubric 3: Đánh giá Thi cuối kỳ Tiểu luận & Vấn đáp nhóm (Trọng số 60% - Đo lường CLO1, CLO2, CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Chất lượng sản phẩm Đồ án thiết kế	Bộ hồ sơ thiết kế lộn xộn, thiếu các góc phối cảnh cốt lõi; file gốc lỗi không thể render; mô hình có dấu hiệu sao chép thô thiển từ internet.	Bộ hồ sơ đầy đủ các không gian theo yêu cầu (Nội ngoại thất/Showroom/Games); kỹ thuật đạt yêu cầu nhưng tỷ lệ vật thể và ánh sáng phẳng, chưa sát thực tế.	Sản phẩm có cấu trúc chặt chẽ, chuyên nghiệp; kỹ thuật xử lý vật liệu và ánh sáng đồng bộ, mượt mà; tính khả thi truyền thông và ứng dụng thực tế cao.	Sản phẩm đồ án đạt chuẩn thương mại doanh nghiệp; tư duy không gian đột phá; kỹ thuật xử lý file gốc tinh xảo; tuân thủ luật sở hữu trí tuệ tuyệt đối.
Năng lực thuyết minh & Phân vấn đáp	Trình bày lúng túng, không hiểu rõ sản phẩm đồ án của nhóm; không giải trình được các thao tác công cụ cá nhân; không trả lời được	Trình bày đủ nội dung nhưng chưa lời cuốn; trả lời được các câu hỏi cấu trúc lệnh cơ bản, còn lúng túng trước câu hỏi tình huống xử lý lỗi render.	Diễn đạt tự tin, rõ ràng; phối hợp thuyết trình tốt; giải trình mạch lạc phương án không gian, góc máy; trả lời chính xác, đúng trọng tâm	Phong cách diễn thuyết chuyên nghiệp, cuốn hút; bảo vệ lập luận ý tưởng thẩm mỹ và giải pháp kỹ thuật 3DS Max sắc bén; thuyết phục

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	câu hỏi vẫn đáp.		câu hỏi của Hội đồng.	hoàn toàn Hội đồng.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc (Giáo trình, bài giảng và tài liệu chính)

- **Tài liệu chính:** Murdock, K. L. (2022). *Autodesk 3ds Max 2023 Complete Reference Guide*. SDC Publications. (Tài liệu hướng dẫn toàn diện từ nền tảng dựng hình, hệ thống lệnh đến kỹ thuật ánh sáng và kết xuất trong không gian 3 chiều).

12.2. Tài liệu tham khảo

- **Kỹ thuật kết xuất chuyên sâu:** Boardman, T., & Hubbell, J. (2017). *3ds Max Lighting and Rendering*. New Riders. (Tài liệu hướng dẫn chuyên sâu về tư duy thiết lập ánh sáng nghệ thuật và cấu trúc hệ thống Render môi trường).
- **Tạo hình nhân vật và Games:** Lanier, L. (2015). *Advanced Maya Texturing and Lighting*. John Wiley & Sons. (Tài liệu tham khảo mở rộng về phương pháp tư duy chất liệu bề mặt nâng cao áp dụng cho mô hình hóa).

12.3. Công cụ và Hệ thống hỗ trợ thực hành (Bổ sung để đồng bộ với phần thực hành)

- **Hệ sinh thái phần mềm đồ họa:** Autodesk 3DS Max (Phiên bản từ 2022 trở lên) tích hợp các công cụ hỗ trợ kết xuất (V-Ray / Corona Renderer).
- **Nguồn tài nguyên đồ họa bản quyền số:** Adobe Stock, Chaos Cosmos Library, CGTrader, Google Fonts (Phục vụ cho hoạt động thực hành xưởng và tra cứu thư viện model, texture, font chữ hợp pháp).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Lực

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Vinh



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số
.....

Điểm chữ
..

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Chất lượng sản phẩm Đồ án thiết kế	60	CLO1; CLO2	Bộ hồ sơ thiết kế lộn xộn, thiếu các góc phối cảnh cốt lõi; file gốc lỗi không thể render; mô hình có dấu hiệu sao chép thô thiển từ internet.	Bộ hồ sơ đầy đủ các không gian theo yêu cầu (Nội ngoại thất/Showroom/Games); kỹ thuật đạt yêu cầu nhưng tỷ lệ vật thể và ánh sáng phẳng, chưa sát thực tế.	Sản phẩm có cấu trúc chặt chẽ, chuyên nghiệp; kỹ thuật xử lý vật liệu và ánh sáng đồng bộ, mượt mà; tính khả thi truyền thông và ứng dụng thực tế cao.	Sản phẩm đồ án đạt chuẩn thương mại doanh nghiệp; tư duy không gian đột phá; kỹ thuật xử lý file gốc tinh xảo; tuân thủ luật sở hữu trí tuệ tuyệt đối.	
2	Năng lực thuyết minh & Phân biện vấn đáp	40%	CLO3	Trình bày lúng túng, không hiểu rõ sản phẩm đồ án của nhóm; không giải trình được các thao tác	Trình bày đủ nội dung nhưng chưa lời cuốn; trả lời được các câu hỏi câu trúc lệnh cơ bản, còn lúng túng trước câu hỏi	Diễn đạt tự tin, rõ ràng; phối hợp thuyết trình tốt; giải trình mạch lạc phương án không gian, góc máy; trả	Phong cách diễn thuyết chuyên nghiệp, cuốn hút; bảo vệ lập luận ý tưởng thâm mỹ và giải pháp kỹ thuật 3DS Max sắc bén;	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
				công cụ cá nhân; không trả lời được câu hỏi vấn đáp.	tình huống xử lý lỗi render.	lời chính xác, đúng trọng tâm câu hỏi của Hội đồng.	thuyết phục hoàn toàn Hội đồng.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sản xuất quảng cáo TVC và New Media (Advertisement)
- Mã học phần: MMC417
- Số tín chỉ: 03
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa KHXH&NV

Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 45 , trong đó

Hoạt động giảng dạy trên lớp: Giờ

+ Giờ giảng: 30 giờ

+ Thuyết trình: 15 giờ

+ Giờ tự học: 105 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thái
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa XHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908272840
- Email: ThaiPTH@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phan Nguyên Vĩnh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giảng viên thỉnh giảng
- Địa điểm làm việc: Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu
- Điện thoại: 0986.579.090
- Email: pnvinhvtv@gmail.com

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phố
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình sản xuất phim quảng cáo; trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng chuyên môn về quản trị dự án sản xuất phim quảng cáo, các vấn đề cần lưu ý trong quá trình sản xuất và phát hành sản phẩm phim quảng cáo trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, vai trò, yêu cầu, quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo trên nền tảng New Media, từ hình thành ý tưởng, xây dựng thông điệp, viết kịch bản, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, hậu kỳ đến phát hành sản phẩm. Qua đó, sinh viên xây dựng được ý tưởng, kịch bản, kế hoạch sản xuất và thực hiện sản phẩm quảng cáo phù hợp với mục tiêu truyền thông; vận dụng kỹ năng tổ chức ê-kíp, phân bổ ngân sách, quản lý tiến độ, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả truyền thông của sản phẩm sau hoàn thiện. Học phần đồng thời hình thành tinh thần làm việc chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo, trách nhiệm; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bản quyền, tính trung thực trong truyền thông quảng cáo và năng lực học tập suốt đời trong môi trường truyền thông hiện đại.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media từ hình thành ý tưởng, xây dựng thông điệp, viết kịch bản, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, hậu kỳ đến phát hành trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, ý tưởng sáng tạo và kịch bản quảng cáo.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Điều chỉnh được ý tưởng, xây dựng kịch bản, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất TVC hoặc video quảng cáo New Media đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu truyền thông.	Mức 5 (Phối hợp)
CLO4	Hình thành được trách nhiệm nghề nghiệp, thái độ chuyên nghiệp và ý thức tuân thủ đạo đức trong quá trình sản xuất, đánh giá hiệu quả truyền thông của sản phẩm quảng cáo.	Mức 4 (Hình thành giá trị)

Ma trận tương thích giữa CLO và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/ mục	Nội dung
Chương 1	TỔNG QUAN VỀ TVC VÀ QUẢNG CÁO NEW MEDIA
1.1.	Khái niệm, đặc điểm và vai trò của TVC trong truyền thông quảng cáo
1.2.	Quảng cáo trên các nền tảng truyền thông mới
1.3.	Đặc điểm công chúng và hành vi tiếp nhận quảng cáo trên nền tảng số
1.4.	Yêu cầu cơ bản của sản phẩm quảng cáo TVC và New Media
1.5.	Quy trình sản xuất tổng quát sản phẩm quảng cáo
Chương 2	PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG, THÔNG điệp VÀ KỊCH BẢN QUẢNG CÁO
2.1.	Phân tích brief, mục tiêu truyền thông và công chúng mục tiêu
2.2.	Từ insight đến ý tưởng sáng tạo
2.3.	Xây dựng thông điệp quảng cáo
2.4.	Phát triển kịch bản, storyboard và moodboard
2.5.	Đánh giá mức độ phù hợp giữa ý tưởng, thông điệp, kịch bản và mục tiêu truyền thông
Chương 3	PHÁT TRIỂN DỰ ÁN, KINH PHÍ VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
3.1.	Phân tích tính khả thi của ý tưởng và dự án quảng cáo
3.2.	Dự toán kinh phí sản xuất
3.3.	Phân bổ nguồn lực, nhân sự, thiết bị và thời gian
3.4.	Quản lý tiến độ và kiểm soát rủi ro trong dự án quảng cáo
3.5.	Cân đối tài chính và yêu cầu chất lượng sản phẩm

Chương/ mục	Nội dung
Chương 4	PHÁP LÝ, BẢN QUYỀN VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG SẢN XUẤT QUẢNG CÁO
4.1.	Các vấn đề pháp lý trong sản xuất TVC và quảng cáo New Media
4.2.	Bản quyền âm nhạc, hình ảnh, kịch bản, tư liệu và chất liệu sáng tạo
4.3.	Quyền hình ảnh, quyền riêng tư và sự đồng ý của nhân vật xuất hiện trong quảng cáo
4.4.	Tính trung thực, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong truyền thông quảng cáo
Chương 5	PITCHING Ý TƯỞNG VÀ DỰ ÁN QUẢNG CÁO
5.1.	Chuẩn bị hồ sơ pitching
5.2.	Trình bày ý tưởng, thông điệp, kịch bản và kế hoạch sản xuất
5.3.	Thuyết phục khách hàng dựa trên mục tiêu truyền thông và công chúng mục tiêu
5.4.	Phản biện, tiếp nhận góp ý và điều chỉnh dự án
5.5.	Tiêu chí đánh giá một buổi pitching thành công
Chương 6	TIỀN KỸ SẢN XUẤT QUẢNG CÁO
6.1.	Hoàn thiện kịch bản và breakdown kịch bản
6.2.	Tổ chức nhân sự và phân công vai trò trong ê-kíp
6.3.	Lập kế hoạch sản xuất, lịch quay và call sheet
6.4.	Chuẩn bị bối cảnh, diễn viên, đạo cụ, phục trang và thiết bị
6.5.	Kiểm tra rủi ro trước sản xuất
Chương 7	TỔ CHỨC QUAY VÀ SẢN XUẤT TẠI HIỆN TRƯỜNG
7.1.	Tổ chức nhân sự tại trường quay
7.2.	Quản lý phim trường, địa điểm và bối cảnh
7.3.	Sử dụng thiết bị quay, âm thanh và ánh sáng
7.4.	Kỹ thuật quay cơ bản cho TVC và video quảng cáo New Media
7.5.	Phối hợp ê-kíp, xử lý tình huống và kiểm soát chất lượng tại hiện trường
7.6.	Thực hành sản xuất sản phẩm quảng cáo
Chương 8	HẬU KỸ, PHÁT HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TRUYỀN THÔNG
8.1.	Biên tập hình ảnh và âm thanh

Chương/ mục	Nội dung
8.2.	Dựng phim, chỉnh màu, đồ họa, phụ đề và hoàn thiện thành phẩm
8.3.	Xuất bản sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật của từng nền tảng
8.4.	Phát hành sản phẩm trên các nền tảng New Media
8.5.	Đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm với mục tiêu truyền thông, công chúng, thông điệp và nền tảng phát hành
8.6.	Rút kinh nghiệm và đề xuất cải thiện sản phẩm

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Chuẩn bị các nội dung bài học
	-Đọc tài liệu theo hướng dẫn -Viết ra những nội dung cần trao đổi
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề
	-Sinh viên lựa chọn/chia nhóm theo chủ đề ở trên -Chuẩn bị để trình bày -Trình bày và phân biện của các nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết= 15 giờ)

Chương	Tên chương	Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ tự học	Tổng
1	Chương 1	3.5	1	13	17.5
2	Chương 2	3.5	2	14	19.5
3	Chương 3	4	2	13	19
4	Chương 4	4	2	13	19
5	Chương 5	4	2	13	19
6	Chương 6	4	2	13	19

Chương	Tên chương	Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ tự học	Tổng
7	Chương 7	3.5	2	13	18.5
8	Chương 8	3.5	2	13	18.5
Tổng		30	15	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1/ Phân tích đặc điểm, vai trò và yêu cầu của TVC và quảng cáo New Media trong bối cảnh truyền thông số

2/ Đánh giá mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight, ý tưởng sáng tạo và kịch bản quảng cáo

3/ Thiết kế ý tưởng, thông điệp, kịch bản, storyboard và moodboard cho một sản phẩm quảng cáo New Media

4/ Xây dựng kế hoạch sản xuất TVC hoặc video quảng cáo New Media, bao gồm nhân sự, kinh phí, tiến độ, thiết bị và phương án kiểm soát rủi ro

5/ Đánh giá quy trình hậu kỳ, phát hành và hiệu quả truyền thông của một sản phẩm quảng cáo trên nền tảng New Media

6/ Phân tích các vấn đề đạo đức, bản quyền và tính trung thực trong một sản phẩm quảng cáo gây tranh cãi

7/ Đề xuất phương án pitching ý tưởng quảng cáo nhằm thuyết phục khách hàng dựa trên mục tiêu truyền thông và công chúng mục tiêu

8/ Phân tích và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sản xuất TVC hoặc video quảng cáo New Media

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tổng quan về tvc và quảng cáo new media	X	X		
Chương 2: Phát triển ý tưởng, thông điệp và kịch bản quảng cáo		X	X	
Chương 3: Phát triển dự án, kinh phí và kế hoạch sản xuất	X		X	
Chương 4: Pháp lý, bản quyền và đạo đức trong sản xuất quảng cáo			X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 5: Pitching ý tưởng và dự án quảng cáo		X	X	
Chương 6: Tiền kỳ sản xuất quảng cáo			X	X
Chương 7: Tổ chức quay và sản xuất tại hiện trường			X	X
Chương 8: Hậu kỳ, phát hành và đánh giá hiệu quả truyền thông	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng/ dạy trực tiếp
- Phát vấn/câu hỏi gợi mở
- Thảo luận
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng/ dạy trực tiếp	X	X		X
Phát vấn/câu hỏi gợi mở	X	X		X
Thảo luận	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, thảo luận và bài làm thuyết trình nhóm, thuyết trình, phản biện trên lớp.
- Tham gia làm bài và nộp bài tiểu luận cuối kỳ.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận cuối kỳ Rubrics đánh giá tiểu luận (12.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề/chủ đề 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến sản xuất QC TVC và New media 3. Phân tích quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media; mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, công chúng, ý tưởng sáng tạo và kịch bản 4. Lập kế hoạch sản xuất quảng cáo 5. Kết luận 6. Hình thức trình bày và tài liệu tham khảo.	CLO1 CLO2 → <i>Rubric chấm Tiểu luận (12.3c)</i>
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2-8	Thuyết trình – phản biện nhóm (12.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: - Trình bày được cơ sở lý luận liên quan chủ đề - Phân tích được mục tiêu truyền	CLO2 CLO3 → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phản</i>

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thông, công chúng mục tiêu, ý tưởng sáng tạo, thông điệp và kịch bản quảng cáo - Đánh giá quá trình hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực - Kỹ năng trình bày, chất lượng slide trình chiếu - Sự phối hợp của thành viên nhóm, phân biện hiệu quả	biện (12.3b)
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-9	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân	CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO:

Vì môn Sản xuất QC TVC và New Media không có hình thức thi viết, nên phần 11.3

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO4	4	Bảng kiểm chuyên cần	Bảng điểm danh; ghi nhận trả lời câu hỏi của SV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight, ý tưởng sáng tạo, thông điệp và kịch bản quảng cáo; trình bày, phản biện và bảo vệ ý tưởng hoặc kế hoạch sản xuất TVC, video quảng cáo New Media.	CLO2, CLO3	5 5	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá
Tiểu luận (60%)	Bài tiểu luận cần phân tích và đề xuất kế hoạch sản xuất TVC; mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight, ý tưởng sáng tạo, thông điệp, kịch bản, kế hoạch sản xuất, nhân sự, kinh phí, tiến độ, rủi ro, pháp lý	CLO2, CLO3	5 4	Rubric tiểu luận	Bài viết tiểu luận

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Phân tích được quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media từ hình thành ý tưởng, xây dựng thông điệp, viết kịch bản, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, hậu kỳ đến phát hành trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện.	Không phân tích được hoặc phân tích sai quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media; nhầm lẫn các giai đoạn từ hình thành ý tưởng, xây dựng thông điệp, viết kịch bản, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, hậu kỳ đến phát hành; chưa nhận diện được đặc điểm của bối cảnh truyền thông đa phương tiện.	Phân tích được một phần quy trình sản xuất TVC hoặc sản phẩm quảng cáo New Media; nhận diện được một số giai đoạn cơ bản như hình thành ý tưởng, viết kịch bản, tổ chức sản xuất, hậu kỳ hoặc phát hành nhưng còn thiếu liên kết giữa các giai đoạn; ví dụ minh họa còn đơn giản hoặc chưa thật chính xác.	Phân tích đúng phần lớn quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media; trình bày khá rõ các giai đoạn từ hình thành ý tưởng, xây dựng thông điệp, viết kịch bản, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, hậu kỳ đến phát hành; liên hệ được với bối cảnh truyền thông đa phương tiện và sản phẩm quảng cáo cụ thể.	Phân tích chính xác, đầy đủ và logic quy trình sản xuất TVC và sản phẩm quảng cáo New Media; chỉ rõ vai trò, yêu cầu và mối liên hệ giữa từng giai đoạn từ ý tưởng, thông điệp, kịch bản, kế hoạch, sản xuất, hậu kỳ đến phát hành; liên hệ phù hợp với nền tảng truyền thông, công chúng mục tiêu và ví dụ thực tế.
Đánh giá được mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, ý tưởng sáng tạo và kịch bản quảng cáo.	Không đánh giá được hoặc đánh giá sai mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, ý tưởng sáng tạo và kịch bản quảng cáo; nhận xét rời rạc, thiếu	Đánh giá được một số yếu tố như mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, ý tưởng sáng tạo hoặc kịch bản quảng cáo nhưng nhận xét còn thiên về mô tả; mối liên hệ giữa các yếu	Đánh giá tương đối rõ mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, insight, ý tưởng sáng tạo, thông điệp và kịch bản quảng cáo; nhận xét được mức độ phù hợp giữa các	Đánh giá sâu sắc, logic và có căn cứ mối quan hệ giữa mục tiêu truyền thông, đặc điểm công chúng, insight, ý tưởng sáng tạo, thông điệp, kịch bản quảng cáo và nền tảng

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	căn cứ; chưa chỉ ra được mức độ phù hợp hoặc chưa gắn với tình huống quảng cáo cụ thể.	tổ còn đơn giản; căn cứ đánh giá và ví dụ minh họa còn hạn chế.	yếu tố; có dẫn chứng phù hợp và thể hiện được logic phát triển nội dung quảng cáo.	phát hành; chỉ ra được điểm mạnh, hạn chế, mức độ phù hợp và hiệu quả truyền thông trong tình huống thực tế.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và trình bày phương án sản xuất	30%	CLO3 Mức 5 (Phối hợp)	Diễn đạt trôi chảy, có điểm nhấn; trình bày rõ ý tưởng, kịch bản, kế hoạch và phương án tổ chức sản xuất TVC hoặc video quảng cáo New Media;	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; nêu được các thành phần chính của ý tưởng, kịch bản, kế hoạch và phương án tổ	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide hoặc tài liệu; phần ý tưởng, kịch bản, kế hoạch hoặc tổ chức sản xuất còn	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không làm rõ được ý tưởng, kịch bản, kế hoạch

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				làm rõ yêu cầu kỹ thuật, mục tiêu truyền thông và cách phối hợp nguồn lực; sử dụng slide, storyboard, moodboard hoặc tư liệu minh họa hiệu quả.	chức sản xuất; slide hoặc tư liệu minh họa tương đối phù hợp; truyền tải được trọng tâm mục tiêu truyền thông và yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.	thiếu chi tiết; diễn đạt chưa thật liên mạch; liên hệ giữa yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu truyền thông còn đơn giản.	hoặc phương án tổ chức sản xuất; chưa thể hiện được yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu truyền thông; bài trình bày rời rạc hoặc sai yêu cầu.
2	Năng lực phản biện và điều chỉnh ý tưởng, kịch bản, kế hoạch sản xuất	40%	CLO3 Mức 5 (Phối hợp)	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; bảo vệ và điều chỉnh được ý tưởng, kịch bản, kế hoạch và phương án tổ chức sản xuất bằng lập luận có căn cứ; giải thích rõ sự phù hợp với mục tiêu truyền	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận khá logic; giải thích được sự phù hợp giữa ý tưởng, kịch bản, kế hoạch sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và mục	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; giải thích mối quan hệ giữa ý tưởng, kịch bản, kế hoạch sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và	Không phản biện được hoặc trả lời sai lệch; không bảo vệ được ý tưởng, kịch bản, kế hoạch hoặc phương án tổ

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				thông, công chúng mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật, nền tảng phát hành và điều kiện sản xuất; tiếp thu phản hồi chuyên nghiệp và đề xuất hướng điều chỉnh khả thi.	tiêu truyền thông; có khả năng điều chỉnh phương án khi nhận phản biện hoặc câu hỏi bổ sung	mục tiêu truyền thông còn chung chung; hướng điều chỉnh chưa thật cụ thể.	chức sản xuất; thiếu căn cứ khi giải thích yêu cầu kỹ thuật, mục tiêu truyền thông hoặc tính khả thi của sản phẩm quảng cáo.
3	Kỹ năng phối hợp nhóm và tương tác trong thuyết trình, phản biện	30%	CLO3 Mức 5 (Phối hợp)	Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; phân vai rõ ràng theo các phần ý tưởng, kịch bản, kế hoạch, sản xuất và phản biện; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trả lời câu hỏi; tương tác tích cực với giảng viên	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt trong trình bày và trả lời câu hỏi; thể hiện thái độ nghiêm túc, hợp	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế trong trình bày, tương tác hoặc phản biện; thái độ hợp tác và trách	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; một số thành viên không tham gia hoặc thiếu trách

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				và người học; thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong mô phỏng quy trình sản xuất quảng cáo.	tác và có ý thức trách nhiệm với phần việc được giao.	nhiệm chưa ổn định.	nhiệm; không thể hiện được vai trò phối hợp trong xây dựng, trình bày và bảo vệ phương án sản xuất TVC hoặc video quảng cáo New Media.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình(5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
1	Phân tích mục tiêu truyền thông, công chúng mục	20%	CLO2 CLO1 đo gián tiếp	Xác định sai hoặc thiếu mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu	Xác định được một số yếu tố cơ bản như mục tiêu, công chúng và insight nhưng còn chung	Phân tích tương đối đúng mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight và	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu,

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình(5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
	tiêu, insight và yêu cầu quảng cáo			và insight; chưa làm rõ yêu cầu của TVC hoặc sản phẩm quảng cáo New Media; lập luận rời rạc, thiếu căn cứ.	chung; mối liên hệ với yêu cầu sản phẩm quảng cáo chưa rõ; ví dụ hoặc dẫn chứng còn hạn chế.	yêu cầu sản phẩm; chỉ ra được mối liên hệ với ý tưởng và kịch bản nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	insight và yêu cầu sản phẩm; liên hệ thuyết phục với bối cảnh truyền thông số, nền tảng phát hành và định hướng quảng cáo.
2	Phát triển ý tưởng sáng tạo, thông điệp, kịch bản và định hướng thể hiện	30%	CLO2 CLO3	Ý tưởng mơ hồ, thiếu tính quảng cáo hoặc không phù hợp mục tiêu truyền thông; thông điệp, kịch bản, storyboard hoặc định hướng thể hiện thiếu logic, khó triển khai.	Có ý tưởng, thông điệp và kịch bản cơ bản nhưng còn đơn giản; mức độ phù hợp với công chúng, nền tảng phát hành và mục tiêu truyền thông chưa cao; định hướng thể hiện còn	Xây dựng được ý tưởng, thông điệp và kịch bản tương đối rõ; có sự liên kết giữa insight, mục tiêu và công chúng; storyboard hoặc moodboard hỗ trợ được định hướng sản phẩm.	Thiết kế ý tưởng sáng tạo, thông điệp rõ, kịch bản chặt chẽ và có khả năng triển khai cao; định hướng hình ảnh, âm thanh, nhịp dựng, storyboard hoặc moodboard thuyết phục, phù hợp nền

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình(5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
					thiếu cụ thể.		tăng New Media.
3	Xây dựng kế hoạch sản xuất và quản lý dự án quảng cáo	30%	CLO3	Kế hoạch sản xuất thiếu nhiều thành phần quan trọng như nhân sự, thiết bị, địa điểm, lịch quay, kinh phí, hậu kỳ hoặc phát hành; chưa thể hiện khả năng tổ chức dự án.	Kế hoạch có một số nội dung cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; phân công nhân sự, dự toán kinh phí, tiến độ hoặc phương án rủi ro chưa rõ; tính khả thi còn hạn chế.	Kế hoạch sản xuất khá đầy đủ, gồm nhân sự, thiết bị, bối cảnh, kinh phí, tiến độ, hậu kỳ và phát hành; có phương án kiểm soát rủi ro nhưng chưa thật toàn diện.	Kế hoạch sản xuất đầy đủ, mạch lạc và khả thi; phân bổ nguồn lực hợp lý, tiến độ rõ, ngân sách phù hợp, có phương án kiểm soát rủi ro, hậu kỳ và phát hành gắn với mục tiêu truyền thông.
4	Trách nhiệm nghề nghiệp, pháp lý, bản quyền, đạo đức và tính học thuật	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện rõ trách nhiệm nghề nghiệp; bỏ qua hoặc trình	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập pháp lý, bản quyền và đạo đức nhưng phân tích	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; phân tích được các yêu cầu pháp lý, bản	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức rõ; phân tích sâu các vấn đề pháp lý,

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình(5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
	của tiểu luận			bày sai các vấn đề pháp lý, bản quyền, đạo đức; cấu trúc bài viết yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo còn thiếu nhất quán.	quyền, đạo đức cơ bản; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn và trình bày học thuật tương đối phù hợp.	bản quyền, tính trung thực trong quảng cáo; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), *Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông
- Nguyễn Phú Quảng (2008), *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Photoshop*, Nxb Giáo dục
- Nguyễn Thiên Trương, *Phần mềm dựng hình phi tuyến ULEAD videostudio dùng trong sản xuất chương trình truyền hình*, Đồ án tốt nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Huỳnh Nhung, *Kỹ thuật loại bỏ đối tượng trên Video*, Đồ án tốt nghiệp Đại học



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Sản xuất quảng cáo TVC và New Media

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: Sản xuất quảng cáo TVC và New Media

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Phân tích mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight và yêu cầu quảng cáo	20%	CLO2 CLO1 đo gián tiếp	Xác định sai hoặc thiếu mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu và insight; chưa làm rõ yêu cầu của TVC hoặc sản phẩm quảng cáo New Media; lập luận rời rạc, thiếu căn cứ.	Xác định được một số yếu tố cơ bản như mục tiêu, công chúng và insight nhưng còn chung chung; mối liên hệ với yêu cầu sản phẩm quảng cáo chưa rõ; ví dụ hoặc dẫn chứng còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight và yêu cầu sản phẩm; chỉ ra được mối liên hệ với ý tưởng và kịch bản nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, insight và yêu cầu sản phẩm; liên hệ thuyết phục với bối cảnh truyền thông số, nền tảng phát hành và định hướng quảng cáo.	
2	Phát triển ý tưởng sáng tạo, thông tin	30%	CLO2 CLO3	Ý tưởng mơ hồ, thiếu tính quảng cáo hoặc không	Có ý tưởng, thông điệp và kịch bản cơ bản nhưng còn đơn	Xây dựng được ý tưởng, thông điệp và kịch bản tương	Thiết kế ý tưởng sáng tạo, thông điệp rõ, kịch bản chặt chẽ và	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	điệp, kịch bản và định hướng thể hiện			phù hợp mục tiêu truyền thông; kịch bản, storyboard hoặc định hướng thể hiện thiếu logic, khó triển khai.	giản; mức độ phù hợp với công chúng, nền tảng phát hành và mục tiêu truyền thông chưa cao; định hướng thể hiện còn thiếu cụ thể.	đối rõ; có sự liên kết giữa insight, mục tiêu và công chúng; storyboard hoặc moodboard hỗ trợ được định hướng sản phẩm.	có khả năng triển khai cao; định hướng hình ảnh, âm thanh, nhịp dựng, storyboard hoặc moodboard thuyết phục, phù hợp nền tảng New Media.	
3	Xây dựng kế hoạch sản xuất và quản lý dự án quảng cáo	30%	CLO3	Kế hoạch sản xuất thiếu nhiều thành phần quan trọng như nhân sự, thiết bị, địa điểm, lịch quay, kinh phí, hậu kỳ hoặc phát hành; chưa thể hiện khả năng tổ chức dự án.	Kế hoạch có một số nội dung cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; phân công nhân sự, dự toán kinh phí, tiến độ hoặc phương án rủi ro chưa rõ; tính khả thi còn hạn chế.	Kế hoạch sản xuất khá đầy đủ, gồm nhân sự, thiết bị, bối cảnh, kinh phí, tiến độ, hậu kỳ và phát hành; có phương án kiểm soát rủi ro nhưng chưa thật toàn diện.	Kế hoạch sản xuất đầy đủ, mạch lạc và khả thi; phân bổ nguồn lực hợp lý, tiến độ rõ, ngân sách phù hợp, có phương án kiểm soát rủi ro, hậu kỳ và phát hành gắn với mục tiêu truyền thông.	
4	Trách nhiệm nghề nghiệp, pháp lý, bản quyền, đạo	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện rõ trách nhiệm nghề	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập pháp lý, bản	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt;	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức rõ; phân	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	đức và tính học thuật của tiểu luận			nghiệp; bỏ qua hoặc trình bày sai các vấn đề pháp lý, bản quyền, đạo đức; cấu trúc bài viết yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	quyền và đạo đức nhưng phân tích còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo còn thiếu nhất quán.	phân tích được các yếu cầu pháp lý, bản quyền, đạo đức cơ bản; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn và trình bày học thuật tương đối phù hợp.	tích sâu các vấn đề pháp lý, bản quyền, tính trung thực trong quảng cáo; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sản xuất chương trình phát thanh (Production of radio programs)
- Mã học phần: MMC411
- Số tín chỉ: 02
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về loại hình báo phát thanh như lịch sử hình thành và phát triển của phát thanh trên thế giới và Việt Nam; đặc trưng ngôn ngữ, quy trình sản xuất và vai trò của phát thanh trong hệ thống truyền thông đại chúng hiện đại. Học phần giúp người học hiểu được đặc điểm của ngôn ngữ âm thanh, lời nói, tiếng động, âm nhạc và sự kết hợp các yếu tố âm thanh trong xây dựng chương trình phát thanh.

Bên cạnh đó, học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng viết cho báo phát thanh, xây dựng kịch bản, tổ chức nội dung, dẫn chương trình, biên tập và sản xuất các chương trình phát thanh theo nhiều thể loại khác nhau như bản tin, phóng sự, tọa đàm, chuyên đề hoặc podcast. Người học được thực hành sử dụng thiết bị ghi âm, phần mềm xử lý âm thanh và kỹ thuật dựng chương trình phát thanh cơ bản nhằm hoàn thiện sản phẩm phát thanh phù hợp với yêu cầu truyền thông hiện đại.

Ngoài ra, học phần còn giúp người học hình thành tư duy sáng tạo nội dung âm thanh, kỹ năng làm việc nhóm, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức báo chí và khả năng thích ứng với xu hướng phát thanh số, radio trực tuyến và podcast trong môi trường truyền thông đa nền tảng hiện nay.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm, quy trình sản xuất và các nguyên tắc xây dựng chương trình phát thanh, sản phẩm âm thanh truyền thông trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng viết, ghi âm, biên tập, dựng và tổ chức sản xuất chương trình phát thanh cơ bản phù hợp với từng thể loại và đối tượng công chúng; đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức đạo đức báo chí và thái độ học tập nghiêm túc trong quá trình sản xuất nội dung phát thanh.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được đặc điểm, chức năng và quy trình sản xuất chương trình phát thanh trong môi trường truyền thông hiện đại.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được vai trò của ngôn ngữ âm thanh, lời dẫn, tiếng động, âm nhạc và cấu trúc chương trình phát thanh trong hoạt động truyền thông.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Vận dụng được kỹ năng viết, ghi âm, biên tập và dựng chương trình phát thanh cơ bản bằng thiết bị và phần mềm phù hợp.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức báo chí trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về báo phát thanh
1.1	Khái niệm và lịch sử hình thành báo phát thanh
1.2	Sự phát triển của phát thanh trên thế giới và Việt Nam
1.3	Đặc điểm và chức năng của báo phát thanh
1.4	Vai trò của phát thanh trong hệ thống truyền thông đại chúng
Chương 2.	Ngôn ngữ phát thanh và đặc trưng âm thanh

Chương/Mục	Nội dung
2.1	Đặc trưng ngôn ngữ phát thanh
2.2	Vai trò của lời nói, âm nhạc và tiếng động
2.3	Nhịp điệu và cảm xúc trong chương trình phát thanh
2.4	Nghệ thuật sử dụng giọng đọc trong phát thanh
Chương 3.	Viết cho báo phát thanh
3.1	Nguyên tắc viết cho phát thanh
3.2	Viết tin và lời dẫn phát thanh
3.3	Xây dựng kịch bản chương trình phát thanh
3.4	Kỹ năng tổ chức nội dung phát thanh
Chương 4.	Quy trình sản xuất chương trình phát thanh
4.1	Các bước xây dựng chương trình phát thanh
4.2	Tổ chức sản xuất chương trình
4.3	Các thể loại chương trình phát thanh
4.4	Phòng vấn và dẫn chương trình phát thanh
Chương 5.	Kỹ thuật ghi âm, biên tập và dựng âm thanh
5.1	Thiết bị ghi âm trong phát thanh
5.2	Kỹ thuật thu âm và xử lý âm thanh
5.3	Biên tập và dựng chương trình phát thanh
5.4	Phần mềm dựng âm thanh cơ bản
Chương 6.	Phát thanh số, podcast và đạo đức nghề nghiệp
6.1	Phát thanh số và radio trực tuyến
6.2	Podcast và xu hướng truyền thông âm thanh hiện đại
6.3	Đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất phát thanh
6.4	Trách nhiệm xã hội của người làm phát thanh

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập viết tin, lời dẫn và xây dựng kịch bản phát thanh ngắn; thực hành ghi âm, đọc lời dẫn, xử lý tiếng động và dựng các đoạn âm thanh cơ bản bằng phần mềm phù hợp.
6.2.2	Bài tập nhóm
	Người học thực hiện sản xuất chương trình phát thanh hoặc podcast theo nhóm với các thể loại như bản tin, tọa đàm, phóng sự hoặc chuyên đề; phối hợp trong các công đoạn xây dựng nội dung, ghi âm, dẫn chương trình, xử lý âm thanh và hoàn thiện sản phẩm phát thanh phù hợp với yêu cầu truyền thông hiện đại.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về báo phát thanh	3	1		10	14
2	Ngôn ngữ phát thanh và đặc trưng âm thanh	4	2		12	18
3	Viết cho báo phát thanh	3	2		12	17
4	Quy trình sản xuất chương trình phát thanh	3	2		12	17
5	Kỹ thuật ghi âm, biên tập và dựng âm thanh	4	2		12	18
6	Phát thanh số, podcast và đạo đức nghề nghiệp	3	1		12	16
Tổng		20	10		70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

Vai trò của phát thanh trong hệ thống truyền thông hiện đại

Đặc trưng của ngôn ngữ phát thanh so với báo in và truyền hình

Xu hướng podcast trong truyền thông số hiện nay

Vai trò của âm nhạc và tiếng động trong chương trình phát thanh

Kỹ thuật viết lời dẫn phát thanh hấp dẫn

Phân tích cấu trúc một chương trình phát thanh tiêu biểu

Đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất nội dung phát thanh

So sánh phát thanh truyền thống và radio trực tuyến

Vai trò của giọng đọc trong truyền tải cảm xúc phát thanh

Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất chương trình phát thanh hiện đại

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về báo phát thanh	X			
Chương 2. Ngôn ngữ phát thanh và đặc trưng âm thanh	X	X		
Chương 3. Viết cho báo phát thanh	X	X	X	
Chương 4. Quy trình sản xuất chương trình phát thanh	X	X	X	
Chương 5. Kỹ thuật ghi âm, biên tập và dựng âm thanh		X	X	
Chương 6. Phát thanh số, podcast và đạo đức nghề nghiệp		X		X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết giảng

Phân tích tình huống phát thanh

Thực hành ghi âm và dựng âm thanh

Thảo luận nhóm

Thuyết trình – phản biện

Thực hành sản xuất chương trình phát thanh

Dự án podcast/chương trình phát thanh

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phân tích tình huống phát thanh	X	X	X	
Thực hành ghi âm và dựng âm thanh		X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thực hành sản xuất chương trình phát thanh		X	X	X
Dự án podcast/chương trình phát thanh		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần + thực hành/thuyết trình	40%
2	Cuối kỳ	Sản phẩm phát thanh/tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	động học tập.		thường xuyên.	đổi tích cực.	nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Sản phẩm phát thanh/tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Sản phẩm phát thanh/tiểu luận – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích đặc trưng phát thanh, xây dựng nội dung, tổ chức chương trình và vận dụng ngôn ngữ âm thanh trong sản phẩm phát thanh.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–8	Bài tập thực hành; thảo luận; thuyết trình – phân biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá kỹ năng viết cho phát thanh, ghi âm, biên tập và dựng chương trình phát thanh cơ bản.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần; quan	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm	Lấy dữ liệu đo

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			trách nhiệm học tập	(Tuần 1–9)	sát học tập (11.3.a)	nghề nghiệp và thái độ học tập trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	từ CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, thực hành ghi âm, viết lời dẫn và phân biện các chương trình phát thanh trên lớp.	CLO4	Thái độ Level 5 Evaluate	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; ghi nhận mức độ tham gia	Sổ điểm danh; ghi nhận của GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích cấu trúc chương trình phát thanh, ngôn ngữ âm thanh, kỹ thuật ghi âm và tổ chức sản xuất podcast/chương trình phát thanh.	CLO2 ; CLO3	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric thuyết trình & phân biện nhóm; phiếu đánh giá nhóm/cá nhân	Slide thuyết trình; file âm thanh; kịch bản phát thanh
Tiểu luận/sản phẩm phát thanh cuối kỳ (60%)	Thiết kế và sản xuất chương trình phát thanh hoặc podcast hoàn chỉnh gồm nội dung, lời dẫn, ghi âm, xử lý âm	CLO1 ; CLO2	Level 4–5 Analyze – Evaluate	Rubric tiểu luận/sản phẩm phát thanh cuối kỳ	File âm thanh; kịch bản; báo cáo sản phẩm

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	thanh và dựng chương trình.				

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Phân tích được đặc điểm, chức năng và quy trình sản xuất chương trình phát thanh trong môi trường truyền thông hiện đại.	Không phân tích được đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; nhầm lẫn các yếu tố cơ bản của báo phát thanh; chưa hiểu vai trò của phát thanh trong truyền thông đại chúng.	Phân tích được một số nội dung cơ bản về phát thanh nhưng còn khái quát; giải thích quy trình sản xuất và đặc trưng phát thanh chưa rõ hoặc chưa liên hệ thực tiễn.	Phân tích tương đối đúng đặc điểm, chức năng và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; nhận diện được vai trò của âm thanh và cấu trúc chương trình trong truyền thông.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống đặc điểm, chức năng và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; đánh giá được hiệu quả truyền thông của các hình thức phát thanh hiện đại và podcast.
CLO2: Đánh giá được vai trò của ngôn ngữ âm thanh, lời dẫn, tiếng động, âm nhạc và cấu trúc chương trình phát thanh trong hoạt động truyền thông.	Không đánh giá được vai trò của ngôn ngữ âm thanh và cấu trúc chương trình; phân tích cảm tính, thiếu căn cứ chuyên môn; không nhận diện được hiệu quả truyền thông của âm thanh.	Đánh giá được một số yếu tố của ngôn ngữ phát thanh nhưng còn sơ lược; giải thích vai trò của lời dẫn, tiếng động hoặc âm nhạc chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đầy đủ vai trò của lời dẫn, âm nhạc, tiếng động và cấu trúc chương trình; phân tích được hiệu quả truyền tải thông tin và cảm xúc trong chương trình phát thanh.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về vai trò của ngôn ngữ âm thanh; phân tích được hiệu quả thông tin, cảm xúc và khả năng thu hút công chúng của chương trình phát thanh và podcast hiện đại.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu sâu kiến thức về phát thanh, vận dụng hiệu quả kỹ năng viết, ghi âm và tổ chức chương trình phát thanh; có khả năng sáng tạo và liên hệ thực tiễn nghề nghiệp rõ ràng.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản về phát thanh, vận dụng tương đối tốt các kỹ năng viết và sản xuất chương trình phát thanh.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9): Hiểu kiến thức ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế trong phân tích và thực hành sản xuất phát thanh.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức và kỹ năng cốt lõi về sản xuất chương trình phát thanh; vận dụng thiếu chính xác hoặc chưa hoàn thành yêu cầu cơ bản.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ nghề nghiệp, thao tác sản xuất âm thanh và khả năng tương tác chuyên môn trong quá trình trình bày – phân biện chương trình phát thanh.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và xử lý nội dung phát thanh	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Diễn đạt lưu loát, giọng đọc truyền cảm; xử lý tốt lời dẫn, nhịp đọc và ngôn ngữ âm thanh; trình bày rõ cấu trúc và ý tưởng chương trình phát thanh.	Trình bày khá rõ ràng; giọng đọc tương đối phù hợp; giải thích được nội dung và cấu trúc chương trình phát thanh.	Trình bày được ý chính nhưng còn phụ thuộc tài liệu; giọng đọc thiếu ổn định; diễn đạt và xử lý nội dung còn đơn giản.	Diễn đạt lúng túng; đọc máy móc; không kiểm soát được nội dung hoặc cấu trúc chương trình phát thanh.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
2	Năng lực phản biện và xử lý tình huống chuyên môn	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; trả lời đúng trọng tâm; lập luận sắc sảo về cấu trúc chương trình, lời dẫn, âm thanh và kỹ thuật ghi âm – dựng âm thanh; bảo vệ quan điểm thuyết phục.	Trả lời đúng trọng tâm; giải thích được cơ sở lựa chọn nội dung, âm thanh và cấu trúc chương trình; có thể điều chỉnh khi được phân biện thêm.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; giải thích lựa chọn âm thanh hoặc cấu trúc chương trình còn hạn chế.	Không phản biện được; trả lời sai lệch hoặc né tránh câu hỏi; không giải thích được lựa chọn nội dung và kỹ thuật sản xuất phát thanh.
3	Kỹ năng phối hợp và tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phối hợp hiệu quả giữa các thành viên trong xây dựng và sản xuất chương trình phát thanh; phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong trình bày và phản biện.	Có phân công nhiệm vụ tương đối hợp lý; phối hợp khá tốt trong quá trình thực hiện và trình bày sản phẩm phát thanh.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều; chuyển tiếp nội dung còn rời rạc; một số thành viên tham gia hạn chế.	Hoạt động nhóm thiếu phối hợp; không thể hiện được vai trò cá nhân; thiếu hỗ trợ trong quá trình trình bày và phản biện.

b. Rubric đánh giá tiểu luận/ Sản phẩm phát thanh

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức về đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình phát thanh	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về báo phát thanh và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; chưa hiểu vai trò của phát thanh trong truyền thông đại chúng.	Nêu được một số nội dung cơ bản về phát thanh nhưng còn khái quát; giải thích quy trình sản xuất chương trình chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; có liên hệ với thực tiễn truyền thông và phát thanh số.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống đặc điểm, quy trình và vai trò của phát thanh; đánh giá được hiệu quả truyền thông của các hình thức phát thanh hiện đại và podcast.
2	Kiến thức về ngôn ngữ âm thanh và cấu trúc chương trình phát thanh	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của lời dẫn, âm nhạc, tiếng động hoặc cấu trúc chương trình; sản phẩm âm thanh rời rạc, thiếu cảm xúc và tính truyền thông.	Nhận diện được một số yếu tố của ngôn ngữ phát thanh nhưng phân tích còn sơ lược; hiệu quả truyền tải nội dung và cảm xúc chưa rõ ràng.	Đánh giá tương đối đúng vai trò của lời dẫn, âm thanh và cấu trúc chương trình; sản phẩm có khả năng truyền tải thông tin và cảm xúc cơ bản.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ âm thanh; vận dụng hiệu quả lời dẫn, âm nhạc, tiếng động và cấu trúc chương trình để tạo sức hấp dẫn và hiệu quả truyền thông cao.
3	Thực hiện	30%	CLO3	Sản phẩm thiếu cấu	Thực hiện được sản	Thực hiện tương đối tốt	Thực hiện sản phẩm phát

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
	sản phẩm phát thanh/chương trình podcast			trúc hoặc không hoàn chỉnh; âm thanh nhiều, lỗi kỹ thuật nhiều; chưa vận dụng được kỹ năng ghi âm và dựng âm thanh cơ bản.	phẩm ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế về giọng đọc, xử lý âm thanh, nhịp chương trình hoặc tính liên kết nội dung.	sản phẩm phát thanh; vận dụng được các kỹ thuật ghi âm, biên tập và dựng âm thanh cơ bản; sản phẩm phù hợp với nội dung truyền thông.	thanh/podcast hoàn chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật ghi âm, xử lý âm thanh và tổ chức nội dung; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và hiệu quả truyền thông rõ rệt.
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện sản phẩm; thiếu trách nhiệm trong phối hợp nhóm và sản xuất nội dung phát thanh.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện sản phẩm; chương trình phát thanh được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiếu".

• CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Dương Xuân Sơn (2014), Các loại hình báo chí truyền thông, Nxb. Thông tin và truyền thông.

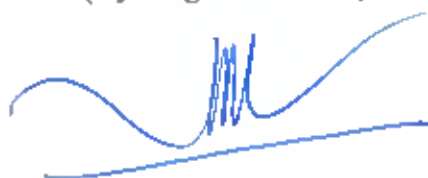
12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Thoa (2012), Tác phẩm báo chí, Nxb. Giáo dục Việt Nam
- PR theo kiểu Mỹ - Thúc đẩy PR trong thế giới công nghệ số. Robert L.Dilenschneider. NXB Lao động – Xã hội, 2011

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Sản xuất chương trình phát thanh

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: Sản xuất chương trình phát thanh
Lớp/Nhóm/Cá nhân:
Chủ đề:
Giảng viên chấm:
Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá (70-84%)	Xuất sắc (85-100-%)	Điểm
1	Kiến thức về đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình phát thanh	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về báo phát thanh và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; chưa hiểu vai trò của phát thanh trong truyền thông đại chúng.	Nếu được một số nội dung cơ bản về phát thanh nhưng còn khái quát; giải thích quy trình sản xuất chương trình chưa rõ; liên hệ thực tiễn còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình phát thanh; có liên hệ với thực tiễn truyền thông và phát thanh số.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống đặc điểm, quy trình và vai trò của phát thanh; đánh giá được hiệu quả truyền thông của các hình thức phát thanh hiện đại và podcast.	
2	Kiến thức về ngôn ngữ âm thanh và cấu	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của lời dẫn, âm nhạc, tiếng động hoặc	Nhận diện được một số yếu tố của ngôn ngữ phát	Đánh giá tương đối đúng vai trò của lời dẫn, âm thanh và	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về ngôn ngữ âm thanh;	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá (70-84%)	Xuất sắc (85-100-%)	Điểm
	trúc chương trình phát thanh			cấu trúc chương trình; sản phẩm âm thanh rời rạc, thiếu cảm xúc và tính truyền thông.	thanh nhưng phân tích còn sơ lược; hiệu quả truyền tải nội dung và cảm xúc chưa rõ ràng.	cấu trúc chương trình; sản phẩm có khả năng truyền tải thông tin và cảm xúc cơ bản.	vận dụng hiệu quả lời dẫn, âm nhạc, tiếng động và cấu trúc chương trình để tạo sức hấp dẫn và hiệu quả truyền thông cao.	
3	Thực hiện sản phẩm phát thanh/chương trình podcast	30%	CLO3	Sản phẩm thiếu cấu trúc hoặc không hoàn chỉnh; âm thanh nhiều, lỗi kỹ thuật nhiều; chưa vận dụng được kỹ năng ghi âm và dựng âm thanh cơ bản.	Thực hiện được sản phẩm ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế về giọng đọc, xử lý âm thanh, nhịp chương trình hoặc tính liên kết nội dung.	Thực hiện tương đối tốt sản phẩm phát thanh; vận dụng được các kỹ thuật ghi âm, biên tập và dựng âm thanh cơ bản; sản phẩm phù hợp với nội dung truyền thông.	Thực hiện sản phẩm phát thanh/podcast hoàn chỉnh, logic và có tính sáng tạo; vận dụng linh hoạt kỹ thuật ghi âm, xử lý âm thanh và tổ chức nội dung; sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và hiệu quả truyền thông rõ rệt.	
4	Tính học thuật, tính thân hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; ít tham gia thực hiện sản phẩm; thiếu trách nhiệm trong phối hợp	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm	Thể hiện tính thân hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề	Thể hiện nhất quán tính thân hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động trong thực hiện sản phẩm; chương trình	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0– 6,9	Khá (70-84%)	Xuất sắc (85-100-%)	Điểm
				nhóm và sản xuất nội dung phát thanh.	nghe nghiệp và tinh thần tự học còn hạn chế.	nghe nghiệp quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	phát thanh được đầu tư nghiêm túc, dùng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

.....

Điểm chữ

.....

Xếp loại

.....

Mức đạt CLO

.....

GIẢNG VIÊN CHẤM

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình (*Organizing Television Program Production*)**

- Mã học phần: MMC412
- Số tín chỉ: 02
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: HuongPT@vhu.edu.vn
- Số điện thoại: 093 4976916

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: LoiTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về truyền hình như các khái niệm và thuật ngữ cơ bản; đặc trưng của loại hình truyền hình trong hệ thống truyền thông đại chúng; lịch sử hình thành và phát triển của truyền hình thế giới và Việt Nam; hệ thống các đài truyền hình quốc gia và địa phương; cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động của đài truyền hình trong môi trường truyền thông hiện đại.

Học phần giúp người học hiểu được quy trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình từ khâu xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch sản xuất, tổ chức ê-kíp, điều phối nhân sự, kỹ thuật, thiết bị và quản lý tiến độ thực hiện chương trình. Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức về vai trò, nhiệm vụ và sự phối hợp của các thành viên trong ê-kíp sản xuất như đạo diễn, biên tập viên, quay phim, kỹ thuật viên, MC/dẫn chương trình và bộ phận hậu kỳ trong quá trình sản xuất chương trình truyền hình.

Bên cạnh đó, người học được trang bị kiến thức về cấu trúc chương trình truyền hình, kế hoạch phát sóng, đặc điểm của các thể loại truyền hình như bản tin, talkshow, gameshow, phóng sự, truyền hình thực tế và chương trình giải trí; đồng thời được thực hành xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất và vận hành chương trình truyền hình cơ bản.

Ngoài ra, học phần còn góp phần hình thành cho người học tư duy tổ chức sản xuất truyền thông chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý công việc, trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức báo chí và khả năng thích ứng với xu hướng sản xuất truyền hình đa nền tảng trong bối cảnh truyền thông số hiện nay.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức sản xuất chương trình truyền hình trong môi trường truyền thông hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức ê-kíp, phân công nhiệm vụ và phối hợp các công đoạn trong quá trình sản xuất chương trình truyền hình cơ bản; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng hợp tác và ý thức đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động sản xuất chương trình truyền hình.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được đặc điểm, cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng trong hoạt động truyền hình.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Vận dụng được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và phối hợp sản xuất chương trình truyền hình cơ bản.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức báo chí trong quá trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về truyền hình
1.1	Khái niệm và đặc trưng của truyền hình
1.2	Lịch sử hình thành và phát triển truyền hình thế giới và Việt Nam
1.3	Vai trò của truyền hình trong truyền thông đại chúng
1.4	Hệ thống đài truyền hình quốc gia và địa phương
Chương 2.	Cơ cấu tổ chức và hoạt động của đài truyền hình
2.1	Mô hình tổ chức đài truyền hình
2.2	Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

Chương/Mục	Nội dung
2.3	Hoạt động sản xuất và phát sóng chương trình
2.4	Xu hướng chuyển đổi số trong truyền hình
Chương 3.	Ê-kíp sản xuất chương trình truyền hình
3.1	Thành phần ê-kíp sản xuất chương trình
3.2	Vai trò của đạo diễn, biên tập viên và quay phim
3.3	Nhiệm vụ của kỹ thuật viên và bộ phận hậu kỳ
3.4	Phối hợp trong tổ chức sản xuất chương trình
Chương 4.	Quy trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình
4.1	Xây dựng ý tưởng và format chương trình
4.2	Lập kế hoạch sản xuất chương trình
4.3	Tổ chức ghi hình và điều phối sản xuất
4.4	Hậu kỳ và kiểm duyệt chương trình
Chương 5.	Cấu trúc và kế hoạch phát sóng chương trình truyền hình
5.1	Cấu trúc chương trình truyền hình
5.2	Kế hoạch phát sóng và khung giờ phát sóng
5.3	Tổ chức nội dung theo đối tượng công chúng
5.4	Quản lý tiến độ và chất lượng chương trình
Chương 6.	Các thể loại truyền hình và đạo đức nghề nghiệp
6.1	Bản tin và phóng sự truyền hình
6.2	Talkshow, gameshow và truyền hình thực tế
6.3	Chương trình giải trí và truyền thông đa nền tảng
6.4	Đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất truyền hình

6.2. Thực hành

	Nội dung
--	-----------------

6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập xây dựng ý tưởng chương trình, viết format, lập kế hoạch sản xuất và phân tích cấu trúc các chương trình truyền hình; thực hành xây dựng lịch sản xuất và phân công nhiệm vụ trong ê-kíp sản xuất chương trình truyền hình cơ bản.
6.2.2	Bài tập nhóm
	Người học thực hiện tổ chức sản xuất chương trình truyền hình theo nhóm với các thể loại như bản tin, talkshow, gameshow hoặc chương trình giải trí; phối hợp trong các công đoạn xây dựng nội dung, lập kế hoạch, điều phối ê-kíp, ghi hình và hoàn thiện sản phẩm truyền hình cơ bản.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về truyền hình	3	1		10	14
2	Cơ cấu tổ chức và hoạt động của đài truyền hình	4	2		12	18
3	Ê-kíp sản xuất chương trình truyền hình	3	2		12	17
4	Quy trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3	2		12	17
5	Cấu trúc và kế hoạch phát sóng chương trình truyền hình	4	2		12	18
6	Các thể loại truyền hình và đạo đức nghề nghiệp	3	1		12	16
Tổng		20	10		70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

Vai trò của truyền hình trong hệ thống truyền thông đại chúng hiện đại

Đặc trưng của truyền hình so với báo in, phát thanh và báo điện tử

Lịch sử phát triển của truyền hình thế giới và Việt Nam

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đài truyền hình hiện nay

Vai trò của đạo diễn, biên tập viên và quay phim trong ê-kíp sản xuất truyền hình

Quy trình tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình

Phân tích cấu trúc một bản tin hoặc talkshow truyền hình tiêu biểu

Kế hoạch sản xuất và phân bổ lịch phát sóng chương trình truyền hình

Đặc điểm của các thể loại truyền hình: gameshow, talkshow, truyền hình thực tế, phóng sự

Xu hướng sản xuất truyền hình đa nền tảng trong môi trường truyền thông số

Ảnh hưởng của công nghệ số đối với tổ chức sản xuất chương trình truyền hình

Đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động sản xuất truyền hình

Vai trò của công chúng trong xây dựng nội dung chương trình truyền hình

So sánh mô hình sản xuất truyền hình truyền thống và truyền hình trực tuyến

Thách thức và cơ hội của ngành truyền hình trong thời đại mạng xã hội

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về truyền hình	X			
Chương 2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của đài truyền hình	X	X		
Chương 3. Ê-kíp sản xuất chương trình truyền hình	X	X	X	
Chương 4. Quy trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	X	X	X	
Chương 5. Cấu trúc và kế hoạch phát sóng chương trình truyền hình		X	X	
Chương 6. Các thể loại truyền hình và đạo đức nghề nghiệp		X		X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết giảng

Phân tích tình huống truyền hình

Thảo luận nhóm

Thuyết trình – phản biện

Thực hành xây dựng kế hoạch sản xuất chương trình

Mô phỏng tổ chức ê-kíp sản xuất truyền hình

Dự án tổ chức sản xuất chương trình truyền hình

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phân tích tình huống truyền hình	X	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phân biện		X	X	X
Thực hành xây dựng kế hoạch sản xuất chương trình		X	X	X
Mô phỏng tổ chức ê-kíp sản xuất truyền hình		X	X	X
Dự án tổ chức sản xuất chương trình truyền hình		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần + thực hành/thuyết trình	40%
2	Cuối kỳ	Sản phẩm truyền hình/tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận/dự án cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận/dự án cuối kỳ – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất chương trình truyền hình; đánh giá vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng trong hoạt động truyền hình.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-8	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình –	Đánh giá quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức ê-kíp, phân công nhiệm vụ, điều phối sản xuất và trình	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					phản biện nhóm (11.3.b)	bày mô hình tổ chức chương trình truyền hình.	
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-9)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm và thái độ học tập trong quá trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.	Lấy dữ liệu từ CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, phân tích tình huống tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm và ý thức nghề nghiệp trong các hoạt động học tập trên lớp.	CLO4	Thái độ Level 5 Evaluate	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; ghi nhận mức độ tham gia	Sổ điểm danh; ghi của GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích cơ cấu tổ chức đài truyền hình, quy trình sản xuất, vai trò ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng; xây dựng kế hoạch tổ chức	CLO2 ; CLO3	Level 4-5 Analyze – Evaluate	Rubric thuyết trình & phản biện nhóm; phiếu đánh giá nhóm/cá nhân	Slide thuyết trình; kế hoạch sản xuất; phiếu đánh giá; nhận xét phản biện

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	sản xuất chương trình truyền hình.				
Sản phẩm truyền hình/Tiểu luận cuối kỳ (60%)	Thiết kế kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình truyền hình cho một format cụ thể gồm ý tưởng, cấu trúc chương trình, kế hoạch sản xuất, phân công ê-kíp, tiến độ thực hiện và định hướng phát sóng/chuyển tải nội dung.	CLO1 ; CLO2	Level 4-5 Analyze – Evaluate	Rubric sản phẩm truyền hình/tiểu luận cuối kỳ	Bài tiểu luận; proposal chương trình; sản phẩm truyền hình

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0-6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
CLO1: Phân tích được đặc điểm, cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình.	Không phân tích được đặc điểm và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; trình bày rời rạc hoặc sai lệch về cơ cấu tổ chức đài truyền hình và các công đoạn sản xuất chương trình.	Phân tích được một số nội dung cơ bản về cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình nhưng còn khái quát; liên hệ thực tiễn chưa rõ ràng.	Phân tích tương đối đúng cơ cấu tổ chức, vai trò các bộ phận và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; có liên hệ với thực tiễn hoạt động truyền hình hiện nay.	Phân tích đầy đủ, logic và có hệ thống đặc điểm, cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; đánh giá được sự phối hợp giữa các bộ phận trong môi trường sản xuất truyền hình hiện đại.
CLO2: Đánh giá được vai trò của ê-kíp	Không đánh giá được vai trò của ê-kíp sản xuất,	Đánh giá được một số vai trò cơ bản của ê-	Đánh giá tương đối đầy đủ vai trò của ê-kíp sản	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0– 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng trong hoạt động truyền hình.	cấu trúc chương trình hoặc kế hoạch phát sóng; lập luận thiếu căn cứ chuyên môn.	kíp sản xuất và cấu trúc chương trình nhưng còn sơ lược; giải thích chưa rõ hiệu quả tổ chức sản xuất và phát sóng.	xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng; phân tích được sự phù hợp với đối tượng công chúng và nội dung truyền thông.	vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng; đề xuất được giải pháp tổ chức sản xuất phù hợp với xu hướng truyền hình đa nền tảng.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

Mức Giỏi (8.5 – 10): Hiểu sâu kiến thức về tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; vận dụng tốt kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức ê-kíp và điều phối sản xuất; có khả năng liên hệ thực tiễn nghề nghiệp rõ ràng.

Mức Khá (7.0 – 8.4): Nắm vững nội dung cơ bản về tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; vận dụng tương đối tốt kỹ năng lập kế hoạch và phối hợp sản xuất chương trình.

Mức Trung bình (5.0 – 6.9): Hiểu kiến thức ở mức cơ bản nhưng còn hạn chế trong phân tích, đánh giá và tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.

Mức Yếu (<5.0): Chưa nắm được kiến thức và kỹ năng cốt lõi về tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; vận dụng thiếu chính xác hoặc chưa hoàn thành yêu cầu cơ bản.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua khả năng tổ chức tư duy, trình bày kế hoạch sản xuất và phản biện tình huống sản xuất chương trình truyền hình.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và tổ chức nội dung	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Trình bày lưu loát, logic; tổ chức nội dung rõ ràng; giải thích đầy đủ kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình truyền hình và vai trò các bộ phận trong ê-kíp sản xuất.	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được các nội dung chính của kế hoạch sản xuất chương trình truyền hình.	Trình bày được ý chính nhưng còn thiếu liên kết; giải thích nội dung sản xuất và tổ chức ê-kíp còn đơn giản.	Diễn đạt lúng túng; nội dung rời rạc; không làm rõ được kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.
2	Năng lực phản biện và xử lý tình huống chuyên môn	40%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phản xạ nhanh; trả lời đúng trọng tâm; lập luận thuyết phục về quy trình sản xuất, phân công ê-kíp, kế hoạch phát sóng và điều phối sản xuất chương trình.	Trả lời tương đối đúng trọng tâm; giải thích được cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; xử lý tình huống sản xuất còn hạn chế.	Không phản biện được; trả lời sai lệch hoặc né tránh câu hỏi; không giải thích được phương án tổ chức sản xuất chương trình.
3	Kỹ năng phối hợp và tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 4	Phối hợp hiệu quả giữa các thành viên; phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong trình bày và phản biện kế hoạch sản xuất chương trình truyền hình.	Có phân công nhiệm vụ tương đối hợp lý; phối hợp khá tốt trong quá trình thực hiện và trình bày.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều; một số thành viên tham gia hạn chế; nội dung chuyển tiếp chưa mạch lạc.	Hoạt động nhóm thiếu phối hợp; không thể hiện được vai trò cá nhân; thiếu hỗ trợ trong quá trình trình bày và phản biện.

b. Rubric đánh giá tiểu luận/ Sản phẩm truyền hình

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức về cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; chưa hiểu vai trò các bộ phận trong đài truyền hình.	Nêu được một số nội dung cơ bản nhưng còn khái quát; giải thích quy trình tổ chức sản xuất chương trình chưa rõ ràng.	Phân tích tương đối đúng cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; có liên hệ với thực tiễn hoạt động truyền hình.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất và hoạt động phối hợp trong sản xuất chương trình truyền hình hiện đại.
2	Kiến thức về ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình hoặc kế hoạch phát sóng; nội dung thiếu tính khả thi và logic.	Nhận diện được một số vai trò cơ bản của ê-kíp sản xuất và cấu trúc chương trình nhưng phân tích còn sơ lược.	Đánh giá tương đối đúng vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng; có xem xét đối tượng công chúng và mục tiêu truyền thông.	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về tổ chức ê-kíp, cấu trúc chương trình và chiến lược phát sóng; đề xuất giải pháp phù hợp với môi trường truyền hình đa nền tảng.
3	Thiết kế kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình	30%	CLO3	Kế hoạch sản xuất thiếu cấu trúc hoặc không phù hợp; chưa xác định rõ format,	Thiết kế được một số thành phần của kế hoạch sản xuất nhưng	Thiết kế tương đối đầy đủ kế hoạch tổ chức sản xuất chương	Thiết kế kế hoạch tổ chức sản xuất đầy đủ, logic và khả thi; các thành

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
	truyền hình			nội dung, ê-kíp, tiến độ hoặc phân công công việc.	còn rời rạc; phân công và tiến độ thực hiện chưa hợp lý.	trình truyền hình; xác định được format, nội dung, nhân sự và tiến độ cơ bản.	phần liên kết chặt chẽ từ ý tưởng, nội dung, ê-kíp đến tiến độ và phương án phát sóng.
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; thiếu tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong thực hiện sản phẩm truyền hình.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện sản phẩm.	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ làm việc chuyên nghiệp; sản phẩm được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ ràng của cá nhân/nhóm.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiếu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Trần Bảo Khánh (2003), Sản xuất chương trình truyền hình, NXB Văn hóa thông tin

12.2. Tài liệu tham khảo

Dương Xuân Sơn (2014), Các loại hình báo chí truyền thông – NXB Thông tin và truyền thông

Nguyễn Thị Thoa (2012), Tác phẩm báo chí – NXB giáo dục Việt Nam

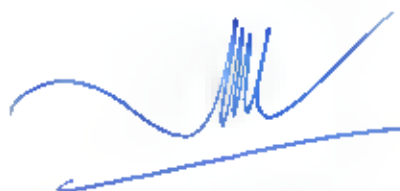
Nhật An (2006), Phát thanh truyền hình, NXB Trẻ

The Missouri Group (2007), News reporting & writing (Bản dịch tiếng Việt: nhà báo hiện đại, Viết cho phát thanh và truyền hình) – NXB Trẻ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phẩm: Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thảo tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: **Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá (70–84%)	Xuất sắc (85–100-%)	Điểm
1	Kiến thức về cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình	20%	CLO1	Trình bày sai hoặc thiếu các kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; chưa hiểu vai trò các bộ phận trong đài truyền hình.	Nếu được một số nội dung cơ bản nhưng còn khái quát; giải thích quy trình tổ chức sản xuất chương trình chưa rõ ràng.	Phân tích tương đối đúng cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình; có liên hệ với thực tiễn hoạt động truyền hình.	Phân tích chính xác, logic và có hệ thống cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất và hoạt động phối hợp trong sản xuất chương trình truyền hình hiện đại.	
2	Kiến thức về ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình	30%	CLO2	Không đánh giá được vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình hoặc kế hoạch	Nhận diện được một số vai trò cơ bản của ê-kíp sản xuất và cấu trúc	Đánh giá tương đối đúng vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương	Đánh giá sâu sắc và có căn cứ chuyên môn về tổ chức ê-kíp, cấu trúc chương trình và chiến	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá (70-84%)	Xuất sắc (85-100-%)	Điểm
	và kế hoạch phát sóng			phát sóng; nội dung thiếu tính khả thi và logic.	trúc chương trình phân tích còn sơ lược.	trình và kế hoạch phát sóng, có xem xét đối tượng công chúng và mục tiêu truyền thông.	lược phát sóng; đề xuất giải pháp phù hợp với môi trường truyền hình đa nền tảng.	
3	Thiết kế kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	30%	CLO3	Kế hoạch sản xuất thiếu cấu trúc hoặc không phù hợp; chưa xác định rõ format, nội dung, ê-kíp, tiến độ hoặc phân công công việc.	Thiết kế được một số thành phần của kế hoạch sản xuất nhưng còn rời rạc; phân công và tiến độ thực hiện chưa hợp lý.	Thiết kế tương đối đầy đủ kế hoạch tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; xác định được format, nội dung, nhân sự và tiến độ cơ bản.	Thiết kế kế hoạch tổ chức sản xuất đầy đủ, logic và khả thi; các thành phần liên kết chặt chẽ từ ý tưởng, nội dung, ê-kíp đến tiến độ và phương án phát sóng.	
4	Tính học thuật, tinh thần hợp tác và trách nhiệm nghề nghiệp	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; nộp trễ hoặc không đúng yêu cầu; thiếu tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong thực hiện sản phẩm truyền hình.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả; trách nhiệm nghề nghiệp còn hạn chế.	Thể hiện tinh thần hợp tác và trách nhiệm tương đối tốt; hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có ý thức nghề nghiệp trong	Thể hiện nhất quán tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ làm việc chuyên nghiệp; sản phẩm được đầu tư nghiêm túc, đúng tiến độ và có đóng góp rõ	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá (70-84%) quá trình thực hiện sản phẩm.	Xuất sắc (85-100-%) ràng của cá nhân/nhóm.	Điểm
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Biên kịch phim ngắn (Short Film Screenwriting)**
- Mã học phần: **MMC405**
- Số tín chỉ: **2**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **30** , trong đó
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp:
 - + Giờ giảng: **20 Giờ**
 - + Thuyết trình: **10**
 - Giờ kiểm tra: **Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thị Hồng Thái**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908272840**
- Email: **ThaiPTH@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Minh Hùng**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Văn Hiến**
- Điện thoại: **0913.150915**
- Email: **minhhung.cm.vtv@gmail.com**



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về điện ảnh; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại phim ngắn; cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kịch bản phim ngắn, về nhân vật, cấu trúc, tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, viết cảnh phim, thoại phim. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức về cách trình bày kịch bản phim ngắn trước hội đồng thẩm định.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về biên kịch phim ngắn, ngôn ngữ điện ảnh, đặc điểm phim ngắn và vai trò của kịch bản trong sản xuất phim. Qua đó, sinh viên xây dựng được ý tưởng, nhân vật, tình huống truyện, cấu trúc ba hồi, tóm tắt nội dung, đề cương chi tiết, cảnh phim, thoại phim; hoàn thiện và thuyết trình kịch bản phim ngắn theo chuẩn trình bày chuyên nghiệp. Học phần đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo độc lập, chủ động, nghiêm túc; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bản quyền ý tưởng, trách nhiệm của người làm nội dung và thái độ chuyên nghiệp trong môi trường sản xuất phim.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích và xác định được các kiến thức nền tảng về điện ảnh, đặc trưng của phim ngắn và các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn, bao gồm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề.	Mức 4 (phân tích)
CLO2	Tinh chỉnh được kịch bản, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật phù hợp với cốt truyện, mục tiêu truyền tải thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh của phim ngắn.	Mức 3 (chuẩn hóa)
CLO3	Hình thành được tư duy sáng tạo, tinh thần tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức biên kịch trong quá trình phát triển, điều chỉnh và bảo vệ ý tưởng kịch bản phim ngắn.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2				X				
CLO3					X		X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim
1.1.	Khái quát về điện ảnh và ngôn ngữ điện ảnh
1.2.	Các yếu tố cơ bản của điện ảnh: hình ảnh, âm thanh, dựng phim, bối cảnh, diễn xuất
1.3.	Đặc điểm của phim ngắn và yêu cầu đối với kịch bản phim ngắn
1.4.	Kịch bản phim là gì và vai trò của kịch bản trong quy trình sản xuất phim
1.5.	Tiêu chí phân tích và đánh giá kịch bản phim ngắn
Chương 2	Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn
2.1.	Thể loại phim và định hướng phong cách kể chuyện
2.2.	Chủ đề, tựa đề và thông điệp của kịch bản
2.3.	Cấu trúc ba hồi trong phim ngắn
2.4.	Xung đột, tình huống truyện và điểm ngoặt
2.5.	Mối quan hệ giữa chủ đề, cấu trúc và cảm xúc người xem
Chương 3	Xây dựng và phát triển nhân vật
3.1.	Nguyên tắc sáng tạo nhân vật trong phim ngắn
3.2.	Mục tiêu, động cơ, xung đột và hành trình phát triển của nhân vật
3.3.	Quan hệ giữa nhân vật chính, nhân vật phụ và bối cảnh truyện
3.4.	Các mô típ nhân vật phổ biến trong điện ảnh
3.5.	Đánh giá tính thuyết phục và chức năng tự sự của nhân vật
Chương 4	Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn
4.1.	Hình thành ý tưởng từ đời sống, trải nghiệm cá nhân và quan sát xã hội
4.2.	Phát triển ý tưởng từ tin tức, báo chí và sự kiện thực tế
4.3.	Phát triển ý tưởng từ tác phẩm nghệ thuật, văn học, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc
4.4.	Phát triển ý tưởng từ sản phẩm truyền thông và văn hóa đại chúng
4.5.	Lựa chọn, đánh giá và hoàn thiện ý tưởng phù hợp với phim ngắn
Chương 5	Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn
5.1.	Viết tóm tắt nội dung và đề cương chi tiết
5.2.	Viết cảnh phim theo tư duy kể chuyện bằng hình ảnh

Chương	Nội dung
5.3.	Viết thoại phim phù hợp với nhân vật, tình huống và nhịp phim
5.4.	Trình bày kịch bản theo chuẩn chuyên nghiệp
5.5.	Chỉnh sửa kịch bản dựa trên phản hồi, tính logic và khả năng sản xuất
Chương 6	Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản
6.1.	Viết logline cho kịch bản phim ngắn
6.2.	Viết synopsis một trang
6.3.	Xây dựng moodboard thể hiện phong cách hình ảnh, màu sắc và cảm xúc phim
6.4.	Xây dựng sơ đồ nhân vật và quan hệ nhân vật
6.5.	Lựa chọn bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu và chất liệu tham khảo
6.6.	Thuyết trình và bảo vệ kịch bản trước hội đồng thẩm định
6.7.	Đạo đức nghề nghiệp, bản quyền ý tưởng và trách nhiệm của người viết kịch bản

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Chuẩn bị các nội dung bài học
	- Đọc tài liệu theo hướng dẫn - Viết ra những nội dung cần trao đổi
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề
	- Các nhóm chuẩn bị và trình bày trước lớp về hồ sơ ý tưởng kịch bản phim ngắn, gồm logline, synopsis, đề cương chi tiết, mood board, sơ đồ nhân vật, bối cảnh, âm nhạc và hình ảnh mẫu - Thực hiện phản biện, đặt câu hỏi và nhận xét chéo giữa các nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ Tự học	Tổng
1	Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim	5	0	6	11
2	Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn	3	2	6	11

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ Tự học	Tổng
3	Xây dựng và phát triển nhân vật	3	2	7	12
4	Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn	3	2	7	12
5	Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn	3	2	7	12
6	Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản	3	2	7	12
	Tổng	20	10	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN/THUYẾT TRÌNH GIỮA Ý

- 1/ Phân tích đặc trưng phim ngắn và vai trò của kịch bản trong quy trình sản xuất phim
- 2/ Đánh giá vai trò của thể loại, chủ đề, tựa đề và cấu trúc tự sự trong câu chuyện phim ngắn
- 3/ Thiết kế hệ thống nhân vật cho kịch bản phim ngắn
- 4/ Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn từ đời sống, báo chí, tác phẩm nghệ thuật và sản phẩm truyền thông
- 5/ Xây dựng cảnh phim và thoại phim theo tư duy kể chuyện bằng hình ảnh
- 6/ Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ ý tưởng kịch bản phim ngắn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim	X		
Chương 2: Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn	X	X	
Chương 3: Xây dựng và phát triển nhân vật	X	X	
Chương 4: Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn		X	X
Chương 5: Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn		X	X
Chương 6: Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản		X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Phát vấn
- Thảo luận
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng/ dạy trực tiếp	X		
Phát vấn/câu hỏi gợi mở	X	X	
Thảo luận	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	x	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia làm bài và nộp bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận/Bài tập lớn	60%

Điểm đánh giá quá trình, trọng số 40%, bao gồm

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30% theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

12.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận/Sản phẩm (11.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề, chủ đề hoặc ý tưởng phim ngắn được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết hoặc khái niệm liên quan đến điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và kịch bản phim ngắn. 3. Phân tích các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn, gồm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề. 4. Thiết kế và phát triển logline, synopsis,	CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 5. Làm rõ mục tiêu truyền tải thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh qua moodboard, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu hoặc chất liệu tham khảo. 6. Kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục nếu có.	
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2–5	Thuyết trình, thảo luận–phản biện nhóm (11.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính chủ đề đã nêu ở trên: 1. Trình bày chủ đề hoặc ý tưởng kịch bản phim ngắn được lựa chọn. 2. Giới thiệu logline, synopsis, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 3. Phân tích sự phù hợp giữa cốt truyện, nhân vật, chủ đề, xung đột và mục tiêu truyền tải thông điệp. 4. Kỹ năng trình bày sơ đồ nhân vật, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu, chất lượng slide 5. Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	CLO1 CLO2
Quá trình liên tục	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1–6	Bảng kiểm chuyên cần (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học.	CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO3	4	Bảng kiểm chuyên cần	Sổ điểm danh của GV, ghi nhận trả lời câu hỏi của SV
Thuyết trình nhóm (30%)	Trình bày và bảo vệ hồ sơ ý tưởng kịch bản phim ngắn gồm logline, synopsis, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật, moodboard, bối cảnh, âm nhạc và hình ảnh mẫu; phân tích sự phù hợp giữa ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng kể	CLO1, CLO2,	4 3	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	chuyện bằng hình ảnh.				
Tiểu luận (60%)	Phân tích và phát triển hồ sơ kịch bản phim ngắn gồm đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc ba hồi, tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, cảnh phim và thoại phim; đề xuất chỉnh sửa, lý giải đạo đức biên kịch và bản quyền ý tưởng.	CLO1, CLO2,	4 3	Rubric tiểu luận	Bài tiểu luận

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0-6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
Phân tích và xác định được các kiến thức nền tảng về điện ảnh, đặc trưng của phim ngắn và các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn, bao gồm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề.	Không phân tích hoặc xác định được các kiến thức nền tảng về điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và kịch bản phim ngắn; nhầm lẫn các yếu tố như ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề; nội dung trình bày rời rạc, thiếu căn cứ.	Phân tích và xác định được một phần kiến thức nền tảng về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim ngắn; nhận diện được một số yếu tố như ý tưởng, nhân vật, cấu trúc hoặc chủ đề nhưng còn thiếu liên kết, ví dụ minh họa chưa rõ.	Phân tích và xác định đúng phần lớn kiến thức nền tảng về điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và các yếu tố cấu thành kịch bản; trình bày được mối quan hệ giữa ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề; có ví dụ phù hợp.	Phân tích và xác định chính xác, đầy đủ, logic kiến thức nền tảng về điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và các yếu tố cấu thành kịch bản; làm rõ vai trò của ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và chủ đề; liên hệ sâu với ví dụ thực tiễn hoặc kịch bản cụ thể.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO2) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và trình bày hồ sơ kịch bản đã tinh chỉnh	30%	CLO3 Mức 3	Diễn đạt trôi chảy, tự tin, có điểm nhấn; trình bày rõ logline, synopsis, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật và các điểm đã tinh chỉnh; sử dụng slide hoặc tư liệu minh họa hiệu quả; làm nổi bật cốt truyện, thông điệp và tư duy kể chuyện bằng hình ảnh của phim ngắn.	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; nêu được các thành phần chính của hồ sơ kịch bản đã tinh chỉnh; slide tương đối phù hợp; truyền tải được trọng tâm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng hình ảnh của phim ngắn.	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc vào slide hoặc tài liệu; phân trình bày về các điểm tinh chỉnh chưa đầy đủ; diễn đạt chưa liên mạch; liên hệ giữa cốt truyện, nhân vật, thông điệp và hình ảnh kể chuyện còn đơn giản.	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không làm rõ được logline, synopsis, đề cương, nhân vật hoặc các điểm tinh chỉnh; bài trình bày rời rạc, thiếu trọng tâm, chưa thể hiện yêu cầu của hồ sơ kịch bản phim ngắn.
2	Năng lực phản biện và bảo vệ phươn	40%	CLO3 Mức 3	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; bảo vệ được phương án tinh chỉnh cốt truyện, cấu	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận khá logic; giải thích được sự phù hợp	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận	Không phản biện được hoặc trả lời sai lệch, không bảo vệ được

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	g án tình chỉnh kịch bản			trúc, xung đột, nhân vật, chủ đề và hình ảnh kể chuyện bằng lập luận có căn cứ; tiếp thu phản hồi chuyên nghiệp; đề xuất hướng điều chỉnh hợp lý, khả thi và phù hợp mục tiêu truyền tải thông điệp.	giữa các điểm tình chỉnh với ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh; có khả năng điều chỉnh quan điểm khi nhận phản biện.	chưa chặt chẽ; giải thích mối quan hệ giữa phương án tình chỉnh, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và hình ảnh kể chuyện còn chung chung.	phương án tình chỉnh; thiếu căn cứ khi giải thích nhân vật, cấu trúc, xung đột, chủ đề hoặc đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh của phim ngắn.
3	Kỹ năng phối hợp nhóm và thái độ nghề nghiệp khi thuyết trình, phản biện	30%	CLO3 Mức 3	Phối hợp nhịp nhàng; phân vai rõ ràng; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày và phản biện; thể hiện tinh thần tự chủ, trách nhiệm, tôn trọng phản hồi, tuân thủ đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng và thái độ nghề nghiệp trong quá trình hoàn thiện kịch bản.	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt; thể hiện thái độ nghiêm túc, hợp tác, có ý thức trách nhiệm và tôn trọng phản hồi trong quá trình trình bày, bảo vệ hồ sơ kịch bản.	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế; thái độ hợp tác, trách nhiệm và tiếp nhận phản hồi chưa ổn định.	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; một số thành viên không tham gia hoặc thiếu trách nhiệm; chưa thể hiện thái độ nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và sự tôn trọng trong thuyết trình, phản biện.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
1	Phân tích nền tảng đề tài, ý tưởng, chủ đề và yếu tố tự sự của kịch bản phim ngắn	20%	CLO2 (CLO1 quan CLO2)	Xác định sai hoặc thiếu đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột và cấu trúc ba hồi; chưa làm rõ đặc trưng phim ngắn và tư duy kể chuyện bằng hình ảnh; lập luận rời rạc, thiếu căn cứ.	Xác định được một số yếu tố cơ bản như đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật hoặc xung đột nhưng còn chung chung; mối liên hệ giữa các yếu tố tự sự chưa rõ; ví dụ hoặc dẫn chứng còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột và cấu trúc ba hồi; chỉ ra được mối liên hệ với thông điệp và đặc trưng phim ngắn nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu nền tảng phát triển kịch bản; làm rõ mối quan hệ giữa đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc ba hồi và thông điệp; thể hiện rõ tư duy kể chuyện bằng hình ảnh.
2	Phát triển hệ thống nhân vật, tóm tắt kịch bản và đề cương chi tiết	30%	CLO2	Hồ sơ kịch bản thiếu nhiều thành phần quan trọng; nhân vật mờ nhạt, thiếu mục tiêu hoặc động cơ; tóm tắt kịch bản và đề	Có xây dựng nhân vật, tóm tắt kịch bản và đề cương ở mức cơ bản nhưng còn đơn giản; quan hệ giữa nhân vật, cốt truyện và thông	Phát triển được hệ thống nhân vật, tóm tắt kịch bản và đề cương tương đối rõ; có liên kết với cốt truyện, cấu trúc ba hồi, xung đột và thông điệp nhưng một	Thiết kế và phát triển hồ sơ kịch bản đầy đủ, sáng tạo, chặt chẽ và khả thi; nhân vật có mục tiêu, động cơ và hành trình rõ; tóm tắt

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
				cương chi tiết rời rạc, không thể hiện rõ cốt truyện và thông điệp.	điệp chưa chặt chẽ; tính đặc thù của phim ngắn chưa nổi bật.	số chi tiết còn cần hoàn thiện.	kịch bản, đề cương chi tiết và thông điệp phù hợp đặc trưng phim ngắn.
3	Viết cảnh phim, thoại phim và đề xuất chỉnh sửa kịch bản	30%	CLO2	Cảnh phim và thoại phim thiếu chức năng tự sự, chưa phù hợp nhân vật hoặc tình huống; chưa thể hiện tư duy kể chuyện bằng hình ảnh; đề xuất chỉnh sửa mơ hồ hoặc không có khả năng cải thiện kịch bản.	Viết được cảnh phim và thoại phim ở mức cơ bản nhưng còn minh họa, thiếu tinh lọc hoặc phụ thuộc lời thoại; đề xuất chỉnh sửa còn chung chung, chưa chỉ rõ vấn đề về logic, nhân vật, xung đột hoặc nhịp phim.	Cảnh phim có mục đích tự sự tương đối rõ; thoại phim khá phù hợp với nhân vật và tình huống; đề xuất chỉnh sửa giải quyết được một số vấn đề về logic, cấu trúc, xung đột, cảm xúc hoặc khả năng sản xuất.	Cảnh phim giàu hình ảnh, có nhịp kể và chức năng tự sự rõ; thoại tự nhiên, đúng tính cách nhân vật và tiết kiệm; đề xuất chỉnh sửa cụ thể, thuyết phục, giúp nâng cao logic truyện, cảm xúc, xung đột và tính khả thi sản xuất.
4	Trách nhiệm nghề nghiệp, bản quyền, đạo đức và tính học	20%	CLO3	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện tinh thần tự chủ và	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập đạo	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; lý giải	Thể hiện tinh thần tự chủ, trách nhiệm cao và thái độ chuyên

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
	thuật của tiểu luận			trách nhiệm nghề nghiệp; bỏ qua hoặc lý giải sai vấn đề đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng; trình bày yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	đức biên kịch và bản quyền ý tưởng nhưng phân tích còn chung chung; hình thức trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	được các yêu cầu cơ bản về đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng và tính nguyên gốc; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn tương đối phù hợp.	nghệ; lý giải sâu sắc đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng và trách nhiệm của người viết; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO1 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ “Hiếu”.
- CLO2 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Quang Lập (2022), *Để trở thành nhà biên kịch phim truyện* : Cuốn sách không thể thiếu cho những nhà biên kịch tương lai, Nxb Thế Giới
- Lê Chí Linh (2021), *Hành trình kịch bản triệu view* : kiến tạo thương hiệu bạc tỷ từ kịch bản triệu view, Nxb Dân trí

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hùng (2020), *Những thế giới song hành: từ truyện ngắn đến điện ảnh*. Nxb Huế
- Corrigan, T. (2014) Đ. N. Thắng & T. M. Hiếu, Dịch, *Hướng dẫn viết về phim*, Nxb Tri Thức

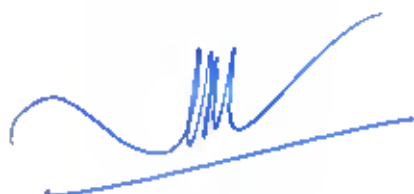
- Bruno TOUSSAINT (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình* (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch), NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.

- Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành

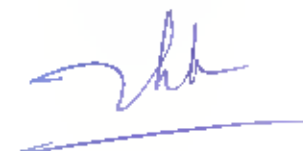
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thái



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO2

Học phần: Biên kịch phim ngắn
Lớp/Nhóm:
Chủ đề:
Giảng viên chấm:
Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Mức đạt CLO
Đạt

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xếp loại

Điểm chữ

Điểm số



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần:
Lớp/Nhóm/Cá nhân:
Chủ đề:
Giảng viên chấm:
Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Phân tích nền tảng đề tài, ý tưởng, chủ đề và yếu tố tự sự của kịch bản phim ngắn	20%	CLO2 (CLO1 quan CLO2)	Xác định sai hoặc thiếu đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột và cấu trúc ba hồi; chưa làm rõ đặc trưng phim ngắn và tư duy kể chuyện bằng hình ảnh; lập luận rời rạc, thiếu căn cứ.	Xác định được một số yếu tố cơ bản như đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật hoặc xung đột nhưng còn chung chung; mối liên hệ giữa các yếu tố tự sự chưa rõ; ví dụ hoặc dẫn chứng còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột và cấu trúc ba hồi; chỉ ra được mối liên hệ với thông điệp và đặc trưng phim ngắn nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu nền tảng phát triển kịch bản; làm rõ mối quan hệ giữa đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc ba hồi và thông điệp; thể hiện rõ tư duy kể chuyện bằng hình ảnh.	
2	Phát triển hệ thống nhân	30%	CLO2	Hồ sơ kịch bản thiếu nhiều thành	Có xây dựng nhân vật, tóm tắt	Phát triển được hệ thống nhân vật,	Thiết kế và phát triển hồ	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khả 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	vật, tóm tắt kịch bản và đề cương chi tiết			phần quan trọng; nhân vật mờ nhạt, thiếu mục tiêu hoặc động cơ; tóm tắt kịch bản và đề cương chi tiết rời rạc, không thể hiện rõ cốt truyện và thông điệp.	kịch bản và đề cương ở mức cơ bản nhưng còn đơn giản; quan hệ giữa nhân vật, cốt truyện và thông điệp chưa chặt chẽ; tính đặc thù của phim ngắn chưa nổi bật.	tóm tắt kịch bản và đề cương tương đối rõ; có liên kết với cốt truyện, cấu trúc ba hồi, xung đột và thông điệp nhưng một số chi tiết còn cần hoàn thiện.	sơ kịch bản đầy đủ, sáng tạo, chặt chẽ và khả thi; nhân vật có mục tiêu, động cơ và hành trình rõ; tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết và thông điệp phù hợp đặc trưng phim ngắn.	
3	Viết cảnh phim, thoại phim và đề xuất chỉnh sửa kịch bản	30%	CLO2	Cảnh phim và thoại phim thiếu chức năng tự sự, chưa phù hợp nhân vật hoặc tình huống; chưa thể hiện tư duy kể chuyện bằng hình ảnh; đề xuất chỉnh sửa mơ hồ hoặc không có khả năng cải thiện kịch bản.	Viết được cảnh phim và thoại phim ở mức cơ bản nhưng còn minh họa, thiếu tình lọc hoặc phụ thuộc lời thoại; đề xuất chỉnh sửa còn chung chung, chưa chỉ rõ vấn đề về logic, xung nhân vật, xung	Cảnh phim có mục đích tự sự tương đối rõ; thoại phim khá phù hợp với nhân vật và tình huống; đề xuất chỉnh sửa giải quyết được một số vấn đề về logic, cấu trúc, xung đột, cảm xúc hoặc khả năng sản xuất.	Cảnh phim giàu ảnh, có nhịp kể và chức năng tự sự rõ; thoại tự nhiên, đúng tính nhân vật và tiết kiệm; đề xuất chỉnh sửa cụ thể, thuyết phục, giúp nâng cao	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9 đột hoặc nhíp phim.	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
4	Trách nhiệm nghề nghiệp, bản quyền, đạo đức và tính học thuật của tiểu luận	20%	CLO3	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện tinh thần tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; bỏ qua hoặc lý giải sai vắn đề đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng; trình bày yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập đạo đức biên kịch và bản quyền ý tưởng nhưng phân tích còn chung chung; hình thức trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; lý giải được các yêu cầu cơ bản về đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng và tính nguyên gốc; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn tương đối phù hợp.	logic truyền, cảm xúc, xung đột và tính khá thi sản xuất. Thể hiện tinh thần tự chủ, trách nhiệm cao và thái độ chuyên nghiệp; lý giải sâu sắc đạo đức biên kịch, bản quyền ý tưởng và trách nhiệm của người viết; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:



Mức đạt CLO
.....

Xếp loại
.....

Điểm chữ
.....

Điểm số
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện**
(**English for Multimedia Communication**)

- Mã học phần: MMC402
- Số tín chỉ: 03
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: ENG202
- Đơn vị phụ trách: Khoa KHXH&NV
- Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 150 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 30 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 105 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Lê Thị Kiều Vân**
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ, GVC
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903909699
- Email: vanktk@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc:
- Điện thoại:
- Email:

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, thuật ngữ và mẫu câu tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, truyền thông số, quảng cáo, mạng xã hội và sản xuất nội dung. Học phần rèn luyện khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành ngắn, mô tả sản phẩm truyền thông, viết nội dung truyền thông đơn giản và trình bày ý tưởng/sản phẩm truyền thông bằng tiếng Anh ở mức độ phù hợp với trình độ A2-B1. Học phần được bố trí trong khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT ngành Truyền thông đa phương tiện.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm giúp sinh viên hình thành năng lực sử dụng tiếng Anh như một công cụ hỗ trợ học tập và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhận diện và sử dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành, đọc hiểu các văn bản chuyên ngành cơ bản, mô tả và phân tích đơn giản các vấn đề/sản phẩm truyền thông, viết nội dung truyền thông ngắn và thuyết trình bằng tiếng Anh về một vấn đề thuộc lĩnh vực truyền thông. Học phần đồng thời góp phần phát triển năng lực tự học, làm việc nhóm, giao tiếp nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Nhận diện được các thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, truyền thông số, quảng cáo, mạng xã hội và sản xuất nội dung.	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Giải thích được ý chính của các văn bản tiếng Anh ngắn, đơn giản liên quan đến truyền thông đa phương tiện, công chúng số và nền tảng truyền thông hiện đại.	Mức 2 (Hiểu)
CLO3	Trình bày được bằng tiếng Anh về một vấn đề hoặc sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo nhóm, có sử dụng thuật ngữ và cấu trúc diễn đạt đơn giản.	Mức 3 (Chuẩn hóa).
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, chủ động học tập, tự chuẩn bị bài và trách nhiệm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập tiếng Anh chuyên ngành.	Mức 3 (Hình thành giá trị).

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3						X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	The Development of the Multimedia Communication Industry
1.1.	Khái niệm, đặc điểm và các kênh cơ bản của mass media và multimedia communication
1.2.	Sự phát triển của truyền thông từ báo in, phát thanh, truyền hình đến Internet, điện thoại thông minh và nền tảng số
1.3.	Vai trò của truyền thông trong tiếp cận thông tin, giải trí, định hướng dư luận và đời sống hằng ngày
1.4.	Từ vựng và collocations cơ bản: mass media, print media, broadcast media, online media, media coverage, media exposure, media hype, media campaign, media circus, media empire
1.5.	Cấu trúc ngôn ngữ mô tả sự phát triển, nguyên nhân – kết quả và sự thay đổi công nghệ trong truyền thông
Chương 2	Cultural Adaptations in Multimedia
2.1.	Khái niệm cultural adaptation/localization trong truyền thông đa phương tiện và truyền thông thương hiệu
2.2.	Cách các thương hiệu toàn cầu điều chỉnh sản phẩm, hình ảnh, thông điệp và chiến lược truyền thông theo văn hóa địa phương
2.3.	Từ vựng về branding, localization, target audience, cultural sensitivity, representation, stereotype, brand image, public reaction
2.4.	Ngôn ngữ so sánh, nêu ý kiến, đồng ý/không đồng ý và giải thích lý do trong phân tích trường hợp thương hiệu
2.5.	Viết email yêu cầu đơn giản trong bối cảnh thực hiện dự án truyền thông
Chương 3	How to Make a Public Presentation

Chương	Nội dung
3.1.	Cấu trúc cơ bản của một bài thuyết trình: introduction, body, conclusion
3.2.	Ngôn ngữ mở đầu, giới thiệu chủ đề, nêu lợi ích, trình bày bố cục, chuyển ý và kết luận
3.3.	Cách sử dụng hình ảnh, slide, biểu đồ, minh chứng và thông điệp thị giác trong thuyết trình
3.4.	Kỹ năng trình bày: posture, eye contact, gestures, voice inflection và audience engagement
3.5.	Ứng dụng thuyết trình trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện: trình bày chiến dịch, ý tưởng thiết kế, sản phẩm truyền thông hoặc dữ liệu công chúng
Chương 4	Magazine Cover Design and Film Production
4.1.	Các thành phần cơ bản của bìa tạp chí: masthead, dateline, deck, main image, lead article line, cover lines, barcode, price
4.2.	Nguyên tắc visual hierarchy, branding, layout, image-text relationship trong thiết kế bìa tạp chí
4.3.	Từ vựng cơ bản về sản xuất phim/tài liệu: pre-production, production, post-production, delivery, GV, IV, P1C, framing, final cut
4.4.	Vai trò trong nhóm sản xuất: producer, director, editor, researcher, camera operator, sound recordist
4.5.	Các vấn đề đạo đức trong sản xuất hình ảnh và phim tài liệu: release forms, protect identities, dignity, avoid exaggeration
Chương 5	Media Responsibility and Ethics
5.1.	Khái niệm trách nhiệm và đạo đức truyền thông trong môi trường truyền thông hiện đại
5.2.	Ảnh hưởng của thông điệp truyền thông đến trẻ em, người tiêu dùng, công chúng và hình ảnh bản thân
5.3.	Từ vựng về media ethics: reliability, integrity, balance, media literacy, censorship, privacy, libel, cultural sensitivity, transparency
5.4.	Phân biệt fact/opinion, thông tin đáng tin cậy/thiếu tin cậy, nội dung có trách nhiệm/chưa có trách nhiệm
5.5.	Ngôn ngữ nêu ý kiến, đánh giá rủi ro, đưa khuyến nghị và thảo luận các tình huống đạo đức truyền thông
Chương 6	Media Crisis and Solutions
6.1.	Khái niệm media crisis/brand crisis và các nguyên nhân gây khủng hoảng truyền thông

Chương	Nội dung
6.2.	Các tình huống backlash, boycott, public outrage, offensive message, culturally insensitive campaign
6.3.	Từ vựng và mẫu câu về apology, clarification, take responsibility, remove content, rebuild trust, internal approval process
6.4.	Cấu trúc của một thông cáo xin lỗi/đính chính: acknowledgment, apology, responsibility, immediate action, long-term action
6.5.	Phân tích trường hợp khủng hoảng truyền thông và đề xuất giải pháp phản hồi phù hợp, tôn trọng công chúng và bảo vệ uy tín thương hiệu

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành
	- Người học chuẩn bị trước từ vựng trọng tâm của từng chương theo danh sách trong giáo trình.
	- Thực hiện các bài tập ghép thuật ngữ với định nghĩa, điền từ vào câu, chọn đáp án đúng, phân loại từ vựng theo chủ đề và hoàn thiện glossary cá nhân.
	- Luyện sử dụng các cụm từ chuyên ngành trong câu đơn giản, đoạn ngắn hoặc tình huống giao tiếp có hướng dẫn.
	- Tập trung vào các nhóm từ vựng chính: mass media, cultural adaptation, presentation language, magazine cover design, film production, media ethics và crisis communication.
6.2.2	Bài tập đọc hiểu và nghe hiểu tiếng Anh chuyên ngành
	- Đọc các văn bản ngắn trong giáo trình theo từng chủ đề: sự phát triển của truyền thông, bản địa hóa thương hiệu, kỹ năng thuyết trình, thiết kế bìa tạp chí, sản xuất phim tài liệu, đạo đức truyền thông và khủng hoảng truyền thông.
	- Thực hiện các dạng bài đọc hiểu: đọc lấy ý chính, đọc chi tiết, xác định từ khóa, trả lời câu hỏi, đúng/sai, hoàn thành bảng thông tin, tìm nghĩa của từ trong ngữ cảnh.
	- Nghe các nội dung ngắn liên quan đến truyền thông, thương hiệu, thuyết trình, sản xuất nội dung, đạo đức số và xin lỗi công chúng.
	- Hoàn thành bài nghe ở mức cơ bản: nghe lấy ý chính, chọn đáp án đúng, điền thông tin ngắn và thảo luận sau nghe.
6.2.3	Bài tập viết có hướng dẫn

TT	Nội dung
	- Viết câu/đoạn ngắn có hướng dẫn để mô tả một loại hình truyền thông, sản phẩm truyền thông hoặc hoạt động truyền thông.
	- Viết đoạn phản hồi ngắn về ảnh hưởng của truyền thông, bản địa hóa thương hiệu, đạo đức truyền thông hoặc khủng hoảng truyền thông.
	- Viết email yêu cầu đơn giản trong bối cảnh thực hiện dự án truyền thông, ví dụ: xin phỏng vấn, xin thông tin, xin phép sử dụng địa điểm quay.
	- Viết outline thuyết trình, mô tả ý tưởng bìa tạp chí hoặc nội dung truyền thông ngắn theo mẫu có sẵn.
6.2.4	Thảo luận, thực hành giao tiếp và phản hồi trong lớp
	- Thảo luận cặp/nhóm về các chủ đề truyền thông gần gũi: thói quen sử dụng truyền thông, quảng cáo, mạng xã hội, thương hiệu toàn cầu, thiết kế bìa tạp chí, đạo đức nội dung số và xử lý khủng hoảng.
	- Sử dụng mẫu câu đơn giản để nêu ý kiến, đồng ý/không đồng ý, giải thích lý do, so sánh, đề xuất giải pháp và phản hồi ý kiến của nhóm khác.
	- Phân tích các tình huống truyền thông đơn giản như media hype, cultural adaptation, irresponsible advertisement, public apology hoặc brand backlash.
	- Thực hiện peer review ở mức cơ bản đối với bài viết ngắn, outline thuyết trình hoặc sản phẩm nhóm.
6.2.5	Thuyết trình nhóm giữa học phần bằng tiếng Anh
	- Người học làm việc theo nhóm để thiết kế và thuyết trình một magazine cover hoặc một vấn đề/sản phẩm truyền thông theo yêu cầu giữa học phần.
	- Nội dung thuyết trình gồm: topic, central message, target audience, design explanation, media responsibility, cultural relevance và reflection.
	- Mỗi thành viên phải tham gia trình bày bằng tiếng Anh ở mức cơ bản, sử dụng thuật ngữ và cấu trúc diễn đạt đã học.
	- Nhóm nộp sản phẩm theo yêu cầu: file bìa tạp chí, slide thuyết trình, danh sách nhóm và/hoặc video ghi hình bài thuyết trình.
6.2.6	Tự học, chuẩn bị bài và hoàn thiện nhiệm vụ học tập
	- Người học tự đọc trước nội dung bài học, học từ vựng, xem/nghe tài liệu gợi ý và chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi định hướng.
	- Hoàn thành bài tập sau mỗi chương: vocabulary tasks, reading tasks, listening tasks, writing tasks và reflection questions.
	- Tự luyện phát âm, luyện đọc từ vựng, luyện các mẫu câu thuyết trình và tự hoàn thiện sản phẩm nhóm.

TT	Nội dung
	- Sử dụng công cụ số và AI một cách có trách nhiệm để tra cứu từ vựng, kiểm tra ý tưởng, chuẩn bị slide và luyện nói, nhưng không thay thế quá trình học tập cá nhân.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ tự học	Tổng
1	The Development of the Multimedia Communication Industry	5	2	0	17	24
2	Cultural Adaptations in Multimedia	5	2	0	17	24
3	How to Make a Public Presentation	5	3	0	16	24
4	Magazine Cover Design and Film Production	5	3	0	20	29
5	Media Responsibility and Ethics	5	2	0	18	24
6	Media Crisis and Solutions	5	3	0	17	25
	Tổng	30	15	0	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Vai trò của truyền thông trong đời sống hiện đại (The role of media in society, business, and personal life)
2. Sự phát triển của ngành truyền thông đa phương tiện (From print media, radio, and television to the Internet, social media, and digital platforms)
3. So sánh truyền thông truyền thống và truyền thông số (Traditional media vs. digital media: advantages, disadvantages, and target audiences)
4. Ảnh hưởng của mạng xã hội đến hành vi người dùng (The positive and negative impacts of social media on user behavior and digital content consumption)
5. Thích ứng văn hóa trong truyền thông đa phương tiện (Cultural adaptation, localization, target audience, and culturally sensitive media messages)
6. Một thương hiệu toàn cầu trong bối cảnh văn hóa địa phương (A global brand in a local cultural context: localization, brand image, and public reaction)
7. Kỹ năng thuyết trình hiệu quả trong lĩnh vực truyền thông (Effective presentation skills: structure, slides, body language, and audience engagement)
8. Thiết kế bìa tạp chí dành cho sinh viên (Designing a magazine cover for students: topic, main image, headline, layout, color, and message)

9. Các yếu tố cơ bản của một bla tạp chí hiệu quả (Key elements of an effective magazine cover: masthead, main image, cover lines, layout, visual hierarchy, and target audience)
10. Quy trình sản xuất video/phim ngắn (Basic video/film production process: pre-production, production, post-production, and team roles)
11. Vai trò của các thành viên trong nhóm sản xuất truyền thông (Roles in a media production team: producer, director, editor, camera operator, researcher, and teamwork)
12. Trách nhiệm và đạo đức trong truyền thông (Media responsibility and ethics: accuracy, reliability, integrity, balance, privacy, and public interest)
13. Các vấn đề đạo đức trong quảng cáo và nội dung số (Ethical issues in advertising and digital content: stereotypes, body image, misleading information, children, and cultural sensitivity)
14. Phân biệt sự kiện, ý kiến và thông tin đáng tin cậy (Distinguishing facts, opinions, and reliable information: sources, evidence, misinformation, and media literacy)
15. Khủng hoảng truyền thông và cách xử lý (Media crisis management: causes, public reaction, public apology, corrective actions, and trust rebuilding)
16. Viết và trình bày lời xin lỗi công khai trong truyền thông (Writing and presenting a public apology: acknowledgment, apology, responsibility, action, and trust rebuilding)
17. Sử dụng AI có trách nhiệm trong học tập và truyền thông (Responsible use of AI in learning and media: vocabulary learning, presentation preparation, idea checking, and academic integrity)
18. Thuyết trình nhóm về một sản phẩm/vấn đề truyền thông đa phương tiện (Group presentation on a multimedia product or media issue: topic, target audience, key message, platform, visual design, and responsibility)
19. Vai trò của truyền thông trong đời sống hiện đại (Phân tích vai trò của truyền thông trong xã hội, doanh nghiệp, cá nhân)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO3	CLO4	CLO5
Chương 1: The Development of the Multimedia Communication Industry	X			X
Chương 2: Cultural Adaptations in Multimedia	X	X		X
Chương 3: How to Make a Public Presentation	X	X	X	X
Chương 4: Magazine Cover Design and Film Production	X	X	X	X
Chương 5: Media Responsibility and Ethics	X	X		X

Nội dung chương	CLO1	CLO3	CLO4	CLO5
Chương 6: Media Crisis and Solutions	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO3	CLO4	CLO5
Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	X	X		
Thuyết giảng tích cực (Active Lecture)	X			
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)		X	X	
Giải quyết vấn đề (Problem Solving)		X	X	
Học theo tình huống (Case Study)		X	X	
Bài tập ở nhà (Work Assignment)	X	X		X
Thảo luận nhóm (Group Discussion)		X	X	X
Học nhóm/Học đồng đẳng (Peer Learning)		X	X	X
Thuyết trình và phân biện (Presentation & Peer Review)		X	X	X
Tự học có hướng dẫn (Guided Self-learning)	X	X		X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học; ôn tập từ vựng, thuật ngữ, mẫu câu và nội dung tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện.
- Tham gia đầy đủ các giờ học, thảo luận, thực hành ngôn ngữ, làm việc nhóm và thuyết trình; sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần.
- Đọc tài liệu bắt buộc, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài đọc hiểu, bài viết ngắn, nhiệm vụ thuyết trình nhóm và các hoạt động thực hành tiếng Anh chuyên ngành.
- Tích cực tham gia trả lời câu hỏi, luyện tập thuật ngữ, mô tả sản phẩm truyền thông, trình bày ý tưởng và trao đổi ý kiến bằng tiếng Anh.

- Thể hiện tinh thần hợp tác, thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự học và phong cách giao tiếp phù hợp.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần & Tinh thần tham gia xây dựng bài trên lớp (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Đề thi tổng hợp (90 phút)	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

– Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%.

Tiêu chí đánh giá	Mức F (0–3.9)	Mức D (4.0–5.4)	Mức C (5.5–6.9)	Mức B (7.0–8.4)	Mức A (8.5–10)	Trọng số
Nội dung chủ đề PR CLO1	Nội dung không phù hợp hoặc không thể hiện được chủ đề PR.	Nội dung còn sơ sài, thiếu ý chính và thiếu thuật ngữ chuyên ngành.	Nội dung cơ bản phù hợp, có một số thuật ngữ PR nhưng vẫn còn đơn giản.	Nội dung rõ, đúng chủ đề, sử dụng từ vựng và ý tưởng PR khá phù hợp.	Nội dung đầy đủ, rõ trọng tâm, sử dụng tốt thuật ngữ và ví dụ phù hợp với lĩnh vực PR.	25%
Sử dụng từ vựng, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh CLO2	Sử dụng từ vựng/mẫu câu rất hạn chế; nhiều lỗi gây khó hiểu.	Sử dụng được một số từ vựng/mẫu câu nhưng vẫn còn nhiều lỗi.	Sử dụng được từ vựng và mẫu câu cơ bản, ý nghĩa nhìn chung đã được hiểu.	Sử dụng khá phù hợp từ vựng, mẫu câu và cấu trúc trong tình huống PR.	Sử dụng tốt từ vựng, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành, diễn đạt tương đối tự nhiên.	25%
Kỹ năng trình bày bằng tiếng Anh CLO3	Trình bày rời rạc, phát âm khó nghe, không hoàn thành phần trình bày.	Trình bày còn phụ thuộc nhiều vào văn bản, phát âm và diễn đạt còn hạn chế.	Trình bày được nội dung chính, tốc độ và phát âm ở mức chấp nhận được.	Trình bày rõ, có bố cục, phát âm khá, giao tiếp tương đối tự tin.	Trình bày mạch lạc, tự tin; phát âm rõ; biết sử dụng hình ảnh/minh họa và tương tác với người nghe.	25%
Làm việc nhóm và phản hồi câu hỏi CLO4	Không phối hợp nhóm hoặc không tham gia trả lời câu hỏi.	Phối hợp nhóm yếu, trả lời câu hỏi còn rất hạn chế.	Có tham gia nhóm và trả lời được một số câu hỏi đơn giản.	Phối hợp nhóm khá tốt, trả lời được câu hỏi cơ bản liên quan đến nội dung trình bày.	Phối hợp nhóm hiệu quả, phản hồi câu hỏi rõ ràng, thể hiện thái độ tích cực và phong cách giao tiếp phù hợp.	25%
Tổng						100%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Đánh giá quá trình	CLO1, CLO3, CLO5	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1–8	Điểm chuyên cần, tham gia học tập, bài tập trên lớp	SV tham gia học tập, chuẩn bị bài, hoàn thành bài tập từ vựng, ghép thuật ngữ, điền mẫu, luyện cấu trúc câu và thảo luận nhóm.	CLO1, CLO3: điểm bài tập trên lớp; CLO5: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ chuẩn bị bài và hợp tác.
Bài tập cá nhân/nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2–8	Worksheet, glossary, bài đọc hiểu ngắn, bài viết câu/đoạn ngắn có hướng dẫn	Nội dung gồm: từ vựng chuyên ngành, thuật ngữ truyền thông, đọc hiểu văn bản ngắn, điền thông tin vào mẫu, viết câu/đoạn ngắn mô tả sản phẩm/hoạt động truyền thông.	CLO1: điểm vocabulary/key terms; CLO2: điểm reading tasks; CLO3: điểm worksheet, gap-filling, matching, guided writing.
Kiểm tra giữa học phần	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 5–6	Thuyết trình nhóm bằng tiếng Anh	SV thuyết trình về một vấn đề/sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Nội dung gồm: topic, target audience, key message, media platform, design/product explanation và reflection.	CLO1: sử dụng thuật ngữ; CLO3: chuẩn bị nội dung theo mẫu; CLO4: trình bày bằng tiếng Anh; CLO5: hợp tác nhóm, chuẩn bị bài, trách nhiệm cá nhân.
Kiểm tra kết thúc	CLO1, CLO2, CLO3	Kiến thức, kỹ năng	Theo lịch thi cuối	Đề thi tổng hợp	Cấu trúc đề thi gồm: 1. Vocabulary & Key Terms; 2.	CLO1: điểm Vocabulary & Language Focus; CLO2:

Đánh giá người học	CLOs	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
học phần (Đề thi tổng hợp 90 phút)			học phần		Language Focus; 3. Reading Comprehension; 4. Guided Writing/Translation. Cấu trúc này tương thích với đề mẫu TACN QHCC: trắc nghiệm 40 điểm, đọc hiểu 40 điểm, viết/dịch 20 điểm.	điểm Reading Comprehension; CLO3: điểm Guided Writing/Translation.
Tổng cộng	CLO1 – CLO5	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Toàn học phần	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm do được các CDR cốt lõi của học phần theo hướng vừa sức với trình độ đầu vào của SV.	Dữ liệu được lấy từ điểm quá trình, bài tập, thuyết trình giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	Mức độ Bloom	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia học tập (10%)	Tham gia học tập, chuẩn bị bài; hoàn thành bài tập từ vựng, thuật ngữ, bài đọc/nghe ngắn; tham gia thảo luận cặp/nhóm	Remember – Understand – Apply	Bảng điểm danh; quan sát lớp; bài tập trên lớp; ghi nhận của GV	Số điểm danh, ghi nhận GV; bài tập/worksheet; glossary cá nhân
Thuyết trình nhóm giữa học phần (30%)	Thuyết trình bằng tiếng Anh về một vấn đề hoặc sản phẩm truyền thông đa phương tiện; sử dụng	Understand – Apply	Rubric thuyết trình nhóm; rubric phản	Slide thuyết trình; sản phẩm minh họa; phiếu

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	Mức độ Bloom	Công cụ đo	Minh chứng
	thuật ngữ, mẫu câu và cấu trúc trình bày đơn giản		biện/nhận xét chéo	đánh giá; video/hình ảnh thuyết trình
Đề thi tổng hợp kết thúc học phần (60%)	Đánh giá từ vựng, thuật ngữ, cấu trúc ngôn ngữ, đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành và thực hiện nhiệm vụ viết/dịch có hướng dẫn	Remember – Understand – Apply	Đề thi tổng hợp; đáp án; thang điểm/rubric chấm tự luận	Bài thi của SV; phiếu trả lời; đáp án; bảng điểm kết thúc học phần

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLOs

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: <i>Nhận diện và sử dụng thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực TTĐPT</i>	Không nhận diện hoặc sử dụng được các thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh cơ bản; mắc nhiều lỗi làm sai nghĩa.	Nhận diện và sử dụng được một số thuật ngữ, mẫu câu cơ bản nhưng còn hạn chế; còn lỗi về nghĩa và hình thức diễn đạt.	Nhận diện và sử dụng đúng phần lớn thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành; lỗi không ảnh hưởng nhiều đến nghĩa.	Nhận diện và sử dụng đúng, khá chính xác các thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với ngữ cảnh.
CLO2: <i>Giải thích ý chính của văn bản tiếng Anh ngắn, đơn giản về TTĐPT</i>	Không hiểu hoặc hiểu sai ý chính của văn bản; trả lời rời rạc, thiếu căn cứ.	Hiểu được ý chính ở mức cơ bản nhưng còn bỏ sót thông tin; diễn đạt còn đơn giản, đôi chỗ chưa rõ.	Hiểu khá rõ ý chính và một số thông tin chi tiết; trình bày tương đối rõ ràng, có liên hệ nội dung bài học.	Hiểu rõ ý chính và thông tin quan trọng; giải thích logic, rõ ràng, có sử dụng thuật ngữ phù hợp.
CLO3: <i>Thực hiện các nhiệm vụ tiếng Anh chuyên ngành cơ bản có hướng dẫn</i>	Không hoàn thành hoặc hoàn thành rất ít các bài tập ghép thuật ngữ, điền	Hoàn thành được một phần nhiệm vụ; ghép thuật ngữ, điền mẫu hoặc viết câu/đoạn ngắn	Hoàn thành phần lớn nhiệm vụ; ghép thuật ngữ, điền mẫu và viết câu/đoạn ngắn	Hoàn thành đầy đủ và chính xác các nhiệm vụ; câu/đoạn ngắn rõ ý, đúng mẫu, sử dụng được

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
	mẫu, viết câu/đoạn ngắn; sản phẩm nhiều lỗi.	còn nhiều lỗi nhưng thể hiện hiểu biết cơ bản.	tương đối đúng, có ít lỗi.	thuật ngữ phù hợp.
CLO4: <i>Thuyết trình bằng tiếng Anh về một vấn đề hoặc sản phẩm TTDPT theo nhóm</i>	Không tham gia hoặc trình bày rất hạn chế; nội dung thiếu rõ ràng, ít sử dụng tiếng Anh/thuật ngữ chuyên ngành.	Tham gia trình bày ở mức cơ bản; nội dung còn đơn giản, phụ thuộc nhiều vào ghi chú, sử dụng ít thuật ngữ chuyên ngành.	Trình bày tương đối rõ ràng; có sử dụng thuật ngữ và cấu trúc câu đơn giản; phối hợp nhóm khá tốt.	Trình bày rõ ràng, tự tin; sử dụng thuật ngữ và cấu trúc câu phù hợp; nội dung có tổ chức và phối hợp nhóm tốt.
CLO5: <i>Thể hiện tinh thần hợp tác, chủ động học tập và trách nhiệm trong nhiệm vụ học phần</i>	Ít tham gia học tập, không chuẩn bị bài hoặc thiếu trách nhiệm trong nhiệm vụ cá nhân/nhóm.	Có tham gia nhưng còn thụ động; chuẩn bị bài và hoàn thành nhiệm vụ chưa đều, cần nhiều nhắc nhở.	Tham gia khá tích cực; có chuẩn bị bài, hoàn thành nhiệm vụ đúng yêu cầu và phối hợp nhóm tương đối tốt.	Tham gia tích cực, chủ động tự học; chuẩn bị bài đầy đủ, hỗ trợ nhóm và hoàn thành nhiệm vụ có trách nhiệm.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

• **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Người học nắm vững thuật ngữ, mẫu câu và nội dung tiếng Anh chuyên ngành; hiểu rõ văn bản/tình huống truyền thông; thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập; trình bày rõ ràng, tự tin và thể hiện tinh thần tự học, hợp tác tốt.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Người học nắm được phần lớn thuật ngữ, mẫu câu và nội dung cơ bản; hiểu khá rõ văn bản/tình huống truyền thông; thực hiện được hầu hết nhiệm vụ học tập; trình bày tương đối rõ và có sự chuẩn bị.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Người học đạt yêu cầu tối thiểu về nhận diện thuật ngữ, đọc hiểu ý chính và thực hiện bài tập có hướng dẫn; còn hạn chế trong diễn đạt, trình bày và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành nhưng có tham gia học tập.

• **Mức Yếu (<5.0):** Người học chưa đạt yêu cầu tối thiểu; chưa nhận diện được các thuật ngữ, mẫu câu hoặc ý chính của văn bản; thực hiện nhiệm vụ học tập chưa đầy đủ, trình bày hạn chế và thiếu chủ động trong học tập.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình về vấn đề/sản phẩm TTĐPT	CLO3, CLO4	Nội dung rõ ràng, đúng chủ đề; mô tả được vấn đề/sản phẩm TTĐPT; có thông tin về chủ đề, đối tượng công chúng, thông điệp và nền tảng truyền thông.	Nội dung tương đối rõ; có nêu được chủ đề, sản phẩm/vấn đề truyền thông và một số thông tin chính.	Nội dung còn đơn giản; mới nêu được ý chung, thiếu một số thông tin cần thiết.	Nội dung sơ sài, lệch chủ đề hoặc chưa thể hiện được vấn đề/sản phẩm truyền thông.
2	Sử dụng từ vựng, thuật ngữ và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành	CLO1, CLO3	Sử dụng đúng và khá linh hoạt các thuật ngữ, mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành; lỗi ngôn ngữ ít và không ảnh hưởng đến ý nghĩa	Sử dụng được một số thuật ngữ, mẫu câu phù hợp; còn lỗi nhưng không làm sai lệch nội dung chính.	Sử dụng thuật ngữ còn hạn chế; câu đơn giản, còn nhiều lỗi nhưng vẫn hiểu được ý cơ bản.	Ít hoặc không sử dụng thuật ngữ chuyên ngành; lỗi ngôn ngữ nhiều, gây khó hiểu.
3	Kỹ năng trình bày bằng tiếng Anh	CLO4	Trình bày rõ ràng, tự tin; phát âm tương đối tốt; biết mở đầu, chuyển ý và kết thúc; sử dụng slide/hình ảnh phù hợp.	Trình bày tương đối rõ; có sử dụng slide/hình ảnh; còn phụ thuộc vào ghi chú nhưng vẫn truyền đạt	Trình bày còn ngập ngừng, phụ thuộc nhiều vào ghi chú; giọng nói nhỏ hoặc thiếu mạch lạc.	Trình bày rời rạc, khó theo dõi; không hoàn thành phần trình bày hoặc sử dụng tiếng Anh rất hạn chế

STT	Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (< 5.0)
				được nội dung.		
4	Phản hồi, trả lời câu hỏi và tương tác	CLO4, CLO5	Trả lời được câu hỏi bằng tiếng Anh đơn giản; có phản hồi phù hợp, thể hiện sự lắng nghe và tương tác tích cực.	Trả lời được một số câu hỏi cơ bản; có tương tác nhưng còn hạn chế về diễn đạt.	Trả lời ngắn, còn phụ thuộc vào hỗ trợ của GV/nhóm; tương tác chưa tự nhiên.	Không trả lời được hoặc trả lời không liên quan; ít tương tác với người nghe.
5	Hợp tác nhóm và trách nhiệm học tập	CLO5	Phân công rõ ràng; các thành viên phối hợp tốt; chuẩn bị đầy đủ, đúng hạn và thể hiện tinh thần trách nhiệm cao.	Nhóm có sự phân công và phối hợp tương đối tốt; đa số thành viên tham gia đầy đủ.	Có tham gia nhưng chưa đồng đều; một số thành viên còn thụ động hoặc chuẩn bị chưa kỹ.	Thiếu phối hợp nhóm; phân công không rõ; nhiều thành viên không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

c. Rubric đánh giá bài thi tổng hợp

Mục tiêu: Đo lường năng lực nhận diện thuật ngữ, sử dụng cấu trúc tiếng Anh cơ bản, đọc hiểu văn bản chuyên ngành và thực hiện nhiệm vụ viết/dịch có hướng dẫn trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện. Rubric được xây dựng theo cấu trúc đề thi tổng hợp của học phần Tiếng Anh chuyên ngành QHCC, gồm: Vocabulary & Key Terms, Language Focus, Reading Comprehension, Writing/Translation.

STT	Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Vocabulary & Key Terms	CLO1	Nhận diện và sử dụng đúng hầu hết thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành	Nhận diện đúng phần lớn thuật ngữ, từ vựng; còn	Nhận diện được một số thuật ngữ cơ bản nhưng còn nhầm	Không nhận diện được hoặc nhận diện sai nhiều

STT	Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
			TTĐPT; hiểu rõ nghĩa trong ngữ cảnh.	một số lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến nghĩa.	lẫn; hiểu nghĩa chưa đầy đủ.	thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành.
2	Language Focus	CLO1, CLO3	Sử dụng chính xác các cấu trúc câu, giới từ, thì, thể bị động, câu điều kiện hoặc mẫu câu thông dụng trong ngữ cảnh truyền thông.	Sử dụng tương đối đúng các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; còn lỗi nhỏ nhưng vẫn hiểu được ý.	Sử dụng được một số cấu trúc đơn giản, còn nhiều lỗi ngữ pháp, diễn đạt chưa ổn định.	Không nắm được cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; lỗi nhiều làm sai hoặc khó hiểu nội dung.
3	Reading Comprehension	CLO2	Hiểu rõ ý chính, thông tin chi tiết và thuật ngữ trong văn bản tiếng Anh chuyên ngành; trả lời chính xác, logic.	Hiểu được ý chính và phần lớn thông tin quan trọng; trả lời tương đối đúng.	Hiểu được một số ý chính nhưng còn bỏ sót hoặc nhầm lẫn thông tin; trả lời chưa đầy đủ.	Không hiểu hoặc hiểu sai nội dung chính của văn bản; trả lời thiếu chính xác.
4	Guided Writing / Short Writing Task	CLO3	Viết được email/đoạn ngắn theo yêu cầu; nội dung đầy đủ, rõ ý, đúng mẫu, sử dụng được từ vựng chuyên ngành phù hợp.	Viết được nội dung cơ bản, tương đối đúng yêu cầu; còn lỗi ngôn ngữ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến ý nghĩa.	Viết được một phần nội dung; câu còn đơn giản, thiếu ý hoặc còn nhiều lỗi ngữ pháp/từ vựng.	Bài viết không đúng yêu cầu, thiếu nội dung chính hoặc lỗi ngôn ngữ nghiêm trọng gây khó hiểu.

STT	Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
5	Translation / Guided Vietnamese Rendering	CLO2, CLO3	Dịch đúng ý, rõ ràng, phù hợp thuật ngữ chuyên ngành và văn phong tiếng Việt; ít lỗi diễn đạt.	Dịch đúng phần lớn nội dung; còn một số chỗ chưa tự nhiên hoặc chưa chính xác hoàn toàn về thuật ngữ.	Dịch được ý cơ bản nhưng còn thiếu, sai hoặc diễn đạt chưa rõ; thuật ngữ chưa ổn định.	Dịch sai nhiều ý chính, bỏ sót nội dung quan trọng hoặc diễn đạt khó hiểu.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

- David Young (2023). *English for Media Studies (3rd ed)*, Thammasat University Press
- Le Thi Kieu Van & Le Huynh Ha Van (2026). Tập bài giảng, Tài liệu sử dụng nội bộ ĐHQG Văn Hiến

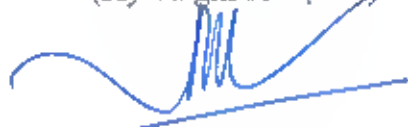
13.2. Tài liệu tham khảo

Flew, T., & Smith, R. (2021). *New Media: An Introduction* (4th Canadian ed.). Oxford University Press Canada.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kiều Vân



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Tiếng Anh chuyên ngành TTĐPT

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thảo tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc, tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phản trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
GIẢNG VIÊN CHẤM (Ký và ghi rõ họ tên)			





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Nghệ thuật đạo diễn - Directing Techniques**
- Mã học phần: MMC413
- Số tín chỉ: 3
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC405, MMC 411, MMC412
- Đơn vị phụ trách: Khoa KHXH&NV
 - Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 45 , trong đó:
Hoạt động giảng dạy trên lớp: Giờ
 - + Giờ giảng: 30 Giờ
 - + Thuyết trình/thảo luận: 15
 - Giờ kiểm tra: Giờ
 - Giờ tự học: 105 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thái
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV, trường ĐH Văn Hiến
- Điện thoại: 0908272840
- Email: ThaiPTH@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Minh Hùng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
- Điện thoại: 0913.150915
- Email: minhhung.cm.vtv@gmail.com

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Ao Thu Hoài
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc:
- Điện thoại: 0888681689
- Email: aothuhoai@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về nghiệp vụ đạo diễn; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng (nghiệp vụ đạo diễn), nhằm hiểu được bản chất, công việc chính của nghề đạo diễn, cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu và hiểu biết về các bước công việc theo quy trình của đạo diễn, nắm được các nhóm vấn đề của công việc đạo diễn phim, biết được đạo diễn phối hợp công việc với các bộ môn khác, hiểu về việc đánh giá và phân tích kịch bản của đạo diễn, hiểu biết được kỹ năng để trở thành một người đạo diễn. Ngoài ra, môn học cũng định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề, định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời cho sinh viên trong quá trình học tập làm phim.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm của đạo diễn trong quy trình sản xuất tác phẩm điện ảnh, truyền hình; giúp sinh viên phân tích kịch bản, nhận diện ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, các yếu tố dàn dựng và mối quan hệ phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận chuyên môn như quay phim, âm thanh, mỹ thuật, diễn viên và hậu kỳ. Qua đó, sinh viên vận dụng tư duy hình ảnh, ngôn ngữ điện ảnh để tổ chức, dàn dựng cảnh quay, chỉ đạo diễn xuất, quản lý bối cảnh, xử lý tình huống cơ bản trong sản xuất và phối hợp với ê-kíp thực hiện tác phẩm. Học phần đồng thời hình thành tác phong nghề nghiệp nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm, sự tôn trọng sáng tạo, ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tinh thần đổi mới sáng tạo và cam kết học tập suốt đời trong môi trường truyền thông hiện đại.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm của đạo diễn, quy trình đạo diễn và mối quan hệ phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận chuyên môn trong sản xuất tác phẩm điện ảnh, truyền hình.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được kịch bản từ góc nhìn đạo diễn nhằm nhận diện ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo,	Mức 5 (Đánh giá)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	phong cách thể hiện, yêu cầu thẩm mỹ, kỹ thuật và khả năng chuyển hóa kịch bản thành ngôn ngữ hình ảnh.	
CLO3	Làm chủ được kế hoạch đạo diễn, phương án dàn dựng, chỉ đạo diễn xuất, quản lý bối cảnh, phối hợp ê-kíp và xử lý tình huống cơ bản trong quá trình thực hiện một cảnh quay đơn giản.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Hình thành đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, trách nhiệm, sự tôn trọng sáng tạo, khả năng tự học và thích ứng trong hoạt động đạo diễn.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa CLO và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn
1.1	Khái quát về nghề đạo diễn trong điện ảnh và truyền hình
1.2	Vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của đạo diễn
1.3	Quy trình đạo diễn trong sản xuất tác phẩm điện ảnh, truyền hình
1.4	Các nhóm vấn đề cơ bản trong công việc đạo diễn
1.5	Mối quan hệ phối hợp giữa đạo diễn với quay phim, âm thanh, mỹ thuật, diễn viên và hậu kỳ
Chương 2	Phân tích kịch bản và tư duy đạo diễn
2.1	Chuyển hóa từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh
2.2	Phân tích kịch bản từ góc nhìn đạo diễn
2.3	Nhận diện ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo và phong cách thể

Chương	Nội dung
2.4	hiện
2.5	Breakdown kịch bản, xác định yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật Tư duy hình ảnh, nhịp điệu và tư duy dựng phim ngay từ hiện trường
Chương 3	Dàn dựng cảnh quay và chỉ đạo diễn xuất
3.1	Nguyên tắc dàn cảnh điện ảnh
3.2	Dàn cảnh diễn viên, tổ chức blocking và chuyển động trong khung hình
3.3	Chỉ đạo diễn xuất và làm việc với diễn viên
3.4	Dàn cảnh đạo cụ, bối cảnh và chi tiết điện ảnh
3.5	Thiết kế phương án dàn dựng cho một cảnh quay đơn giản
Chương 4	Tổ chức sản xuất, phối hợp ê-kíp và xử lý tình huống đạo diễn
4.1	Xây dựng kế hoạch đạo diễn cho một cảnh quay đơn giản
4.2	Phối hợp với quay phim, mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, diễn viên và hậu kỳ
4.3	Quản lý bối cảnh, thời gian, nhân sự và phương tiện sản xuất
4.4	Xử lý các tình huống cơ bản trong quá trình sản xuất
4.5	Đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, trách nhiệm, tự học và thích ứng của đạo diễn

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Chuẩn bị các nội dung bài học
	-Đọc tài liệu theo hướng dẫn -Viết ra những nội dung cần trao đổi
6.2.2.	Thuyết trình nhóm
	- Người học chuẩn bị các nội dung liên quan chủ đề được phân công - Trình bày và phân biện cùng giảng viên, bạn học

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ Tự học	Tổng
1	Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn	7.5	3.5	25	31

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ Tự học	Tổng
2	Phân tích kịch bản và tư duy đạo diễn	7.5	4	30	31.5
3	Dàn dựng cảnh quay và chỉ đạo diễn xuất	7.5	4	30	31.5
4	Tổ chức sản xuất, phối hợp ê-kíp và xử lý tình huống đạo diễn	7.5	3.5	25	31.5
	Tổng	30	15	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH GỢI Ý

- 1/ Phân tích vai trò và trách nhiệm của đạo diễn trong sản xuất điện ảnh, truyền hình
 - 2/ Phân tích kịch bản và chuyển hóa kịch bản văn học thành ngôn ngữ điện ảnh
 - 3/ Giải thích vai trò của tư duy hình ảnh và nhịp điệu trong công việc đạo diễn
 - 4/ Phân tích và đánh giá vai trò của đạo diễn trong dàn dựng cảnh quay và chỉ đạo diễn xuất
 - 5/ Xây dựng kế hoạch cho một cảnh quay và phối hợp với các bộ phận trong ê-kíp
- Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần**

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn	X			X
Chương 2: Phân tích kịch bản và tư duy đạo diễn	X	X		
Chương 3: Dàn dựng cảnh quay và chỉ đạo diễn xuất		X	X	
Chương 4. Tổ chức sản xuất, phối hợp ê-kíp và xử lý tình huống đạo diễn			X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Phát vấn
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		
Phát vấn	X	X		
Tự học có hướng dẫn			X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia làm bài và nộp bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi;	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30% theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận cuối kỳ Rubrics đánh giá tiểu luận (12.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề/chủ đề 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến nghiệp vụ đạo diễn 3. Phân tích kịch bản, ý đồ nghệ thuật; phối hợp ê-kíp và chỉ đạo diễn xuất 4. Phương án dàn dựng, tổ chức cảnh quay 5. Đánh giá, rút kinh nghiệm và đề	CLO1: CLO2: → Rubric chấm Tiểu luận (12.3c)

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						xuất định hướng phát triển nghề nghiệp 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2-8	Bài tập; Thảo luận; Thuyết trình, phản biện nhóm (12.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: - Trình bày được lý luận liên quan chủ đề - Phân tích được các vấn đề liên quan chủ đề - Có vận dụng vào thực tiễn/ Đề xuất phương án thực hiện - Kỹ năng trình bày, chất lượng slide trình chiếu - Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	CLO2; CLO3: → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phản biện (12.3b)</i>
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-6	Bảng điểm chuyên cần (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm	CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO4	4	Bảng kiểm chuyên cần, câu hỏi phát vấn	Bảng điểm danh; ghi nhận trả lời câu hỏi của SV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; nhận diện ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, phong cách thể hiện; trình bày, phản biện và bảo vệ phương án dàn dựng cảnh quay, tổ chức blocking, chỉ đạo diễn xuất và xử lý chi tiết hình	CLO2, CLO3	5,4	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	ảnh cho một cảnh quay đơn giản.				
Tiểu luận (60%)	Bài tiểu luận phân tích kịch bản hoặc tình huống đạo diễn và đề xuất phương án đạo diễn cho một cảnh quay: chuyển hóa ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh, xác định yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật, xây dựng phương án dàn cảnh, chỉ đạo diễn xuất, phối hợp các bộ phận và tổ chức quy trình thực hiện.	CLO2, CLO3	5,4	Rubric tiểu luận	Bài viết tiểu luận

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0-6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
Phân tích được vai trò của đạo diễn, quy trình đạo diễn và mối quan hệ phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận trong sản xuất phim.	Không phân tích được hoặc phân tích sai vai trò của đạo diễn, quy trình đạo diễn và mối quan hệ phối hợp với các bộ phận sản xuất; nội dung rời rạc, nhầm lẫn chức năng của các vị trí trong đoàn phim.	Phân tích được một phần vai trò của đạo diễn và quy trình đạo diễn; nhận diện được một số bộ phận trong sản xuất phim nhưng chưa làm rõ được mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận.	Phân tích đúng phần lớn vai trò của đạo diễn, các bước trong quy trình đạo diễn và mối quan hệ phối hợp với các bộ phận như quay phim, âm thanh, mỹ thuật, diễn viên; có ví dụ	Phân tích chính xác, đầy đủ và logic vai trò của đạo diễn trong toàn bộ quy trình sản xuất phim; đánh giá rõ mối quan hệ phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận chuyên môn;

CLO	Mức 1: YẾU (0-4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0-6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0-8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5-10)
			minh họa phù hợp.	liên hệ hiệu quả với tình huống sản xuất phim thực tế.
Đánh giá được kịch bản từ góc nhìn đạo diễn nhằm xác định ý tưởng dàn dựng, phong cách thể hiện, yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật của sản phẩm phim.	Không đánh giá được hoặc đánh giá sai nội dung kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; chưa xác định được ý tưởng dàn dựng, phong cách thể hiện cũng như yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật của phim.	Đánh giá được một số yếu tố của kịch bản như nội dung, nhân vật hoặc bối cảnh; bước đầu xác định được ý tưởng dàn dựng nhưng còn đơn giản, thiếu tính liên kết và chưa làm rõ yêu cầu kỹ thuật.	Đánh giá đúng phần lớn các yếu tố của kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; xác định được ý tưởng dàn dựng, phong cách thể hiện và các yêu cầu cơ bản về thẩm mỹ, kỹ thuật; có lập luận tương đối rõ ràng.	Đánh giá sâu sắc, logic và có căn cứ kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; xác định rõ ý tưởng dàn dựng, phong cách thể hiện, yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật; đề xuất được hướng triển khai phù hợp với ngôn ngữ điện ảnh và mục tiêu nghệ thuật của sản phẩm phim.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và thao tác tư duy đạo diễn	30%	CLO3 Mức 4	Diễn đạt trôi chảy, có điểm nhấn; tổ chức mạch trình bày logic theo chủ đề đạo diễn đã chọn; phối hợp hiệu quả lời nói, ánh mắt, cử chỉ, slide, hình ảnh hoặc trích đoạn minh họa, vận dụng linh hoạt tư duy đạo diễn khi trình bày về kịch bản, dàn cảnh, diễn xuất hoặc phối hợp ê-kíp.	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và phương tiện trình chiếu tương đối phù hợp; thao tác tư duy logic, truyền tải được trọng tâm của chủ đề đạo diễn; ví dụ minh họa phù hợp nhưng mức độ kết nối với thực tiễn chưa thật sâu.	Nêu được ý chính của chủ đề nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide hoặc tài liệu; diễn đạt chưa thật liền mạch; thao tác tư duy còn đơn giản; ví dụ về kịch bản, dàn cảnh, diễn xuất hoặc sản xuất còn ít và chưa làm rõ vấn đề.	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói; mạch tư duy rời rạc hoặc trình bày sai lệch nội dung đạo diễn; thiếu ví dụ minh họa và chưa thể hiện được kỹ năng trình bày chuyên môn.
2	Phản xạ tư duy và xử lý câu hỏi tình huống đạo diễn	40%	CLO3 Mức 4	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; trả lời đúng trọng tâm, lập luận sắc sảo và có căn cứ; xử lý linh	Trả lời đúng trọng tâm phần lớn câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ;	Không phản biện được, né tránh câu hỏi hoặc trả lời sai trọng tâm; không bảo

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				hoạt các tình huống liên quan đến phân tích kịch bản, dàn cảnh, chỉ đạo diễn xuất, bối cảnh, thời gian, nhân sự hoặc sự cố sản xuất; bảo vệ quan điểm vững vàng khi bị chất vấn trực tiếp	phục; có thể điều chỉnh câu trả lời khi được hỏi sâu; xử lý được tình huống đạo diễn cơ bản nhưng phương án đôi khi chưa thật toàn diện hoặc chưa gần đây đủ với điều kiện sản xuất.	phương án xử lý tình huống còn đơn giản; chưa thể hiện rõ khả năng ứng biến khi gặp câu hỏi về dàn dựng, diễn xuất, phối hợp ê-kíp hoặc sự cố hiện trường.	vệ được quan điểm; không đề xuất được phương án xử lý phù hợp khi gặp tình huống phát sinh trong hoạt động đạo diễn.
3	Kỹ năng phối hợp nhóm, minh họa trực quan và tương tác trực tiếp	30%	CLO3 Mức 4	Nhóm phối hợp nhịp nhàng, phân vai rõ ràng và chuyển tiếp tự nhiên; sử dụng hình ảnh, sơ đồ, storyboard, trích đoạn phim hoặc minh họa bối cảnh phù hợp; các thành viên hỗ	Nhóm có phân công rõ; chuyên tiếp tương đối mạch lạc; phương tiện minh họa hỗ trợ được nội dung thuyết trình; đa số thành	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyên tiếp còn rời; minh họa trực quan chưa thật rõ hoặc chưa gần gũi	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; ít sử dụng minh họa hoặc minh họa không phù hợp; không thể hiện được vai trò làm việc

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				trợ nhau hiệu quả khi trình bày, trả lời câu hỏi và tương tác với giảng viên, người học.	viên tham gia trình bày và trả lời câu hỏi; tương tác với lớp và giảng viên ở mức khá tốt.	với chủ đề; một số thành viên tham gia hạn chế trong phần tương tác và phản biện.	nhóm, tương tác trực tiếp và hỗ trợ nhau trong trình bày, phản biện.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
1	Phân tích kịch bản, ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo và phong cách thể hiện	20%	CLO2	Phân tích sai hoặc thiếu các yếu tố cơ bản của kịch bản; chưa nhận diện được ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, nhân vật, hành động hoặc phong cách thể hiện; lập luận rời rạc, thiếu	Phân tích được một số yếu tố cơ bản của kịch bản như nhân vật, hành động, bối cảnh hoặc thông điệp nhưng còn chung chung; mối liên hệ giữa kịch bản và tư duy đạo diễn chưa rõ; ví dụ minh họa	Phân tích tương đối đúng kịch bản, ý đồ nghệ thuật, thông điệp và phong cách thể hiện; chỉ ra được mối liên hệ giữa nội dung kịch bản với lựa chọn hình ảnh, âm	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; làm rõ ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, nhân vật, hành động, bối cảnh và phong cách thể hiện; liên hệ thuyết phục với ví dụ

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
				căn cứ chuyên môn.	còn hạn chế.	thanh, nhịp điệu hoặc diễn xuất nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	phim hoặc tình huống sản xuất cụ thể.
2	Đề xuất tư duy đạo diễn, phương án dàn dựng cảnh quay và chỉ đạo diễn xuất	30%	CLO2 CLO3	Phương án đạo diễn mơ hồ, thiếu logic hoặc không phù hợp với kịch bản; chưa làm rõ cách dàn cảnh, blocking, chuyển động diễn viên, đạo cụ, bối cảnh, cảm xúc và yêu cầu diễn xuất; khó triển khai trong thực tế.	Có đề xuất phương án đạo diễn cơ bản nhưng còn đơn giản; cách tổ chức blocking, chỉ đạo diễn xuất, sử dụng đạo cụ, bối cảnh hoặc chi tiết điện ảnh chưa cụ thể; mức độ phù hợp với ý đồ kịch bản còn hạn chế.	Đề xuất được phương án dàn dựng tương đối rõ; có sự liên kết giữa ý đồ kịch bản, bố cục khung hình, chuyển động diễn viên, cảm xúc nhân vật và chi tiết điện ảnh; tuy nhiên một số lựa chọn đạo diễn chưa được lý giải đầy đủ.	Xây dựng phương án đạo diễn chặt chẽ, sáng tạo và có khả năng triển khai cao; dàn cảnh, blocking, chỉ đạo diễn xuất, đạo cụ, bối cảnh, chi tiết hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu được lựa chọn phù hợp với thông điệp và phong cách tác phẩm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
3	Xây dựng kế hoạch đạo diễn, tổ chức sản xuất và phối hợp ê-kíp	30%	CLO3	Kế hoạch đạo diễn thiếu nhiều thành phần quan trọng như bối cảnh, nhân sự, thiết bị, thời gian, phân công ê-kíp, phương án quay hoặc hậu kỳ; chưa thể hiện được khả năng tổ chức cảnh quay.	Kế hoạch có một số nội dung cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; phân công giữa đạo diễn với quay phim, mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, diễn viên hoặc hậu kỳ chưa rõ; tính khả thi và phương án xử lý rủi ro còn hạn chế.	Kế hoạch đạo diễn khá đầy đủ, gồm bối cảnh, nhân sự, thiết bị, tiến độ, phương án dàn dựng, phối hợp ê-kíp và hậu kỳ; có dự kiến một số tình huống phát sinh nhưng chưa thật toàn diện.	Kế hoạch đạo diễn đầy đủ, mạch lạc và khả thi; phân bổ nguồn lực hợp lý, tiến độ rõ, phối hợp hiệu quả với quay phim, mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, diễn viên và hậu kỳ; có phương án xử lý tình huống phù hợp trong quá trình sản xuất.
4	Đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm, tinh thần hợp tác và tính học thuật	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; chưa thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm, tinh	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; phân tích được các yêu	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức rõ; phân tích sâu yêu cầu

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
	của tiểu luận			thần hợp tác của đạo diễn; trình bày thiếu trung thực hoặc thiếu minh chứng; cấu trúc yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	thần hợp tác hoặc tự học nhưng phân tích còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	cấu cơ bản về đạo đức, trách nhiệm, hợp tác ekip và thích ứng trong hoạt động đạo diễn; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn và trình bày học thuật tương đối phù hợp.	hợp tác, tự học, thích ứng và trách nhiệm của đạo diễn trong bối cảnh sản xuất; bài viết có cấu trúc học thuật chặt chẽ, minh chứng phù hợp, trích dẫn đúng và nộp đúng yêu cầu.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO1, CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiểu".
- CLO2, CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2,3 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Ngô, P. L. (2023), *Phác thảo điện ảnh Việt Nam thời đổi mới và hội nhập*, NXB Hội Nhà Văn
- Richard Platt (2022), *Điện ảnh Khám phá lịch sử kỳ thú của ngành điện ảnh và những bí mật phía sau trường quay để biết việc sản xuất phim là như thế nào*, Nxb Kim Đồng

- Lữ Đắc Long (2016), *Hậu trường phim ảnh: Hé lộ những chuyện cười ra nước mắt chốn hậu trường*, Nxb Văn Hóa - Văn Nghệ

- Nguyễn Văn Hùng (2020), *Những thế giới song hành: từ truyện ngắn đến điện ảnh*, Nxb. ĐH Huế

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng: Nghiệp vụ đạo diễn

- Bùi Phú (1984), *Đặc trưng ngôn ngữ điện ảnh*, NXB Văn Hóa

- David Mamet (Nguyễn Lệ Chi dịch) (2013), *Bài học cho đạo diễn*, NXB Hồng Đức.

- Frédéric Plas (Phạm Thị Hoa dịch) (2004), *Làm phim đầu tay*, Hội ĐA Việt Nam

- Laurent Tirard (Trương Quế Chi dịch) (2013), *Những bài học điện ảnh 2*, NXB Văn Hóa Sài Gòn

- Erika Fischer Kichte (Bùi Khởi Giang dịch) (1997), *Ký hiệu học nghệ thuật sân khấu điện ảnh*, Viên nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh, Hà Nội

- Việt Linh (chủ biên) (2011), *Gọi tiếng cho hình*, NXB Tổng Hợp, TP.HCM

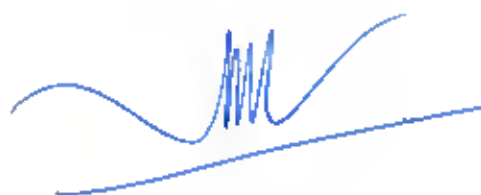
- Việt Linh (chủ biên) (2011), *Đóng phim là thế nào*, NXB Tổng hợp, TP.HCM

- Việt Linh (chủ biên) (2011), *Khi đạo diễn trẻ già dặn*, NXB Tổng Hợp, TP.HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thái



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phân trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

.....

Điểm chữ

.....

Xếp loại

.....

Mức đạt CLO

Đạt

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Phân tích kịch bản, ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo và phong cách thể hiện	20%	CLO2	Phân tích sai hoặc thiếu các yếu tố cơ bản của kịch bản; chưa nhận diện được ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, nhân vật, hành động hoặc phong cách thể hiện; lập luận rời rạc, thiếu căn cứ chuyên môn.	Phân tích được một số yếu tố cơ bản của kịch bản như nhân vật, hành động, bối cảnh hoặc thông điệp nhưng còn chung chung; mối liên hệ giữa kịch bản và tư duy đạo diễn chưa rõ; ví dụ minh họa còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng kịch bản, ý đồ nghệ thuật, thông điệp và phong cách thể hiện; chỉ ra được mối liên hệ giữa nội dung kịch bản với lựa chọn hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu hoặc diễn xuất nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu kịch bản từ góc nhìn đạo diễn; làm rõ ý đồ nghệ thuật, thông điệp sáng tạo, nhân vật, hành động, bối cảnh và phong cách thể hiện; liên hệ thuyết phục với ví dụ phim hoặc tình huống sản xuất cụ thể.	
2	Đề xuất tư duy đạo diễn, phương án dàn dựng cảnh quay và	30%	CLO2 CLO3	Phương án đạo diễn mơ hồ, thiếu logic hoặc không phù hợp với kịch bản; chưa làm rõ cách dàn	Có đề xuất phương án đạo diễn cơ bản nhưng còn đơn giản; cách tổ chức blocking, chỉ đạo	Đề xuất được phương án dàn dựng tương đối rõ; có sự liên kết giữa ý đồ kịch bản, bố	Xây dựng phương án đạo diễn chất chẽ, sáng tạo và có khả năng triển khai cao; dàn cảnh, blocking,	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	Chỉ đạo diễn xuất			cảnh, blocking, chuyển động diễn viên, đạo cụ, bối cảnh, cảm xúc và yêu cầu diễn xuất; khó triển khai trong thực tế.	diễn xuất, sử dụng đạo cụ, bối cảnh hoặc chỉ tiết điện ảnh chưa cụ thể; mức độ phù hợp với ý đồ kịch bản còn hạn chế.	cực khung hình, chuyển động diễn viên, cảm xúc nhân vật và chỉ tiết điện ảnh; tuy nhiên một số lựa chọn đạo diễn chưa được lý giải đầy đủ.	Chỉ đạo diễn xuất, đạo cụ, bối cảnh, chỉ tiết hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu được lựa chọn phù hợp với thông điệp và phong cách tác phẩm.	
3	Xây dựng kế hoạch đạo diễn, tổ chức sản xuất và phối hợp ê-kíp	30%	CLO3	Kế hoạch đạo diễn thiếu nhiều thành phần quan trọng như bối cảnh, nhân sự, thiết bị, thời gian, phân công ê-kíp, phương án quay hoặc hậu kỳ; chưa thể hiện được khả năng tổ chức cảnh quay.	Kế hoạch có một số nội dung cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; phân công giữa đạo diễn với quay phim, mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, diễn viên hoặc hậu kỳ chưa rõ; tính khả thi và phương án xử lý rủi ro còn hạn chế.	Kế hoạch đạo diễn khá đầy đủ, gồm bối cảnh, nhân sự, thiết bị, tiền độ, phương án dàn dựng, phối hợp ê-kíp và hậu kỳ; có dự kiến một số tình huống phát sinh nhưng chưa thật toàn diện.	Kế hoạch đạo diễn đầy đủ, mạch lạc và khả thi; phân bổ nguồn lực hợp lý, tiến độ rõ, phối hợp hiệu quả với quay phim, mỹ thuật, âm thanh, ánh sáng, diễn viên và hậu kỳ; có phương án xử lý tình huống phù hợp trong quá trình sản xuất.	
4	Đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm, tinh thần hợp tác và tính học thuật của tiểu luận	20%	CLO4	Bài làm thiếu nghiêm túc; chưa thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp, xã hội và tinh thần hợp tác của đạo diễn; trình	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm, tính thần	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; phân tích được các yêu cầu cơ bản về đạo đức, trách	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức rõ; phân tích sâu yêu cầu hợp tác, tự học, thích ứng và trách nhiệm của	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
				bày thiếu trung thực hoặc thiếu minh chứng; cấu trúc yếu, trích dẫn không đúng hoặc có dấu hiệu sao chép.	hợp tác hoặc tự học nhưng phân tích còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	nhiệm, hợp tác kịp và thích ứng trong hoạt động đạo diễn; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn và trình bày học thuật phù hợp.	đạo diễn trong bối cảnh sản xuất; bài viết có cấu trúc học thuật chặt chẽ, minh chứng phù hợp, trích dẫn đúng và nộp đúng yêu cầu.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Kỹ thuật trường quay - Studio Production Techniques**
- Mã học phần: MMC414
- Số tín chỉ: 2
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC408, MMC409
- Đơn vị phụ trách: Khoa KHXH&NV
 - Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 30 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: Giờ
 - + Giờ giảng: 18 Giờ
 - + Thuyết trình: 12
 - Giờ kiểm tra: Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thái
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV trường ĐH Văn Hiến
- Điện thoại: 0908272840
- Email: ThaiPTH@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phan Nguyên Vĩnh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0986.579.090
- Email: pnvinhvttv@gmail.com



Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phổ
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trường quay, về kỹ thuật viên trường quay. Kỹ thuật viên trường quay phải am hiểu các hệ thống thiết bị bên trong trường quay do mình quản lý, hiểu được ý tưởng sản xuất của bên nội dung để phối hợp, chuẩn bị thiết bị phù hợp, đồng bộ; cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về tạo hình quay phim như cỡ cảnh, bố cục, góc máy, động tác máy, trục máy. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các thông số cơ bản của các thiết bị đèn chiếu sáng, bàn điều khiển ánh sáng, hệ thống camera trong trường quay, bàn trộn hình ảnh, hệ thống âm thanh gồm micro, bàn trộn âm thanh, thiết bị liên lạc intercom.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kỹ thuật sản xuất trong trường quay truyền hình và điện ảnh, vai trò của kỹ thuật viên trường quay, quy trình phối hợp giữa bộ phận kỹ thuật với bộ phận nội dung, cũng như mối quan hệ giữa cỡ cảnh, bố cục, góc máy, động tác máy quay, trục máy với yêu cầu vận hành thiết bị và hiệu quả thẩm mỹ của sản phẩm. Qua đó, sinh viên vận dụng kỹ năng bố trí hình ảnh, thiết lập và vận hành các thiết bị cơ bản như camera, ánh sáng, bàn điều khiển đèn, vision mixer, micro, sound mixer, intercom; phối hợp với đạo diễn, quay phim, âm thanh, ánh sáng và các vị trí kỹ thuật khác để xử lý một số tình huống kỹ thuật trong sản xuất thực tế. Học phần đồng thời hình thành tinh thần chủ động, kỷ luật, trách nhiệm, ý thức tuân thủ quy trình vận hành thiết bị, quy định an toàn, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và tác phong chuyên nghiệp trong môi trường sản xuất truyền hình, điện ảnh hiện đại.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được cấu trúc, chức năng, nguyên lý hoạt động của trường quay truyền hình, điện ảnh và vai trò của kỹ thuật viên trường quay trong quy trình phối hợp sản xuất.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Làm chủ được các thiết bị, kỹ thuật cơ bản trong trường quay như camera, ánh sáng, âm thanh, bàn trộn, intercom, đồng thời áp dụng nguyên tắc quay phim để	Mức 3 (Chuẩn hóa)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	giải quyết các tình huống kỹ thuật trong quá trình ghi hình.	
CLO3	Hình thành tác phong chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, kỷ luật, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường làm việc tại trường quay.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X	X		
CLO3							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về trường quay truyền hình, điện ảnh
1.1	Khái niệm, cấu trúc và chức năng của trường quay truyền hình, điện ảnh
1.2	Vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của kỹ thuật viên trường quay trong quy trình sản xuất
1.3	Quy trình phối hợp giữa bộ phận kỹ thuật, đạo diễn, nội dung, sản xuất và hậu kỳ
1.4	Các nguyên tắc tạo hình cơ bản: cỡ cảnh, bố cục, góc máy, trục máy và động tác máy
1.5	Kiến thức nền tảng về ánh sáng, âm thanh, mỹ thuật và tạo hình quay phim trong trường quay
Chương 2	Xây dựng hệ thống đường hình và vận hành camera
2.1	Đọc kịch bản, xác định yêu cầu hình ảnh và xây dựng sơ đồ camera
2.2	Lựa chọn cỡ cảnh, góc máy, lens, vị trí camera và nguyên tắc trục máy
2.3	Thiết lập hệ thống camera, monitor, video switcher, vision mixer và phụ kiện kèm theo

Chương	Nội dung
2.4	Lên sơ đồ đầu nối hệ thống đường hình và phương án dự phòng về thiết bị, truyền dẫn, điện
2.5	Phân bổ nhân sự vận hành camera, kỹ thuật hình và ghi hình trong trường quay
Chương 3	Xây dựng hệ thống đường tiếng và vận hành âm thanh
3.1	Đọc kịch bản, xác định yêu cầu âm thanh, số lượng microphone và chủng loại microphone
3.2	Thiết lập audio mixer, loa kiểm âm, thiết bị ghi âm, thiết bị nhập và tách âm thanh
3.3	Lên sơ đồ đầu nối hệ thống đường tiếng và kiểm tra tín hiệu âm thanh
3.4	Xử lý các lỗi thường gặp: nhiễu, hú, mất tín hiệu, lệch âm, ground loop và sự cố thiết bị
3.5	Phân bổ nhân sự vận hành âm thanh và phối hợp với các vị trí kỹ thuật khác
Chương 4	Ánh sáng trường quay
4.1	Đọc kịch bản, dự rehearsal và lập lighting note cho chương trình
4.2	Xác định mood, tone và yêu cầu thẩm mỹ ánh sáng cho từng dạng chương trình
4.3	Lên sơ đồ bố trí ánh sáng, danh mục thiết bị ánh sáng và phương án điều khiển đèn
4.4	Vận hành đèn, bàn điều khiển ánh sáng và kiểm tra sự tương thích với camera
4.5	Bố trí nhân sự vận hành ánh sáng và xử lý tình huống ánh sáng trong quá trình ghi hình
Chương 5	Hệ thống liên lạc nội bộ và điều phối trường quay
5.1	Chức năng và nguyên lý vận hành của hệ thống intercom trong trường quay
5.2	Quy hoạch, phân bổ intercom cho đạo diễn, kỹ thuật, camera, âm thanh, ánh sáng và sản xuất
5.3	Phân bổ bộ đàm, intercom có dây và intercom không dây theo yêu cầu chương trình
5.4	Quy tắc giao tiếp, khẩu lệnh kỹ thuật và phối hợp qua hệ thống liên lạc nội bộ
5.5	Thiết lập hệ thống liên lạc dự phòng và xử lý sự cố mất kết nối
Chương 6	Setup và kiểm tra đồng bộ toàn hệ thống

Chương	Nội dung
6.1	Chạy test kỹ thuật hệ thống đường hình trước ghi hình
6.2	Chạy test kỹ thuật hệ thống đường tiếng trước ghi hình
6.3	Chạy test kỹ thuật hệ thống ánh sáng trước ghi hình
6.4	Kiểm tra đồng bộ đường hình, đường tiếng, ánh sáng, intercom và ghi hình
6.5	Ghi nhận lỗi, phân công xử lý và xác nhận trạng thái sẵn sàng của toàn hệ thống
Chương 7	Chạy duyệt chương trình theo kịch bản
7.1	Kiểm tra các bộ phận sẵn sàng theo timeline sản xuất
7.2	Tổ chức đếm ngược, điều phối kỹ thuật và chạy chương trình thử theo kịch bản
7.3	Theo dõi thời lượng, nhịp chương trình và sự phối hợp giữa các vị trí kỹ thuật
7.4	Phát hiện, phân loại và sửa lỗi kỹ thuật trong quá trình chạy duyệt
7.5	Chạy final rehearsal để chuẩn bị cho production chính thức
Chương 8	Vận hành on air, live và livestream
8.1	Chuẩn bị trạng thái standby trước giờ production
8.2	Double check toàn bộ hệ thống hình, tiếng, ánh sáng, intercom, ghi hình và truyền dẫn
8.3	Thực hiện nhắc mốc thời gian, đếm ngược và điều phối kỹ thuật trước khi vào chương trình
8.4	Vận hành on air, live, livestream theo kịch bản và bảo đảm toàn bộ tín hiệu được record
8.5	Xử lý tình huống kỹ thuật phát sinh trong quá trình phát sóng hoặc ghi hình trực tiếp
Chương 9	Hoàn tất, báo cáo và cải tiến sau sản xuất
9.1	Cut record, kiểm tra final files, bàn giao dữ liệu ghi hình và ký nghiệm thu chương trình
9.2	Thu hồi thiết bị, đóng thùng, kiểm kê và bàn giao thiết bị về kho
9.3	Lập report chương trình, tổng kết lỗi cá nhân và lỗi tập thể
9.4	Đánh giá tác phong, kỷ luật, tinh thần hợp tác, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong ca sản xuất
9.5	Đề xuất phương án cải tiến quy trình kỹ thuật và phối hợp ê-kíp cho các chương trình tiếp theo

6.2. Thực hành

STT	Nội dung
6.2.1	Chuẩn bị các nội dung bài học
	- Đọc tài liệu theo hướng dẫn - Viết ra những nội dung cần trao đổi
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề
	- Người học lựa chọn/chia nhóm theo chủ đề - Chuẩn bị nội dung thuyết trình: mục tiêu truyền thông, đối tượng công chúng, nền tảng triển khai, đặc điểm sản phẩm - Các nhóm trình bày kết quả tại lớp - Thực hiện phân biện, đặt câu hỏi và nhận xét chéo giữa các nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ Tự học	Tổng
1	Chương 1: Tổng quan về trường quay truyền hình, điện ảnh	2		4	6
2	Chương 2: Xây dựng hệ thống đường hình và vận hành camera	2	1.5	8	11.5
3	Chương 3: Xây dựng hệ thống đường tiếng và vận hành âm thanh	2	1.5	8	11.5
4	Chương 4: Ánh sáng trường quay	2	1.5	8	11.5
5	Chương 5: Hệ thống liên lạc nội bộ và điều phối trường quay	2	1.5	8	11.5
6	Chương 6: Setup và kiểm tra đồng bộ toàn hệ thống	2	1.5	8	11.5
7	Chương 7: Chạy duyệt chương trình theo kịch bản	2	1.5	8	11.5
8	Chương 8: Vận hành on air, live và livestream	2	1.5	8	11.5

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thuyết trình	Giờ Tự học	Tổng
9	Chương 9: Hoàn tất, báo cáo và cải tiến sau sản xuất	2	1.5	8	11.5
	Tổng	18	12	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH C-III Ý

1. Quy trình thiết kế và vận hành hệ thống đường hình trong sản xuất chương trình truyền hình
2. Tổ chức hệ thống âm thanh trường quay: từ micro, mixer đến kiểm soát tín hiệu âm thanh đầu ra
3. Nguyên tắc bố trí ánh sáng trong trường quay và tác động của ánh sáng đến chất lượng hình ảnh
4. Vai trò của hệ thống intercom trong điều phối ekip sản xuất chương trình trường quay
5. Quy trình kiểm tra, kết nối và chạy thử toàn bộ thiết bị trước khi ghi hình hoặc phát sóng
6. Tổ chức tổng duyệt chương trình theo kịch bản: phối hợp giữa đạo diễn, kỹ thuật và người dẫn
7. So sánh kỹ thuật sản xuất chương trình ghi hình, phát sóng trực tiếp và livestream trên nền tảng số
8. Đánh giá sau sản xuất và đề xuất cải tiến quy trình kỹ thuật trường quay cho các chương trình tiếp theo

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Tổng quan về trường quay truyền hình, điện ảnh	X		X
Chương 2: Xây dựng hệ thống đường hình và vận hành camera	X	X	X
Chương 3: Xây dựng hệ thống đường tiếng và vận hành âm thanh	X	X	X
Chương 4: Ánh sáng trường quay	X	X	X
Chương 5: Hệ thống liên lạc nội bộ và điều phối trường quay	X	X	X
Chương 6: Setup và kiểm tra đồng bộ toàn hệ thống		X	X
Chương 7: Chạy duyệt chương trình theo kịch bản		X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 8: Vận hành on air, live và livestream		X	X
Chương 9: Hoàn tất, báo cáo và cải tiến sau sản xuất		X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Phát vấn
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Phát vấn	X	X	
Tự học có hướng dẫn		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X		X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia làm bài và nộp bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận/Bài tập lớn	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30% theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2,	60%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 6	Tiểu luận/Sản phẩm (11.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính. 1. Giới thiệu chủ đề/đối tượng được lựa chọn. 2. Trình bày tổng quan về chủ đề: khai niệm, lý thuyết nền tảng có liên quan chủ đề. 3. Phân tích các vấn đề liên quan chủ đề.	CLO1 CLO2 CLO3 → Rubric chấm Tiểu luận (12.3c)

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						4. Nhận xét đánh giá điểm mạnh, hạn chế và đề xuất giải pháp, phương án xử lý liên quan đến chủ đề 5. Kết luận và tài liệu tham khảo	
Quá trình Giữa kỳ	CLO1, CLO2	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2–5	Thuyết trình, thảo luận–phản biện nhóm (11.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: 1. Giới thiệu chủ đề của nhóm 2. Trình bày khái niệm, lý thuyết liên quan chủ đề 3. Phân tích các nội dung liên quan chủ đề, cho ví dụ thực tiễn cụ thể. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và đề xuất giải pháp liên quan chủ đề 5. Trả lời câu hỏi phản biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	CLO1 CLO2 → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phản biện (12.3b)</i>
Quá trình liên tục	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1–6	Bảng kiểm chuyên cần (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác.	CLO3: điểm chuyên cần

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO3	4	Bảng kiểm chuyên cần	Sổ điểm danh GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích một trong các chủ đề kỹ thuật trường quay; trình bày quy trình, thiết bị, luồng tín hiệu, nhân sự phối hợp, lỗi thường gặp và đề xuất xử lý; trả lời phản biện của lớp/giảng viên.	CLO2	3	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá
Tiểu luận (60%)	Bài tiểu luận phân tích hệ thống kỹ thuật trường quay theo chủ đề chọn: cơ sở lý luận, thiết bị, quy trình vận hành, kiểm tra/chạy thử, phối hợp ekip, so sánh loại hình sản xuất, đánh giá rủi ro và đề xuất cải tiến.	CLO1 CLO2	4 3	Rubric tiểu luận	Bài tiểu luận

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1

CLO	Mức 1: YẾU (0 – 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 – 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 – 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 – 10)
Phân tích được cấu trúc, nguyên lý	Không trình bày được hoặc trình bày sai cấu trúc và	Trình bày được một số thành phần cơ bản của	Phân tích đúng phần lớn cấu trúc, chức năng và mối	Phân tích chính xác, đầy đủ và logic cấu trúc,

hoạt động và quy trình thiết kế – vận hành các hệ thống kỹ thuật trường quay trong sản xuất chương trình truyền hình.	chức năng của các hệ thống kỹ thuật trường quay; nhằm lẫn giữa đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và thiết bị điều khiển; chưa nhận diện được vai trò của từng bộ phận trong quy trình sản xuất chương trình truyền hình.	hệ thống kỹ thuật trường quay như camera, switcher, micro, mixer, đèn chiếu sáng, intercom và thiết bị ghi/phát; tuy nhiên phân tích còn rời rạc, thiếu liên kết giữa thiết bị, tín hiệu và yêu cầu sản xuất; ví dụ minh họa còn chung chung.	liên hệ giữa các hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và kiểm soát tín hiệu đầu ra; trình bày khá rõ quy trình thiết kế, kết nối và vận hành thiết bị trong trường quay; có liên hệ được với tình huống sản xuất chương trình cụ thể.	nguyên lý hoạt động, vai trò và yêu cầu kỹ thuật của từng hệ thống trường quay; chỉ rõ mối quan hệ giữa thiết kế đường hình, tổ chức âm thanh, bố trí ánh sáng, intercom và kiểm soát tín hiệu đầu ra; liên hệ tốt với yêu cầu chất lượng hình ảnh, âm thanh và an toàn sản xuất trong thực tế.
---	---	---	--	---

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO2) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt, thao tác tư duy và trình bày nội dung kỹ thuật	30%	CLO2 Mức 3	Diễn đạt trôi chảy, tự tin, có điểm nhấn; phối hợp hiệu quả lời nói, ánh mắt, cử chỉ, slide và minh họa thiết	Trình bày rõ ràng, tương đối mạch lạc; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và phương	Nêu được ý chính của chủ đề nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide/tài	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói hoặc

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	trường quay			bị/quy trình; trình bày mạch lạc các nội dung kỹ thuật như đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom, kiểm tra thiết bị, tổng duyệt hoặc phát sóng; thao tác tư duy linh hoạt, biết liên kết lý thuyết với tình huống sản xuất trường quay thực tế.	tiện trình chiếu khá phù hợp; diễn giải được trọng tâm kỹ thuật trường quay; thao tác tư duy có logic, biết nêu ví dụ hoặc tình huống minh họa nhưng mức độ liên kết và nhấn mạnh chưa thật sâu.	liệu; diễn đạt chưa thật liên mạch; mô tả quy trình hoặc thiết bị còn đơn giản; thao tác tư duy chủ yếu dừng ở kể lại kiến thức, ít phân tích tình huống kỹ thuật hoặc ví dụ trường quay cụ thể.	thời lượng; trình bày sai lệch/thiếu trọng tâm về thiết bị, quy trình hoặc vai trò kỹ thuật trường quay; mạch tư duy rời rạc, không thể hiện được khả năng trình bày kỹ năng tâm vận động.
2	Năng lực phản xạ tư duy, trả lời câu hỏi và xử lý tình huống trực tiếp	40%	CLO2 Mức 3	Phản xạ nhanh trước câu hỏi hoặc tình huống bất ngờ; trả lời đúng trọng tâm, có căn cứ kỹ thuật; biết phân tích nguyên nhân, hệ quả và phương án xử lý các vấn đề như mất tín	Trả lời đúng trọng tâm phần lớn câu hỏi; lập luận khá logic, có sử dụng thuật ngữ kỹ thuật tương đối chính xác; đề xuất được	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ hoặc thiếu căn cứ kỹ thuật; hướng xử lý tình huống	Không phân biện được, né tránh câu hỏi hoặc trả lời sai lệch; không nhận diện được vấn đề kỹ thuật trong tình huống trực tiếp; không đề xuất

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				hiệu hình, rõ âm thanh, sai ánh sáng, lỗi intercom, trực trực kết nối hoặc thay đổi kích bản; biện luận sắc sảo, bảo vệ quan điểm vững vàng và điều chỉnh câu trả lời linh hoạt khi bị hỏi sâu.	hướng xử lý tình huống cơ bản trong sản xuất trường quay; có thể điều chỉnh câu trả lời khi được gọi mở hoặc phản biện thêm.	còn chung chung; ví dụ minh họa chưa thật phù hợp với quy trình ghi hình, phát sóng trực tiếp hoặc livestream.	được phương án xử lý; mất bình tĩnh hoặc không bảo vệ được quan điểm khi bị chất vấn.
3	Kỹ năng phối hợp, chuyển tiếp và tương tác nhóm trong thuyết trình - phản biện	30%	CLO2 Mức 3	Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; phân vai rõ ràng theo nội dung kỹ thuật; chuyển tiếp tự nhiên giữa các phần; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày, minh họa quy trình và trả lời câu hỏi; tương tác tích cực với giảng viên, người học và nhóm phản biện; thể hiện được tinh thần làm việc ekip giống môi	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày và trả lời câu hỏi; có tương tác với người nghe nhưng mức độ chủ động và phối hợp khi phản biện	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế trong tương tác hoặc phản biện; khi gặp câu hỏi khó, nhóm chưa hỗ trợ nhau	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; chuyển tiếp đứt đoạn; nhiều thành viên không nắm vai trò của mình; không thể hiện được tinh thần ekip trong trình bày, phản biện và xử lý tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				trường sản xuất quay.	chưa thật đồng đều.	hiệu quả hoặc còn để một thành viên xử lý quá nhiều.	

c. Rubric đánh giá tiểu luận

T T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
1	Phân tích cơ sở kỹ thuật và yêu cầu sản xuất chương trình trường quay	20%	CLO1	Xác định sai hoặc thiếu các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của sản xuất chương trình trường quay; nhầm lẫn vai trò của hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và tín hiệu đầu ra; bài viết rời rạc, thiếu căn cứ và	Xác định được một số yêu cầu kỹ thuật cơ bản của trường quay nhưng còn chung chung; nhận diện được một vài thành phần như camera, micro, mixer, ánh sáng hoặc intercom nhưng mỗi liên hệ giữa chúng chưa rõ; ví dụ minh họa còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng cơ sở kỹ thuật của chương trình trường quay; trình bày được vai trò của đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và tín hiệu đầu ra; chỉ ra được mối liên hệ với yêu cầu ghi hình, phát sóng hoặc	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu các yêu cầu kỹ thuật của sản xuất chương trình trường quay; làm rõ vai trò, quan hệ và điều kiện vận hành của hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom, kiểm soát tín hiệu đầu ra; liên hệ thuyết phục với loại hình chương trình

T T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
				chưa gắn với tình huống sản xuất cụ thể.		livestream nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	và bối cảnh sản xuất thực tế.
2	Phân tích quy trình thiết kế, kết nối và vận hành các hệ thống kỹ thuật trường quay	30%	CLO1 CLO2	Quy trình trình bày thiếu logic hoặc sai lệch; không làm rõ được các bước thiết kế, kết nối và vận hành hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom; chưa phân biệt được yêu cầu kỹ thuật giữa ghi hình, phát sóng trực tiếp và livestream	Trình bày được một số bước cơ bản trong quy trình thiết kế, kết nối và vận hành thiết bị nhưng còn thiếu chi tiết; mô tả hệ thống camera, micro, mixer, đèn hoặc intercom còn đơn giản; sự liên kết giữa các khâu kỹ thuật chưa rõ.	Phân tích khá đầy đủ quy trình thiết kế và vận hành các hệ thống kỹ thuật trường quay; nêu được các bước chuẩn bị thiết bị, kết nối tín hiệu, kiểm tra đường hình, âm thanh, ánh sáng và liên lạc nội bộ; so sánh được một số khác biệt giữa ghi hình, trực tiếp và livestream.	Phân tích đầy đủ, mạch lạc và có khả năng ứng dụng cao quy trình thiết kế, kết nối và vận hành hệ thống kỹ thuật trường quay; giải thích rõ luồng tín hiệu, điểm kiểm soát, yêu cầu đồng bộ giữa hình - âm - ánh sáng - intercom; so sánh sâu sắc các phương thức ghi hình, phát sóng trực tiếp và livestream trên nền tảng số.

T T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
3	Xây dựng quy trình kiểm tra, chạy thử, tổng duyệt và đề xuất cải tiến kỹ thuật	30%	CLO2	Quy trình kiểm tra và chạy thử thiết bị thiếu nhiều thành phần quan trọng; chưa nêu được cách phối hợp giữa đạo diễn, kỹ thuật, quay phim, âm thanh, ánh sáng và người dẫn; đề xuất cải tiến mơ hồ, thiếu tính khả thi hoặc không gắn với lỗi kỹ thuật thường gặp.	Có đề cập một số bước kiểm tra, kết nối và tổng duyet nhưng còn thiếu trình tự hoặc thiếu tiêu chí đánh giá; phân công vai trò chưa rõ; phương án xử lý sự cố và đề xuất cải tiến còn chung chung, chưa chứng minh được tính khả thi.	Xây dựng được quy trình kiểm tra, chạy thử và tổng duyet tương đối đầy đủ; có phân công vai trò giữa đạo diễn, kỹ thuật, người dẫn và các bộ phận liên quan; đề xuất được một số biện pháp cải tiến quy trình kỹ thuật nhưng chưa thật toàn diện.	Xây dựng quy trình kiểm tra, kết nối, chạy thử và tổng duyet đầy đủ, logic, khả thi; chỉ rõ checklist thiết bị, luồng tín hiệu, trách nhiệm từng vị trí, cách xử lý rủi ro trong ghi hình/phát sóng; đề xuất cải tiến cụ thể, có căn cứ và có thể áp dụng cho các chương trình tiếp theo.
4	Trách nhiệm học tập, an toàn kỹ thuật, đạo đức nghề nghiệp và	20%	CLO3	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện rõ trách nhiệm học	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập an toàn	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức

T T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0 đến 6.9)	Khá (7.0 đến 8.4)	Giỏi (8.5 đến 10)
	tính học thuật của tiểu luận			tập và ý thức an toàn kỹ thuật; bỏ qua các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, bản quyền hình ảnh - âm thanh, sử dụng thiết bị và trích dẫn tài liệu; cấu trúc bài viết yếu hoặc có dấu hiệu sao chép.	kỹ thuật, bản quyền, đạo đức nghề nghiệp hoặc tính trung thực học thuật nhưng phân tích còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	tốt; phân tích được các yêu cầu cơ bản về an toàn thiết bị, tuân thủ quy trình trường quay, bản quyền nội dung và đạo đức nghề nghiệp; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn tương đối phù hợp.	rõ; phân tích sâu các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, tuân thủ quy trình, bản quyền hình ảnh - âm thanh, bảo mật nội dung và trung thực học thuật; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO1 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO2 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Dương Lan Hương (2018), *Kỹ thuật chiếu sáng*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

-Richard Platt (Mai Thu Hà dịch 2014), *Điện ảnh : Khám phá lịch sử kỳ thú của ngành điện ảnh và những bí mật phía sau trường quay để biết việc sản xuất phim là như thế nào*, Nxb Kim Đồng

- Ngô, P. L. (), *Phác thảo điện ảnh Việt Nam thời đổi mới và hội nhập*, NXB Hội Nhà Văn, 2023

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Mỹ (2005), *Hướng dẫn tự học Photoshop CS : kiến thức căn bản, thực hành chuyên nghiệp*, Nxb Thông kê

- Trần Thị Huyền Nhung, *Kỹ thuật loại bỏ đối tượng trên Video*, Đồ án tốt nghiệp Đại học

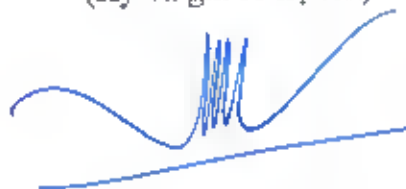
- Bruno TOUSSAINT (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình* (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch), NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.

- Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thái



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO2

Học phần: Kỹ thuật trường quay

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thảo tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thảo tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

Đạt

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: **Kỹ thuật trường quay**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Phân tích cơ sở kỹ thuật và yêu cầu sản xuất chương trình trường quay	20%	CLO1	Xác định sai hoặc thiếu các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của sản xuất chương trình trường quay; nhầm lẫn vai trò của hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và tín hiệu đầu ra; bài viết rời rạc, thiếu căn cứ và chưa gắn với tình huống sản xuất cụ thể.	Xác định được một số yêu cầu kỹ thuật cơ bản của trường quay nhưng còn chung chung; nhận diện được một vài thành phần như camera, micro, mixer, ánh sáng hoặc intercom nhưng mối liên hệ giữa chúng chưa rõ; ví dụ minh họa còn hạn chế.	Phân tích tương đối đúng cơ sở kỹ thuật của chương trình trường quay; trình bày được vai trò của đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom và tín hiệu đầu ra; chỉ ra được mối liên hệ với yêu cầu ghi hình, phát sóng hoặc livestream nhưng mức độ lý giải chưa thật sâu.	Phân tích chính xác, logic và có chiều sâu các yêu cầu kỹ thuật của sản xuất chương trình trường quay; làm rõ vai trò, quan hệ và điều kiện vận hành của hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom, kiểm soát tín hiệu đầu ra; liên hệ thuyết phục với loại hình chương trình và bối cảnh sản xuất thực tế.	
2	Phân tích quy trình thiết kế,	30%	CLO1 CLO2	Quy trình trình bày thiếu logic hoặc sai	Trình bày được một số bước cơ bản	Phân tích khá đầy đủ quy trình thiết	Phân tích đầy đủ, mạch lạc và có khả	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	kết nối và vận hành các hệ thống kỹ thuật trường quay			lệch; không làm rõ được các bước thiết kế, kết nối và vận hành hệ thống đường hình, âm thanh, ánh sáng, intercom; chưa phân biệt được yêu cầu kỹ thuật giữa ghi hình, phát sóng trực tiếp và livestream.	trong quy trình thiết kế, kết nối và vận hành thiết bị nhưng còn thiếu chi tiết; mô tả hệ thống camera, micro, mixer, đèn hoặc intercom còn đơn giản; sự liên kết giữa các khâu kỹ thuật chưa rõ.	kế và vận hành các hệ thống kỹ thuật trường quay; nêu được các bước chuẩn bị thiết bị, kết nối tín hiệu, kiểm tra đường hình, âm thanh, ánh sáng và liên lạc nội bộ; so sánh được một số khác biệt giữa ghi hình, trực tiếp và livestream.	năng ứng dụng cao quy trình thiết kế, kết nối và vận hành hệ thống kỹ thuật trường quay; giải thích rõ luồng tín hiệu, điểm kiểm soát, yêu cầu đồng bộ giữa hình - âm - ánh sáng - intercom; so sánh sâu sắc các phương thức ghi hình, phát sóng trực tiếp và livestream trên nền tảng số.	
3	Xây dựng quy trình kiểm tra, chạy thử, tổng duyệt và đề xuất cải tiến kỹ thuật	30%	CLO2	Quy trình kiểm tra và chạy thử thiết bị thiếu nhiều thành phần quan trọng; chưa nêu được cách phối hợp giữa đạo diễn, kỹ thuật, quay phim, âm thanh, ánh sáng và người dẫn; đề xuất cải tiến mơ hồ, thiếu tính khả thi hoặc không gắn với lỗi kỹ thuật thường gặp.	Có đề cập một số bước kiểm tra, kết nối và tổng duyệt nhưng còn thiếu trình tự hoặc thiếu tiêu chí đánh giá; phân công vai trò chưa rõ; phương án xử lý sự cố và đề xuất cải tiến còn chung chung, chưa chứng minh được tính khả thi.	Xây dựng được quy trình kiểm tra, chạy thử và tổng duyệt đầy đủ; có phân công vai trò giữa đạo diễn, kỹ thuật, người dẫn và các bộ phận liên quan; đề xuất được một số biện pháp cải tiến quy trình kỹ thuật nhưng chưa thật toàn diện.	Xây dựng quy trình kiểm tra, kết nối, chạy thử và tổng duyệt đầy đủ, logic, khả thi; chỉ rõ checklist thiết bị, luồng tín hiệu, trách nhiệm từng vị trí, cách xử lý rủi ro trong ghi hình/phát sóng; đề xuất cải tiến cụ thể, có căn cứ và có thể áp dụng cho các chương trình tiếp theo.	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
4	Trách nhiệm học tập, an toàn kỹ thuật, đạo đức nghề nghiệp và tính học thuật của tiểu luận	20%	CLO3	Bài làm thiếu nghiêm túc; không thể hiện rõ trách nhiệm học tập và ý thức an toàn kỹ thuật; bỏ qua các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, bản quyền hình ảnh - âm thanh, sử dụng thiết bị và trích dẫn tài liệu; cấu trúc bài viết yếu hoặc có dấu hiệu sao chép.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu chủ động; có đề cập an toàn kỹ thuật, bản quyền, đạo đức nghề nghiệp hoặc tính trung thực học thuật nhưng phân tích còn chung chung; trình bày, trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa nhất quán.	Thể hiện trách nhiệm học tập và ý thức nghề nghiệp tương đối tốt; phân tích được các yêu cầu cơ bản về an toàn thiết bị, tuân thủ quy trình trường quay, bản quyền nội dung và đạo đức nghề nghiệp; bài viết có cấu trúc rõ, trích dẫn tương đối phù hợp.	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ chuyên nghiệp và ý thức đạo đức rõ; phân tích sâu các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, tuân thủ quy trình, bản quyền hình ảnh - âm thanh, bảo mật nội dung và trung thực học thuật; bài viết có cấu trúc học thuật, trích dẫn phù hợp và nộp đúng yêu cầu.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
Điểm chữ
Xếp loại
Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Hậu kỳ kỹ thuật số - Digital Post-production**
- Mã học phần: **MMC415**
- Số tín chỉ: **03**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần: **Tự chọn theo chuyên ngành sâu**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **MMC408, MMC 409**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa KHXH&NV**
 - Số tín chỉ: 02 (1: Lý thuyết; 1: Thực hành) ; Số giờ: 60, trong đó:
Hoạt động giảng dạy trên lớp: **Giờ**
+ Giờ giảng: 20 giờ
+ Thuyết trình: 10 giờ
+ Thực hành: 30 giờ
 - Giờ kiểm tra: **giờ**
 - Giờ tự học: **105 giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thị Hồng Thái**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa XHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908272840**
- Email: **ThaiPTH@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Phan Nguyên Vĩnh**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giảng viên thỉnh giảng**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu**
- Điện thoại: **0986.579.090**
- Email: **pnvinhvtv@gmail.com**

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phổ
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen
- Điện thoại:
- Email:

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ xảo VFX (Visual Effects). Đây là quá trình tạo ra hoặc thêm các hiệu ứng hình ảnh để nâng cao chất lượng hình ảnh trong một Video đã được quay từ trước; cung cấp cho sinh viên hiểu được nhiệm vụ của người làm VFX là thể hiện được bối cảnh phim và nội dung cần truyền tải thông qua việc tạo ra các hiệu ứng nhằm nâng cao trải nghiệm xem phim của khán giả; cung cấp cho người học biết được tầm quan trọng của kỹ thuật xử lý hậu kỳ trong thời đại kỹ thuật số.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quy trình hậu kỳ kỹ thuật số trong sản xuất phim, video, quảng cáo, TVC và sản phẩm truyền thông; bao gồm vai trò của hậu kỳ, VFX, làm sạch hình ảnh, cân chỉnh màu sắc, compositing, xử lý kỹ xảo số và sử dụng phần mềm hậu kỳ chuyên dụng. Qua đó, sinh viên thực hiện được các thao tác hậu kỳ từ cơ bản đến nâng cao như chỉnh màu, ghép lớp hình ảnh, xử lý phòng xanh, tracking, tạo hiệu ứng kỹ xảo số và xuất bản sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật; đồng thời phối hợp với các bộ phận liên quan để hoàn thiện sản phẩm truyền thông kỹ thuật số. Học phần góp phần hình thành tinh thần sáng tạo, chủ động, tỉ mỉ, trách nhiệm; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bản quyền tư liệu số, nguyên tắc sử dụng kỹ xảo và khả năng cập nhật công nghệ trong lĩnh vực hậu kỳ kỹ thuật số.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được các khái niệm, kỹ thuật, vai trò và xu hướng ứng dụng của hậu kỳ kỹ thuật số và VFX trong sản xuất nội dung truyền thông.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Đánh giá được chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ của sản phẩm hậu kỳ thông qua các yếu tố hình ảnh, hiệu ứng VFX, ánh sáng, màu sắc, bố cục và chuyển động.	Mức 5 (Đánh giá)

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO3	Làm chủ được phần mềm hậu kỳ để thiết kế, chỉnh sửa và tạo các hiệu ứng VFX cơ bản trong sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Hình thành đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, khả năng tự học và thích ứng với công nghệ hậu kỳ mới trong quá trình sản xuất sản phẩm truyền thông.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận tương thích giữa CLO và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về hậu kỳ kỹ thuật số và VFX
1.1	Lịch sử hình thành và phát triển của VFX trong điện ảnh, truyền hình và truyền thông số.
1.2	Vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số trong quy trình sản xuất nội dung truyền thông.
1.3	Đọc hiểu kịch bản văn học và xác định yêu cầu hậu kỳ/VFX.
1.4	Trình bày đặc trưng của kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh và ngôn ngữ kịch bản.
1.5	Giải thích các thuật ngữ cơ bản trong hậu kỳ kỹ thuật số, VFX và SFX.
Chương 2	Xây dựng quy trình VFX/SFX cho phim và video
2.1	Trình bày quy trình thực hiện VFX/SFX trong điện ảnh, truyền hình, quảng cáo và video truyền thông.
2.2	Phân tích yêu cầu mỹ thuật tạo hình: đường nét, màu sắc, hình khối, chất liệu và không gian.

Chương	Nội dung
2.3	Vận dụng kiến thức về cỡ cảnh, góc máy, động tác máy, bố cục hình ảnh và chuyển động trong thiết kế VFX.
2.4	Xác định yêu cầu phối hợp giữa quay phim, đạo diễn, mỹ thuật, âm thanh và hậu kỳ.
2.5	Lập phương án kỹ thuật sơ bộ cho cảnh quay có sử dụng VFX/SFX
Chương 3	Lên storyboard VFX/SFX cho phim
3.1	Chuyển đổi kịch bản văn học thành kịch bản hình ảnh phục vụ hậu kỳ/VFX.
3.2	Sử dụng phần mềm hoặc công cụ vẽ để thiết kế storyboard cho từng phân cảnh VFX.
3.3	Phân tích cách thức thể hiện hình ảnh, chuyển động, góc máy và hiệu ứng trong kịch bản phân cảnh.
3.4	Lựa chọn cỡ cảnh, góc nhìn và nhịp chuyển cảnh phù hợp với mục tiêu thị giác.
3.5	Chỉnh sửa hình ảnh phân cảnh theo yêu cầu sản xuất và bổ sung thông tin kỹ thuật cần thiết cho hậu kỳ.
Chương 4	Khảo sát thực tế - chọn tone màu cho phim
4.1	Khảo sát bối cảnh thực tế và xác định yêu cầu hình ảnh cho từng phân cảnh có VFX.
4.2	Lựa chọn góc nhìn, phối cảnh và điều kiện ánh sáng phù hợp với cảnh quay thật và cảnh đồ họa.
4.3	Phối hợp với quay phim để đồng bộ góc camera thực tế và camera trong đồ họa.
4.4	Xây dựng moodboard và lựa chọn tone màu cho phim/video.
4.5	Đánh giá tính khả thi của phương án bối cảnh, ánh sáng, màu sắc và phối cảnh trong hậu kỳ.
Chương 5	Mô phỏng bằng đồ họa máy tính
5.1.	Thiết kế kỹ xảo cho clip, sản phẩm truyền hình, điện ảnh, quảng cáo và video truyền thông.
5.2.	Tạo và thiết lập các hiệu ứng hạt, khói, ánh sáng và các hiệu ứng thị giác cơ bản.
5.3.	Tạo hoặc tích hợp mô hình 3D vào cảnh quay.
5.4	Thực hiện chuyển cảnh nâng cao và chỉnh màu trong After Effects.

Chương	Nội dung
5.5	Thực hiện kỹ thuật thay thế hình ảnh, track motion và camera tracker.
5.6	Ứng dụng script hoặc preset trong After Effects để tối ưu thao tác hậu kỳ.
Chương 6	Tổng hợp hình ảnh - Compositing
6.1	Kết hợp các yếu tố hình ảnh, màu sắc, không gian và bối cảnh khi ghép hình ảnh 3D vào video.
6.2	Đồng bộ ánh sáng, màu sắc, phối cảnh và chuyển động giữa footage quay thật và lớp đồ họa.
6.3	Thực hiện kỹ thuật chuyển cảnh, chỉnh màu, thay thế hình ảnh và hoàn thiện hiệu ứng.
6.4	Đánh giá tính liền mạch, độ chân thực và tác động thị giác của sản phẩm hậu kỳ.
6.5	Phân tích tâm lý người xem để điều chỉnh nhịp hình ảnh, hiệu ứng và cảm xúc thị giác.
Chương 7	Xuất file, kiểm lỗi và bàn giao sản phẩm
7.1	Trình bày các kênh phát hành sản phẩm media và quy chuẩn file tương ứng.
7.2	Thiết lập thông số xuất file phù hợp với nền tảng phát hành và yêu cầu kỹ thuật.
7.3	Phát hiện, phân loại và khắc phục lỗi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hiệu ứng và định dạng trước khi bàn giao.
7.4	Thực hiện lưu trữ file project, file nguồn, file xuất và phiên bản chỉnh sửa theo quy trình.
7.5	Gửi file chờ duyệt, tiếp nhận phản hồi, chỉnh sửa và bàn giao sản phẩm đúng yêu cầu nghề nghiệp, bản quyền và đạo đức truyền thông.

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Chuẩn bị nội dung bài học trước
	- Người học nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu trả lời cho các câu hỏi định hướng theo từng chương - Trả lời câu hỏi, biện minh, giải thích
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề

TT	Nội dung
	Sinh viên lựa chọn/chia nhóm theo chủ đề ở trên Chuẩn bị để trình bày Trình bày và phản biện của các nhóm
6.2.4	Thực hành tạo sản phẩm.
	-Sinh viên thực hiện các bài thực hành -Trình bày/trình chiếu sản phẩm và phản biện

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết= 15 giờ, 1 tín chỉ thực hành=30 giờ)

Chương	Tên chương	Giờ giảng	Thuyết trình	Thực hành	Giờ tự học	Tổng
1	Chương 1	3	0	0	10	13
2	Chương 2	3	1	5	17	26
3	Chương 3	3	2	5	17	27
4	Chương 4	3	2	5	17	27
5	Chương 5	3	2	5	17	27
6	Chương 6	3	2	5	17	27
7	Chương 7	2	1	5	10	18
Tổng		20	10	30	105	165

CÁC CHỦ ĐỀ THUYẾT TRÌNH GỢI Ý

1. Quy trình sản xuất VFX, SFX trong phim điện ảnh và truyền hình: từ ý tưởng, thiết kế mỹ thuật đến thực hiện kỹ xảo.

2. Vai trò của storyboard trong hậu kỳ kỹ thuật số: chuyển kịch bản văn học thành kịch bản hình ảnh cho cảnh VFX, SFX

3. Khảo sát bối cảnh, lựa chọn góc máy và tone màu nhằm đồng bộ giữa cảnh quay thực tế và đồ họa máy tính.

4. Ứng dụng đồ họa máy tính trong tạo kỹ xảo: hạt, khói, ánh sáng, mô hình 3D và hiệu ứng chuyển động.

5. Kỹ thuật compositing trong hậu kỳ: ghép 3D vào video, đồng bộ màu sắc, ánh sáng, không gian và cảm xúc người xem.

6. Quy trình kiểm tra, xuất file và bàn giao sản phẩm hậu kỳ theo tiêu chuẩn của các kênh phát hành media

CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HÀNH GỢI Ý

Sinh viên thực hiện một sản phẩm hậu kỳ ngắn từ 15-30 giây, có sử dụng một hoặc nhiều kỹ thuật như mask, keyframe, tracking, color correction, compositing, hiệu ứng hạt/khói/ánh sáng, ghép PNG/footage/đối tượng 3D vào video thực tế.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1	X			X
Chương 2	X	X		
Chương 3		X	X	X
Chương 4		X		X
Chương 5		X	X	X
Chương 6		X	X	X
Chương 7		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Thực hành làm sản phẩm
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	X
Thực hành làm sản phẩm		X	X	X
Thuyết trình và phản biện	X	X		X
Tự học có hướng dẫn			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài thuyết trình nhóm, bài thực hành
- Tham gia làm tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận/ video sản phẩm	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận/sản phẩm)	CLO1, CLO2,	60%	Kiến thức	Tuần 12	Tiểu luận/sản phẩm (tiểu luận và video sản phẩm) (12.3.c)	Nội dung sản phẩm gồm các đề mục chính: 1. Ý tưởng, mục đích và thông điệp của sản phẩm 2. Quy trình thực hiện hậu kỳ kỹ thuật số 3. Kỹ thuật và kỹ thuật xử lý hình ảnh, âm thanh, màu sắc và hiệu ứng 4. Nhận xét, đánh giá, Kiểm tra lỗi và hoàn thiện sản phẩm trước khi xuất file 5. Đề xuất định hướng cải thiện hoặc ý tưởng ứng dụng trong bối cảnh thực tiễn, xuất file và khả năng phù hợp với kênh phát hành 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	CLO1 CLO2 → Rubric chấm Tiểu luận (12.3c)
Quá trình Giữa kỳ	CLO1 CLO2	15%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2–12	Thuyết trình – phản biện	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính:	CLO1 CLO2 → Rubric đánh giá

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					nhóm (12.3.b)	1. Giới thiệu chủ đề/đối tượng truyền thông đa phương tiện được lựa chọn. 2. Trình bày khái niệm, có liên quan. 3. Phân tích đề mục của chủ đề, ví dụ thực tiễn 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và tính phù hợp. 5. Trả lời câu hỏi phân biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	<i>Thuyết trình và phân biện (12.3b)</i>
	CLO3	15%	Kỹ năng	Tuần 2–12	Bài thực hành (sản phẩm file/video) từng tuần	Nội dung của sản phẩm gồm các phần chính:	CLO3 <i>Rubric đánh giá sản phẩm thực hành (12.3b)</i>
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1–6	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc	CLO4: điểm chuyên cần

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
<i>Chuyên cần & tham gia (10%)</i>	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO4	4	Bảng kiểm chuyên cần, quan sát lớp	Sổ điểm GV
<i>Thuyết trình nhóm (15%)</i>	Phân tích, trình bày, phản biện và bảo vệ quan điểm về các chủ đề trọng tâm của hậu kỳ kỹ thuật số: quy trình sản xuất VFX/SFX trong phim điện ảnh và truyền hình từ ý tưởng, thiết kế mỹ thuật đến thực hiện kỹ xảo; vai trò của storyboard trong chuyển kịch bản văn học thành kịch bản hình ảnh cho cảnh VFX/SFX; khảo sát bối cảnh, lựa chọn góc máy và tone màu nhằm đồng bộ cảnh quay thực tế với đồ họa máy tính; ứng dụng đồ	CLO2 CLO1 đo gián tiếp qua CLO2	5	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide thuyết trình, phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	họa máy tính trong tạo hạt, khói, ánh sáng, mô hình 3D và hiệu ứng chuyển động; kỹ thuật compositing trong ghép 3D vào video, đồng bộ màu sắc, ánh sáng, không gian và cảm xúc người xem; quy trình kiểm tra, xuất file và bản giao sản phẩm hậu kỳ theo tiêu chuẩn các kênh phát hành media.				
Thực hành nhóm (15%)	Sinh viên thực hiện các bài thực hành theo quy trình sản xuất hậu kỳ: chọn một cảnh phim ngắn 15-30 giây, xác định cảnh cần VFX/SFX và lập quy trình xử lý từ tiền kỳ, quay hình, hậu kỳ đến xuất file; phân tích cỡ cảnh, góc máy, chuyển động máy, màu sắc, hình khối và yêu cầu kỹ thuật của cảnh; chuyển đoạn kịch bản ngắn thành storyboard thể hiện cỡ cảnh, góc máy, hành động nhân vật, hiệu ứng kỹ xảo dự kiến, hướng chuyển động, âm thanh và ghi chú hậu kỳ; sử dụng ảnh/video bối cảnh thực tế để phân tích ánh sáng, màu sắc, góc nhìn, bố cục, khả năng ghép kỹ xảo và xây dựng mood-board màu; tạo hiệu ứng hạt, khói, ánh sáng,	CLO3, CLO2 CLO1 đo gián tiếp qua CLO2	4 5	Rubric bài thực hành/sản phẩm	Video/bài thuyết minh sản phẩm, phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	cháy nổ nhẹ, tia sáng hoặc năng lượng trong After Effects bằng layer, mask, keyframe, blend mode, effect control; ghép đối tượng 3D, PNG hoặc footage kỹ xảo vào video thực tế bằng tracking, mask, color correction, adjustment layer; kiểm tra lỗi hình ảnh, âm thanh, màu, khung hình, font chữ, mất liên kết file và xuất file theo chuẩn YouTube, Facebook, TikTok hoặc trình chiếu lớp học.				
Tiểu luận (60%)	Bài tiểu luận/sản phẩm cần tổng hợp toàn bộ quy trình hậu kỳ kỹ thuật số cho một sản phẩm truyền thông ngắn: xác định ý tưởng, kịch bản hoặc cảnh cần VFX/SFX; phân tích yêu cầu thẩm mỹ và kỹ thuật của cảnh; xây dựng storyboard, mood-board, quy trình tiền kỳ - quay hình - hậu kỳ - xuất file; lựa chọn công cụ và kỹ thuật xử lý như tracking, mask, keyframe, compositing, color correction, adjustment layer, hiệu ứng hạt/khói/ánh sáng/mô hình 3D; đánh giá chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ của sản phẩm qua hình ảnh, ảnh	CLO2, CLO3 CLO1 đo gián tiếp qua CLO2	5 4	Rubric tiểu luận/sản phẩm	Bài tiểu luận/sản phẩm

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
	sáng, màu sắc, bố cục, phối cảnh, chuyển động và cảm xúc người xem; kiểm tra lỗi và xuất file theo chuẩn nền tảng media; trình bày báo cáo quy trình thực hiện, sản phẩm hoàn thiện và minh chứng các bước xử lý hậu kỳ.				

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Phân tích được các khái niệm, kỹ thuật, vai trò và xu hướng ứng dụng của hậu kỳ kỹ thuật số và VFX trong sản xuất nội dung truyền thông.	Không phân tích được hoặc phân tích sai các khái niệm cơ bản về hậu kỳ kỹ thuật số, VFX/SFX; nhầm lẫn giữa tiền kỳ, sản xuất và hậu kỳ; chưa nhận diện được vai trò của kỹ xảo hình ảnh trong phim, TVC, video quảng cáo và nội dung truyền thông số.	Phân tích được một phần các khái niệm và vai trò cơ bản của hậu kỳ kỹ thuật số, VFX/SFX; nhận diện được một số công đoạn như đọc kịch bản, storyboard, xử lý hình ảnh, chỉnh màu, compositing và xuất file nhưng mỗi liên hệ giữa các công đoạn còn đơn giản hoặc ví dụ chưa chính xác.	Phân tích đúng phần lớn kiến thức về hậu kỳ kỹ thuật số và VFX; trình bày khá rõ vai trò, quy trình và kỹ thuật cơ bản như storyboard VFX, tracking, mô phỏng đồ họa, compositing, chỉnh màu và xuất file; liên hệ được với sản phẩm truyền thông, phim ngắn hoặc quảng cáo cụ thể.	Phân tích chính xác, đầy đủ và logic các khái niệm, kỹ thuật, vai trò và xu hướng ứng dụng của hậu kỳ kỹ thuật số và VFX; chỉ rõ mối quan hệ giữa kịch bản, quay hình, mỹ thuật, ánh sáng, màu sắc, chuyển động, compositing và chuẩn phát hành; liên hệ thuyết phục với bối cảnh sản xuất nội dung truyền thông hiện đại.

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Đánh giá được chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ của sản phẩm hậu kỳ thông qua các yếu tố hình ảnh, hiệu ứng VFX, ánh sáng, màu sắc, bố cục và chuyển động.	Không đánh giá được hoặc đánh giá sai chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ của sản phẩm hậu kỳ; chưa nhận diện được các lỗi cơ bản về hình ảnh, màu sắc, ánh sáng, bố cục, tracking, phối cảnh, chuyển động hoặc độ hòa trộn của hiệu ứng VFX; nhận xét còn cảm tính, thiếu căn cứ.	Đánh giá được một số yếu tố cơ bản của sản phẩm hậu kỳ như màu sắc, ánh sáng, bố cục, hiệu ứng hoặc chuyển động nhưng còn chung chung; phát hiện được một số lỗi kỹ thuật đơn giản nhưng chưa giải thích rõ nguyên nhân và chưa đề xuất được hướng chỉnh sửa phù hợp.	Đánh giá tương đối đúng chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ của sản phẩm hậu kỳ; chỉ ra được ưu điểm, hạn chế về hình ảnh, VFX, ánh sáng, màu sắc, bố cục, chuyển động, tracking và compositing; có căn cứ nhận xét và đề xuất được hướng điều chỉnh tương đối phù hợp với yêu cầu sản phẩm.	Đánh giá sâu sắc, logic và có căn cứ chất lượng kỹ thuật - thẩm mỹ của sản phẩm hậu kỳ; phân tích được sự đồng bộ giữa hình ảnh quay thực tế và yếu tố đồ họa/VFX, màu sắc, ánh sáng, không gian, phối cảnh, nhịp chuyển động và cảm xúc người xem; đề xuất giải pháp cải thiện khả thi, phù hợp chuẩn phát hành và mục tiêu truyền thông.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá điểm quá trình (30%)

- Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện (15%)

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 4)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc tuyên tãi nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 4)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 4)	Thể hiện sự phối hợp "cơ chế" nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

– **Rubric đánh giá thực hành sản phẩm và thuyết trình sản phẩm (15%)**

Người dạy có thể dùng 2 trong 5 bài thực hành để đánh giá sinh viên trọng số 15%

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng CLO3, CLO2 khi sinh viên lý giải lựa chọn kỹ thuật

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Giỏi (8.5-10)	Khá (7.0-8.4)	Trung bình (5.0-6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích yêu cầu cảnh quay và định hướng xử lý hậu kỳ	15%	CLO2 (CLO1 đo gián tiếp)	Phân tích rõ yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ của cảnh; xác định đúng yếu tố cần VFX/SFX, màu sắc, ánh sáng, bố cục, chuyển động và mục đích thị giác của cảnh.	Phân tích tương đối đúng yêu cầu cảnh; xác định được phần lớn yếu tố cần xử lý nhưng lý giải chưa thật sâu.	Nhận diện được một số yêu cầu cơ bản nhưng còn chung chung; chưa liên kết rõ giữa nội dung cảnh và hướng xử lý hậu kỳ.	Không phân tích được yêu cầu cảnh hoặc xác định sai nội dung cần xử lý hậu kỳ/VFX.
2	Thao tác phần mềm và quy trình kỹ thuật	25%	CLO3	Sử dụng thành thạo phần mềm hậu kỳ; thao tác đúng với layer, mask, keyframe, effect control, tracking, color correction hoặc adjustment layer; quy trình làm việc rõ ràng, ít lỗi kỹ thuật.	Sử dụng được phần mềm và các công cụ chính; thao tác tương đối đúng nhưng còn một số lỗi nhỏ trong quy trình hoặc kiểm soát hiệu ứng.	Thao tác được ở mức cơ bản nhưng còn phụ thuộc hướng dẫn; sử dụng công cụ chưa linh hoạt; quy trình còn thiếu bước.	Không sử dụng được công cụ cần thiết hoặc thao tác sai, làm sản phẩm không đạt yêu cầu thực hành.
3	Chất lượng hiệu ứng VFX/S FX hoặc	25%	CLO2, CLO3	Hiệu ứng hoặc đối tượng ghép có độ hòa trộn tốt; xử lý hợp lý tracking, phối cảnh, ánh sáng, bóng đổ, màu sắc, độ nét và	Hiệu ứng/compo siting tương đối đạt; có xử lý ánh sáng, màu sắc,	Có thực hiện hiệu ứng hoặc ghép hình nhưng còn lộ lỗi về màu, ánh sáng,	Hiệu ứng rời rạc, sai phối cảnh, sai ánh sáng/màu sắc; đối tượng

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Giỏi (8.5-10)	Khá (7.0-8.4)	Trung bình (5.0-6.9)	Yếu (<5.0)
	compo siting			chuyển động; sản phẩm tạo cảm giác tự nhiên, thuyết phục.	tracking và phối cảnh nhưng vẫn còn một vài điểm chưa thật tự nhiên.	tracking, chuyển động hoặc tỷ lệ đối tượng.	ghép bị giả rõ hoặc không hoàn thiện.
4	Tính thẩm mỹ hình ảnh và sự phù hợp với nội dung	20%	CLO2	Sản phẩm có bố cục, màu sắc, nhịp chuyển động và cảm xúc thị giác phù hợp với thể loại/nội dung; thể hiện tư duy thẩm mỹ tốt.	Hình ảnh tương đối hài hòa; màu sắc và bố cục phù hợp ở mức khá nhưng chưa thật nổi bật.	Sản phẩm đạt mức cơ bản nhưng bố cục, màu sắc hoặc nhịp chuyển động còn đơn giản, thiếu điểm nhấn.	Hình ảnh thiếu thẩm mỹ, màu sắc/bố cục rời hoặc không phù hợp với nội dung cảnh.
5	Kiểm tra lỗi, xuất file và bàn giao sản phẩm	15%	CLO3	Kiểm tra đầy đủ lỗi hình ảnh, âm thanh, màu, khung hình, font, missing file; xuất đúng định dạng, độ phân giải, tỷ lệ khung hình và chuẩn nền tảng như YouTube, Facebook, TikTok hoặc trình chiếu lớp học.	Xuất file đúng yêu cầu chính; có kiểm tra lỗi nhưng còn thiếu một số chi tiết nhỏ.	Xuất được file nhưng còn lỗi nhỏ về định dạng, dung lượng, tỷ lệ khung hình hoặc thông số kỹ thuật.	Không xuất được file đúng chuẩn hoặc sản phẩm lỗi nặng, không thể trình chiếu/bàn giao.

c. Rubric đánh giá tiểu luận/sản phẩm video)

Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Trọng số	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Yếu
1. Ý tưởng, mục đích và vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số trong sản phẩm	CLO1	15%	Sản phẩm có ý tưởng rõ ràng, mục đích truyền thông cụ thể. Sinh viên giải thích được vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số, VFX, chỉnh màu, hiệu ứng và xuất file trong việc hoàn thiện thông điệp của video.	Ý tưởng tương đối rõ, mục đích sản phẩm phù hợp. Có giải thích được vai trò của hậu kỳ nhưng chưa phân tích sâu về kỹ thuật hoặc xu hướng ứng dụng.	Có ý tưởng nhưng còn đơn giản, mục đích truyền thông chưa rõ. Phân giải thích vai trò hậu kỳ còn chung chung.	Ý tưởng mờ nhạt, chưa xác định được mục đích sản phẩm. Không thể hiện được vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số trong video.
2. Chất lượng hình ảnh, màu sắc, bố cục và hiệu ứng VFX	CLO2	25%	Hình ảnh rõ, bố cục tốt, màu sắc đồng bộ, ánh sáng hợp lý, hiệu ứng VFX phù hợp và có tính thẩm mỹ. Tổng thể video tạo được trải nghiệm thị giác tốt cho người xem.	Hình ảnh và màu sắc tương đối tốt, bố cục rõ, hiệu ứng VFX phù hợp nhưng một số chi tiết còn chưa thật tự nhiên hoặc chưa nổi bật.	Hình ảnh, màu sắc hoặc hiệu ứng ở mức cơ bản. Một số đoạn còn lệch màu, thiếu đồng bộ ánh sáng, bố cục chưa chặt chẽ hoặc hiệu ứng còn lộ kỹ thuật.	Hình ảnh kém, màu sắc sai lệch, bố cục rối, hiệu ứng VFX không phù hợp hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm.
3. Kỹ thuật dựng,	CLO3	25%	Sử dụng tốt phần mềm hậu kỳ để dựng, chỉnh sửa,	Sử dụng được phần mềm hậu	Sử dụng phần mềm ở mức cơ	Chưa làm chủ phần mềm hậu

Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Trọng số	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Yếu
chỉnh sửa và xử lý hậu kỳ bằng phần mềm			tạo hiệu ứng, chỉnh màu, xử lý âm thanh, xử lý chuyển cảnh và quản lý layer, timeline, file project. Thao tác kỹ thuật chính xác, sản phẩm có độ hoàn thiện cao.	kỳ ở mức khá. Video hoàn chỉnh, các thao tác dựng, chỉnh màu, hiệu ứng và âm thanh tương đối ổn nhưng còn một số lỗi nhỏ.	bản. Sản phẩm hoàn thành nhưng kỹ thuật dựng, chỉnh sửa, hiệu ứng hoặc âm thanh chưa ổn định.	kỳ. Sản phẩm còn nhiều lỗi kỹ thuật, thao tác xử lý chưa đạt yêu cầu hoặc không thể hiện rõ kỹ năng thực hành.
4. Kiểm tra lỗi và hoàn thiện sản phẩm trước khi xuất file	CLO2, CLO3	20%	Kiểm tra đầy đủ lỗi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, khung hình, font chữ, file liên kết, định dạng và lỗi render. Video hoàn chỉnh, không có lỗi nghiêm trọng, thể hiện quy trình kiểm soát chất lượng tốt.	Có kiểm tra và khắc phục phần lớn lỗi kỹ thuật. Sản phẩm còn một vài lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến trải nghiệm người xem.	Có kiểm tra lỗi nhưng chưa đầy đủ. Sản phẩm còn lỗi về âm lượng, màu sắc, font chữ, khung hình, file liên kết hoặc một số đoạn dựng chưa mượt.	Không kiểm tra kỹ trước khi nộp. Sản phẩm có nhiều lỗi rõ ràng như mất file, lỗi font, âm thanh hồng, hình ảnh lỗi, sai khung hình hoặc lỗi render.
5. Xuất file, định dạng và khả năng	CLO3	15%	Xuất file đúng yêu cầu về định dạng, độ phân giải, tỷ lệ khung hình, dung lượng, âm thanh	Xuất file đúng định dạng cơ bản, video xem được ổn định. Có	Xuất được file nhưng còn sai hoặc thiếu một số yêu cầu như tỷ	Xuất file sai định dạng, không mở được, không phù

Tiêu chí đánh giá	CLO đo lường	Trọng số	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Yếu
phù hợp với kênh phát hành			và chuẩn phát hành cho YouTube, Facebook, TikTok hoặc trình chiếu lớp học. Có thể nộp nhiều phiên bản phù hợp với từng nền tảng.	đáp ứng phần lớn yêu cầu của kênh phát hành nhưng một số thông số kỹ thuật chưa tối ưu.	lệ khung hình, độ phân giải, âm thanh, dung lượng hoặc định dạng.	hợp kênh phát hành hoặc không đáp ứng yêu cầu nộp bài.

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO2 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO2 ở mức độ "Hiệu".
- CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của bài viết và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phân xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), *Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông
- Nguyễn Phú Quảng (2008), *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Photoshop*, Nxb Giáo dục
- Nguyễn Thiên Trường, *Phần mềm dựng hình phi tuyến ULEAD videostudio dùng trong sản xuất chương trình truyền hình*, Đồ án tốt nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

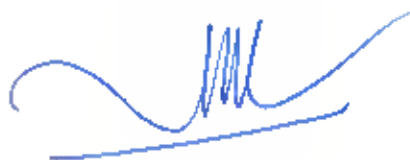
- Trần Thị Huỳnh Nhung, *Kỹ thuật loại bỏ đối tượng trên Video*, Đồ án tốt nghiệp Đại học
- Dương Lan Hương (20218), *Kỹ thuật chiếu sáng*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Adobe Premiere (2013), *Kỹ thuật dựng phim*, NXB Văn hóa thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thái



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Hậu kỳ kỹ thuật số

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biên luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt
.....			GIẢNG VIÊN CHẤM (Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOS

Học phần:
Lớp/Nhóm/Cá nhân:
Chủ đề:
Giảng viên chấm:
Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Ý tưởng, mục đích và vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số trong sản phẩm	CLO1	15%	Sản phẩm có ý tưởng rõ ràng, mục đích truyền thông cụ thể. Sinh viên giải thích được vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số, VFX, chỉnh màu, hiệu ứng và xuất file trong việc hoàn thiện thông điệp của video.	Ý tưởng tương đối rõ, mục đích sản phẩm phù hợp. Có giải thích được vai trò của hậu kỳ nhưng chưa phân tích sâu về kỹ thuật hoặc xu hướng ứng dụng.	Có ý tưởng nhưng còn đơn giản, mục đích truyền thông chưa rõ. Phân giải thích vai trò hậu kỳ còn chung chung.	Ý tưởng mờ nhạt, chưa xác định được mục đích sản phẩm. Không thể hiện được vai trò của hậu kỳ kỹ thuật số trong video.	
2	Chất lượng hình ảnh, bố cục và hiệu ứng VFX	CLO2	25%	Hình ảnh rõ, bố cục tốt, màu sắc đồng bộ, ánh sáng hợp lý, hiệu ứng VFX phù hợp và có tính	Hình ảnh và màu sắc tương đối tốt, bố cục rõ, hiệu ứng VFX phù hợp nhưng một số chi tiết còn chưa thật	Hình ảnh, màu sắc hoặc hiệu ứng ở mức cơ bản. Một số đoạn còn lệch màu, thiếu đồng bộ ánh sáng, bố	Hình ảnh kém, màu sắc sai lệch, bố cục rối, hiệu ứng VFX không phù hợp hoặc làm giảm	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
				thẩm mỹ. Tổng thể video tạo được trải nghiệm thị giác tốt cho người xem.	tự nhiên hoặc chưa nổi bật.	cục chưa chặt chẽ hoặc hiệu ứng còn lộ kỹ thuật.	chất lượng sản phẩm.	
3	Kỹ thuật dựng, chỉnh sửa và xử lý hậu kỳ bằng phần mềm	CLO3	25%	Sử dụng tốt phần mềm hậu kỳ để dựng, chỉnh sửa, tạo hiệu ứng, chỉnh màu, xử lý âm thanh, xử lý chuyển cảnh và quản lý layer, file timeline, file project. Thao tác kỹ thuật chính xác, sản phẩm có độ hoàn thiện cao.	Sử dụng được phần mềm hậu kỳ ở mức khá. Video hoàn chỉnh, các thao tác dựng, chỉnh màu, hiệu ứng và âm thanh tương đối ổn nhưng còn một số lỗi nhỏ.	Sử dụng phần mềm ở mức cơ bản. Sản phẩm hoàn thành nhưng kỹ thuật dựng, chỉnh sửa, hiệu ứng hoặc âm thanh chưa ổn định.	Chưa làm chủ phần mềm hậu kỳ. Sản phẩm còn nhiều lỗi kỹ thuật, thao tác xử lý chưa đạt yêu cầu hoặc không thể hiện rõ kỹ năng thực hành.	
4	Kiểm tra lỗi và hoàn thiện sản phẩm trước khi xuất file	CLO2, CLO3	20%	Kiểm tra đầy đủ lỗi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, khung hình, font chữ, file liên kết, định dạng và lỗi render. Video hoàn chỉnh, không có lỗi	Có kiểm tra và khác phục phần lớn lỗi kỹ thuật. Sản phẩm còn một vài lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến trải nghiệm người xem.	Có kiểm tra lỗi nhưng chưa đầy đủ. Sản phẩm còn lỗi về âm lượng, màu sắc, font chữ, khung hình, file liên kết hoặc một số đoạn dựng chưa mượt.	Không kiểm tra kỹ trước khi nộp. Sản phẩm có nhiều lỗi rõ ràng như mất file, lỗi font, âm thanh hỏng, hình ảnh lỗi, sai	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
5	Xuất file, định dạng và khả năng phù hợp với kênh phát hành	CLO3	15%	Xuất file đúng yêu cầu về định dạng, độ phân giải, tỷ lệ khung hình, dung lượng, âm thanh và chuẩn phát hành cho YouTube, Facebook, TikTok hoặc trình chiếu lớp học. Có thể nộp nhiều phiên bản phù hợp với từng nền tảng.	Xuất file đúng định dạng cơ bản, video xem được ổn định. Có đáp ứng phần lớn yêu cầu của kênh phát hành nhưng một số thông số kỹ thuật chưa tối ưu.	Xuất được file nhưng còn sai hoặc thiếu một số yêu cầu như tỷ lệ khung hình, độ phân giải, âm thanh, dung lượng hoặc định dạng.	Xuất file sai định dạng, mở không được, không phù hợp kênh phát hành hoặc không đáp ứng yêu cầu nộp bài.	khung hình hoặc lỗi render.
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO



GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Đề án chuyên ngành Sản xuất phim và quảng cáo (Major Project: Film and Advertising Production)**
- Mã học phần: MMC416
- Số tín chỉ: 3
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết: MMC408, MMC409
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 150, trong đó:
 - + Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp: 15 giờ
 - + Thảo luận nhóm: 15 giờ
 - + Triển khai nghiên cứu và thực hiện sản phẩm: 70 giờ
 - + Theo dõi, kiểm tra và Đánh giá tiến độ: 15 giờ
 - + Tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn: 35 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: thuynth@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Nguyễn Thùy Trang
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: trangdnt@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt học phần

Học phần được thiết kế để sinh viên nghiên cứu xây dựng một sản phẩm phim ngắn, quảng cáo; cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các đề án trong thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để xây dựng kịch bản phim/ quảng cáo, quay phim, dựng phim, xử lý hậu kỳ, hoàn thiện một sản phẩm truyền thông đa phương tiện đảm bảo yêu cầu về chất lượng, góp phần định hướng công việc sẽ làm sau khi ra trường.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần nhằm giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng toàn diện các kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành đã tích lũy trong suốt quá trình học để xây dựng và hoàn thiện một sản phẩm phim ngắn hoặc quảng cáo đa phương tiện. Đây là bước chuyển tiếp từ đào tạo lý thuyết – thực hành sang môi trường sáng tạo thực tế, giúp người học thể hiện năng lực độc lập hoặc làm việc nhóm trong quá trình sản xuất một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh.

Người học sẽ tự lên ý tưởng, viết kịch bản, lập kế hoạch sản xuất, tổ chức quay phim, dựng phim, xử lý hậu kỳ và trình bày sản phẩm cuối cùng đúng quy chuẩn kỹ thuật, nội dung, mỹ thuật và đáp ứng yêu cầu truyền thông. Học phần đồng thời rèn luyện năng lực tư duy phản biện, tư duy chiến lược, khả năng giải quyết vấn đề, quản lý dự án, làm việc nhóm, và kỹ năng thuyết trình.

Ngoài ra, đề án này còn giúp sinh viên hình dung rõ ràng hơn về định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, và xây dựng portfolio cá nhân phục vụ cho tuyển dụng sau tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được đề tài, đối tượng, mục tiêu truyền thông và bối cảnh sản xuất thực tế cho đề án phim/quảng cáo.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Thử nghiệm được ý tưởng sáng tạo, kịch bản và kế hoạch sản xuất cho sản phẩm phim hoặc quảng cáo dựa trên kết quả khảo sát thực tế và yêu cầu đề án.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Làm chủ được việc quay phim, thu âm và dựng hậu kỳ theo tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Xây dựng được tác phong chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong quá trình sản xuất sản phẩm phim và quảng cáo	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

Chương	Nội dung
Chương 1.	Đặc tả yêu cầu đồ án
1.1.	Tổng quan
1.2.	Đặc tả yêu cầu đồ án
Chương 2.	Khảo sát thực tế
2.1.	Khảo sát các sự kiện tại các phim trường, những nơi tổ chức sự kiện truyền thông
2.2.	Thu thập thông tin, dữ kiện
Chương 3.	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án
Chương 4.	Triển khai thực hiện đồ án

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Phần/ Chương	Tên chương	Hướng dẫn đồ án	Thảo luận nhóm	Triển khai nghiên cứu	Theo dõi, kiểm tra	Sinh viên tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn	Tổng
Chương 1	Đặc tả yêu cầu đồ án	2	2	5	2	5	16
Chương 2	Khảo sát thực tế	3	3	5	3	10	24
Chương 3	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án	5	5	10	5	10	35

Phần/ Chương	Tên chương	Hướng dẫn đồ án	Thảo luận nhóm	Triển khai nghiên cứu	Theo dõi, kiểm tra	Sinh viên tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn	Tổng
Chương 4	Triển khai thực hiện đồ án	5	5	50	5	10	75
	Tổng	15	15	70	15	35	150

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Đặc tả yêu cầu đồ án	X	X		X
Chương 2. Khảo sát thực tế	X	X		X
Chương 3. Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án		X		X
Chương 4. Triển khai thực hiện đồ án			X	X

8. Phương pháp dạy – học:

- Hướng dẫn – theo dõi
- Thực hành chuyên sâu
- Giải quyết vấn đề
- Làm việc nhóm
- Tự học

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn – theo dõi	X	X	X	X
Thực hành chuyên sâu		X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Làm việc nhóm		X	X	X
Tự học	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, nghiên cứu
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc theo sự hướng dẫn của giảng viên
Tuân thủ lộ trình và tiến độ thực hiện đồ án
- Hoàn thành báo cáo đồ án chuyên ngành khi kết thúc học phần.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá đồ án được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Điểm đánh giá học phần được tổng hợp dựa trên sự đánh giá khách quan của giảng viên hướng dẫn.

- Hình thức: 100% điểm chấm quyền báo cáo Đồ án và sản phẩm phim/ quảng cáo.

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quyền Báo cáo đồ án	Nội dung (20%) và hình thức (10%)	30%
2	Sản phẩm đồ án	Chủ đề, ý tưởng (15%) Chất lượng kỹ thuật (20%) Tính sáng tạo (15%) Mức độ thu hút khán giả (10%)	60%
3	Quá trình thực hiện	Thái độ hợp tác, trách nhiệm trong dự án	10%

12. Kế hoạch đo CLO

12.1. Đo CLO

Đánh giá người học	CLO	Trọng số (%)	Miền năng lực	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Chất lượng nội dung và hình thức quyền báo cáo	CLO1 CLO2	30%	Nhận thức	Tuần cuối	Rubric đánh giá nội dung và hình thức quyền báo cáo	Đánh giá phân tích đề tài, khảo sát, ý tưởng, kịch bản và kế hoạch sản xuất dựa trên yêu cầu đồ án Đánh giá hình thức trình bày

Đánh giá người học	CLO	Trọng số (%)	Miền năng lực	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Sản phẩm phim hoặc quảng cáo	CLO3	60%	Kỹ năng	Tuần cuối	Rubric đánh giá sản phẩm phim và quảng cáo	Đánh giá kết quả quay phim, âm thanh, dựng hậu kỳ theo chuẩn kỹ thuật
Quá trình, quan sát	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Tuần cuối	Rubric đánh giá quá trình	Đánh giá thái độ hợp tác, trách nhiệm trong dự án
Tổng cộng		100%				

12.2. Công cụ đo CLO: Công cụ đo CLOs môn học (Rubric chi tiết):

a. Ma trận đánh giá công cụ

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chất lượng nội dung và hình thức quyền báo cáo (30%)	Phân tích đề tài, khảo sát, xây dựng ý tưởng, kịch bản và kế hoạch sản xuất Hình thức trình bày	CLO1 CLO2	Mức 4 – 5 Phân tích – Đánh giá	Rubric đánh giá quyền báo cáo đồ án	Quyền báo cáo hoàn chỉnh
Sản phẩm thực tế (60%)	Làm chủ kỹ thuật quay, thu âm, dựng hậu kỳ và thể hiện ý tưởng truyền thông trong phim/ quảng cáo	CLO2 CLO3	Mức 4 – 5 Đánh giá – Phối hợp	Rubric đánh giá sản phẩm phim/ quảng cáo	Sản phẩm phim/ quảng cáo hoàn chỉnh
Quá trình thực hiện (10%)	Thái độ nghề nghiệp, teamwork, trách nhiệm và mức độ tham gia dự án	CLO4	Mức 4 – Tổ chức	Rubric đánh giá quá trình	Quá trình làm việc

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
CLO1. Phân tích đề tài, đối tượng, mục tiêu truyền thông và bối cảnh sản xuất	Phân tích sai/thiếu đề tài, đối tượng; mục tiêu và bối cảnh không rõ hoặc không liên quan.	Phân tích đúng cơ bản; phân tích còn đơn giản, chưa liên kết chặt giữa mục tiêu và bối cảnh.	Phân tích khá đầy đủ, có liên hệ giữa đề tài – đối tượng – mục tiêu – bối cảnh.	Phân tích rõ ràng, logic, có hệ thống; liên kết chặt chẽ giữa tất cả yếu tố và bối cảnh thực tế.
CLO2. Thử nghiệm ý tưởng, kịch bản, kế hoạch sản xuất dựa trên khảo sát.	Không thử nghiệm; kế hoạch thiếu logic	Có thử nghiệm nhưng kế hoạch chưa dựa rõ trên khảo sát.	Thử nghiệm hợp lý, có dựa trên khảo sát; kế hoạch tương đối rõ và khả thi.	Thử nghiệm có cơ sở rõ ràng; lựa chọn tối ưu dựa trên dữ liệu khảo sát; kế hoạch chi tiết và khả thi cao.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, phân tích logic, có ý tưởng sáng tạo, giải pháp hiệu quả
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, phân tích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong phân tích và đánh giá.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, phân tích thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá Quyển báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Nội dung báo cáo	80%	CLO1 CLO2 CLO3	Phân tích đề tài, đối tượng, mục tiêu còn sai hoặc thiếu; ý tưởng/ kịch bản không dựa trên khảo sát; thiếu	Phân tích cơ bản; có khảo sát nhưng chưa rõ; ý tưởng và kế hoạch sản xuất còn đơn giản, liên	Phân tích đầy đủ và hợp lý; có sử dụng khảo sát, ý tưởng, kịch bản và kế hoạch sản xuất	Phân tích rõ ràng, logic, khảo sát đầy đủ; ý tưởng, kịch bản và kế hoạch sản xuất có cơ sở vững

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
			logic giữa các phần.	kết chưa chặt.	khá rõ và khả thi.	chắc và thuyết phục
Hình thức báo cáo	20%	CLO4	Trình bày không đúng chuẩn, nhiều lỗi định dạng và chính tả	Trình bày tương đối đúng quy cách nhưng chưa đồng nhất	Trình bày rõ ràng, đúng quy định, ít lỗi	Trình bày chuyên nghiệp, khoa học, thẩm mỹ cao

c. Rubric đánh giá Sản phẩm phim và quảng cáo

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Chủ đề, ý tưởng	20%	CLO2	Ý tưởng mờ nhạt, chưa phù hợp mục tiêu truyền thông	Có ý tưởng nhưng chưa nổi bật hoặc còn rời rạc	Ý tưởng phù hợp, có điểm nhấn	Ý tưởng sáng tạo, độc đáo, truyền tải thông điệp hiệu quả
Chất lượng kỹ thuật	40%	CLO3	Nhiều lỗi kỹ thuật, sản phẩm chưa hoàn thiện	Đáp ứng mức cơ bản, còn lỗi trong triển khai	Sản phẩm hoàn chỉnh, kỹ thuật ổn định	Sản phẩm chất lượng cao, xử lý kỹ thuật chuyên nghiệp
Tính sáng tạo	20%	CLO3	Thiếu sáng tạo, sao chép hoặc ít đổi mới	Có một số yếu tố sáng tạo nhưng chưa rõ nét	Thể hiện được tư duy sáng tạo trong thiết kế và triển khai	Có tính đột phá, sáng tạo nổi bật và khác biệt
Mức độ thu hút khán giả	20%	CLO3	Ít tạo được sự chú ý hoặc tương tác	Có khả năng thu hút ở mức cơ bản	Thu hút người xem	Tạo ấn tượng mạnh, khả năng lan

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
					tương đối tốt	tỏa và tương tác cao

c. Rubric đánh giá quá trình thực hiện

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Mức độ tham gia	50%	CLO4	Tham gia rất ít hoặc không đều	Có tham gia nhưng chưa chủ động	Tham gia tích cực	Chủ động, trách nhiệm cao;
Thái độ & Đạo đức nghề nghiệp	50%	CLO4	Thiếu trách nhiệm; phối hợp nhóm kém; không hoàn thành vai trò được giao.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản; phối hợp nhóm ở mức tối thiểu.	Hoàn thành tốt vai trò; phối hợp nhóm hiệu quả; tuân thủ kế hoạch sản xuất.	Hỗ trợ nhóm hiệu quả; phối hợp tốt trong toàn bộ quy trình sản xuất; thể hiện tác phong chuyên nghiệp rõ rệt.

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu bắt buộc

- Tài liệu hướng dẫn thực hiện đồ án của Khoa Khoa học xã hội và nhân văn.

13.2. Tài liệu tham khảo

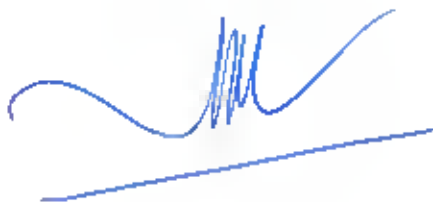
1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2018), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang, (2016), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB DII Quốc gia Hà Nội
3. Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.
4. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông
- 5 Frédéric Plas (Phạm Thị Hoa dịch) (2004), *Làm phim đầu tay*, Hội ĐA Việt Nam

6. Laurent Tirard (Trương Quế Chi dịch) (2013), *Những bài học điện ảnh 2*, NXB Văn Hóa Sai Gòn

7. Erika Fischer Kichte (Bùi Khởi Giang dịch) (1997), *Ký hiệu học nghệ thuật sân khấu điện ảnh*, Viện nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh, Hà Nội

TP HCM, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hồng Thủy





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thiết kế dự án Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communication Project Design)**
- Mã học phần: MMC423
- Số tín chỉ: 03
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC307
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 150 giờ, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 giờ
 - + Giờ giảng: 30 giờ
 - + Thảo luận: 15 giờ
 - Giờ kiểm tra: ...giờ
 - Giờ tự học: 105 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: thuynt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Nguyễn Thùy Trang
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Điện thoại: 0908125086
- Email: trangdnt@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung làm rõ những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu. Hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế, xây dựng và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện, trọng tâm là truyền thông thương hiệu. Sinh viên được tiếp cận các khái niệm nền tảng về thương hiệu, giá trị thương hiệu, nhận diện thương hiệu, truyền thông thương hiệu và quy trình quản trị thương hiệu; đồng thời hiểu vai trò, năng lực và tư duy chiến lược của nhà quản trị thương hiệu trong việc vận dụng truyền thông đa phương tiện để thực hiện mục tiêu thương hiệu. Thông qua hoạt động nhóm, thuyết trình, nghiên cứu tình huống và thiết kế dự án thực tiễn, sinh viên hình thành năng lực thiết kế, triển khai chiến dịch truyền thông tích hợp ứng dụng công nghệ đa phương tiện, phát triển tư duy chuyên nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong ngành công nghiệp truyền thông hiện đại.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Xây dựng được quy trình và bối cảnh dự án truyền thông đa phương tiện	Mức 3 (Áp dụng)
CLO2	Phác thảo được đề cương dự án truyền thông đa phương tiện cho tổ chức	Mức 4 (Phân tích)
CLO3	Làm chủ được phương tiện và tiêu chí đánh giá dự án truyền thông đa phương tiện	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Hình thành được tinh thần trách nhiệm và hợp tác trong triển khai dự án truyền thông đa phương tiện	Mức 4 (Tổ chức)

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO7	PLO 8
CLO1		X	X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	X

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*
CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về thiết lập dự án
1.1.	Khái quát về dự án
1.2.	Khái quát về thiết lập dự án
1.3.	Quy trình chung thiết lập một dự án
Chương 2	Tổng quan về truyền thông đa phương tiện
2.1.	Mô hình phản ứng truyền thông
2.2.	Các phương thức truyền thông
2.3.	Các phương tiện truyền thông đa phương tiện
Chương 3	Nội dung thiết lập dự án truyền thông đa phương tiện
3.1.	Phân tích môi trường dự án truyền thông đa phương tiện
3.2.	Xác định mục tiêu và nhiệm vụ truyền thông đa phương tiện
3.3.	Xác định công chúng mục tiêu
3.4.	Xây dựng thông điệp truyền thông đa phương tiện
3.5.	Lựa chọn phương tiện truyền thông đa phương tiện
3.6.	Xác định ngân sách truyền thông đa phương tiện
3.7.	Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án truyền thông đa phương tiện

Chương 4	Hướng dẫn thiết lập một số dự án truyền thông đa phương tiện
4.1.	Thiết lập dự án liên quan đến đồ họa (âm thanh/hình ảnh/TVC)
4.2.	Thiết lập dự án liên quan đến các giao diện số (web/app/MXH)

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Đọc, hiểu một bản dự án truyền thông đa phương tiện
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Thiết lập một dự án truyền thông đa phương tiện

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số giờ tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Tổng quan về thiết lập dự án	5	2	0	15	23
2	Tổng quan về truyền thông đa phương tiện	5	3	0	20	28
3	Nội dung thiết lập dự án truyền thông đa phương tiện	10	5	0	30	44
4	Hướng dẫn thiết lập một số dự án truyền thông đa phương tiện	10	5	0	40	55
Tổng		30	15	0	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Một dự án truyền thông đa phương tiện gồm các nội dung nào?
2. Quy trình thiết lập một dự án truyền thông đa phương tiện gồm các nội dung nào?
3. Một dự án truyền thông đa phương tiện có khác một dự án truyền thông thông thường không?

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tổng quan về thiết lập dự án	X			
Chương 2: Tổng quan về truyền thông đa phương tiện	X		X	
Chương 3: Nội dung thiết lập dự án truyền thông đa phương tiện	X	X	X	
Chương 4: Hướng dẫn thiết lập một số dự án truyền thông đa phương tiện		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp (Lecture, Explicit Teaching)	X	X	X	
Phát vấn	X	X		X
Phân tích tình huống (Case Study)	X	X	X	
Học theo nhóm (Collaborative Learning)		X		X
Thuyết trình và phản biện (Presentation & Peer Review)		X	X	X
Tự học có hướng dẫn (Guided Self-learning)	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Hoàn thành tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

12.1. Điểm thành phần

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Quá trình	Chuyên cần & Tinh thần tham gia xây dựng bài trên lớp (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

12.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1 CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận (11.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu một dự án truyền thông đa phương tiện được lựa chọn. 2. Trình bày bối cảnh và quy trình thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện có liên quan. 3. Phân tích nội dung dự án truyền thông đa phương tiện có liên quan. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và tính phù hợp với đối tượng công chúng 5. Đề xuất định hướng cải thiện hoặc ý tưởng ứng dụng trong bối cảnh thực tiễn. 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	CLO1: điểm các tiêu chí liên quan đến mức độ hiểu, trình bày và phân tích khái niệm, quy trình và bối cảnh của dự án truyền thông đa phương tiện. CLO3: điểm các tiêu chí liên quan đến năng lực phân tích phương tiện và tiêu chí đánh giá dự án truyền thông đa phương tiện và đề

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
							xuất ý tưởng ứng dụng. → <i>Rubric chấm Tiểu luận</i> (12.3c)
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 7-8	Thuyết trình – phản biện nhóm (12.3.b)	Nội dung thuyết trình Xây dựng đề cương hoàn chỉnh cho một dự án truyền thông đa phương tiện gồm các phần chính: 1. Giới thiệu về dự án truyền thông đa phương tiện 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến dự án truyền thông đa phương tiện. 3. Trình bày nội dung đề cương dự án truyền thông đa phương tiện có liên quan. 4. Phân tích phương tiện và tiêu chí đánh giá dự án truyền thông đa phương tiện 5. Trả lời câu hỏi phản biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	CLO2: điểm phân phân tích nội dung đề cương một dự án truyền thông đa phương tiện. CLO3: điểm phân phân tích ví dụ thực tiễn, lập luận, phản biện và bảo vệ quan điểm. → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phản biện</i> (12.3b)

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Tự chủ và chịu trách nhiệm	Suốt học kỳ Tuần 1-9	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia (12.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	CLO4: điểm chuyên cần, điểm tham gia hoạt động học tập, điểm tinh thần hợp tác nhóm, thái độ học tập và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn.

12.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO4	Mức 4 – Tổ chức	Bảng kiểm chuyên cần, quan sát lớp	Sổ điểm danh, ghi nhận GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Xây dựng đề cương dự án truyền thông đa phương tiện	CLO2, CLO3	Mức 4 - Phân tích, Phối hợp	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Tiểu luận (60%)	Phân tích dự án truyền thông đa phương tiện	CLO1, CLO3	Mức 3 – 4 Áp dụng, Phối hợp	Rubric tiểu luận	Bài viết, file nộp LMS

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho CLO1

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Xây dựng được quy trình và bối cảnh dự án truyền thông đa phương tiện	Xây dựng thiếu hoặc sai các yếu tố cơ bản của dự án	Xây dựng được các yếu tố cơ bản nhưng còn đơn giản	Xây dựng khá đầy đủ, có liên hệ thực tiễn	Xây dựng đầy đủ, logic và có đánh giá thực tiễn tốt

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, phân tích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, phân tích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong phân tích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (< 5.0)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Khá (7.0 - 8.4)	Giỏi (8.5 - 10)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 4)	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (< 5.0)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Khá (7.0 - 8.4)	Giỏi (8.5 - 10)
				được bài nói.	chuyên nghiệp.		toàn bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 4)	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời đúng trọng tâm và lập luận rõ ràng; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 4)	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Thể hiện sự phối hợp hiệu quả trong trình bày và phản biện.

c. Rubric đánh giá tiểu luận

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
1	Kiến thức và cơ sở lý thuyết	20%	CLO1	Thiếu hoặc sai kiến thức nền	Trình bày được kiến thức cơ bản	Trình bày khá đầy đủ, có hệ thống	Trình bày chính xác, logic và có tổng hợp
2	Phân tích và đánh giá dự án truyền	40%	CLO2	Phân tích sơ sài, thiếu	Phân tích được các	Phân tích có lập luận và	Phân tích sâu, có minh chứng

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (<5.0)	Trung bình (5.0–6.9)	Khá (7.0–8.4)	Giỏi (8.5–10)
	thông đa phương tiện			minh chứng	nội dung cơ bản	liên hệ thực tiễn	và đánh giá thuyết phục
3	Đề xuất và kỹ năng trình bày	25%	CLO3	Đề xuất không phù hợp, trình bày thiếu chuẩn	Đề xuất và trình bày ở mức cơ bản	Đề xuất hợp lý, trình bày rõ ràng	Đề xuất sáng tạo, trình bày chuyên nghiệp
4	Đạo đức học thuật và trách nhiệm	15%	CLO4	Sao chép hoặc thiếu nguồn	Có trích dẫn nhưng chưa chuẩn	Trích dẫn tương đối đúng, có ý thức học thuật	Tuân thủ tốt chuẩn học thuật và trách nhiệm học tập

Lưu ý cho việc thống kê đạt chuẩn:

- CLO1 (Nhận thức): Được đo lường chủ yếu qua Tiêu chí 1 của bài viết. Nếu sinh viên đạt từ 5.0 trở lên ở tiêu chí này, nghĩa là đã đạt chuẩn CLO1 ở mức độ "Hiệu".
- CLO2, CLO3 (Tâm vận động): Được đo lường tổng hợp qua Tiêu chí 2 của tiểu luận và tất cả tiêu chí thuyết trình. Đây là điểm số thể hiện kỹ năng biện luận và phản xạ thực tế của sinh viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Ao Thu Hoài, (2021), Bài giảng Thiết lập dự án truyền thông đa phương tiện, Đại học Văn Hiến

12.2. Tài liệu tham khảo

- Joseph Heagney (2018), Quản trị dự án - Những nguyên tắc căn bản, NXB Alphabook
- Đinh Bá Hùng (2019), Quản trị dự án (MS Project), NXB Tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thủy



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
GIẢNG VIÊN CHĂM (Ký và ghi rõ họ tên)			

PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLOs

Học phần: **Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0-6,9	Khá 7,0-8,4	Xuất sắc 8,5-10	Điểm
1	Kiến thức và cơ sở lý thuyết	20%	CLO1	Thiếu hoặc sai kiến thức nền	Trình bày được kiến thức cơ bản	Trình bày khá đầy đủ, có hệ thống	Trình bày chính xác, logic và có tổng hợp	
2	Phân tích và đánh giá dự án truyền thông đa phương tiện	40%	CLO2	Phân tích sơ sai, thiếu minh chứng	Phân tích được các nội dung cơ bản	Phân tích có lập luận và liên hệ thực tiễn	Phân tích sâu, có minh chứng và đánh giá thuyết phục	
3	Đề xuất và kỹ năng trình bày	25%	CLO3	Đề xuất không phù hợp, trình bày thiếu chuẩn	Đề xuất và trình bày ở mức cơ bản	Đề xuất hợp lý, trình bày rõ ràng	Đề xuất sáng tạo, trình bày chuyên nghiệp	
4	Đạo đức học thuật và trách nhiệm	15%	CLO4	Sao chép hoặc thiếu nguồn	Có trích dẫn nhưng chưa chuẩn	Trích dẫn tương đối đúng, có ý thức học thuật	Tuân thủ tốt chuẩn học thuật và trách nhiệm học tập	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
GIẢNG VIÊN CHẤM (Ký và ghi rõ họ tên)			





TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện (*Multimedia Communication Project Management*)
- Mã học phần: MMC424
- Số tín chỉ: 02
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: PUR425, MMC307
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 100 giờ, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 giờ
 - + Giờ giảng: 20 giờ
 - + Thảo luận: 10 giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 giờ
 - Giờ tự học: 70 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy
Chức danh, học vị: Thạc sĩ
Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
Địa điểm làm việc: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
Điện thoại: 0918058901
Email: thuyntth@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đoàn Nguyễn Thùy Trang
Chức danh, học vị: Tiến sĩ
Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
Địa điểm làm việc: Khoa học Xã hội và Nhân văn
Điện thoại: 0908125086
Email: trangdnt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về quản trị dự án nói chung và dự án truyền thông đa phương tiện nói riêng, nhằm giúp người học nắm bắt, lập kế hoạch, tổ chức triển khai, đánh giá được dự án truyền thông đa phương tiện. Người học được giới thiệu cơ bản về quản trị dự án trong một tổ chức, quản trị dự án truyền thông đa phương tiện, các tiểu dự án về nội dung, tiểu dự án về công nghệ, các vấn đề hỗ trợ khác như tài chính, nhân sự, dự phòng, đánh giá hiệu quả dự án.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản trị dự án, đặc biệt tập trung vào quản trị dự án trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Người học sẽ nắm bắt được các khái niệm, phương pháp và công cụ quản trị dự án, bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả dự án.

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ cơ cấu, vai trò của các tiểu dự án trong dự án truyền thông đa phương tiện, như tiểu dự án nội dung, tiểu dự án công nghệ, cùng các hoạt động hỗ trợ như quản lý tài chính, nhân sự, dự phòng rủi ro và đánh giá chất lượng sản phẩm. Qua đó, sinh viên phát triển kỹ năng quản lý dự án thực tế, nâng cao khả năng phối hợp nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường truyền thông đa phương tiện hiện đại.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Xây dựng được kế hoạch quản trị dự án truyền thông đa phương tiện, bao gồm quy trình, nguồn lực, tiến độ và tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án.	Mức 6 (Sáng tạo)
CLO2	Sử dụng được MS Project hoặc công cụ quản trị dự án số phù hợp để lập, theo dõi, điều chỉnh và trình bày kế hoạch dự án truyền thông đa phương tiện; khai thác tài liệu/công cụ bằng tiếng Anh khi cần.	Mức 3 (Thực hiện)
CLO3	Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu, đạo đức số và trách nhiệm xã hội trong lập và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO7	PLO 8
CLO1		X		X				
CLO2					X	X		
CLO3							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về quản trị dự án
1.1.	Khái quát về dự án
1.2.	Khái luận về quản trị dự án
1.3.	Nhà quản trị dự án
1.4.	Quy trình quản trị dự án
Chương 2	Tổng quan về dự án truyền thông đa phương tiện
2.1.	Đặc điểm của dự án truyền thông đa phương tiện
2.2.	Các phương diện của một dự án truyền thông đa phương tiện
2.3.	Các nguồn lực của một dự án truyền thông đa phương tiện
2.4.	Các vấn đề về nội dung (content) và công nghệ (media) của một dự án truyền thông đa phương tiện
Chương 3	Nội dung quản trị dự án truyền thông đa phương tiện
3.1.	Phát triển ý tưởng cho dự án truyền thông đa phương tiện
3.2.	Phân tích - đánh giá môi trường và nguồn lực triển khai dự án truyền thông đa phương tiện
3.3.	Thiết lập dự án truyền thông đa phương tiện
3.4.	Thẩm định và phê duyệt dự án truyền thông đa phương tiện
3.5.	Triển khai dự án truyền thông đa phương tiện
3.6.	Kiểm soát và đánh giá toàn bộ quá trình dự án truyền thông đa phương tiện
Chương 4	Ứng dụng phần mềm MS. Project trong quản trị dự án truyền thông đa phương tiện
4.1.	Giới thiệu phần mềm MS. Project
4.2.	Nhập thông tin vào phần mềm MS. Project
4.3.	Kết xuất thông tin phục vụ hoạt động quản trị dự án truyền thông đa phương tiện

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1. Bài tập cá nhân	
	Người học đọc, hiểu một bản dự án truyền thông đa phương tiện
6.2.2. Bài tập nhóm	
	- Người học xây dựng chi tiết quy trình quản trị một dự án truyền thông bằng phần mềm MS. Project... - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện

Chương	Tên chương	Số giờ tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Tổng quan về quản trị dự án	3	2	0	10	15
2	Tổng quan về dự án truyền thông đa phương tiện	3	2	0	10	15
3	Nội dung quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	7	3	0	25	35
4	Ứng dụng phần mềm MS. Project trong quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	7	3	0	25	35
Tổng		20	10	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Một dự án truyền thông đa phương tiện gồm các nội dung nào?
2. Quy trình quản trị một dự án truyền thông đa phương tiện gồm các nội dung nào?
3. Xây dựng chi tiết quy trình quản trị một dự án truyền thông đa phương tiện bằng phần mềm MS. Project

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1. Tổng quan về quản trị dự án	X		
Chương 2. Tổng quan về dự án truyền thông đa phương tiện	X		
Chương 3. Nội dung quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	X	X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 4. Ứng dụng phần mềm MS. Project trong quản trị dự án truyền thông đa phương tiện		X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3
Dạy học trực tiếp (Lecture, Explicit Teaching)	X	X	
Phát vấn	X	X	X
Phân tích tình huống (Case Study)	X	X	X
Học theo nhóm (Collaborative Learning)		X	X
Thuyết trình và phản biện (Presentation & Peer Review)		X	X
Tự học có hướng dẫn (Guided Self-learning)	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia làm tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần & Tinh thần tham gia xây dựng bài trên lớp (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1 CLO2 CLO3	60%	Kiến thức Kỹ năng Tự chủ và trách nhiệm	Tuần cuối	Tiểu luận và Rubrics đánh giá tiểu luận (12.3.a)	Đánh giá tổng hợp: quy trình, công cụ và phân tích hiệu quả dự án truyền thông đa phương tiện	Lấy dữ liệu đo CLO1 CLO2 CLO3
Quá trình Giữa kỳ	CLO1 CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-4	Bài thuyết trình nhóm và Rubrics đánh giá (12.3.b)	Đánh giá khả năng xây dựng quy trình và sử dụng công cụ quản trị dự án	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO3	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học phần	Bảng kiểm chuyên cần	Đánh giá mức độ tham gia, kỹ năng phối hợp và trách	Lấy dữ liệu đo CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
liên tục					và quan sát lớp học	nhiệm vụ nghề nghiệp	

12.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO1 CLO2	Mức 3 - 4 Áp dụng, Phối hợp	Bảng kiểm chuyên cần, quan sát lớp	Số điểm danh, ghi nhận GV
Thuyết trình nhóm (30%)	Xây dựng và trình bày kế hoạch quản trị dự án truyền thông đa phương tiện bằng công cụ quản trị dự án	CLO2 CLO3	Mức 4 Phối hợp, Tổ chức	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá
Tiểu luận (60%)	Phân tích quy trình, nguồn lực và đánh giá hiệu quả dự án truyền thông đa phương tiện	CLO1 CLO2 CLO3	Mức 3 - 4 Áp dụng, Phối hợp, Tổ chức	Rubric tiểu luận	Bài viết, file nộp LMS

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho CLO1

CLO	Mức 1: YẾU (0–4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0–6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0–8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5–10)
CLO1: Xây dựng được quy trình quản trị và nguồn lực của dự án truyền thông đa phương tiện	Xây dựng thiếu hoặc sai các yếu tố cơ bản	Xây dựng được các yếu tố cơ bản nhưng còn đơn giản	Xây dựng khá đầy đủ, có liên hệ thực tiễn	Xây dựng đầy đủ, logic và có đánh giá thực tiễn tốt

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, trình bày logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, trình bày tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong trình bày và liên hệ.

- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (< 5.0)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Khá (7.0 - 8.4)	Giỏi (8.5 - 10)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	40%	CLO1 CLO2	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO1 CLO2	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời đúng trọng tâm và lập luận rõ ràng; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	20%	CLO3	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Thể hiện sự phối hợp hiệu quả trong trình bày và phân biện.

c. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Mức Yếu (0-4,9)	Mức Trung bình (5,0-6,9)	Mức Khá (7,0-8,4)	Mức Giỏi (8,5-10)
1	Phân tích bối cảnh, mục tiêu và công chúng dự án	15%	CLO1	Chưa xác định rõ vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng hoặc yêu cầu sản phẩm; nội dung rời rạc, thiếu căn cứ.	Xác định được một số yếu tố cơ bản của dự án nhưng còn chung; mục tiêu, công chúng hoặc nền tảng chưa rõ; yêu cầu sản phẩm còn sơ lược.	Phân tích tương đối rõ vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng và yêu cầu sản phẩm; có căn cứ nhưng mức độ liên kết giữa các yếu tố chưa thật sâu.	Phân tích đầy đủ, logic và thuyết phục bối cảnh, vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng và yêu cầu sản phẩm; thể hiện rõ tính phù hợp của dự án.
2	Xây dựng kế hoạch quản trị dự án	25%	CLO1	Kế hoạch thiếu cấu trúc; không xác định rõ phạm vi, WBS, tiến độ, nguồn lực, nhân sự, ngân sách, sản phẩm bàn giao hoặc tiêu chí nghiệm thu.	Kế hoạch có các thành phần cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; WBS, timeline, nguồn lực, ngân sách hoặc tiêu chí nghiệm thu chưa logic, chưa gắn chặt với mục tiêu dự án.	Kế hoạch khá đầy đủ, gồm phạm vi, WBS, timeline, nguồn lực, nhân sự, ngân sách, sản phẩm bàn giao và tiêu chí nghiệm thu; có tính khả thi nhưng một số phần còn cần làm rõ.	Kế hoạch đầy đủ, hệ thống, logic và khả thi; các thành phần phạm vi, WBS, timeline, nguồn lực, ngân sách, sản phẩm bàn giao và tiêu chí nghiệm thu liên kết chặt chẽ với mục tiêu dự án.
3	Sử dụng công cụ quản trị	25%	CLO2	Không sử dụng hoặc sử dụng sai MS Project/công cụ số; tiến	Sử dụng được công cụ ở mức cơ bản nhưng còn thiếu	Sử dụng tương đối tốt MS Project/công cụ số để lập tiến độ, phân	Sử dụng thành thạo và hiệu quả MS Project/công cụ số; tiến độ,

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Mức Yếu (0-4,9)	Mức Trung bình (5,0-6,9)	Mức Khá (7,0-8,4)	Mức Giỏi (8,5-10)
	dự án số			độ, nguồn lực và kế hoạch trình bày thiếu chính xác, khó theo dõi.	chính xác; timeline, phân bổ nguồn lực hoặc báo cáo kế hoạch chưa đầy đủ, chưa rõ ràng.	bổ nguồn lực, theo dõi và trình bày kế hoạch; còn một số điểm cần hoàn thiện về tính chi tiết hoặc trực quan.	nguồn lực, mốc công việc, báo cáo và trình bày kế hoạch rõ ràng, logic, hỗ trợ tốt cho quản trị dự án.
4	Quản trị rủi ro, chất lượng và hiệu quả	15%	CLO1, CLO2	Chưa nhận diện được rủi ro chính; thiếu phương án kiểm soát, tiêu chí chất lượng hoặc chỉ số đánh giá hiệu quả dự án.	Nhận diện được một số rủi ro và tiêu chí đánh giá nhưng còn chung; phương án kiểm soát, tiêu chí chất lượng hoặc chỉ số hiệu quả chưa cụ thể.	Nhận diện khá đầy đủ rủi ro, có phương án kiểm soát, tiêu chí chất lượng và chỉ số đánh giá hiệu quả; các nội dung cơ bản phù hợp với dự án.	Nhận diện rủi ro toàn diện, có phương án kiểm soát khả thi; xác định rõ tiêu chí chất lượng và chỉ số đánh giá hiệu quả, gắn chặt với mục tiêu và sản phẩm của dự án.
5	Trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật và đạo đức số	20%	CLO3	Chưa thể hiện hoặc thể hiện rất hạn chế yêu cầu về pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, an toàn thông tin, đạo đức	Có đề cập một số yêu cầu về pháp luật, bản quyền, dữ liệu, an toàn thông tin hoặc đạo đức số nhưng còn chung, chưa	Thể hiện khá rõ trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, an toàn thông tin, đạo đức số và trách nhiệm xã	Thể hiện đầy đủ, nhất quán và có lập luận rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, an toàn thông tin, đạo đức số

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Mức Yếu (0–4,9)	Mức Trung bình (5,0–6,9)	Mức Khá (7,0–8,4)	Mức Giỏi (8,5–10)
				số và trách nhiệm xã hội.	gắn rõ với dự án.	hội trong dự án.	và trách nhiệm xã hội; gắn chặt với từng khâu quản trị dự án.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Ao Thu Hoài, (2021), Bài giảng Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện, Đại học Văn Hiến

12.2. Tài liệu tham khảo

- Joseph Heagney (2018), Quản trị dự án - Những nguyên tắc căn bản, NXB Alphabook
- Đinh Bá Hùng (2019), Quản trị dự án (Ms Project) NXB Tài chính

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thủy



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100- %)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thảo tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
			GIẢNG VIÊN CHĂM (Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: **Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Phân tích bối cảnh, mục tiêu và công chúng dự án	15%	CLO1	Chưa xác định rõ vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng hoặc yêu cầu sản phẩm; nội dung rời rạc, thiếu căn cứ.	Xác định được một số yếu tố cơ bản của dự án nhưng còn chung chung mục tiêu, công chúng hoặc nền tảng chưa rõ; yêu cầu sản phẩm còn sơ lược.	Phân tích tương đối rõ vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng và yêu cầu sản phẩm; có căn cứ nhưng mức độ liên kết giữa các yếu tố chưa thật sâu.	Phân tích đầy đủ, logic và thuyết phục bởi cảnh, vấn đề truyền thông, mục tiêu, công chúng, nền tảng và yêu cầu sản phẩm; thể hiện rõ tính phù hợp của dự án.	
2	Xây dựng kế hoạch quản trị dự án	25%	CLO1	Kế hoạch thiếu cấu trúc; không xác định rõ phạm vi	Kế hoạch có các thành phần cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết;	Kế hoạch khá đầy đủ, gồm phạm vi, WBS, timeline,	Kế hoạch đầy đủ, hệ thống, logic và khả thi; các thành phần phạm	

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
				vi, WBS, tiến độ, nguồn lực, nhân sự, ngân sách, sản phẩm bản giao và thu, chỉ nghiệm thu chưa logic, chưa gắn chặt với mục tiêu dự án.	WBS, timeline, nguồn lực, ngân sách hoặc tiêu chí nghiệm thu	nguồn lực, nhân sự, ngân sách, sản phẩm bản giao và tiêu chí nghiệm thu; có tính khả thi nhưng một số phần còn cần làm rõ.	vi, WBS, timeline, nguồn lực, ngân sách, sản phẩm bản giao và tiêu chí nghiệm thu liên kết chặt chẽ với mục tiêu dự án.	
3	Sử dụng công cụ quản trị dự án số	25%	CLO2	Không sử dụng hoặc sử dụng sai MS Project/công cụ số; tiến độ, nguồn lực và kế hoạch trình bày thiếu chính xác, khó theo dõi.	Sử dụng được công cụ ở mức cơ bản nhưng còn thiếu chính xác; timeline, phân bổ nguồn lực hoặc báo cáo kế hoạch chưa đầy đủ, chưa rõ ràng.	Sử dụng tương đối tốt MS Project/công cụ số để lập tiến độ, phân bổ nguồn lực, theo dõi và trình bày kế hoạch; còn một số điểm cần hoàn thiện về tính chi tiết hoặc trực quan.	Sử dụng thành thạo và hiệu quả MS Project/công cụ số; tiến độ, nguồn lực, mốc công việc, báo cáo và trình bày kế hoạch rõ ràng, logic, hỗ trợ tốt cho quản trị dự án.	
4	Quản trị rủi ro, chất	15%	CLO1, CLO2	Chưa nhận diện được rủi ro chính; thiếu	Nhận diện được một số rủi ro và tiêu chí đánh giá nhưng còn	Nhận diện khá đầy đủ rủi ro, có phương án kiểm	Nhận diện rủi ro toàn diện, có phương án kiểm soát khả thi; xác	

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	lượng và hiệu quả			phương án kiểm soát, tiêu chí chất lượng hoặc chỉ số đánh giá hiệu quả dự án.	chung; phương án kiểm soát, tiêu chí chất lượng hoặc chỉ số hiệu quả chưa cụ thể.	soát, tiêu chí chất lượng và chỉ số đánh giá hiệu quả; các nội dung cơ bản phù hợp với dự án.	định rõ tiêu chí chất lượng và chỉ số đánh giá hiệu quả, gắn chặt với mục tiêu và sản phẩm của dự án.	
5	Trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật và đạo đức số	20%	CLO3	Chưa thể hiện hoặc thể hiện rất hạn chế yêu cầu về pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, an toàn tin, đạo đức số và trách nhiệm xã hội.	Có đề cập một số yêu cầu về pháp luật, bản quyền, dữ liệu, an toàn thông tin hoặc đạo đức số nhưng còn chung, chưa gắn rõ với dự án.	Thể hiện khá rõ trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, an toàn thông tin, đạo đức số và trách nhiệm xã hội trong dự án.	Thể hiện đầy đủ, nhất quán và có lập luận rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, pháp luật truyền thông, bản quyền, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, an toàn thông tin, đạo đức số và trách nhiệm xã hội; gắn chặt với từng khâu quản trị dự án.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
-------------------------	-----------------------------	--------------------------	-----------------------------

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ứng dụng đồ họa đa phương tiện**
- Mã học phần: **MMC410**
- Số tín chỉ: **3**
- Cấp đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Nhập môn ngành CNTT**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Công Nghệ Thông Tin**
- Số tín chỉ: **03** ; Số giờ: **150** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **60** Giờ
 - + Giờ giảng: **30** giờ
 - + Thực hành: **30** giờ
 - Giờ kiểm tra: **5** giờ
 - Giờ tự học: **85** giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Vinh**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Công Nghệ Thông Tin – Trường Đại Học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905731070**
- Email: **vinhnq@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Tôn Thất Hoài**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Công Nghệ Thông Tin – Trường Đại Học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918301349**
- Email: **hoaitt@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên năng lực ứng dụng mỹ thuật số vào truyền thông thông qua việc làm chủ bộ ba công cụ chuyên nghiệp của hãng Adobe: xử lý ảnh và thiết kế Web Layout với Photoshop; xây dựng đồ họa vector và Typography nhận diện thương hiệu với Illustrator; thiết kế bố cục lưới và dàn trang tạp chí, Catalogue với InDesign. Thông qua thực hành xưởng và đồ án nhóm, học phần giúp nâng cao tư duy thẩm mỹ, kỹ năng giải quyết bài toán thực tế, đồng thời rèn luyện năng lực làm việc nhóm, phản biện và ý thức tôn trọng bản quyền sở hữu trí tuệ.

4. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu của học phần nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức mỹ thuật đại cương, nguyên lý bố cục và phân cấp thị giác để làm chủ, phối hợp thành thạo bộ ba phần mềm công nghiệp Adobe Photoshop, Illustrator và InDesign. Qua đó, sinh viên phát triển toàn diện kỹ năng thực hành xưởng từ xử lý ảnh chuyên sâu, sáng tạo đồ họa vector truyền thông, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho đến dàn trang ấn phẩm đa trang (tạp chí, Catalogue) đạt chuẩn kỹ thuật in ấn và Web Layout thực tế; đồng thời rèn luyện năng lực làm việc nhóm, tư duy phản biện và ý thức tuân thủ nghiêm túc luật bản quyền sở hữu trí tuệ toàn cầu.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Giải thích được các nguyên lý thị giác, hệ màu sắc kỹ thuật số và quy trình thiết kế, phối hợp các phần mềm đồ họa đa phương tiện để định hình giải pháp bố cục cho ấn phẩm truyền thông	Mức 2 (Hiểu)
CLO2	Sử dụng được các bộ công cụ Adobe Photoshop, Illustrator và InDesign để thực hiện xử lý ảnh chuyên sâu, sáng tạo đồ họa vector, dàn trang đa trang và triển khai hoàn thiện sản phẩm thiết kế 2D/Web Layout đạt chuẩn in ấn thực tế.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
CLO3	Chứng minh được ý thức tổ chức kỷ luật học xưởng, tinh thần chủ động tự học, trách nhiệm phối hợp làm việc nhóm và cam kết tuân thủ nghiêm túc luật bản quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thiết kế truyền thông.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2					X			
CLO3							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Xử lý ảnh với Photoshop
1.1.	Khái niệm về ảnh bitmap và vector
1.2.	Giao diện màn hình
1.3.	Khái niệm về vùng chọn, công cụ chọn
1.4.	Kích thước file
1.5.	Khái niệm layers, chức năng layers
1.6.	Ứng dụng layers
1.7.	Khái niệm, hệ mau, cách tô mau nền và viền.
1.8.	Khái niệm về công cụ vẽ đường path
1.9.	Văn bản trong photoshop
1.10.	Cách tạo văn bản
1.11.	Hiệu ứng chữ
1.12.	Khái niệm, cách thức làm việc với Paste into
1.13.	Khái niệm, cách thức làm việc với Group
1.14.	Khái niệm, cách thức làm việc với mặt nạ
1.15.	Các lệnh liên quan đến hiệu chỉnh sáng tối

Chương	Nội dung
1.16.	Tút chỉnh ảnh
1.17.	Các loại hiệu ứng thông thường
1.18.	Các loại hiệu ứng đặc biệt
1.19.	Ứng dụng
1.20.	Các khái niệm về web layout
1.21.	Cách thiết kế và xuất bản
Chương 2	Thiết kế ấn phẩm với Illustrator
2.1.	Không gian làm việc
2.2.	Thao tác
2.3.	Các Panel
2.4.	Artboard
2.5.	Ractangle, Ellipse, Line, Star...
2.6.	Pentool
2.7.	Giống hàng
2.8.	Khái niệm về sự kết hợp đối tượng
2.9.	Phương pháp và kỹ thuật kết hợp đối tượng
2.10.	Các kỹ thuật chọn
2.11.	Hệ màu, bảng màu
2.12.	Kỹ thuật tô màu
2.13.	Hiệu ứng màu
2.14.	Giới thiệu các kiểu, loại văn bản
2.15.	Chuyển đổi văn bản thành đối tượng

Chương	Nội dung
2.16.	Typography
2.17.	Khái niệm symbol
2.18.	Thư viện
2.19.	Cách tạo và ứng dụng
2.20.	Blend
2.21.	Clipping Mask
2.22.	Perspective
2.23.	Phối hợp với Photoshop
	2.24. Xuất bản ấn phẩm
Chương 3	Kỹ thuật dàn trang với Indesign
3.1.	Giới thiệu tổng quan về dàn trang
3.2.	Làm việc với phần mềm dàn trang InDesign
3.3.	Thiết lập các thông số kỹ thuật
3.4.	Văn bản và hình ảnh
3.5.	Thiết lập tài liệu mới
3.6.	Page
3.7.	Đổ văn bản vào tài liệu
3.8.	Character style
3.9.	Paragraph style
3.10.	Column
3.11.	Text wrap

Chương	Nội dung
3.12.	Hình từ Photoshop Path
3.13.	Master Page
3.14.	Công dụng
3.15.	Cách sử dụng (New, Apply, tạo số trang...)
3.16.	Tách trang bìa
3.17.	Lập Book mới
3.18.	Bố trí tài liệu vào Book
3.19.	Các xử lý quản lý Book
3.20.	Đóng gói báo / tạp chí chuyển nhà in

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	– Sinh viên trực tiếp thực hiện các bài tập thực nghiệm tại lớp về rút chỉnh ảnh studio chân dung, phục chế ảnh cũ và xử lý sắc độ, độ tương phản của ảnh bitmap bằng Photoshop. – Thực hành số hóa, vẽ lại các biểu tượng logo, thiết kế các ấn phẩm quảng cáo độc lập (như Standee, Banner, Poster) theo đúng quy chuẩn kích thước và hệ màu in ấn vector bằng Illustrator.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	– Các nhóm sinh viên nhận chủ đề, thảo luận và lên ý tưởng thiết kế một bộ ấn phẩm nhận diện số toàn diện cho một thương hiệu giả lập: Sử dụng Illustrator để sáng tạo hệ thống Logo/Brand Identity; Sử dụng Photoshop để biên tập bộ ảnh truyền thông sản phẩm và xây dựng bản Web Layout; Sử dụng InDesign để thực hiện bố cục lưới và dàn trang hoàn chỉnh một quyển Catalogue hoặc tạp chí giới thiệu sản phẩm từ 12 trang trở lên đạt chuẩn xuất bản. – Giả lập môi trường làm việc chuyên nghiệp: Các nhóm phân công công việc

	Nội dung
	nội bộ, thiết lập tiến độ thực hiện bài tập, xuất bản file thiết kế đúng định dạng nhà in (Package File) và tổ chức buổi báo cáo thuyết minh, phản biện giải pháp thẩm mỹ trước hội đồng giảng viên.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Chương 1: Xử lý ảnh với Photoshop	6	6	0	18	30
2	Chương 2: Thiết kế ấn phẩm với Illustrator	10	10	1	28	49
3	Chương 3: Kỹ thuật dàn trang với Indesign	14	14	2	39	69
	TỔNG CỘNG	30	30	5	85	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Thảo luận Web Layout (Photoshop): Các nhóm phân tích nguyên lý lưới, phân cấp thị giác và phối màu trên website thực tế. Sản phẩm gồm slide báo cáo và bản phác thảo Wireframe bằng Photoshop.
2. Ý tưởng Nhận diện thương hiệu (Illustrator): Các nhóm thảo luận về hệ màu in ấn (CMYK/Pantone), Typography và kỹ thuật biến đổi khối vector. Sản phẩm gồm bản thiết kế Logo, Standee và Poster truyền thông bằng Illustrator.
3. Cấu trúc lưới và Dàn trang (InDesign): Sinh viên thảo luận giải pháp lập trang Master Page, chia cột layout và định kiểu đoạn văn đồng bộ. Sản phẩm gồm slide báo cáo và bản Demo kỹ thuật đồ văn bản, đóng gói file bằng InDesign.
4. Bảo vệ Đồ án tổng thể (Tích hợp): Các nhóm tổng kết quy trình liên kết dữ liệu giữa 3 phần mềm để giải quyết bài toán thực tế doanh nghiệp. Sản phẩm gồm bài thuyết trình và trọn bộ ấn phẩm nhóm (Identity, Bộ ảnh, Catalogue từ 12 trang).

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Xử lý ảnh với Photoshop	X	X	X
Chương 2: Thiết kế ấn phẩm với Illustrator	X	X	X
Chương 3: Kỹ thuật dàn trang với Indesign	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Dạy học qua dự án
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Thảo luận tình huống và giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng trực quan và thị phạm	X	X	
Dạy học qua dự án (Đồ án nhóm)	X	X	X
Thảo luận tình huống và xử lý lỗi		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thực hành (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận + Vấn đáp	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng và tư chủ, chịu trách nhiệm	Cuối khóa học	Tiểu luận (Hồ sơ đồ án thiết kế tổng thể) + Vấn đáp nhóm (11.3.a)	CLO1: Giải thích được nguyên lý thị giác, hệ màu và bố cục. CLO2: Sử dụng thành thạo Photoshop, Illustrator, InDesign để hoàn thiện bộ ấn phẩm. CLO3: Chứng minh việc tuân thủ nghiêm túc luật bản quyền sở hữu trí tuệ.	Lấy dữ liệu tổng hợp đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO1; CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4 - Tuần 5	Thực hành khách quan trên máy (11.3.b)	CLO1: Giải thích được nền tảng về vùng chọn, ảnh bitmap và vector. CLO2: Kỹ năng xử lý ảnh (Photoshop) và vẽ khối, Typography (Illustrator) trên xướng máy.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Chuyên cần	CLO3	10%	Tự chủ và chịu trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần và thái độ thảo luận (11.3.c)	CLO3: Chủ động học tập, kỷ luật tham gia lớp học xướng và trách nhiệm phối hợp hoạt động nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả Đề thi kết thúc học phần – Tiểu luận và Vấn đáp nhóm (Trọng số 60%)

- Hình thức Sản phẩm hồ sơ kế hoạch dự án nhóm (Tiểu luận) + Vấn đáp bảo vệ.

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1: Quyền báo cáo thuyết minh giải pháp thiết kế, hệ thống bố cục lưới (Grid System) và định hướng nghệ thuật chữ (Typography).	CLO1	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm

Tiêu chí đánh giá sản phẩm và năng lực phản biện	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 2: Kỹ thuật phục chế, xử lý ảnh kỹ thuật số nâng cao và hoàn thiện bản thiết kế giao diện Web Layout bằng công cụ <i>Adobe Photoshop</i> .	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 3: Sáng tạo nghệ thuật hệ thống đồ họa Vector và hoàn thiện thiết kế các ấn phẩm nhân diện thương hiệu độc lập (Logo, Standee, Poster) bằng <i>Adobe Illustrator</i> .	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4: Kỹ thuật làm chủ trang quản trị (Master Page), phân chia cột layout, định dạng Styles đồng bộ và dàn trang hoàn chỉnh ấn phẩm đa trang bằng <i>Adobe InDesign</i> .	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 5: Năng lực báo cáo thuyết trình, phản biện biện luận bảo vệ giải pháp thiết kế cá nhân và ý thức tôn trọng luật bản quyền sở hữu trí tuệ trước Hội đồng.	CLO3	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
TỔNG CỘNG ĐIỂM ĐỒ ÁN VÀ VẤN ĐÁP		1.0 đ	5.0 đ	4.0 đ	10 điểm

b. Ma trận đặc tả Bài kiểm tra quá trình thực hành trên máy (Trọng số 30%)

- Hình thức: Thực hành trực tiếp trên máy tính (Cá nhân).
- Thời gian làm bài: 60 - 90 phút.
- Nội dung kiểm tra: Tổng hợp kỹ năng thực hành, xử lý ảnh, thiết kế vector và kỹ thuật bố cục dàn trang trải dài từ Chương 1 đến Chương 3.

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra thực hành	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Tiêu chí 1 (Chương 1): Khởi tạo tệp tin đúng kích thước; quản lý hệ thống Layers; thực hành kỹ thuật tạo vùng chọn nâng cao và sử dụng mặt nạ (Layer	CLO1, CLO2	1.0	1.0	0.0	2.0 điểm

Nội dung tiêu chí bài kiểm tra thực hành	CLO tương ứng	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Điểm số
Mask) để lồng ghép, bóc tách ảnh bitmap.					
Tiêu chí 2 (Chương 1 & 2): Thực hành các lệnh hiệu chỉnh sắc độ, ánh sáng (Curves/Levels) kết hợp kỹ thuật vẽ Pen Tool tự do và cắt ghép khối vector (Pathfinder) để xử lý dữ liệu đồ họa.	CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
Tiêu chí 3 (Chương 2): Quản lý hệ màu sắc (CMYK/RGB), kỹ thuật tô màu Gradient nâng cao và ứng dụng nghệ thuật chữ (Typography) để hoàn thiện một ấn phẩm truyền thông độc lập trên Adobe Illustrator.	CLO2	0.0	1.0	1.0	2.0 điểm
Tiêu chí 4 (Chương 3): Thiết lập tài liệu đa trang; ứng dụng trang quản trị (Master Page); thực hành chia cột, định kiểu đoạn văn đồng bộ (Paragraph Style) và kiểm soát lỗi liên kết để dàn trang hoàn chỉnh ấn phẩm trên Adobe InDesign.	CLO1, CLO2	0.0	1.0	2.0	3.0 điểm
TỔNG ĐIỂM SỐ BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH QUÁ TRÌNH		1.0 đ	4.0 đ	5.0 đ	10 điểm

11.4. Rubrics định nghĩa mức năng lực học phần

a. Rubric 1: Đánh giá Điểm chuyên cần và Thái độ tự chủ (Trọng số 10% - Đo lường CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Ý thức tổ chức kỷ luật học xướng	Vắng mặt quá quy định (>20% số tiết); thường xuyên đi trễ;	Đi học khá đầy đủ (vắng trong mức cho phép); chấp hành nội	Đi học chuyên cần, đúng giờ; nghiêm túc thực hành các bài tập kỹ thuật số độc lập; chủ động chuẩn bị tài nguyên thiết kế trước khi	Đi học đầy đủ 100%; luôn gương mẫu, tích cực tham gia sửa bài thiết

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	không tuân thủ quy định sử dụng phòng máy hoặc làm việc riêng trong giờ thực hành.	quy xường máy nhưng còn thụ động, ít tương tác bài học.	đến lớp.	kể trên lớp và tuân thủ tuyệt đối mọi quy định học xường.
Trách nhiệm bản quyền và Phối hợp nhóm	Thụ động, đùn đẩy công việc; không hoàn thành phần thiết kế được giao; vi phạm nghiêm trọng đạo đức học thuật (sao chép nguyên văn tác phẩm, dùng ảnh và font chữ lậu).	Hoàn thành sản phẩm ở mức cơ bản nhưng chậm tiến độ; cần nhóm trưởng nhắc nhở liên tục; chưa chủ động kiểm tra bản quyền hình ảnh.	Chủ động phối hợp với các thành viên; đóng góp ý kiến thẩm mỹ có chất lượng; hoàn thành tốt phần việc thiết kế (Logo/Poster/Layout) đúng hạn.	Giữ vai trò nòng cốt dẫn dắt kỹ thuật; hỗ trợ sửa file và đồng bộ workflow cho thành viên khác; hoàn thành xuất sắc sản phẩm vượt tiến độ; kiểm soát bản quyền tuyệt đối.

b. Rubric 2: Đánh giá Bài kiểm tra thực hành quá trình trên máy (Trọng số 30% - Đo lường CLO1, CLO2)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Thao tác công cụ và Xử lý kỹ thuật (Photoshop / Illustrator)	Không khởi tạo được tệp tin đúng chuẩn; không biết tạo vùng	Khởi tạo được tệp tin và Layers đúng yêu cầu; xử lý cắt ghép ảnh bitmap và vẽ	Làm chủ công cụ; rút chỉnh ảnh bitmap sắc nét, mịn màng; vẽ khối vector và Typography sáng tạo; phối màu hài hòa theo đúng hệ màu thiết kế (RGB/CMYK).	Thao tác phần mềm cực kỳ thành thạo và chuẩn xác; ứng dụng nhuần nhuyễn các kỹ thuật nâng cao

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	chọn hoặc quản lý hệ thống Layers lộn xộn; kỹ thuật vẽ khối vector hoàn toàn sai lỗi.	khối vector cơ bản đạt hình thể nhưng đường nét còn thô, thao tác chậm.		(Layer Mask, Pen Tool, Pathfinder); xử lý file đồ họa đạt thẩm mỹ cao.
Kỹ thuật tổ chức Layout và Dàn trang (InDesign)	Không thiết lập được trang Thạc sĩ (Master Page); đồ văn bản bị lỗi tràn khung nghiêm trọng; không biết cách chia cột layout báo chí.	Thiết lập được tài liệu đa trang và chia cột cơ bản nhưng chưa biết cách ứng dụng trang Thạc sĩ tự động; định kiểu chữ (Styles) còn thủ công, rời rạc.	Làm chủ Master Page để tự động đánh số trang; thiết lập và đồng bộ định kiểu Paragraph/Character Style; xử lý text wrap đầy chữ quanh hình khối tốt.	Dàn trang quyền ấn phẩm đạt cấu trúc lưới chặt chẽ, chuyên nghiệp; kiểm soát hoàn hảo các lỗi liên kết hình ảnh; thực hiện đóng gói dữ liệu (Package File) chuẩn xác.

c. Rubric 3: Đánh giá Thi cuối kỳ Tiểu luận & Vấn đáp nhóm (Trọng số 60% - Đo lường CLO1, CLO2, CLO3)

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
Chất lượng sản phẩm Đồ án thiết kế	Bộ ấn phẩm lộn xộn, thiếu các thành phần cốt lõi; sai quy chuẩn in ấn; hình ảnh mờ nhòe, bố cục	Bộ ấn phẩm đầy đủ các thành phần (Identity, Web Layout, Catalogue); kỹ thuật đạt yêu cầu nhưng tính thẩm mỹ dừng lại ở mức mô	Bộ ấn phẩm có cấu trúc bố cục lưới chặt chẽ, chuyên nghiệp; kỹ thuật xử lý ảnh, vector và dàn trang đồng	Sản phẩm đạt chuẩn thương mại doanh nghiệp thực tế; giải pháp mỹ thuật đột phá, sáng tạo; kỹ

Tiêu chí	Mức YẾU (Dưới 5.0)	Mức TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức KHẢ (7.0 - 8.4)	Mức GIỎI (8.5 - 10)
	vỡ; nội dung thiết kế có dấu hiệu sao chép tác phẩm khác.	phóng lý thuyết, chưa sát thực tế.	bộ thông suốt; tính khả thi truyền thông và ứng dụng cao.	thuật hoàn thiện file gốc xuất sắc; tuân thủ luật sở hữu trí tuệ tuyệt đối.
Năng lực thuyết minh & Phản biện vấn đáp	Trình bày lúng túng, không hiểu rõ sản phẩm đồ án của nhóm; không giải trình được các thao tác phần mềm cá nhân; không trả lời được câu hỏi vấn đáp.	Trình bày đủ nội dung nhưng chưa lời cuốn; trả lời được các câu hỏi công cụ cơ bản, còn lúng túng trước câu hỏi tình huống hiệu chỉnh file hoặc xử lý lỗi in ấn.	Diễn đạt tự tin, rõ ràng; phối hợp nhóm tốt; giải trình mạch lạc giải pháp bố cục, hệ màu; trả lời chính xác, đúng trọng tâm câu hỏi chuyên môn của Hội đồng.	Phong cách diễn thuyết chuyên nghiệp, cuốn hút; bảo vệ lập luận ý tưởng thẩm mỹ sắc bén; làm chủ hoàn toàn kỹ thuật phần mềm; thuyết phục hoàn toàn Hội đồng.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc (Giáo trình, bài giảng và tài liệu chính)

- Tài liệu chính (Photoshop): Adobe Creative Team. (2022). Adobe Photoshop Classroom in a Book. Adobe Press.
Tài liệu chính (Illustrator): Adobe Creative Team. (2022). Adobe Illustrator Classroom in a Book. Adobe Press.
- Tài liệu chính (InDesign): Adobe Creative Team. (2022). Adobe InDesign Classroom in a Book. Adobe Press.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyên lý thị giác: Lauer, D A , & Pentak, S (2011). Design Basics (8th ed). Cengage Learning. (Tài liệu hướng dẫn về các nguyên lý bố cục, phân cấp thị giác và nghệ thuật phối hợp màu sắc cơ bản).
- Nghệ thuật chữ ứng dụng: Lupton, E. (2010). Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editors, & Students (2nd ed.). Princeton Architectural Press. (Tài liệu hướng dẫn chuyên sâu về cấu trúc Typography trong truyền thông).

12.3. Công cụ và Hệ thống hỗ trợ thực hành (Bổ sung để đồng bộ với phần thực hành)

Hệ sinh thái phần mềm thiết kế: Adobe Creative Cloud (Photoshop, Illustrator, InDesign).

- Nguồn tài nguyên đồ họa bản quyền số: Adobe Stock, Freepik Premium, Google Fonts (Phục vụ cho hoạt động thực hành và tra cứu font chữ, hình ảnh hợp pháp).

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Lực

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Vinh



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Ứng dụng đồ họa đa phương tiện

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
------------------	-------------------	-------------------	----------------------

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLOs

Học phần: Ứng dụng đồ họa đa phương tiện

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
1	Chất lượng sản phẩm Đồ án thiết kế	60%	CLO1	Bộ án phẩm lớn xon, thiếu các thành phần cốt lõi; sai quy chuẩn in ấn; hình ảnh mờ nhòe, bố cục vỡ; nội dung thiết kế có dấu hiệu sao chép tác phẩm khác.	Bộ án phẩm đầy đủ các thành phần (Identity, Web Layout, Catalogue); kỹ thuật đạt yêu cầu nhưng tính thẩm mỹ dừng lại ở mức mô phỏng lý thuyết, chưa sát thực tế.	Bộ án phẩm có cấu trúc bố cục lưới chặt chẽ, chuyên nghiệp; kỹ thuật xử lý ảnh, vector và dân trang đồng bộ thông suốt; tính khả thi truyền thông và ứng dụng cao.	Sản phẩm đạt chuẩn thương mại doanh nghiệp thực tế; giải pháp mỹ thuật đột phá, sáng tạo; kỹ thuật hoàn thiện file gốc xuất sắc; tuân thủ luật sở hữu trí tuệ tuyệt đối.	
2	Năng lực thuyết minh	40%	CLO2, CLO3	Trình bày lúng túng, không hiệu	Trình bày đủ nội dung nhưng	Diễn đạt tự tin, rõ ràng; phối hợp	Phong cách diễn thuyết	



TT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo	Yếu < 5,0	Trung bình 5,0–6,9	Khá 7,0–8,4	Xuất sắc 8,5–10	Điểm
	& Phản biện vấn đáp			rõ sản phẩm đồ án của nhóm; không giải trình được các thao tác phần mềm cá nhân; không trả lời được câu hỏi vấn đáp.	chưa lời cuốn; trả lời được các câu hỏi công cụ cơ bản, còn lúng túng trước câu hỏi tình huống hiệu chỉnh file hoặc xử lý lỗi in ấn.	nhóm tốt; giải trình mạch lạc giải pháp bố cục, hê màu; trả lời chính xác, đúng trọng tâm câu hỏi chuyên môn của Hội đồng.	chuyên nghiệp, cuốn hút; bảo vệ lập luận ý tưởng thẩm mỹ sắc bén; làm chủ hoàn toàn kỹ thuật phần mềm; thuyết phục hoàn toàn Hội đồng.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Đồ án chuyên ngành Công nghệ truyền thông (Specialized Project in Communication Technology)**
- Mã học phần: MMC426
- Số tín chỉ: 3
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC408, MMC409, MMC410
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 150 giờ, trong đó:
 - + Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp: 15 giờ
 - + Thảo luận nhóm: 15 giờ
 - + Triển khai nghiên cứu và thực hiện sản phẩm: 70 giờ
 - + Theo dõi, kiểm tra và Đánh giá tiến độ: 15 giờ
 - + Tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn: 35 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: thuyntb@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Nguyễn Thùy Trang
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Email: trangdnt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về công nghệ truyền thông; cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các đề án trong thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để lập trình, xây dựng phát triển các ứng dụng về công nghệ thông tin trong lĩnh vực về truyền thông. Giúp sinh viên thực hiện kế hoạch truyền thông, marketing, thiết kế đồ họa, thương mại điện tử, thiết kế nội dung số, đồ họa đa phương tiện, lập trình phát triển sản phẩm đa phương tiện một cách hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học cách tổ chức, quản lý công việc trong lĩnh vực sản xuất truyền thông như sản xuất phim điện ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình, phim quảng cáo, multimedia và các thể loại sản phẩm truyền thông hiện đại khác.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về công nghệ truyền thông, tạo cơ hội tiếp cận và thực hành với các đề án thực tế. Người học sẽ vận dụng hiệu quả các kiến thức chuyên ngành đã được trang bị trong các học phần trước để lập trình, xây dựng và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực truyền thông.

Học phần giúp sinh viên thực hiện các kế hoạch truyền thông, marketing, thiết kế đồ họa, thương mại điện tử, thiết kế nội dung số, đồ họa đa phương tiện, cũng như phát triển các sản phẩm đa phương tiện một cách hiệu quả. Đồng thời, học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng tổ chức, quản lý công việc trong sản xuất truyền thông, bao gồm sản xuất phim điện ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình, phim quảng cáo, multimedia và các sản phẩm truyền thông hiện đại khác.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được yêu cầu và bối cảnh đề án công nghệ truyền thông trong thực tiễn.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Thử nghiệm được mô hình giải pháp trong xây dựng đề án công nghệ truyền thông.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO3	Làm chủ được các kỹ thuật trong sản xuất sản phẩm công nghệ truyền thông theo mô hình đề xuất.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Xây dựng được trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích ứng trong quá trình thực hiện đề án công nghệ truyền thông	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X	X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

Chương	Nội dung
Chương 1.	Đặc tả yêu cầu đồ án
1.1.	Tổng quan
1.2.	Đặc tả yêu cầu đồ án
Chương 2.	Khảo sát thực tế
2.1.	Khảo sát các sự kiện phục vụ đồ án
2.2.	Thu thập thông tin, dữ kiện
Chương 3.	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án
Chương 4.	Triển khai thực hiện đồ án

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Phần/ Chương	Tên chương	Hướng dẫn đồ án	Thảo luận nhóm	Triển khai nghiên cứu	Theo dõi, kiểm tra	Sinh viên tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn	Tổng
Chương 1	Đặc tả yêu cầu đồ án	2	2	5	2	5	16
Chương 2	Khảo sát thực tế	3	3	5	3	10	24
Chương 3	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án	5	5	10	5	10	35
Chương 4	Triển khai thực hiện đồ án	5	5	50	5	10	75
	Tổng	15	15	70	15	35	150

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Đặc tả yêu cầu đồ án	X			
Chương 2. Khảo sát thực tế	X	X		
Chương 3. Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án			X	X
Chương 4. Triển khai thực hiện đồ án			X	X

8. Phương pháp dạy – học:

- Hướng dẫn – theo dõi
- Thực hành chuyên sâu
- Giải quyết vấn đề
- Làm việc nhóm
- Tự học

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy – học

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn – theo dõi	X	X	X	X
Thực hành chuyên sâu		X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Làm việc nhóm		X	X	X
Tự học	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, nghiên cứu
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tuân thủ lộ trình và tiến độ thực hiện đồ án
- Hoàn thành báo cáo đồ án chuyên ngành khi kết thúc học phần.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

10. Thang điểm đánh giá:

Điểm đánh giá đồ án được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá học phần được tổng hợp dựa trên sự đánh giá khách quan giảng viên hướng dẫn.

Hình thức: 100% điểm chấm quyền báo cáo Đồ án và sản phẩm công nghệ truyền thông.

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quyền Báo cáo đồ án	Nội dung (20%) và hình thức (10%)	30%
2	Sản phẩm đồ án	Chủ đề, ý tưởng (15%) Chất lượng kỹ thuật (20%) Tính sáng tạo (15%) Mức độ thu hút khán giả (10%)	60%
3	Quá trình thực hiện	Thái độ hợp tác, trách nhiệm trong dự án	10%

12. Kế hoạch đo CLO

12.1. Kế hoạch đo CLO

Đánh giá người học	CLO	Trọng số (%)	Miền năng lực	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Chất lượng nội dung và hình thức quyền báo cáo	CLO1 CLO2	30%	Nhận thức (Phân tích – Đánh giá)	Tuần cuối	Rubric đánh giá nội dung và hình thức quyền báo cáo	Đánh giá phân tích đề tài, khảo sát, ý tưởng, kịch bản và kế hoạch sản xuất dựa trên yêu cầu đồ án Đánh giá hình thức trình bày
Sản phẩm công nghệ truyền thông	CLO3	60%	Kỹ năng (Phối hợp)	Tuần cuối	Rubric đánh giá sản phẩm công nghệ truyền thông	Đánh giá kết quả thực hiện sản phẩm công nghệ truyền thông theo chuẩn kỹ thuật
Quá trình, quan sát	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm (Tổ chức)	Tuần cuối	Rubric đánh giá quá trình	Đánh giá thái độ hợp tác, trách nhiệm trong dự án
Tổng cộng		100%				

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
CLO1. Phân tích yêu cầu và bối cảnh sản xuất	Phân tích sai/thiếu yêu cầu và bối cảnh không rõ hoặc không liên quan.	Phân tích đúng cơ bản; phân tích còn đơn giản, chưa liên kết chặt giữa yêu cầu và bối cảnh.	Phân tích khá đầy đủ, có liên hệ giữa yêu cầu – bối cảnh.	Phân tích rõ ràng, logic, có hệ thống; liên kết chặt chẽ giữa tất cả yếu tố và bối cảnh thực tế.
CLO2. Thử nghiệm mô hình giải pháp trong xây dựng đồ án công nghệ truyền thông.	Không thử nghiệm được hoặc chọn phương án không phù hợp; kế hoạch thiếu logic	Có thử nghiệm nhưng đơn giản; lựa chọn và mô hình giải pháp chưa dựa rõ trên khảo sát	Thử nghiệm hợp lý, có dựa trên khảo sát; mô hình giải pháp tương đối rõ và khả thi.	Thử nghiệm có tiêu chí rõ ràng; lựa chọn tối ưu dựa trên dữ liệu khảo sát; mô hình giải pháp chi tiết và khả thi cao.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, phân tích logic, có ý tưởng sáng tạo, giải pháp hiệu quả
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, phân tích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong phân tích và đánh giá.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, phân tích thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá Quyền báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Nội dung báo cáo	80%	CLO1 CLO2 CLO3	Phân tích yêu cầu, bối cảnh còn sai hoặc thiếu; mô hình, giải pháp không dựa	Phân tích cơ bản; có khảo sát nhưng chưa rõ; mô hình, giải pháp còn đơn	Phân tích đầy đủ và hợp lý; có sử dụng khảo sát; yêu cầu, bối cảnh, mô hình,	Phân tích rõ ràng, logic; khảo sát đầy đủ; yêu cầu, bối cảnh, mô hình, giải pháp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
			trên khảo sát; thiếu logic giữa các phần.	giản, liên kết chưa chặt.	giải pháp sản xuất khá rõ và khả thi.	sản xuất có cơ sở vững chắc và thuyết phục
Hình thức báo cáo	20%	CLO4	Trình bày không đúng chuẩn, nhiều lỗi định dạng và chính tả	Trình bày tương đối đúng quy cách nhưng chưa đồng nhất	Trình bày rõ ràng, đúng quy định, ít lỗi	Trình bày chuyên nghiệp, khoa học, thẩm mỹ cao

c. Rubric đánh giá Sản phẩm công nghệ truyền thông

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Chủ đề, ý tưởng	20%	CLO2	Ý tưởng mờ nhạt, chưa phù hợp mục tiêu truyền thông	Có ý tưởng nhưng chưa nổi bật hoặc còn rời rạc	Ý tưởng phù hợp, có điểm nhấn	Ý tưởng sáng tạo, độc đáo, truyền tải thông điệp hiệu quả
Chất lượng kỹ thuật	40%	CLO3	Nhiều lỗi kỹ thuật, sản phẩm chưa hoàn thiện	Đáp ứng mức cơ bản, còn lỗi trong triển khai	Sản phẩm hoàn chỉnh, kỹ thuật ổn định	Sản phẩm chất lượng cao, xử lý kỹ thuật chuyên nghiệp
Tính sáng tạo	20%	CLO3	Thiếu sáng tạo, sao chép hoặc ít đổi mới	Có một số yếu tố sáng tạo nhưng chưa rõ nét	Thể hiện được tư duy sáng tạo trong thiết kế và triển khai	Có tính đột phá, sáng tạo nổi bật và khác biệt

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Mức độ thu hút khán giả	20%	CLO3	Ít tạo được sự chú ý hoặc tương tác	Có khả năng thu hút ở mức cơ bản	Thu hút người xem tương đối tốt	Tạo ấn tượng mạnh, khả năng lan tỏa và tương tác cao

c. Rubric đánh giá quá trình thực hiện

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Mức độ tham gia	50%	CLO4	Tham gia rất ít hoặc không đều	Có tham gia nhưng chưa chủ động	Tham gia tích cực	Chủ động, trách nhiệm cao;
Thái độ & Đạo đức nghề nghiệp	50%	CLO4	Thiếu trách nhiệm; phối hợp nhóm kém; không hoàn thành vai trò được giao.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản; phối hợp nhóm ở mức tối thiểu.	Hoàn thành tốt vai trò; phối hợp nhóm hiệu quả; tuân thủ kế hoạch sản xuất.	Hỗ trợ nhóm hiệu quả; phối hợp tốt trong toàn bộ quy trình sản xuất; thể hiện tác phong chuyên nghiệp rõ rệt.

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Tài liệu hướng dẫn thực hiện đề án của Khoa Khoa học xã hội và nhân văn.

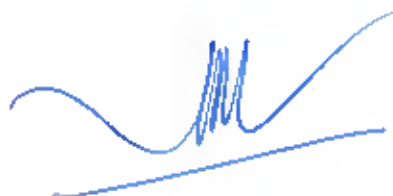
12.2. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2018), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.

2. PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang, (2016), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
3. Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.
4. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông.
5. Philippe Breton và Serge Proulx. (1996). *Bùng nổ truyền thông – sự ra đời một ý thức hệ mới*. Nxb. Văn hóa.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hồng Thủy





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thực tập tốt nghiệp (Internship for Graduation)**
- Mã học phần: **MMC501**
- Số tín chỉ: **5**
- Cấp đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **MMC306**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa KHXH&NV**
- Số tín chỉ: **05** ; Số giờ: **250**

Trong đó:

- + Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp: **05** tiết
- + Thực tập ở cơ sở (gồm cả theo dõi, kiểm tra): **205** tiết
- + Theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực tập: **20** tiết
- + Viết báo cáo thực tập: **20** tiết
- + Tự học: **175** tiết

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Phạm Thị Hồng Thái**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908272840**
- Email: **ThaiPTH@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Thị Lợi**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0984155809**
- Email: **loitt@vhu.edu.vn**



Giảng viên 3:

- Họ và tên: Phạm Quốc Hưng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0938503461
- Email: HungPQ@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm giúp cho sinh viên củng cố, nâng cao kiến thức thực tế sau khi đã học các môn lý thuyết. Vận dụng các kiến thức và hiểu biết về thiết kế một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh, xây dựng dự án và phát triển dự án truyền thông cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, học phần còn trang bị các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc thiết kế để tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh; giúp sinh viên hiểu và tuân thủ những chính sách và pháp luật của Nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội, luật pháp về truyền thông; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề (nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến).

4. Mục tiêu của học phần

Phân tích được yêu cầu thực tế của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng sản phẩm hoặc dự án truyền thông đa phương tiện; hệ thống hóa được các kiến thức đã học về thiết kế, sản xuất nội dung, truyền thông số và quản lý dự án để vận dụng vào bối cảnh nghề nghiệp cụ thể; đánh giá được vai trò của công nghệ hiện đại, các quy định pháp luật, chính sách truyền thông và yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông thực tiễn.

Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thiết kế, xây dựng và phát triển sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh; sử dụng được các công cụ, phần mềm và nền tảng công nghệ hiện đại nhằm tạo ra sản phẩm truyền thông có chất lượng, tính thẩm mỹ và hiệu quả ứng dụng; triển khai dự án truyền thông trong môi trường doanh nghiệp, phối hợp với các bộ phận liên quan và trình bày kết quả thực tập một cách rõ ràng, thuyết phục.

Thể hiện tác phong làm việc nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo và cầu tiến trong môi trường nghề nghiệp; tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, nội quy của đơn vị thực tập và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông; phát huy tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, ý thức hợp tác và thái độ chủ động thích ứng với yêu cầu thực tế của ngành truyền thông đa phương tiện.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Đánh giá được kế hoạch triển khai và quản lý dự án truyền thông đa phương tiện đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường.	Mức 5 (Đánh giá)
CLO2	Sản xuất được sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh thông qua việc sử dụng thành thạo các phần mềm hiện đại và kỹ thuật chuyên ngành.	Mức 6 (Sáng tạo)
CLO3	Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua kỹ năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm hiệu quả	Mức 5 (Phối hợp)
CLO4	Làm chủ được hiệu quả sản phẩm và quy trình thực tập dựa trên các quy định pháp luật, phản hồi thực tế và yêu cầu chuyên môn.	Mức 5 (Phối hợp)
CLO5	Hình thành được đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh thần tự học để thích ứng với sự thay đổi của môi trường truyền thông số.	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X	X						
CLO2			X	X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	
CLO5								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/ mục	Nội dung
Chương 1	Chuẩn bị thực tập và yêu cầu chuẩn đầu ra
1.1.	Những quy định khi đi thực tập: thái độ, nề nếp, chuyên cần, tác phong, bảo mật thông tin, an toàn lao động và trách nhiệm với đơn vị thực tập.

Chương/ mục	Nội dung
1.2.	Kiến thức, kỹ năng cần chuẩn bị trước khi thực tập: giao tiếp nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành, kỹ năng quản lý thời gian và báo cáo công việc.
1.3.	Xác định mục tiêu thực tập cá nhân gắn với chuẩn đầu ra học phần; nhận diện vị trí thực tập, nhiệm vụ chuyên môn và sản phẩm dự kiến.
1.4.	Xây dựng kế hoạch thực tập ban đầu: mục tiêu, nhiệm vụ, timeline, nguồn lực, công cụ/phần mềm sử dụng, minh chứng cần thu thập và rủi ro có thể phát sinh.
1.5.	Hướng dẫn viết nhật ký thực tập, báo cáo thực tập, báo cáo sản phẩm, cách trình bày minh chứng, trích dẫn tài liệu và tuân thủ bản quyền tư liệu.
Chương 2	Hội nhập doanh nghiệp và phân tích bối cảnh truyền thông
2.1.	Tìm hiểu lịch sử hình thành, lĩnh vực hoạt động, sản phẩm/dịch vụ, khách hàng và định hướng phát triển của doanh nghiệp.
2.2.	Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng các bộ phận và quy trình phối hợp trong doanh nghiệp.
2.3.	Tìm hiểu văn hóa doanh nghiệp, quy định nội bộ, quy trình giao tiếp, báo cáo, phê duyệt và lưu trữ dữ liệu trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.
2.4.	Phân tích bối cảnh thị trường, công chúng mục tiêu, kênh truyền thông, đối thủ cạnh tranh và yêu cầu thực tế của doanh nghiệp đối với sản phẩm truyền thông.
2.5.	Tiếp nhận và phân tích brief/nhiệm vụ thực tập; xác định mục tiêu, thông điệp, KPI, tiêu chuẩn chuyên môn và minh chứng đánh giá kết quả.
Chương 3	Lý thuyết nghiệp vụ và công cụ chuyên ngành
3.1.	Nghiệp vụ bộ phận Sự kiện: lập kế hoạch sự kiện, timeline, kịch bản chương trình, nhân sự, hậu cần, truyền thông sự kiện và đánh giá sau sự kiện.
3.2.	Nghiệp vụ bộ phận Truyền thông: xây dựng kế hoạch truyền thông, sáng tạo nội dung, quản trị kênh, viết bài, quản lý lịch đăng tải và theo dõi phản hồi công chúng.

Chương/ mục	Nội dung
3.3.	Nghiep vụ bộ phận Thiết kế & Media: thiết kế ấn phẩm, chụp ảnh, quay dựng video, xử lý hình ảnh, âm thanh, hậu kỳ và tối ưu sản phẩm theo từng nền tảng.
3.4.	Nghiep vụ bộ phận Sale & Marketing: nghiên cứu khách hàng, hỗ trợ bán hàng, chăm sóc khách hàng, triển khai chiến dịch, đo lường hiệu quả và báo cáo kết quả.
3.5.	Nghiep vụ bộ phận Nhân sự và vận hành: hỗ trợ tuyển dụng, truyền thông nội bộ, lưu trữ hồ sơ, phối hợp hành chính và tuân thủ quy trình doanh nghiệp.
3.6	Nghiep vụ các bộ phận dịch vụ bổ sung tùy theo đặc thù đơn vị thực tập: chăm sóc khách hàng, sản xuất nội dung, quản trị dự án, vận hành nền tảng số hoặc dịch vụ truyền thông khác.
3.7	Sử dụng phần mềm, nền tảng và công cụ hiện đại trong công việc: thiết kế, dựng phim, quản lý dự án, quản trị mạng xã hội, phân tích dữ liệu, lưu trữ và cộng tác trực tuyến.
3.8	Nhận diện các quy định pháp luật và chuẩn nghề nghiệp liên quan: bản quyền hình ảnh, âm nhạc, font chữ, dữ liệu cá nhân, quảng cáo, truyền thông số và đạo đức nội dung.
Chương 4	Thực tập nghiệp vụ và sản xuất sản phẩm truyền thông
4.1.	Thực hiện nhiệm vụ thực tập theo vị trí được phân công tại doanh nghiệp; tiếp nhận yêu cầu, trao đổi với người hướng dẫn và xác định sản phẩm đầu ra.
4.2.	Xây dựng kế hoạch triển khai dự án/sản phẩm: mục tiêu, công chúng, thông điệp, nguồn lực, timeline, phân công công việc, chi phí cơ bản, rủi ro và phương án dự phòng.
4.3.	Thực hành nghiệp vụ bộ phận Sự kiện: hỗ trợ lên ý tưởng, lập kịch bản, chuẩn bị vật tư, điều phối nhân sự, truyền thông trước/trong/sau sự kiện và tổng hợp kết quả.
4.4.	Thực hành nghiệp vụ bộ phận Truyền thông: viết nội dung, thiết kế lịch đăng, quản trị kênh, triển khai nội dung social media, theo dõi tương tác và điều chỉnh nội dung theo phản hồi.
4.5	Thực hành nghiệp vụ bộ phận Thiết kế & Media: thiết kế ấn phẩm, chỉnh sửa hình ảnh, quay dựng video, xử lý âm thanh/hình ảnh và hoàn thiện sản phẩm truyền thông theo brief.

Chương/ mục	Nội dung
4.6	Thực hành nghiệp vụ bộ phận Sale & Marketing: hỗ trợ nghiên cứu khách hàng, lập nội dung bán hàng, triển khai hoạt động marketing, chăm sóc khách hàng và tổng hợp số liệu.
4.7	Thực hành nghiệp vụ bộ phận Nhân sự hoặc dịch vụ bổ sung theo phân công: hỗ trợ truyền thông nội bộ, lưu trữ hồ sơ, vận hành dự án, chăm sóc khách hàng hoặc các nhiệm vụ liên quan.
4.8	Giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập: sai lệch timeline, thay đổi brief, lỗi kỹ thuật, thiếu dữ liệu, phản hồi tiêu cực, bất đồng trong nhóm hoặc yêu cầu điều chỉnh từ doanh nghiệp.
4.9	Hoàn thiện sản phẩm truyền thông: bài viết, ấn phẩm thiết kế, video, kế hoạch truyền thông, tài liệu sự kiện, bộ nội dung social media hoặc sản phẩm chuyên môn tương đương theo vị trí thực tập.
Chương 5	Đánh giá kết quả thực tập, báo cáo và phát triển nghề nghiệp
5.1.	Tự đánh giá sản phẩm và quy trình thực tập dựa trên mục tiêu, KPI, yêu cầu chuyên môn, phản hồi của doanh nghiệp và người hướng dẫn.
5.2.	Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi bán giao: lỗi nội dung, lỗi kỹ thuật, lỗi hình ảnh/âm thanh, lỗi định dạng, lỗi thông tin, lỗi chính tả, lỗi pháp lý và bản quyền.
5.3.	Thu thập và hệ thống hóa minh chứng thực tập: nhật ký thực tập, sản phẩm đã thực hiện, bản kế hoạch, báo cáo tiến độ, phản hồi doanh nghiệp, hình ảnh/quy trình làm việc và nhận xét của người hướng dẫn.
5.4.	Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp: giới thiệu doanh nghiệp, mô tả vị trí thực tập, phân tích nhiệm vụ, trình bày sản phẩm, đánh giá kết quả, nêu vấn đề phát sinh và bài học nghề nghiệp.
5.5.	Trình bày/bảo vệ kết quả thực tập; phản hồi câu hỏi, giải thích lựa chọn chuyên môn, đánh giá hiệu quả sản phẩm và đề xuất hướng cải tiến.
5.6	Thực hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bảo mật thông tin, tôn trọng bản quyền và tinh thần tự học để thích ứng với công nghệ mới trong môi trường truyền thông số.

6.2. Thực hành

Số thứ tự	Nội dung
6.2.1	Thực tập cơ sở
	Người học: người học tìm hiểu về sự hình thành phát triển của cơ sở, cơ cấu tổ chức, các lĩnh vực hoạt động, vị trí thực tập, thực hiện kỹ năng nghiệp vụ theo hướng dẫn
6.2.2	Viết báo cáo thực tập
	Người học viết/trình bày báo cáo những nội dung thực tập được hướng dẫn

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 50 giờ)

Chương	Tên chương	Hướng dẫn	Số giờ				
			Thực tập cs	Theo dõi	Viết báo cáo	Tự học	Tổng
Chương 1	Chuẩn bị thực tập và yêu cầu chuẩn đầu ra	5		1	1	0	6
Chương 2	Hội nhập doanh nghiệp và phân tích bối cảnh truyền thông		20	2	2	30	50
Chương 3	Lý thuyết nghiệp vụ và công cụ chuyên ngành		30	5	2	30	70
Chương 4	Thực tập nghiệp vụ và sản xuất sản phẩm truyền thông		130	10	13	85	154
Chương 5	Đánh giá kết quả thực tập, báo cáo và phát triển nghề nghiệp		25	2	2	30	45
Tổng		5	205	20	20	175	425

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Chương 1: Chuẩn bị thực tập và yêu cầu chuẩn đầu ra	X		X	X	X
Chương 2: Hội nhập doanh nghiệp và phân tích bối cảnh truyền thông	X		X	X	X
Chương 3: Lý thuyết nghiệp vụ và công cụ chuyên ngành	X	X	X		X
Chương 4: Thực tập nghiệp vụ và sản xuất sản phẩm truyền thông	X	X	X	X	X
Chương 5: Đánh giá kết quả thực tập, báo cáo và phát triển nghề nghiệp	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Tự học có hướng dẫn
- Thực tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X	X
Thực hành/thực tập	X	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ hướng dẫn và thực tập tại cơ sở (lưu ý, đối với thực tập tại cơ sở sinh viên được vắng nhưng phải xin phép và thực tập bù thời gian đã nghỉ).
- Đọc tài liệu bắt buộc do giảng viên, doanh nghiệp giới thiệu.
- Tuân thủ nghiêm túc nội quy, tác phong doanh nghiệp tại nơi thực tập
- Viết báo cáo và nộp báo cáo thực tập theo yêu cầu.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

Kết quả môn học được tổng hợp từ hai cột điểm chính: Điểm đánh giá quá trình thực tập từ phía Doanh nghiệp (trọng số 40%) và Điểm bài báo cáo thực tập/Tiểu luận (trọng số 60%). Điểm kết thúc học phần cụ thể như sau:

TT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá của Doanh nghiệp (thái độ, trong đó có chuyên cần)	20%
2	Điểm đánh giá của Doanh nghiệp (kiến thức, kỹ năng chuyên môn)	20%
3	Tiểu luận/báo cáo thực tập tốt nghiệp cuối kỳ	60%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch Nhà trường	Báo cáo thực tập	Nội dung báo cáo cuối kỳ gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu về doanh nghiệp/đơn vị thực tập 2. Một số lý thuyết liên quan đến nghiệp vụ được thực tập 3. Các kỹ năng nghiệp vụ được thực tập và bài học kinh nghiệm	→ <i>Rubrics báo cáo thực tập</i>

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						4. Kết luận, đề xuất, kiến nghị liên quan đến đề thực tập 5. Tài liệu tham khảo	
Quá trình	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;	30%	Kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ	Suốt kỳ	Nhận xét, đánh giá của cơ sở	Kiến thức nghiệp vụ được thực tập Kỹ năng nghiệp vụ. Kỹ năng phối hợp và biện luận giữa các thành viên/người hướng dẫn/nhân viên của cơ sở thực tập	→ <i>Rubric nhận xét của Doanh nghiệp</i>
	CLO5	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Đánh giá của cơ sở	Chuyên cần, giao tiếp ứng xử tại cơ sở thực tập	→ <i>Rubrics chuyên cần dành cho Doanh nghiệp</i>

11.3. Công cụ đo CLO

Rubric 1: Đánh giá Thái độ thực tập tại doanh nghiệp (CLO5 trọng số 20%)

Tiêu chí đánh giá	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
1. Chuyên cần và tuân thủ thời gian thực tập	Không đi thực tập hoặc tham gia dưới 30%; tự ý vắng nhiều buổi; không báo cáo lý do với doanh	Đi thực tập kém chuyên cần, dưới 50%; thường xuyên đi muộn, về sớm hoặc	Đi thực tập khá chuyên cần, dưới 70%; có một số lần đi muộn/nghỉ nhưng có thông báo	Đi thực tập chuyên cần, dưới 90%; cơ bản đúng giờ, tuân thủ lịch làm việc, hiếm khi	Đi thực tập đầy đủ, rất chuyên cần, đạt 100%; đúng giờ, chủ động báo lịch, báo cáo khi có thay đổi	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
	nghịệp/giàn g viên.	ngĩ không đúng quy định.	và khắc phục.	phải nhắc nhở.	và hoàn thành thời lượng thực tập.	
2. Thái độ ứng xử và giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp	Ứng xử thiếu chuẩn mực; thiếu tôn trọng người hướng dẫn/đồng nghiệp/khách hàng; gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường làm việc.	Giao tiếp còn thiếu chuyên nghiệp; tiếp nhận góp ý chậm; đôi lúc chưa phù hợp với văn hóa doanh nghiệp.	Ứng xử lịch sự ở mức cơ bản; biết lắng nghe góp ý; giao tiếp được với người hướng dẫn và đồng nghiệp.	Ứng xử chuyên nghiệp; giao tiếp rõ ràng, tôn trọng, hợp tác; tiếp nhận phản hồi tích cực.	Ứng xử mẫu mực; giao tiếp tự tin, nhã nhặn, linh hoạt; tạo thiện cảm và góp phần xây dựng hình ảnh tích cực cho sinh viên/nhà trường.	25%
3. Tinh thần trách nhiệm, chủ động và phối hợp công việc	Thiếu trách nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ được giao; né tránh công việc hoặc làm ảnh hưởng đến tiến độ chung.	Hoàn thành nhiệm vụ ở mức thấp; cần nhắc nhở thường xuyên; phối hợp với nhóm/đồng vị còn hạn chế.	Hoàn thành phần lớn nhiệm vụ được giao; biết phối hợp khi có yêu cầu; cần thêm sự chủ động trong công việc.	Có trách nhiệm, chủ động thực hiện nhiệm vụ; phối hợp tốt với người hướng dẫn và các bộ phận liên quan.	Rất chủ động, có trách nhiệm cao; biết đề xuất giải pháp phù hợp, hỗ trợ nhóm và hoàn thành công việc vượt mức yêu cầu.	25%
4. Tuân thủ nội quy, đạo đức nghề nghiệp và	Vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy định bảo	Có vi phạm nội quy ở mức nhẹ hoặc	Cơ bản tuân thủ nội quy; hiểu yêu cầu bảo	Tuân thủ tốt nội quy, quy trình, yêu cầu bảo mật; có	Tuân thủ rất tốt; thể hiện ý thức đạo đức nghề	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
bảo mật thông tin	mật, đạo đức nghề nghiệp hoặc gây rủi ro cho doanh nghiệp.	chưa nghiêm túc trong việc bảo mật, sử dụng tài sản/công cụ làm việc.	mật và đạo đức nghề nghiệp nhưng đôi lúc cần nhắc nhở.	ý thức giữ gìn hình ảnh cá nhân và đơn vị thực tập.	nghịệp, trách nhiệm xã hội, bảo mật thông tin và tinh thần học hỏi trong môi trường truyền thông số.	

Rubric 2: Đánh giá Kiến thức, kỹ năng thực tập tại Doanh nghiệp (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 - Trọng số 20%)

Tiêu chí/Minh chứng trọng tâm	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
Kế hoạch triển khai và quản lý dự án: phân tích brief/bối cảnh doanh nghiệp, xác định mục tiêu, công chúng, thông điệp, KPI, nguồn lực, timeline, rủi ro và phương án dự phòng.	Không xác định được yêu cầu thực tập/brief; kế hoạch thiếu mục tiêu, timeline, nguồn lực; không có minh chứng hoặc minh chứng rời rạc.	Xác định được một phần yêu cầu nhưng phân tích bối cảnh còn hời hợt; kế hoạch sơ sài, thiếu KPI/rủi ro/phân công; khó áp dụng thực tế.	Lập được kế hoạch cơ bản phù hợp nhiệm vụ; có mục tiêu, timeline, nguồn lực và sản phẩm dự kiến nhưng phân tích thị trường/KPI/rủi ro còn chưa sâu.	Kế hoạch rõ, khả thi, bám yêu cầu doanh nghiệp; phân tích được công chúng, kênh, KPI, nguồn lực, rủi ro; có điều chỉnh khi điều kiện thay đổi.	Đánh giá toàn diện tính khả thi và hiệu quả kế hoạch; lập phương án tối ưu, dự phòng tốt, chứng minh được sự phù hợp với doanh nghiệp và thị trường bằng dữ liệu/minh	20%

Tiêu chí/Minh chứng trọng tâm	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
					chứng thuyết phục.	
Sản xuất sản phẩm truyền thông: sử dụng phần mềm/công cụ hiện đại; thực hiện bài viết, ấn phẩm, video, kế hoạch truyền thông, tài liệu sự kiện hoặc bộ nội dung social media theo brief.	Không hoàn thành sản phẩm hoặc sản phẩm sai brief nghiêm trọng; thao tác công cụ yếu; lỗi kỹ thuật/nội dung nhiều, không thể bàn giao.	Hoàn thành một phần sản phẩm; sử dụng công cụ ở mức tối thiểu; sản phẩm còn nhiều lỗi định dạng, hình ảnh/âm thanh/nội dung và cần hỗ trợ nhiều.	Hoàn thành sản phẩm cơ bản đúng yêu cầu; sử dụng được phần mềm chuyên ngành; chất lượng kỹ thuật đạt mức chấp nhận nhưng tính sáng tạo/tối ưu nền tảng còn hạn chế.	Sản phẩm hoàn chỉnh, đúng brief, có chất lượng kỹ thuật tốt; sử dụng thành thạo công cụ; biết tối ưu nội dung theo kênh/nền tảng và phản hồi từ doanh nghiệp.	Sản phẩm có tính sáng tạo, chuyên nghiệp, có khả năng ứng dụng thực tế cao; làm chủ quy trình sản xuất và hậu kỳ; tối ưu tốt trải nghiệm công chúng, thương hiệu và tiêu chuẩn kỹ thuật.	30%
Làm việc độc lập, phối hợp nhóm và giải quyết vấn đề: giao tiếp nghề nghiệp, báo cáo tiến độ, xử lý thay	Thiếu trách nhiệm, không chủ động; giao tiếp/báo cáo kém; không phối hợp nhóm; không xử lý được vấn	Có tham gia công việc nhưng phụ thuộc nhiều vào hướng dẫn; phối hợp chưa ổn định; xử lý vấn đề	Thực hiện được nhiệm vụ cá nhân và phối hợp nhóm ở mức đạt; báo cáo tiến độ cơ bản;	Chủ động trong công việc, phối hợp hiệu quả; giao tiếp chuyên nghiệp; đề xuất được giải pháp phù hợp	Thể hiện năng lực độc lập và lãnh đạo/điều phối nổi bật; giải quyết vấn đề linh hoạt, có	20%

Tiêu chí/Minh chứng trọng tâm	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	Trọng số
đôi brief, sai lệch timeline, lỗi kỹ thuật, thiếu dữ liệu, phản hồi tiêu cực hoặc xung đột nhóm.	đề phát sinh.	chậm hoặc thiếu căn cứ.	xử lý được một số vấn đề thông thường khi có hướng dẫn.	khi phát sinh vấn đề và đảm bảo tiến độ chung.	căn cứ; tạo ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả nhóm và quy trình làm việc.	
Đánh giá hiệu quả sản phẩm và quy trình thực tập: kiểm tra chất lượng, tuân thủ pháp luật/bản quyền/dữ liệu cá nhân, tiếp nhận phản hồi, thu thập minh chứng, viết báo cáo và đề xuất cải tiến.	Không kiểm soát chất lượng; vi phạm hoặc bỏ qua yêu cầu pháp lý/bản quyền; thiếu nhật ký, báo cáo, minh chứng; không tự đánh giá được kết quả.	Có báo cáo/minh chứng nhưng thiếu hệ thống; kiểm tra chất lượng còn hình thức; nhận diện pháp lý/bản quyền chưa đầy đủ; phản hồi chưa được xử lý hiệu quả.	Thu thập được minh chứng và báo cáo cơ bản; kiểm tra được các lỗi chính; có tiếp nhận phản hồi và nêu bài học nhưng đánh giá hiệu quả còn chung chung.	Hệ thống hóa minh chứng rõ; đánh giá sản phẩm theo mục tiêu/KPI/yêu cầu chuyên môn; tuân thủ pháp luật và bản quyền; sử dụng phản hồi để cải tiến sản phẩm/quy trình.	Làm chủ quy trình đánh giá và cải tiến; chứng minh hiệu quả bằng KPI, phản hồi và minh chứng đầy đủ; nhận diện tốt rủi ro pháp lý/đạo đức; đề xuất cải tiến có giá trị thực tiễn cao.	30%

Rubric 3: Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)
1. Giới thiệu doanh nghiệp/đơn vị thực tập và phân tích bối cảnh truyền thông	15%	CLO 1	Thông tin rất sơ sài hoặc sao chép; không nêu rõ lĩnh vực hoạt động, cơ cấu, sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, vị trí thực tập; thiếu liên hệ với nhiệm vụ thực tập.	Mô tả được một số thông tin cơ bản về đơn vị thực tập nhưng rời rạc; phân tích thị trường, công chúng, kênh truyền thông hoặc yêu cầu doanh nghiệp còn rất hạn chế.	Trình bày tương đối đầy đủ về doanh nghiệp, vị trí thực tập và nhiệm vụ; có nhận diện bối cảnh thị trường/công chúng/kênh truyền thông nhưng phân tích còn chung, minh chứng chưa rõ.	Giới thiệu rõ ràng, có hệ thống; phân tích được bối cảnh doanh nghiệp, công chúng mục tiêu, kênh truyền thông, đối thủ/yêu cầu thực tế; có liên hệ trực tiếp với brief/nhiệm vụ thực tập.	Phân tích sâu và có minh chứng xác thực; đánh giá được yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường; xác định rõ vấn đề truyền thông, mục tiêu, KPI/tiêu chuẩn chuyên môn làm nền tảng cho báo cáo.
2. Cơ sở lý thuyết và nghiệp vụ liên quan đến vị trí thực tập	15%	CLO 1, CLO 2	Thiếu cơ sở lý thuyết hoặc trình bày sai lệch; không liên quan đến vị trí thực tập; không có nguồn tham khảo	Có nêu lý thuyết/nghiệp vụ nhưng còn liệt kê, thiếu chọn lọc; liên hệ với công việc thực tập mờ nhạt;	Trình bày được các lý thuyết/nghiệp vụ cơ bản liên quan như truyền thông, thiết kế/media,	Lựa chọn lý thuyết phù hợp với nghiệp vụ thực tập; giải thích rõ quy trình, công cụ, tiêu chuẩn	Hệ thống hóa lý thuyết chặt chẽ, cập nhật; so sánh/đánh giá được mô hình, quy trình, công cụ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)
			đáng tin cậy.	trích dẫn chưa đúng hoặc thiếu.	sự kiện, marketing, quản trị kênh; có liên hệ bước đầu với nhiệm vụ thực tập.	chuyên môn; biết vận dụng để phân tích hoạt động và sản phẩm đã thực hiện.	chuyên ngành; vận dụng linh hoạt để lý giải quyết định chuyên môn trong báo cáo.
3. Kế hoạch triển khai, quản lý nhiệm vụ và quy trình thực tập	20%	CLO 1	Không trình bày kế hoạch hoặc kế hoạch không khả thi; thiếu mục tiêu, timeline, nguồn lực, phân công, rủi ro; không thể hiện quá trình quản lý công việc.	Có kế hoạch nhưng còn chung chung; timeline, nguồn lực, nhiệm vụ, minh chứng hoặc rủi ro chưa đầy đủ; ít phản ánh việc điều chỉnh theo thực tế.	Xây dựng được kế hoạch thực tập/sản phẩm với mục tiêu, nhiệm vụ, timeline và minh chứng cơ bản; có nêu một số khó khăn nhưng đánh giá hiệu quả còn hạn chế.	Kế hoạch rõ ràng, khả thi; xác định mục tiêu, công chúng, thông điệp, nguồn lực, tiến độ, phân công, rủi ro và phương án dự phòng; có theo dõi, điều chỉnh theo phản hồi doanh nghiệp.	Đánh giá toàn diện kế hoạch và quá trình quản lý dự án; chứng minh được khả năng ra quyết định dựa trên brief, KPI, dữ liệu/phản hồi; đề xuất điều chỉnh hiệu quả, phù hợp thực tế doanh nghiệp và thị trường.

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)
4. Trình bày kỹ năng nghiệp vụ, sản phẩm truyền thông và minh chứng đầu ra	25%	CLO 2	Không mô tả rõ sản phẩm/kỹ năng; thiếu minh chứng; sản phẩm không hoàn chỉnh hoặc không phù hợp brief; không nêu công cụ/phần mềm sử dụng.	Có mô tả công việc/sản phẩm nhưng thiếu quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và minh chứng; sản phẩm còn nhiều lỗi nội dung, kỹ thuật, hình ảnh/âm thanh/định dạng.	Trình bày được kỹ năng nghiệp vụ đã thực hiện và sản phẩm đầu ra; có minh chứng cơ bản; sử dụng được phần mềm/công cụ chuyên ngành nhưng mức độ hoàn thiện và tối ưu còn trung bình.	Mô tả rõ quy trình sản xuất, kỹ thuật và công cụ/phần mềm; sản phẩm tương đối hoàn chỉnh, phù hợp brief/nền tảng; có minh chứng trước-trong-sau, phản hồi và điều chỉnh chất lượng.	Sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh, sáng tạo, có chất lượng chuyên môn cao; chứng minh sử dụng thành thạo công cụ hiện đại và kỹ thuật chuyên ngành; sản phẩm được tối ưu theo nền tảng, mục tiêu và phản hồi thực tế.
5. Bài học kinh nghiệm, kết luận, đề xuất/kiến nghị	15%	CLO 1, CLO 2	Kết luận sơ sài; không rút ra bài học; đề xuất không liên quan hoặc không khả thi; không	Có nêu bài học/đề xuất nhưng chung chung; ít liên hệ với kết quả thực tập,	Rút ra được một số bài học nghề nghiệp và đề xuất cơ bản; có liên hệ với kỹ	Kết luận rõ, phản ánh đúng kết quả đạt được và hạn chế; bài học kinh nghiệm	Tự đánh giá sâu sắc, có tư duy phản biện; đề xuất giải pháp cải tiến có căn cứ từ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)
			phản ánh năng lực tự đánh giá.	sản phẩm hoặc bối cảnh doanh nghiệp.	năng, quy trình và kết quả sản phẩm nhưng phân tích còn chưa sâu.	cụ thể; đề xuất/kiến nghị phù hợp với doanh nghiệp, quy trình và định hướng phát triển nghề nghiệp.	KPI, phản hồi, chất lượng sản phẩm và yêu cầu thị trường; thể hiện định hướng nghề nghiệp rõ ràng.
6. Hình thức trình bày, minh chứng, trích dẫn và tài liệu tham khảo	10%	CLO 1, CLO 2	Báo cáo sai cấu trúc nghiêm trọng; lỗi trình bày/chính tả nhiều; thiếu tài liệu tham khảo; vi phạm hoặc không thể hiện tuân thủ bản quyền/minh chứng.	Cấu trúc chưa ổn định; trình bày thiếu nhất quán; minh chứng và tài liệu tham khảo ít, trích dẫn sai quy cách; còn lỗi chính tả/định dạng.	Báo cáo có đủ các phần chính; trình bày tương đối rõ; có minh chứng và tài liệu tham khảo nhưng chuẩn trích dẫn, phụ lục hoặc chú thích còn chưa đồng bộ.	Bổ cục mạch lạc, đúng cấu trúc; trình bày chuyên nghiệp; minh chứng được hệ thống hóa; trích dẫn và tài liệu tham khảo tương đối đúng; chú ý bản quyền tư liệu.	Báo cáo hoàn thiện về học thuật và hình thức; minh chứng phong phú, sắp xếp khoa học; trích dẫn/tài liệu tham khảo chuẩn, nhất quán; thể hiện rõ ý thức bản quyền, đạo đức nội dung và bảo

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)
							mật thông tin.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1 Tài liệu chính

- Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương, Trần Quang (2011), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. Đại học quốc gia
- Nguyễn Thị Trường Giang, *Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo*, Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, 2011
- Đỗ Thị Thu Hằng chủ biên (2022), *Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông
- Phan Văn Kiên, Phan Quốc Hải, Phạm Chiến Thắng, Nguyễn Đình Hậu (2016), *Một số xu hướng mới của báo chí truyền thông hiện đại*, Nxb Thông tin và truyền thông

12.2 Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hà, *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb ĐHQG TP.HCM, 2012
- Nguyễn Thị Trường Giang, *Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử*, Nxb Chính trị quốc gia, 2016
- Nguyễn Văn Dũng chủ biên, Đỗ Thị Thu Hằng (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông.
- Nguyễn Thị Trường Giang, *Báo chí truyền thông đa phương tiện*, Nxb quốc gia Hà Nội, 2017
- Philippe Breton - Serge Proulx, *Bùng nổ truyền thông, sự ra đời một ý thức hệ mới*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1996
- Tạ Ngọc Tấn, *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Hồng Thái



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đồ án tốt nghiệp đại học Truyền thông đa phương tiện
(**Graduation Project in Multimedia Communication**)
- Mã học phần: MMC502
- Số tín chỉ: 12
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: MMC501, MMC416, MMC426
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 600 giờ, trong đó:
 - + Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp: 15 giờ
 - + Thảo luận nhóm: 25 giờ
 - + Triển khai nghiên cứu và thực hiện sản phẩm: 350 giờ
 - + Theo dõi, kiểm tra và Đánh giá tiến độ: 60 giờ
 - + Tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn: 420 giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thùy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: Thuyntth@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Nguyễn Thùy Trang
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: Trangdnt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn chuyên ngành bắt buộc của khoá học. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng là một dự án có nội dung liên quan đến kiến thức chuyên ngành của khoá học. Việc thực hiện đồ án tốt nghiệp phải theo đúng quy định thông báo của Khoa về thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ đồ án

4. Mục tiêu của học phần

Học phần dành cho sinh viên đã hoàn thành toàn bộ các môn chuyên ngành bắt buộc của khoá học. Sinh viên được yêu cầu thực hiện một đề tài nghiên cứu hoặc dự án liên quan trực tiếp đến kiến thức chuyên sâu của ngành truyền thông đa phương tiện.

Quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Khoa về thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh, các thủ tục bảo vệ đồ án và các yêu cầu khác liên quan. Học phần giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, đồng thời phát triển năng lực tự học, sáng tạo và trình bày khoa học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Đánh giá được bối cảnh, đối tượng truyền thông, nhu cầu và cơ sở lý thuyết phục vụ dự án truyền thông đa phương tiện	Mức 5 (Đánh giá)
CLO2	Phác thảo được ý tưởng, giải pháp và kịch bản triển khai phù hợp với mục tiêu của dự án truyền thông đa phương tiện	Mức 6 (Sáng tạo)
CLO3	Phát triển được sản phẩm truyền thông đa phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, tính sáng tạo và khả năng tiếp cận khán giả	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Xây dựng được trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện	Mức 4 (Tổ chức)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X	X						
CLO2			X	X				

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO3					X	X		
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

Người học hoàn thành báo cáo nội dung đồ án tốt nghiệp gồm các nội dung như sau:

Phần/ Chương	Nội dung
PHẦN I	MỞ ĐẦU
1.	Lý do chọn đề tài
2.	Mục đích nghiên cứu
3.	Đối tượng nghiên cứu
4.	Nhiệm vụ nghiên cứu
5.	Phương pháp nghiên cứu
6.	Kết quả đạt được dự kiến
7.	Kết cấu của Đồ án
PHẦN II	NỘI DUNG
Chương 1.	Giới thiệu chung
1.1.	Khảo sát thực trạng nghiệp vụ
1.2.	Phân tích bối cảnh và nhu cầu
1.3.	Đặc tả yêu cầu đồ án
Chương 2.	Cơ sở lý thuyết
2.1.	Các khái niệm liên quan
2.2.	Các kỹ thuật đặc trưng và cách truyền tải nội dung
2.3.	Xu hướng
Chương 3.	Phân tích và giải pháp
3.1.	Phân tích các phương án thực hiện
3.2.	So sánh và lựa chọn phương án phù hợp
3.3.	Xây dựng kịch bản
Chương 4.	Triển khai đồ án
4.1.	Xác định phong cách

Phần/ Chương	Nội dung
4.2.	Tuyển nhân vật
4.3.	Bối cảnh, đạo cụ
4.4	Kế hoạch thực hiện
4.5.	Quay và dựng
4.6	Chi phí
4.7	Thực hiện truyền thông
PHẦN 3	Kết luận và đề nghị
1	Kết luận và đánh giá
2	Đề nghị hướng phát triển

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Phần/ Chương	Tên chương	Hướng dẫn đồ án	Thảo luận nhóm	Triển khai nghiên cứu	Theo dõi, kiểm tra	Sinh viên tự nghiên cứu, tự học theo hướng dẫn	Tổng
Phần 1	Mở đầu	1	3	10	5	30	49
Phần 2	Nội dung						
Chương 1	Giới thiệu chung	1	5	30	5	50	91
Chương 2	Cơ sở lý thuyết	2	5	40	5	50	102
Chương 3	Phân tích và giải pháp	5	5	60	10	50	130
Chương 4	Triển khai đồ án	5	5	200	30	250	490
Phần 3	Kết luận và đề nghị	1	2	10	5	40	58
	Tổng	15	25	350	60	420	600

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Phần 1: Mở đầu	X			
Phần 2: Nội dung	X			
Chương 1: Giới thiệu chung				
Chương 2: Cơ sở lý thuyết	X	X		
Chương 3: Phân tích và giải pháp		X		
Chương 4: Triển khai đồ án			X	
Phần 3: Kết luận và đề nghị				X

8. Phương pháp dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hướng dẫn – theo dõi
- Thực hành chuyên sâu
- Giải quyết vấn đề
- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn – theo dõi	X	X	X	X
Thực hành chuyên sâu		X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Thuyết trình		X		X
Làm việc nhóm		X	X	X
Tự học	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, nghiên cứu
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tuân thủ lộ trình và tiến độ
- Hoàn thành báo cáo đồ án tốt nghiệp khi kết thúc học phần.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá đồ án được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Đánh giá đồ án TN

- Điểm đánh giá học phần được tổng hợp dựa trên sự đánh giá khách quan từ Hội đồng chấm Đồ án tốt nghiệp.
- Hình thức: 100% điểm chấm quyền báo cáo Đồ án và sản phẩm truyền thông + Bảo vệ trực tiếp trước Hội đồng.
- Trình tự đánh giá: Hội đồng đánh giá: Sinh viên thuyết trình báo cáo đồ án, trình diễn sản phẩm và trả lời các câu hỏi chất vấn đề khẳng định năng lực tổng hợp cuối khóa.

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quyền Báo cáo đồ án	Nội dung (20%) và hình thức (10%)	30%
2	Sản phẩm đồ án	Chủ đề, ý tưởng (15%) Chất lượng kỹ thuật (20%) Tính sáng tạo (15%) Mức độ thu hút khán giả (10%)	60%
3	Trình bày	Thuyết minh và phản biện	10%

11.2. Kế hoạch đo CLO

Đánh giá người học	CLO	Trọng số (%)	Miền năng lực	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Chất lượng nội dung và hình thức quyền báo cáo	CLO1 CLO2	30	Kiến thức (mức 5 – 6)	Tuần cuối	Rubric đánh giá báo cáo	Đánh giá khả năng tổng hợp lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; Đánh giá khả năng xây dựng giải pháp và kịch bản triển khai phù hợp; Đánh giá hình thức quyền báo cáo

Dánh giá người học	CLO	Trọng số (%)	Miền năng lực	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Sản phẩm thực tế	CLO3	60	Kỹ năng (mức 4)	Tuần cuối	Rubric đánh giá sản phẩm thực tế	Đánh giá năng lực triển khai sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện
Thuyết minh và phân biện trước hội đồng	CLO4	10	Tự chủ và trách nhiệm (mức 4)	Tuần cuối	Phiếu đánh giá thuyết trình và trả lời câu hỏi	Đánh giá phong thái, lập luận bảo vệ và đạo đức nghề nghiệp
Tổng cộng		100				

11.3. Công cụ đo CLO: Công cụ đo CLOs môn học (Rubric chi tiết):

a. Ma trận đặc tả

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Chất lượng nội dung và hình thức quyền báo cáo (30%)	Đánh giá bối cảnh, cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, xây dựng giải pháp và kịch bản, hình thức trình bày	CLO1 CLO2	Mức 5 – 6 Đánh giá – Sáng tạo	Rubric đánh giá quyền báo cáo đồ án	Quyển báo cáo hoàn chỉnh
Sản phẩm thực tế (60%)	Ý tưởng, kỹ thuật sản xuất, tính sáng tạo và khả năng tiếp cận khán giả của sản phẩm đa phương tiện	CLO3	Mức 4 - Phối hợp	Rubric đánh giá sản phẩm truyền thông đa phương tiện	Sản phẩm đa phương tiện hoàn chỉnh

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Mức độ (Bloom)	Công cụ đo	Minh chứng
Thuyết minh và phân biện trước hội đồng (10%)	Trình bày ý tưởng, giải thích quy trình thực hiện, phân biện và đề xuất phát triển sản phẩm	CLO4	Mức 4 - Tổ chức	Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện	Video/thuyết trình, biên bản nhận xét hội đồng

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
CLO1. Đánh giá được bối cảnh, đối tượng truyền thông, nhu cầu và cơ sở lý thuyết phục vụ dự án truyền thông đa phương tiện	Chưa đánh giá được vấn đề và cơ sở lý thuyết liên quan	Đánh giá được bối cảnh và nhu cầu cơ bản nhưng còn hạn chế	Đánh giá khá đầy đủ bối cảnh, đối tượng và vận dụng được lý thuyết phù hợp	Đánh giá sâu, logic, vận dụng linh hoạt cơ sở lý thuyết vào dự án
CLO2. Phác thảo được ý tưởng, giải pháp và kịch bản triển khai phù hợp với mục tiêu của dự án truyền thông đa phương tiện	Phác thảo ý tưởng và kịch bản chưa rõ ràng, khó triển khai	Có phác thảo ý tưởng và giải pháp cơ bản nhưng tính khả thi chưa cao	Phác thảo được ý tưởng, giải pháp và kịch bản phù hợp, có khả năng triển khai	Phác thảo ý tưởng sáng tạo, giải pháp hiệu quả và kịch bản triển khai chặt chẽ

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, phân tích logic, có ý tưởng sáng tạo, giải pháp hiệu quả
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, phân tích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, phân tích thiếu chính xác.

b. Rubric đánh giá Quyền báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Tính khoa học và Phương pháp	40%	CLO1 (mức 5)	Nội dung rời rạc, không có phương pháp nghiên cứu rõ ràng. Vi phạm đạo văn > 20%	Trình bày đủ các chương nhưng tính liên kết yếu. Phương pháp nghiên cứu còn máy móc.	Cấu trúc chặt chẽ, logic. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp. Trích dẫn đúng chuẩn.	Lập luận sắc sảo, có tính sáng tạo cao. Phân tích sâu sắc và có đóng góp mới về mặt học thuật
Khả năng xây dựng giải pháp và kịch bản triển khai phù hợp	40%	CLO2 (mức 6)	Giải pháp và kịch bản sai kiến thức căn bản	Giải pháp và kịch bản ở mức đầy đủ nhưng chưa tối ưu, còn nhiều lỗi nhỏ.	Thiết kế giải pháp, kịch bản khoa học, đúng tiêu chuẩn chuyên ngành, có tính khả thi cao.	Giải pháp tối ưu, chuyên nghiệp. Thể hiện tư duy sáng tạo vượt trội
Hình thức báo cáo	20%	CLO1 CLO2 (mức 5 - 6)	Trình bày thiếu chuẩn, nhiều lỗi định dạng và chính tả	Trình bày tương đối đúng quy cách nhưng chưa đồng nhất	Trình bày rõ ràng, đúng quy định, ít lỗi	Trình bày chuyên nghiệp, khoa học, thẩm mỹ cao

c. Rubric đánh giá Sản phẩm truyền thông đa phương tiện

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Chủ đề, ý tưởng	20%	CLO2	Ý tưởng mờ nhạt, chưa phù	Có ý tưởng nhưng chưa nổi	Ý tưởng phù hợp,	Ý tưởng sáng tạo, độc đáo,

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
			hợp mục tiêu truyền thông	bật hoặc còn rời rạc	có điểm nhấn	truyền tải thông điệp hiệu quả
Chất lượng kỹ thuật	40%	CLO3	Nhiều lỗi kỹ thuật, sản phẩm chưa hoàn thiện	Đáp ứng mức cơ bản, còn lỗi trong triển khai	Sản phẩm hoàn chỉnh, kỹ thuật ổn định	Sản phẩm chất lượng cao, xử lý kỹ thuật chuyên nghiệp
Tính sáng tạo	20%	CLO3	Thiếu sáng tạo, sao chép hoặc ít đổi mới	Có một số yếu tố sáng tạo nhưng chưa rõ nét	Thể hiện được tư duy sáng tạo trong thiết kế và triển khai	Có tính đột phá, sáng tạo nổi bật và khác biệt
Mức độ thu hút khán giả	20%	CLO3	Ít tạo được sự chú ý hoặc tương tác	Có khả năng thu hút ở mức cơ bản	Thu hút người xem tương đối tốt	Tạo ấn tượng mạnh, khả năng lan tỏa và tương tác cao

d. Rubric đánh giá Thuyết trình và Phản biện

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
Kỹ năng thuyết trình & Phản biện	50%	CLO4	Không trình bày rõ ràng đề tài; không trả lời được các câu hỏi chất vấn	Trình bày còn lúng túng; trả lời được các câu hỏi cơ bản nhưng thiếu sức thuyết phục	Phong thái tự tin, trình bày logic. Phản biện tốt các vấn đề chuyên môn từ Hội đồng	Làm chủ buổi bảo vệ; lập luận sắc sảo, thuyết phục hoàn toàn Hội đồng

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 – 6.4	Khá (Đạt) 6.5 – 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 – 10
						chuyên môn.
Trách nhiệm & Đạo đức nghề nghiệp	50%	CLO4	Thiếu trách nhiệm; không tuân thủ quy định bảo vệ hoặc gian lận kết quả.	Có trách nhiệm nhưng chưa thể hiện rõ sự đầu tư tâm huyết vào đề tài.	Nhận thức rõ trách nhiệm nghề nghiệp, trung thực trong nghiên cứu.	Nhận thức sâu sắc về đạo đức và trách nhiệm xã hội. Thể hiện sự say mê, tâm huyết vượt trội.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu bắt buộc

- Bài giảng của giảng viên

13.2. Tài liệu tham khảo

- PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông
- Bùi Văn Quang (2018), *Quản trị Thương hiệu – Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb. Lao động Xã hội.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Kiều Vân

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thùy